



CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VIỆT THÁI AN

Lô C1, đường số 8, KCN Hòa Bình, xã Thủ Thừa, Tỉnh Tây Ninh
Tel: 0272 3 614 018 Fax: 0272 3 614 017
Web: www.vietthaian.com.vn Email: info@vietthaian.com.vn

HỒ SƠ NGUYÊN VẬT LIỆU ĐẦU VÀO



DANH MỤC HỒ SƠ

1. Giấy chứng chỉ & Chứng nhận cọc bê tông ly tâm DUL trước
2. Kết quả thử nghiệm cấp phối bê tông
3. Xi măng
 - 3.1. Giấy chứng nhận, hợp đồng
 - 3.2. Kết quả thử nghiệm xi măng
4. Cốt liệu nhỏ
 - 4.1. Giấy chứng nhận, hợp đồng
 - 4.2. Kết quả thử nghiệm cốt liệu nhỏ
5. Cốt liệu lớn
 - 5.1. Giấy chứng nhận, hợp đồng
 - 5.2. Kết quả thử nghiệm cốt liệu lớn
6. Phụ gia
 - 6.1. Giấy chứng nhận, hợp đồng
 - 6.2. Kết quả thử nghiệm phụ gia
7. Kết quả thử nghiệm nước
8. Thép
 - 8.1. Giấy chứng nhận, hợp đồng
 - 8.2. Kết quả thử nghiệm thép
9. Kết quả thử nghiệm uốn cọc



1. Giấy chứng chỉ & Chứng nhận cọc bê tông ly tâm DU'L trước

CHỨNG CHỈ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Số: HCM-00053691

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 503/QĐ-SXD-QLNGĐXD ngày 26/4/2021)

Tên tổ chức: **CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VIỆT THÁI AN**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 1101889877

Ngày cấp: Đăng ký cấp lần đầu ngày 07/8/2018, thay đổi lần thứ 2 ngày 25/01/2019;

Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An;

Tên người đại diện theo pháp luật:

Ông/Bà: **Nguyễn Đình Dũng**

Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ trụ sở chính: Lô C1 đường số 8, Khu công nghiệp Hòa Bình, xã Nhị Thành, huyện Thủ Thừa, Tỉnh Long An

Số điện thoại:

Số fax:

Email:

Website:

Phạm vi hoạt động xây dựng:

1. Thi công công tác xây dựng công trình dân dụng; nhà công nghiệp; hạ tầng kỹ thuật; giao thông (cầu): Hạng III;
2. Thi công công tác xây dựng chuyên biệt (cọc; gia cố, xử lý nền móng, kết cấu công trình; kết cấu ứng suất trước; kết cấu bao che, mặt dựng công trình) công trình dân dụng; nhà công nghiệp; hạ tầng kỹ thuật; giao thông (cầu): Hạng III;
3. Tư vấn giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng; công nghiệp: Hạng III.

Chứng chỉ này có giá trị đến hết ngày: 26/4/2031./.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 4 năm 2021





ISO CERT

Hài Hòa Cùng Thịnh Vượng

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số 9199301106381-QMS

CHỨNG NHẬN HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CỦA CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VIỆT THÁI AN

Trụ sở chính và Nhà máy: Lô C1 đường số 8, Khu công nghiệp Hòa Bình, Xã Thủ Thừa, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

Được đánh giá và xác nhận phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn:

ISO 9001:2015

PHẠM VI CHỨNG NHẬN:

SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH CỌC BÊ TÔNG LY TÂM PC, PHC.

Ngày chứng nhận	: 06.05.2026
Ngày phát hành	: 06.05.2026
Ngày hết hạn	: 05.05.2029
Chi tiết tại quyết định số	: 060526.16/QĐ-ISO CERT



Mã Truy Xuất Chứng Chỉ:
9199301106381



VICAS 067-QMS



ISO 9001:2015



ThS. Vũ Văn Thao

Tra cứu hiệu lực chứng chỉ tại: <https://isocert.org.vn/tra-cuu-chung-chi-iso>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH QUỐC TẾ ISO CERT

Số 40 dãy A, Lô 12 KĐT mới Định Công, Phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội

Hotline: 1900.636.538, VPHN: 02473.036.538, VPHCM: 02873.056.538, Email: contacts@isocert.org.vn, Website: <http://isocert.org.vn>



ISOCERT

Harmonization And Prosperity

CERTIFICATE

No. 9199301106381-QMS

THIS IS TO CERTIFY THAT THE QUALITY MANAGEMENT SYSTEM OF

VIET THAI AN INVESTMENT CO., LTD

Head office and Factory: Lot C1, Road No. 8, Hoa Binh Industrial Park, Thu Thua Commune,
Tay Ninh Province, Vietnam.

Has been assessed and found to conform with requirements of the following standard:

ISO 9001:2015

SCOPE CERTIFIED:

MANUFACTURING AND TRADING OF PC AND PHC CENTRIFUGAL CONCRETE PILES.

Certification date	: 06.May.2026
Issue date	: 06.May.2026
Expiration date	: 05.May.2029
Details in decision No.	: 060526.16/QD-ISOCERT



Retrieval Information Code:
9199301106381



VICAS 067-QMS



ISO 9001:2015



MSc. Vu Van Thao

Ký bởi: Vũ Văn Thao
Chức vụ: Giám đốc
Ngày ký: 06/05/2026 20:15:27
Tổ chức xác thực: VNPT
SmartCA RS

Check the validity of the certificate: <https://isocert.org.vn/tra-cuu-chung-chi-iso>

ISOCERT INTERNATIONAL CERTIFICATION AND INSPECTION JOINT STOCK COMPANY

No.40 A Row, Block 12, Dinh Cong New Urban Area, Phuong Liet Ward, Hanoi

Hotline: 1900.636.538, **Hanoi office:** 02473.036.538, **HCM office:** 02873.056.538, **Email:** contacts@isocert.org.vn, **Website:** <http://isocert.org.vn>

Số: 060526.16/QĐ-ISOCERT
v/v cấp giấy chứng nhận phù hợp
tiêu chuẩn

Hà Nội, ngày 06 tháng 05 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp Giấy chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001:2015

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH QUỐC TẾ ISOCERT

Căn cứ giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động số 4394/TĐC- HCHQ ngày 28/12/2023 của Tổng Cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng;

Căn cứ Quyết định số 1927/QĐ-VPCNCLQG ngày 16 tháng 07 năm 2025 của Văn phòng Công nhận Chất lượng Quốc gia về việc công nhận tổ chức chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng;

Căn cứ vào quy định về đánh giá HTQL của Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định Quốc tế ISOCERT;

Căn cứ vào báo cáo kết quả của Đoàn chuyên gia đánh giá và kết quả thẩm xét hồ sơ chứng nhận;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 cho **Công ty TNHH Đầu tư Việt Thái An** có địa chỉ Trụ sở chính và Nhà máy tại: Lô C1 đường số 8, Khu công nghiệp Hòa Bình, Xã Thủ Thừa, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam trong lĩnh vực hoạt động: Sản xuất và kinh doanh cọc bê tông ly tâm PC, PHC.

Điều 2. Giấy chứng nhận này có hiệu lực trong thời gian 03 năm kể từ ngày 06 tháng 05 năm 2026 đến ngày 05 tháng 05 năm 2029.

Trong thời gian hiệu lực của Giấy chứng nhận, **Công ty TNHH Đầu tư Việt Thái An** được phép sử dụng Giấy chứng nhận số **9199301106381-QMS** và được sử dụng dấu chứng nhận của ISOCERT cho lĩnh vực hoạt động nêu trên.

Điều 3. Công ty TNHH Đầu tư Việt Thái An có trách nhiệm duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và được ISOCERT đánh giá giám sát định kỳ 1 năm/1 lần, tổng cộng 02 lần trong 03 năm./.

Nơi nhận:

- Như trên;
 - Lưu hồ sơ chứng nhận.
- Fax: EMS: Mail:



Ký bởi: Vũ Văn Thao
Chức vụ: Giám đốc
Ngày ký: 06/05/2026 20:15:55
Tổ chức xác thực: VNPT
SmartCA RS

Vũ Văn Thao

*Lưu ý: - Quyết định này có giá trị 01 (một) năm kể từ ngày ký.

- Công ty TNHH Đầu tư Việt Thái An phải đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về sản phẩm, dịch vụ khi cung cấp ra thị trường.





ISO CERT
Hài Hòa Cùng Thịnh Vượng

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số 9199301106381-PRO

CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM:
CỌC BÊ TÔNG LY TÂM ỨNG LỰC TRƯỚC.

(Chi tiết tại phụ lục đính kèm)

NHÂN HIỆU:



ĐƯỢC SẢN XUẤT TẠI:

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VIỆT THÁI AN

Trụ sở chính và Nhà máy: Lô C1 đường số 8, Khu công nghiệp Hòa Bình, Xã Thủ Thừa, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

Được đánh giá và xác nhận phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn:

TCVN 7888:2014

Phương thức chứng nhận: Phương thức 5 - Thông tư 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012
và Thông tư 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/03/2017.

Ngày chứng nhận	: 14.05.2026
Ngày phát hành	: 14.05.2026
Ngày hết hạn	: 13.05.2029
Chi tiết tại quyết định số	: 140526.01/QĐ-ISO CERT



Mã Truy Xuất Chứng Chỉ:
9199301106381



ISO CERT
TCVN 7888:2014



ThS. Vũ Văn Thao

Tra cứu hiệu lực chứng chỉ tại: <https://isocert.org.vn/tra-cuu-chung-chi-iso>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH QUỐC TẾ ISO CERT

Số 40 dãy A, Lô 12 KĐT mới Định Công, Phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội

Hotline: 1900.636.538, VPHN: 02473.036.538, VP HCM: 02873.056.538, Email: contacts@isocert.org.vn, Website: <http://isocert.org.vn>



ISOCERT
Harmonization And Prosperity

CERTIFICATE

No. 9199301106381-PRO

PRODUCT CERTIFICATE:
PRESTRESSED CENTRIFUGAL CONCRETE PILES.

(Details in the attached appendix)

BRAND:



PRODUCED AT:

VIET THAI AN INVESTMENT CO., LTD

Head office and Factory: Lot C1, Road No. 8, Hoa Binh Industrial Park, Thu Thua Commune,
Tay Ninh Province, Vietnam.

Has been assessed and found to conform with requirements of the following standard:

TCVN 7888:2014

Mode of certification: Method 5 - Circular 28/2012/TT-BKHHCN date 12/12/2012
and Circular 02/2017/TT-BKHHCN date 31/03/2017.

Certification date	: 14.May.2026
Issue date	: 14.May.2026
Expiration date	: 13.May.2029
Details in decision No.	: 140526.01/QD-ISOCERT



Retrieval Information Code:
9199301106381



ISOCERT
TCVN 7888:2014



MSc. Vu Van Thao

Check the validity of the certificate: <https://isocert.org.vn/tra-cuu-chung-chi-iso>

ISOCERT INTERNATIONAL CERTIFICATION AND INSPECTION JOINT STOCK COMPANY

No.40 A Row, Block 12, Dinh Cong New Urban Area, Phuong Liet Ward, Hanoi

Hotline: 1900.636.538, **Hanoi office:** 02473.036.538, **HCM office:** 02873.056.538, **Email:** contacts@isocert.org.vn, **Website:** <http://isocert.org.vn>

Số: 140526.01/QĐ-ISOCERT
v/v cấp giấy chứng nhận phù hợp
tiêu chuẩn

Hà Nội, ngày 14 tháng 05 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp Giấy chứng nhận Hợp chuẩn

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH QUỐC TẾ ISOCERT

Căn cứ giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động số 308/CNĐKCN-BXD ngày 29/11/2023 của Bộ xây dựng;
Căn cứ vào quy định về đánh giá chứng nhận sản phẩm của Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định
Quốc tế ISOCERT;

Căn cứ vào báo cáo kết quả của Đoàn chuyên gia đánh giá và kết quả thẩm xét hồ sơ chứng nhận;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy chứng nhận Hợp chuẩn theo tiêu chuẩn TCVN 7888:2014 chứng nhận sản phẩm: Cọc bê tông ly tâm ứng lực trước (Chi tiết tại phụ lục đính kèm) cho Công ty TNHH Đầu tư Việt Thái An có địa chỉ Trụ sở chính và Nhà máy tại: Lô C1 đường số 8, Khu công nghiệp Hòa Bình, Xã Thủ Thừa, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

Điều 2. Giấy chứng nhận này có hiệu lực trong thời gian 03 năm kể từ ngày 14 tháng 05 năm 2026 đến ngày 13 tháng 05 năm 2029.

Trong thời gian hiệu lực của Giấy chứng nhận, Công ty TNHH Đầu tư Việt Thái An được phép sử dụng Giấy chứng nhận số 9199301106381-PRO và được sử dụng dấu chứng nhận của ISOCERT cho lĩnh vực hoạt động nêu trên.

Điều 3. Công ty TNHH Đầu tư Việt Thái An có trách nhiệm thực hiện và duy trì chứng nhận theo tiêu chuẩn TCVN 7888:2014 và được ISOCERT đánh giá giám sát định kỳ 1 năm/1 lần, tổng cộng 02 lần trong 03 năm./.

Nơi nhận:

- Như trên;
 - Lưu hồ sơ chứng nhận.
- Fax: EMS: Mail:



Vũ Văn Thảo

*Lưu ý: - Quyết định này có giá trị 01 (một) năm kể từ ngày ký.

- Công ty TNHH Đầu tư Việt Thái An phải đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về sản phẩm, dịch vụ khi cung cấp ra thị trường.



ISOCERT - HÀI HÒA CÙNG THỊNH VƯỢNG

Trụ sở chính: Số 40 dãy A lô 12, KĐT mới Định Công, Phường Phương Liệt, Hà Nội
0976 389 199 contacts@isocert.org.vn isocert.org.vn

QF-08-14

Rev.: 01/07/2025

Trang: 1/1

PHỤ LỤC CHỨNG NHẬN

(Kèm theo quyết định số 140526.01/QĐ-ISOCERT ngày 14 tháng 05 năm 2026)

I. Tên tổ chức chứng nhận: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VIỆT THÁI AN

II. Số hiệu chứng nhận: 9199301106381-PRO

III. Địa chỉ được chứng nhận:

Trụ sở chính và Nhà máy: Lô C1 đường số 8, Khu công nghiệp Hòa Bình, Xã Thủ Thừa, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.


IV. Chuẩn mực chứng nhận:

TCVN 7888:2014

V. Phạm vi chứng nhận:

CỌC BÊ TÔNG LY TÂM ỨNG LỰC TRƯỚC

VI. Danh mục sản phẩm:

STT	Tên sản phẩm	Kiểu loại	Cấp tải	Đường kính (mm)	Nhãn hiệu
1	Cọc bê tông ly tâm ứng lực trước	PC	A	300	 mang đến giá trị thật
2		PC	A	350	
3		PC	A	400	
4		PC	A	500	
5		PC	AB	300	
6		PC	AB	400	
7		PC	AB	500	
8		PC	B	300	
9		PC	B	350	
10		PC	B	400	
11		PC	B	500	
12		PC	C	300	
13		PC	C	350	
14		PC	C	400	
15		PC	C	500	
16		PHC	A	300	
17		PHC	A	350	
18		PHC	A	400	
19		PHC	A	500	
20		PHC	AB	300	
21		PHC	AB	400	
22		PHC	AB	500	



ISOCERT - HÀI HÒA CÙNG THỊNH VƯỢNG

Trụ sở chính: Số 40 dãy A lô 12, KĐT mới Định Công, Phường Phương Liệt, Hà Nội
☎ 0976 389 199 ✉ contacts@isocert.org.vn 🌐 isocert.org.vn 📱

QF-08-15

Rev.: 01/07/2025

Trang: 1/2



STT	Tên sản phẩm	Kiểu loại	Cấp tải	Đường kính (mm)	Nhãn hiệu
23		PHC	B	300	
24		PHC	B	350	
25		PHC	B	400	
26		PHC	B	500	
27		PHC	C	300	
28		PHC	C	350	
29		PHC	C	400	
30		PHC	C	500	





2. Kết quả thử nghiệm cấp phối bê tông



LAS - XD 265

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG HÒA BÌNH
PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG**Văn phòng GD: 964/1 Lò Gốm - Phường Bình Tiên - Tp. Hồ Chí Minh
Văn phòng GD và TN: 161B/81/2A Lạc Long Quân - Phường Bình Thới - Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại/Hotline: 0933137166
Email: Hoabinhlas265@gmail.com

Số: 12/01/26-1a/KQTN

Phiếu YCTN số: 020126-9a

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Trang: 1/2

THIẾT KẾ CẤP PHỐI BÊ TÔNG XI MĂNG

Tên mẫu : Thiết kế cấp phối bê tông xi măng 80MPa-R7, Sn=4±2cm

Hạng mục : Kiểm tra vật liệu đầu vào cọc bê tông ly tâm dự ứng lực

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VIỆT THÁI AN

Phương pháp TN : TCVN 5574:2018; TCVN 3105:2022; TCVN3106: 2022; TCVN 3118:2022

Ngày nhận mẫu: 02/01/2026

Ngày thí nghiệm : 02/01/2026-> 12/01/2026

I. TỶ LỆ CẤP PHỐI BÊ TÔNG

STT	Vật liệu sử dụng	Nguồn gốc vật liệu	Đơn vị tính	Lượng vật liệu cho 1m ³ bê tông	Thể tích (m ³)	Tỷ lệ phối hợp theo trọng lượng XM(%)	Ghi chú
1	Cát sông	Campuchia	Kg	582,0	0,423	1,21	
2	Cát nghiền	Ninh Thuận	Kg	280,0	0,197	0,58	
3	Đá 5x20(mm)	Bà Rịa - Vũng Tàu	Kg	1185,0	0,834	2,47	
4	Xi măng	Chinfon - PC50	Kg	480,0	0,154	1,00	
5	Nước	Thủy cục	Lít	80,0	0,080	0,17	
6	Phụ gia	MC PowerFlow 3766	Lít	4,80	0,0048	0,010	

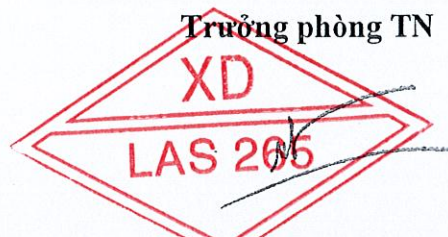
TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 01 năm 2026

CTY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG HOÀ BÌNH

Thí nghiệm viên

Nguyễn Trọng Thái

Trưởng phòng TN



K.S Bùi Minh Tân



Nguyễn Việt Chánh

Ghi chú :

Mẫu do khách hàng mang đến tại phòng thí nghiệm

Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử, PTN không lưu mẫu

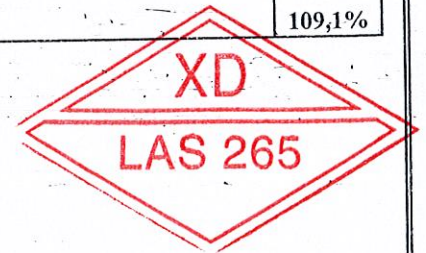
Số/Ref:...../KQTN

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM TEST REPORT

Trang/Page:.....

II. THÍ NGHIỆM NÉN XÁC ĐỊNH CƯỜNG ĐỘ BÊ TÔNG

STT	Tên mẫu	Ngày đúc mẫu	Ngày nén mẫu	Tuổi mẫu	Kích thước mẫu thử		Tải trọng phá hoại	Cường độ chịu nén	
					Đường kính	Cao		Từng viên	T.Bình
No	Name of sample	Date cast	Date test	Age of sample	Dimensions		Max load	Compressive strength	
				(days)	Diameter	Height		Details	Average
								(KN)	MPa
Mẫu thử cấp phối 80MPa.R7 (Sn = 40 ± 20mm)									
	Viên 1/Cube 1	05/01/2026	12/01/2026	7	150	300	1541,3	87,3	87,3
	Viên 2/Cube 2				150	300	1537,5	87,0	
	Viên 3/Cube 3				150	300	1545,1	87,5	
% so với yêu cầu 80 Mpa									109,1%





CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG HÒA BÌNH
PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG
 Văn phòng GD: 964/1 Lò Gốm - Phường Bình Tiên - Tp. Hồ Chí Minh
 Văn phòng GD và TN: 161B/81/2A Lạc Long Quân - Phường Bình Thới - Tp. Hồ Chí Minh
 Điện thoại/Hotline: 0933137166
 Email: Hoabinhlas265@gmail.com

Số: 12/01/26-2a/KQTN

Phiếu YCTN số: 020126-10a

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Trang: 1/2

THIẾT KẾ CẤP PHỐI BÊ TÔNG XI MĂNG

Tên mẫu : Thiết kế cấp phối bê tông xi măng 80MPa-R7, Sn=4±2cm

Hạng mục : Kiểm tra vật liệu đầu vào cọc bê tông ly tâm dự ứng lực

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VIỆT THÁI AN

Phương pháp TN : TCVN 5574:2018; TCVN 3105:2022; TCVN3106: 2022; TCVN 3118:2022

Ngày nhận mẫu: 02/01/2026

Ngày thí nghiệm : 02/01/2026-> 12/01/2026

I. TỶ LỆ CẤP PHỐI BÊ TÔNG

STT	Vật liệu sử dụng	Nguồn gốc vật liệu	Đơn vị tính	Lượng vật liệu cho 1m ³ bê tông	Thể tích (m ³)	Tỷ lệ phối hợp theo trọng lượng XM(%)	Ghi chú
1	Cát sông	Campuchia	Kg	582,0	0,423	1,21	
2	Cát nghiền	Ninh Thuận	Kg	280,0	0,197	0,58	
3	Đá 5x20(mm)	Bình Dương	Kg	1185,0	0,834	2,47	
4	Xi măng	Chinfon - PC50	Kg	480,0	0,154	1,00	
5	Nước	Thủy cục	Lít	80,0	0,080	0,17	
6	Phụ gia	MC PowerFlow 3766	Lít	4,80	0,0048	0,010	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 01 năm 2026

CTY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG HOÀ BÌNH

Thí nghiệm viên

Trưởng phòng TN



Giám Đốc

Nguyễn Trọng Thái

K.S Bùi Minh Tân

Nguyễn Việt Chánh

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng mang đến tại phòng thí nghiệm

Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử, PTN không lưu mẫu

Số/Ref:...../KQTN

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM TEST REPORT

Trang/Page:.....

II. THÍ NGHIỆM NÉN XÁC ĐỊNH CƯỜNG ĐỘ BÊ TÔNG

STT	Tên mẫu	Ngày đúc mẫu	Ngày nén mẫu	Tuổi mẫu	Kích thước mẫu thử		Tải trọng phá hoại	Cường độ chịu nén	
					Đường kính	Cao		Từng viên	T.Bình
No	Name of sample	Date cast	Date test	Age of sample	Dimensions		Max load	Compressive strength	
				(days)	Diameter	Height		Details	Average
					(mm)			(KN)	MPa
Mẫu thử cấp phối 80MPa.R7 (Sn = 40 ± 20mm)									
	Viên 1/Cube 1	05/01/2026	12/01/2026	7	150	300	1543,1	87,4	87,2
	Viên 2/Cube 2				150	300	1538,2	87,1	
	Viên 3/Cube 3				150	300	1540,7	87,2	
% so với yêu cầu 80 Mpa									109,0%





3. Xi măng



3.1. Giấy chứng nhận, hợp đồng



VIỆN VẬT LIỆU XÂY DỰNG
VĂN PHÒNG CHỨNG NHẬN



GIẤY CHỨNG NHẬN HỢP QUY *Certificate of Conformity*

Số (No.): 11/2024/DNSX-VLXD

Chứng nhận sản phẩm/ *Certifies that the product*
XI MĂNG POỐC LĂNG/ *Portland Cement*
Loại (Type): PC 50

Được sản xuất bởi/ *Manufactured by*

**CHI NHÁNH CÔNG TY XI MĂNG CHINFON
NHÀ MÁY NGHIÊN CLINKER HIỆP PHƯỚC**

Chinfon Cement Company Branch – Hiep Phuoc Clinker Grinding Plant

Địa chỉ: Lô A7, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè,
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

*Address: Lot A7, Hiep Phuoc Industrial Zone, Long Thoi commune, Nha Be
district, Hochiminh City, Vietnam*

Phù hợp với/ *Conform to* QCVN 16:2023/BXD

Công ty được phép sử dụng dấu hợp quy
Company can bear the Quality Mark



Phương thức đánh giá/ *Type of product certification systems*

Phương thức 5 theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012
System No.5 according to Circular No.28/2012/TT-BKHCN 12th Dec 2012

Giấy Chứng nhận và dấu hợp quy có hiệu lực từ/ *Valid from:*

02/01/2024 đến/ *until* 01/01/2027

GIÁM ĐỐC VP
Director of BoC

Trần Thị Thu Hà



Nguyễn Văn Huỳnh

VLXD

Hà Nội, ngày 02 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Chứng nhận chất lượng sản phẩm

VIỆN TRƯỞNG VIỆN VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Căn cứ Điều 52 của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ban hành ngày 30/6/2006;
Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Viện Vật liệu xây dựng;
Căn cứ yêu cầu của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 16:2023/BXD;
Căn cứ Kết quả thẩm tra hồ sơ đánh giá;
Xét đề nghị của Giám đốc Văn phòng chứng nhận.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Cấp Giấy Chứng nhận hợp quy số **11/2024/DNSX-VLXD** cho sản phẩm:

XI MĂNG POÓC LĂNG (Loại: PC 50)

Được sản xuất bởi: **CHI NHÁNH CÔNG TY XI MĂNG CHINFON - NHÀ MÁY NGHIÊN
CLINKER HIỆP PHƯỚC**

Địa chỉ: Lô A7, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ
Chí Minh, Việt Nam

Phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 16:2023/BXD

Điều 2. Chi nhánh Công ty Xi măng Chinfon – Nhà máy nghiên Clinker Hiệp Phước phải đảm
bảo duy trì và cải tiến chất lượng của sản phẩm đáp ứng các yêu cầu của QCVN 16:2023/BXD
trong quá trình sản xuất. Công ty được phép sử dụng dấu chất lượng trên các sản phẩm đã đánh
giá chứng nhận.

Điều 3. Giấy Chứng nhận và dấu hợp quy có hiệu lực từ ngày **02/01/2024 đến 01/01/2027**.
Trong thời gian hiệu lực của Giấy Chứng nhận, Công ty chịu sự đánh giá giám sát của Viện Vật
liệu xây dựng định kỳ 12 tháng/lần.

Nơi nhận:

- CN Công ty Xi măng Chinfon
- NM nghiên Clinker Hiệp Phước;
- Lưu VPCN, hồ sơ đánh giá.



* **PHÓ VIỆN TRƯỞNG**

Nguyễn Văn Huỳnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ HỢP QUY

Số: 02/2024 CFC-HP

Tên tổ chức: **CHI NHÁNH CÔNG TY XI MĂNG CHINFON – NHÀ MÁY NGHIÊN CLINKER HIỆP PHƯỚC**

Địa chỉ: Lô A7, Khu Công Nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: (84.28) 37800794/5

Fax: (84.28) 37800797

Email: hpgpgar@cfc.vn

CÔNG BỐ:

Tên sản phẩm: **XI MĂNG POỐC LĂNG (PC 50)**

Kiểu, loại: Xi măng Poóc Lăng PC 50; Xuất xưởng ở **Dạng rời** hoặc **Đóng bao**

Khối lượng: Dạng rời: xuất xe bồn;

Dạng đóng bao: 50 Kg (± 2 Kg) và 2000 Kg (± 80 Kg)

Nhãn hiệu: **XI MĂNG CHINFON**

Nơi sản xuất: Chi nhánh công ty xi măng Chinfon – Nhà máy nghiên Clinker Hiệp Phước.

Địa chỉ: Lô A7, khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Đặc trưng kỹ thuật:

Chỉ tiêu kỹ thuật	Đơn vị tính	Chất lượng công bố
1. Cường độ nén:		
- 3 ngày ± 45 phút	MPa	≥ 25
- 28 ngày ± 8 giờ	MPa	≥ 50
2. Độ ổn định thể tích, xác định theo phương pháp Le Chatelier:	mm	≤ 10
3. Hàm lượng anhydric sunphuric (SO ₃):	%	$\leq 3,5$
4. Hàm lượng magie oxit (MgO):	%	$\leq 5,0$
5. Hàm lượng mất khi nung (MKN):	%	$\leq 3,0$
6. Hàm lượng cặn không tan (CKT):	%	$\leq 1,5$

Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật **QCVN 16:2023/BXD**.

Căn cứ công bố hợp quy: **Giấy chứng nhận hợp quy**: Số 11/2024/DNSX-VLXD, có giá trị từ ngày 02/01/2024 đến ngày 01/01/2027 của Viện Vật Liệu Xây Dựng.

Viện Vật liệu xây dựng được Bộ Xây dựng cấp “Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận” số 303/CNĐKCN-BXD ngày 13/11/2023.

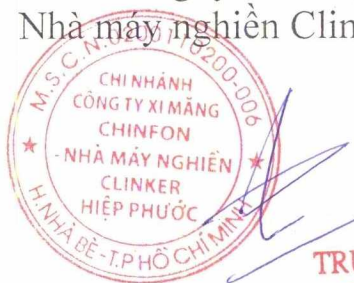
Phương thức đánh giá sự phù hợp: Phương thức 5 theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHCM ngày 12/12/2012

Chi nhánh Công ty Xi Măng Chinfon – Nhà máy nghiên Clinker Hiệp Phước cam kết và chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm Xi măng Poóc Lăng PC 50 do mình sản xuất, kinh doanh, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, khai thác./.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 01 năm 2024

Công ty Xi măng Chinfon

Nhà máy nghiên Clinker Hiệp Phước



TRƯỞNG CHI NHÁNH
Cao Vũ Trần

Số: /TB-SXD-VLXD Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2024

THÔNG BÁO

Tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy

Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận đã tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy số 02/2024 CFC-HP ngày 08/01/2024 của Chi nhánh Công ty Xi măng Chinfon - Nhà máy nghiền Clinker Hiệp Phước;

Địa chỉ: Lô A7, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh;

Điện thoại: (84.28) 37800794/5; Fax: (84.28) 37800797;

Tên sản phẩm: Xi măng poóc lăng;

Kiểu, loại: PC50;

Quy cách: Dạng rời hoặc dạng đóng bao 50 kg (± 2 kg) và 2000 kg (± 80 kg);

Nhãn hiệu: XI MĂNG CHINFON;

Nơi sản xuất: Chi nhánh Công ty xi măng Chinfon – Nhà máy nghiền Clinker Hiệp Phước, địa chỉ Lô A7, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh;

Phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật: QCVN 16:2023/BXD và có giá trị đến ngày 01/01/2027 (theo Giấy chứng nhận hợp quy số 11/2024/DNSX-VLXD cấp ngày 02/01/2024 và có giá trị đến ngày 01/01/2027 của Viện Vật liệu xây dựng).

Thông báo này ghi nhận sự cam kết của đơn vị, không có giá trị chứng nhận cho sản phẩm phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

Chi nhánh Công ty Xi măng Chinfon - Nhà máy nghiền Clinker Hiệp Phước phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm do đơn vị sản xuất, kinh doanh, bảo quản, vận chuyển, sử dụng và thực hiện các công việc của tổ chức công bố hợp quy theo quy định tại Điều 16 của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCHN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 02/2017/TT-BKHCHN ngày

31/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHHCN./.

Nơi nhận:

- Chi nhánh Công ty Xi măng Chinfon - Nhà máy nghiền Clinker Hiệp Phước;
 - Bộ phận CNTT (đăng tải website Sở);
 - Lưu: VT, VLXD/NTD-NTHH.
- (BN số: H29.18-240109-0019 ngày 11/01/2024)

**TUQ. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG VẬT LIỆU XÂY DỰNG**

Nguyễn Ngọc Thanh

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC
Số : 47-25/HĐNT-CT15

- Căn cứ vào Bộ Luật Dân sự số : 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và có hiệu lực từ ngày 01/01/2017.
- Căn cứ vào Luật Thương mại số : 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005 của Quốc hội Nước Cộng hoà XHCN Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Căn cứ khả năng và nhu cầu của hai bên.
- Hôm nay, ngày **05 tháng 8 năm 2025**, tại Tp. Vũng Tàu, chúng tôi gồm :

Bên A (Bên bán): CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG 15

- Đại diện : Ông **Nguyễn Văn Hoàng** - Chức vụ : Tổng Giám đốc.
- Địa chỉ : Số 41 đường 30/4, Phường Tam Thắng, Tp.Hồ Chí Minh
- Điện thoại : 0254.3839132 - 0254.3833165 ; Fax : 0254.3594409.
- Số tài khoản : 008 1001 245 161 Tại NH Vietcombank-CN Vũng Tàu.
- Mã số thuế : 3500690741

Bên B (BÊN MUA) : CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VIỆT THÁI AN

- Đại diện : Ông **Nguyễn Hải Thanh** - Chức vụ : Giám đốc
- Địa chỉ : Lô C1 Đường số 8, KCN Hòa Bình, xã Thủ Thừa, Tỉnh Tây Ninh
- Điện thoại : 0272 361 4018; Email: info@vietthai.com.vn
- Tài khoản :
- Mã số thuế : 110 188 9877

Sau khi bàn bạc hai bên thoả thuận ký kết hợp đồng nguyên tắc V/v mua bán xi măng xá PC50 Chinfon như sau:

Điều 1 : NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Bên A đồng ý bán, bên B đồng ý mua xi măng xá PC50 Chinfon với số lượng và đơn giá như sau :

- **Số lượng: khoảng từ 500-600 tấn/tháng**
- **Đơn giá: theo từng thời điểm nhận hàng (có bảng báo giá kèm theo)**

Các bảng báo giá bên A gửi fax, email thông báo cho bên B được coi như phụ lục hợp đồng và là một phần không thể tách rời của hợp đồng này.

Điều 2 : QUY CÁCH - PHẨM CHẤT

Hàng đảm bảo tiêu chuẩn mới 100% theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất sản phẩm. Trong quá trình giao nhận bên B phải kiểm tra số lượng và chất lượng nếu phát hiện hàng hoá không đảm bảo theo yêu cầu thì bên B có quyền không nhận hàng đồng thời phải thông báo cho bên A biết để bên A có biện pháp xử lý kịp thời. Bên A sẽ không chịu bất kỳ rủi ro hoặc tổn thất nào về hàng hoá sau khi hai bên hoàn tất các thủ tục giao nhận.

Hàng nhận theo trọng lượng ghi trên phiếu cân của Nhà máy.

Điều 3 : PHƯƠNG THỨC GIAO NHẬN

- Bên B sẽ đặt hàng và thông báo thời gian giao hàng (bằng điện thoại hoặc fax đơn đặt hàng) trước từ 01-02 ngày để Bên A chuẩn bị hàng hóa.
- Bên B nhận hàng theo mã số bên bán cung cấp và nhận tại Nhà Máy xi măng Chinfon tại KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Tp.Hồ Chí Minh
- Sau khi bên B nhận hàng bên A sẽ xuất hóa đơn và gửi email cho bên B sau mỗi đợt giao nhận hàng.

Điều 4 : PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN



4.1 Sau khi giao hàng bên A sẽ xuất hóa đơn và gửi email cho bên B sau mỗi đợt giao nhận hàng. Bên B thanh toán cho bên A 100% giá trị hóa đơn trong thời hạn từ 45 ngày kể từ ngày nhận hàng và hóa đơn. Quá thời hạn trên bên B không thanh toán bên A sẽ ngưng cấp hàng và bên B phải chịu lãi suất theo lãi suất cho vay của các Ngân hàng TMCP tại thời điểm nhưng không quá 15 ngày tiếp theo. Lãi suất quá hạn vẫn được tính cho đến khi bên B thanh toán dứt điểm số nợ còn lại cho bên A.

4.2 Trong trường hợp nếu hai bên không còn tiếp tục mua bán hàng hóa, Bên B thanh toán hết các khoản nợ cho bên A trong vòng 25-30 ngày kể từ ngày hai bên không còn giao dịch.

4.3 Vào cuối mỗi tháng, hai bên lập Biên bản đối chiếu công nợ để xác nhận số dư nợ (và các khoản phát sinh khác nếu có). Biên bản này làm cơ sở cho những đợt thanh toán tiếp theo hoặc làm cơ sở để giải quyết tranh chấp (nếu có). Việc xác nhận công nợ này phải được thực hiện xong trước ngày 20 của tháng tiếp theo và phải do người đại diện pháp luật hoặc người được ủy quyền hợp pháp của bên B ký xác nhận.

Điều 5 : TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

5.1. Trách nhiệm của Bên A :

- Đáp ứng kịp thời các yêu cầu của Bên B trên cơ sở các điều khoản của hợp đồng.
- Xuất hóa đơn GTGT cho Bên B và chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hóa đơn.
- Đảm bảo cung cấp hàng hóa đúng tiến độ, đúng theo yêu cầu của bên B.
- Chịu trách nhiệm về quy cách và chất lượng hàng hóa cung cấp cho bên B. Nếu Bên A giao hàng không đúng, thì Bên A phải ngay lập tức khắc phục bằng lô hàng khác.

5.2. Trách nhiệm Bên B :

- Kiểm tra số lượng, quy cách, hàng trước khi nhận hàng. Trong trường hợp hàng không đảm bảo các yêu cầu, cần thông báo ngay cho bên A để kịp thời điều chỉnh.
- Bên B có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi để Bên A giao hàng.
- Thanh toán tiền cho Bên A theo thỏa thuận tại Điều 4 của Hợp đồng này.

Điều 6 : TRƯỜNG HỢP XẢY RA TRANH CHẤP

- Hai bên chủ động thông báo cho nhau tiến độ thực hiện hợp đồng. Nếu có vấn đề bất lợi phát sinh thì kịp thời bàn bạc giải quyết bằng phụ lục hợp đồng và thương lượng hoà giải với nhau. Trường hợp hai bên có tranh chấp, không giải quyết được vụ việc được đề trình lên Toà án có thẩm quyền quyết định.
- Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản đã ghi trong hợp đồng. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến hết 31/12/2026 và mặc nhiên được thanh lý khi hai bên đã thực hiện đầy đủ các điều khoản trong hợp đồng.
- Hợp đồng có 02 trang được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau để thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Hoàng

ĐẠI DIỆN BÊN B



Nguyễn Hải Thanh





CÔNG TY XI MĂNG CHINFON



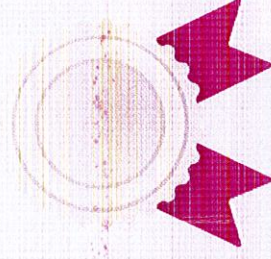
CHỨNG NHẬN

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VIỆT THÁI AN

LÀ KHÁCH HÀNG KINH DOANH SẢN PHẨM CỦA
CÔNG TY XI MĂNG CHINFON

2025-2026

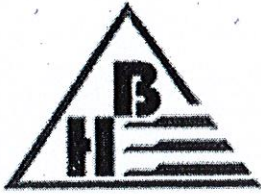
ĐẠI DIỆN CN CÔNG TY XI MĂNG
CHINFON TP. HỒ CHÍ MINH



ĐINH THI THANH QUY



3.2. Kết quả thử nghiệm xi măng



LAS - XD 265

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG HOÀ BÌNH
PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG**

Văn phòng GD: 964/1 Lò Gốm - Phường Bình Tiên - Tp. Hồ Chí Minh
Văn phòng GD và TN: 161B/81/2A Lạc Long Quân - Phường Bình Thới - Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại/Hotline: 0933137166
Email: Hoabinhlas265@gmail.com

Số: 05/01/26-9a/KQTN

Phiếu YCTN số: 020126-4a

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Trang: 1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM XI MĂNG

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VIỆT THÁI AN
Loại mẫu : Xi măng Chinfon - PC50
Hạng mục : Kiểm tra vật liệu đầu vào cọc bê tông ly tâm dự ứng lực
Phương pháp TN : TCVN 6016 - 2011 ; TCVN 6017 - 2015 ; TCVN 4030:2003
Ngày nhận mẫu : 02/01/2026
Ngày thí nghiệm : 02/01/2026 → 05/01/2026

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Đơn vị	Kết quả TN	So sánh với TCVN 2682 - 2020
1	Khối lượng riêng	g/cm ³	3,11	-
2	Độ dẻo tiêu chuẩn N/XM	%	31,72	-
3	Thời gian đông kết	phút		-
	+ Thời gian bắt đầu		145	≥ 45
	+ Thời gian kết thúc		296	≤ 375
4	Độ mịn (Bề mặt riên, phương pháp Blaine)	cm ² /g	3596	> 2800

KH mẫu	Kích thước mẫu (cm)	Ngày đúc mẫu	Ngày nén mẫu	Tuổi mẫu (ngày)	Lực nén (KN)	Cường độ chịu nén (MPa)
M1	4x4x4	02/01/2026	05/01/2026	3	50,11	31,3
M2					49,32	30,8
M3					49,65	31,0
M4					48,73	30,5
M5					50,58	31,6
M6					49,17	30,7
Cường độ chịu nén trung bình (MPa) :						31,0

TP Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 01 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG HOÀ BÌNH

ĐD thí nghiệm

Trưởng Phòng TN

Tổng Giám Đốc



Nguyễn Trọng Thái

KS. Bùi Minh Tân

Nguyễn Việt Chánh

Ghi chú: Mẫu do khách hàng cung cấp

Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử, PTN không lưu mẫu



4. Cốt liệu nhỏ



4.1. Giấy chứng nhận, hợp đồng

VƯƠNG QUỐC CAMPUCHIA
QUỐC GIA - TÔN GIÁO – QUỐC VƯƠNG



HỢP ĐỒNG

VỀ

MUA BÁN CÁT SÔNG MEKONG

GIỮA

GLOBAL GREEN (CAMBODIA) ENERGY DEVELOPMENT CO., LTD.
(tạm dịch: Công ty TNHH Phát triển Năng lượng Global Green (Cambodia))

(SAU ĐÂY ĐƯỢC GỌI LÀ BÊN "A")

VÀ

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XÂY
DỰNG PHƯƠNG ANH

(SAU ĐÂY ĐƯỢC GỌI LÀ BÊN "B")

Số Hợp đồng: GGD-S/TXN/2024-03

Hợp đồng

về

Mua bán cát sông Mekong

Hợp đồng được ký kết tại Phnom Penh, Campuchia vào ngày 26 tháng 9 năm 2024

Giữa

Bên "A": GLOBAL GREEN (CAMBODIA) ENERGY DEVELOPMENT CO., LTD. là công ty TNHH tư nhân, có mã số đăng ký Co.1235 KH/2013 ngày 20/03/2013, có địa chỉ văn phòng đăng ký thực tế tại số 205BC, 51, Sangkat Boeng Keng Kang Muoy, Khan Chamkar Mon, Phnom Penh, Campuchia, đại diện là Ông HANN SINATH, giám đốc (sau đây gọi là Bên "A").

Và

Bên "B": CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XÂY DỰNG PHƯƠNG ANH có mã số doanh nghiệp: 1602180947, ngày 10/04/2024, có địa chỉ trụ sở chính tại số 181, Tổ 14, khóm 1, Xã Vĩnh Xương, Thị xã Tân Châu, Tỉnh An Giang, Việt Nam, đại diện bởi ông **LÊ PHƯƠNG BẮC**, Giám đốc, sinh ngày 18/10/1990, số CCCD: 087090008981, cấp ngày 19/12/2022 (sau đây gọi là "Bên B").

Bên "A" và Bên "B" được gọi riêng là "Bên" và được gọi chung là "Các Bên".

Xét rằng

Bên "A" là công ty đã nhận được Phê duyệt Nguyên tắc từ Chính phủ theo công văn số 761 ngày 23/12/2021 và giấy phép khai thác mỏ cát theo Công văn số 012, 013 phát hành ngày 16/01/2024 bởi Bộ Mỏ và Năng lượng để cung cấp cát sông nội địa và xuất khẩu (theo Phụ lục A của Hợp đồng này).

Bên "A" dự định bán cát sông cho Bên "B" và Bên "B" dự định mua Cát sông từ Bên "A" để xuất khẩu với các điều kiện sau

Điều 1: Đối tượng của Hợp đồng, hiệu lực, khối lượng và giá cả

- 1.1. Bên "A" đồng ý bán và Bên "B" đồng ý mua Cát sông (Cát) với đơn giá: **5.0 US\$/m³** (Bằng chữ: Năm Đô la Mỹ /Mét khối) với tổng khối lượng là **2.000.000 m³** (Hai triệu mét khối) với tổng số tiền
Thỏa thuận mua bán cát này có hiệu lực trong vòng 02 (hai) năm kể từ ngày ký

kết thỏa thuận nêu ở trên.

- 1.2. **Đơn giá** là giá mua bán tại khu vực nạo vét cát do Bên A chịu trách nhiệm và không bao gồm chi phí nạo vét và vận chuyển cát đến Điểm 0 (Không) tại Cửa khẩu K'am Samnar, cửa khẩu biên giới Campuchia-Việt Nam (Vĩnh Xương và Thường Phước, Việt Nam), do Bên B chịu trách nhiệm. Điểm 0 (Không) là cửa khẩu biên giới đường sông giữa Campuchia và Việt Nam tại Trạm Kiểm soát Quốc tế K'am Samnar, nằm tại thôn K'am Samnar Kraom, xã K'am Samnar, huyện Leuk Daek, tỉnh Kandal (sau đây gọi là Điểm 0 "Không").

Điều 2: Điều khoản giao hàng và thanh toán trước

- 2.1 Bên "A" sẽ cung cấp Cát sông cho Bên "B" bắt đầu từ ngày nêu ở trên.
- 2.2 Bên "B" sẽ thanh toán số tiền để bảo đảm thực hiện Hợp đồng là [redacted] ngay sau khi ký kết Hợp đồng bằng tiền mặt hoặc trực tiếp chuyển vào Tài khoản Ngân hàng của Bên "A" tại Campuchia:

Tên ngân hàng: Advanced Bank of Asia Limited

Tên tài khoản: GLOBAL GREEN (CAMBODIA) ENERGY DEVELOPMENT CO., LTD.

Số tài khoản: 033 666 999

Mã SWIFT: ABAKHPP

- Trường hợp Bên "B" không thanh toán trước số tiền nêu trên trong thời hạn này, Bên "B" không được vào vận chuyển cát và Hợp đồng này sẽ tự động vô hiệu.
- 2.3 Khối lượng cát được đo dựa trên việc đo đạc thực tế và được Tổ công tác liên ngành quản lý xuất khẩu cát thuộc Bộ Mỏ và Năng lượng xác nhận.
- 2.4 Việc bàn giao cát sông nạo vét từ địa điểm cấp phép khai thác cát của Bên "A" được thực hiện tại điểm 0 (Không) kèm theo biên bản bàn giao cát sông có chữ ký của đại diện hai bên kèm theo chứng từ chứng minh thuế hải quan đã được thanh toán đầy đủ.
- 2.5 Khối lượng cát của từng phà được đo là khối lượng sau khi đã trừ đi 20 cm cát còn lại ở đáy phà, vì trên thực tế không thể sử dụng máy xúc để lấy toàn bộ cát khỏi phà do cấu tạo răng dài của máy.
- 2.6 Biên bản bàn giao cát sông từ khu vực mỏ được cấp phép của bên A sẽ được thực hiện tại điểm 0 (Điểm 0) phải được thực hiện bằng Văn bản có chữ lý của đại diện hai bên kèm theo chứng từ chứng minh thuế hải quan đã được thanh toán đầy đủ.

Điều 3: Thanh toán tiền cát

- 3.1. Số tiền bảo đảm thực hiện Hợp đồng là [redacted]

sẽ được thanh toán cho các chuyến hàng cho đến khi số tiền bảo đảm thực hiện hợp đồng được thanh toán hết.

- 3.2. Việc thanh toán tiền cát từ Bên "B" phải được thực hiện thường xuyên và kịp thời cho Bên "A" vào tài khoản Ngân hàng của bên A với số tiền không vượt quá [redacted] Đô la Mỹ.

Điều 4: Nghĩa vụ và Trách nhiệm của Bên "A"

- 4.1 Bên "A" có nghĩa vụ nộp tiền bản quyền cho Bộ Mỏ và Năng lượng, thuế hải quan xuất khẩu và các dịch vụ chứng từ khác để xin giấy phép của các Bộ ngành liên quan cho phép Bên "B" xuất khẩu khối lượng cát theo quy định tại Điều 1 ở trên.
- 4.2. Bên "B" có nghĩa vụ hút cát vào các sà lan và vận chuyển cát đến Điểm 0 (Không). Tất cả chi phí liên quan đến hoạt động này sẽ do Bên "B" thanh toán.
- 4.3. Các Bên phải chỉ định người đại diện đo lường cát trên sà lan và ký Biên bản bàn giao trên từng sà lan đúng thời hạn với các cơ quan có liên quan tại Điểm 0 (không) của Cửa khẩu K'am Samnar Campuchia-Việt Nam.
- 4.4. Bên "A" có trách nhiệm hoàn thành các yêu cầu, thủ tục, giấy tờ cho việc xuất, nhập cảnh sà lan của Bên "B" tại Trạm kiểm soát Quốc tế K'am Samnar để tránh tình trạng chờ đợi lâu hoặc chậm trễ.
- 4.5. Bên "B" không được nhượng lại, ký hợp đồng phụ hoặc chuyển nhượng Hợp đồng này cho công ty khác hoặc bên thứ ba mà không có sự chấp thuận trước bằng văn bản của Bên "A". Tuy nhiên, Bên "B" có quyền tìm kiếm và hợp tác với các đối tác có trình độ và chuyên môn kỹ thuật về vận tải và xuất khẩu, do đó Bên "B" phải thông báo trước cho Bên "A" bằng văn bản về hoạt động này để đảm bảo việc vận hành trơn tru. Bên "B" chịu trách nhiệm trước Bên "A" về mọi hoạt động của Bên "B" với các đối tác của mình.
- 4.6. Trong quá trình thực hiện thỏa thuận mua bán này, nếu phát sinh tranh chấp, khiếu nại của bên thứ ba, các Bên phải phối hợp giải quyết đảm bảo không ảnh hưởng đến hoạt động nạo vét cát.

Điều 5: Sửa đổi và gia hạn Hợp đồng

- 5.1. Bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng này chỉ có thể được sửa đổi khi có sự chấp thuận trước bằng văn bản có chữ ký của cả hai Bên.
- 5.2. Khi Hợp đồng này hết hạn theo quy định tại Điều 1 ở trên, Bên "A" sẽ ưu tiên cho Bên "B" trong việc gia hạn Hợp đồng dựa trên đàm phán mới. Bên "B" cần

thông báo trước cho Bên "A" 03 (Ba) tháng; nếu không, Hợp đồng này sẽ tự động hết hạn vào ngày được chỉ định.

- 5.3. Trường hợp Nhà nước đình chỉ, ngừng hoạt động nạo vét, xuất khẩu cát sông ra nước ngoài làm ảnh hưởng đến hoạt động nạo vét, xuất khẩu cát sông thì sự việc này được coi là sự kiện bất khả kháng theo quy định tại Điều 6.

Điều 6: Sự kiện bất khả kháng

Trong trường hợp cả hai Bên không thể thực hiện toàn bộ hoặc một phần nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng, bên gặp sự kiện bất khả kháng phải thông báo cho bên kia bằng mọi cách và càng sớm càng tốt sau khi sự kiện bất khả kháng xảy ra.

Điều 7: Người kế nhiệm, Người thừa kế và Người được chuyển nhượng

Trong trường hợp Bên "A" và/hoặc Bên "B" không thể thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình do tử vong, khuyết tật hoặc vắng mặt tại nước sở tại thì mọi quyền và nghĩa vụ của các Bên sẽ tự động được trao cho người kế nhiệm, thừa kế của họ, hoặc người đại diện theo pháp luật hoặc cổ đông.

Điều 8: Luật áp dụng và giải quyết tranh chấp

Hợp đồng này sẽ được điều chỉnh bởi luật pháp Campuchia và mọi tranh chấp liên quan đến Hợp đồng này trước tiên sẽ được giải quyết thông qua thương lượng hữu nghị với sự tôn trọng cao nhất trước khi tranh chấp được giải quyết theo quy định của pháp luật hiện hành và của tòa án Campuchia.

Điều 9: Điều khoản bảo mật

Cả hai Bên đồng ý giữ bí mật ở mức cao nhất có thể với quyết tâm sẽ không tiết lộ toàn bộ hoặc một phần nội dung của Hợp đồng này, các tài liệu liên quan hoặc bất kỳ thông tin nào khác cho bên thứ ba khi chưa được sự đồng ý của bên kia.

Điều 10: Thông báo

Mọi thông báo bao gồm hóa đơn, đề nghị hoặc bất kỳ tài liệu nào khác và thông tin liên lạc giữa các Bên theo các điều kiện của Hợp đồng này sẽ được lập thành văn bản bằng tiếng Khmer hoặc tiếng Anh và sẽ được gửi trực tiếp, qua đường bưu điện hoặc chuyển phát nhanh hoặc ở dạng thư điện tử cho bên kia theo địa chỉ và thông tin liên lạc ở trên.

Điều 11: Tài liệu lưu trữ

Hợp đồng này được lập chính thức bằng cả tiếng Khmer và tiếng Anh thành 04 (Bốn) bản. 01 (Một) bản của Bên "A", 02 (Hai) bản của Bên "B", và 01 (Một) bản của luật sư. Trong trường hợp có tranh chấp, bản tiếng Khmer sẽ được ưu tiên áp dụng.

Điều 12: Điều khoản thi hành

12.1. Thỏa thuận hoặc bất kỳ điều khoản nào khác không phù hợp với Hợp đồng này sẽ vô hiệu.

12.2. Hợp đồng này sẽ có hiệu lực vào ngày nêu trên sau khi các Bên ký kết Hợp đồng này. Cả hai Bên đã đọc, kiểm tra và hiểu tất cả các điều khoản với sự có mặt của luật sư.

CHỮ KÝ

Đại diện Bên "B"
(*đã ký và đóng dấu*)
Ông LÊ PHƯƠNG BẮC

Đại diện Bên "A"
(*đã ký và đóng dấu*)
Ông HANN SINATH

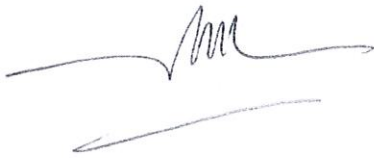
Luật sư
(*đã ký và đóng dấu*)

1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50

LỜI CHỨNG CHỨNG THỰC CHỮ KÝ NGƯỜI DỊCH

Tôi, Võ Anh Thư, CCCD số 089181007825, cam đoan đã dịch chính xác Văn bản này từ tiếng Anh sang tiếng Việt.

Ngày 11 tháng 6 năm 2025
Người dịch



Võ Anh Thư

Ngày 11 tháng 6 năm 2025 (Ngày mười một tháng sáu năm hai nghìn hai mươi lăm)

Tại Phòng Tư Pháp thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

Tôi Nguyễn Thị Trúc Hồng là Trưởng phòng Tư pháp thành phố Long Xuyên.

Chứng thực

Bà Võ Anh Thư là người đã ký vào bản dịch này trước mặt tôi
Số chứng thực: 01/2025-SCT/CKND quyền số 01/2025-SCT/CKND

TRƯỞNG PHÒNG TƯ PHÁP



Nguyễn Thị Trúc Hồng

ICP

ព្រះរាជាណាចក្រកម្ពុជា
ជាតិ សាសនា ព្រះមហាក្សត្រ
KINGDOM OF CAMBODIA
NATION RELIGION KING
១៩៩២

កិច្ចព្រមព្រៀង

ស្តីពី

ការទិញ-លក់ ខ្យង់ទន្លេមេគង្គ

AGREEMENT
ON
PURCHASE-SALE OF THE MEKONG RIVER SAND

រវាង BETWEEN

ក្រុមហ៊ុន គ្រីស៍ ប្រ៊ីន (ខេមបូឌា) អេនធឺជី ឌីវឺឡូបមេន
(តទៅហៅថា ភាគី "ក")
GLOBAL GREEN (CAMBODIA) ENERGY DEVELOPMENT CO., LTD.
(HEREINAFTER REFERRED TO AS PARTY "A")

និង AND

PHUONG ANH SERVICES TRADING CONSTRUCTION ONE MEMBER LIMITED LIABILITY
COMPANY

(តទៅហៅថា ភាគី "ខ")

(HEREINAFTER REFERRED TO AS PARTY "B")

កាលបរិច្ឆេទ/Date: ២៦ កញ្ញា ២០២៤

កិច្ចព្រមព្រៀងលេខ/Contract No: GGD-S/TXN/2024-03

Handwritten signature

Handwritten signature

កិច្ចព្រមព្រៀង

ស្តីពី

ការទិញ-លក់ ខ្សាច់ទន្លេមេគង្គ

Agreement

on

Purchase-Sale of the Mekong River Sand

កិច្ចព្រមព្រៀងនេះធ្វើនៅរាជធានីភ្នំពេញ ប្រទេសកម្ពុជា ថ្ងៃទី២៦ ខែកញ្ញា ឆ្នាំ២០២៤

The Agreement is entered into in Phnom Penh, Cambodia on 26 Sep 2024

រវាង Between

ភាគី ក ៖ ក្រុមហ៊ុន គុម្ពិល ហ្គ្រីន (ខេមបូឌា) អេនធឺជី ឌីវឡូបមេន (Global Green (Cambodia) Energy Development Co., Ltd), ជាក្រុមហ៊ុនឯកបុគ្គលទទួលខុសត្រូវមានកម្រិត មានលេខចុះបញ្ជី Co.1235 KH/2013 ចុះថ្ងៃទី ២០ ខែ មិថុនា ឆ្នាំ ២០១៣ មានទីស្នាក់ការនៅផ្ទះលេខ 205BC ផ្លូវលេខ៥១ សង្កាត់បឹងកេងកង១ ខណ្ឌចំការមន រាជធានីភ្នំពេញ តំណាងដោយ **លោក ហាន់ ស៊ីនាត** ជានាយក (តទៅហៅកាត់ថា ភាគី "ក") ។

Party "A": GLOBAL GREEN (CAMBODIA) ENERGY DEVELOPMENT CO., LTD., a single private limited company, having a registration number Co.1235 KH / 2013 dated 20 March 2013, having a physical registered office address at 205BC, 51, Sangkat Boeng Keng Kang Muoy, Khan Chamkar Mon, Phnom Penh, Cambodia, represented by Mr. HANN SINATH, as Director (hereinafter referred to Party "A").

និង And

ភាគី ខ ៖ PHUONG ANH SERVICES TRADING CONSTRUCTION ONE MEMBER LIMITED LIABILITY COMPANY មានលេខចុះបញ្ជីក្រុមហ៊ុន: 1602180947 ចុះថ្ងៃទី១០ ខែមេសា ឆ្នាំ ២០២៤ មានទីស្នាក់ការនៅ: #១៨១, ក្រុម ១៤, No 181.Group 14, អគារ Hamlet 1, ឃុំ Vinh Xuong, ក្រុង Tan Chau, ខេត្ត An Giang. រៀបចំដោយតំណាងដោយលោក LE PHUONG BAC ជានាយកក្រុមហ៊ុន កើតនៅថ្ងៃទី១៨ ខែតុលា ឆ្នាំ១៩៩០ កាន់អត្តសញ្ញាណប័ណ្ណលេខ: 087090008981 ចុះថ្ងៃទី១៩ ខែធ្នូ ឆ្នាំ២០២២ (តទៅហៅកាត់ថា ភាគី "ខ")

Party "B": PHUONG ANH SERVICES TRADING CONSTRUCTION ONE MEMBER LIMITED LIABILITY COMPANY having a company registration number: 1602180947, dated on 10/04/2024, having a physical registration Office's address: No 181,Group 14, Residential Area Hamlet 1, Vinh Xuong Commune, Tan Chau Town, An Giang Province, Vietnam., represented by Mr. LE PHUONG BAC, Director, was born on 18/10/1990, holding ID No: 087090008981, Issued on 19/12/2022 (hereinafter referred to Party "B").

ភាគី "ក" និង ភាគី "ខ" អាចហៅកាត់ដាច់ដោយឡែកពីគ្នាថា "ភាគី" និងហៅកាត់ជាមួយគ្នាថា "ភាគី" ។

Party "A" and Party "B" are individually referred to as "Party" and collectively referred to as the "Parties".

Handwritten signature

ដោយហេតុថា Whereas

- ភាគី "ក" ជាក្រុមហ៊ុនដែលទទួលបានគោលការណ៍ឯកភាពពីរាជរដ្ឋាភិបាលតាមលិខិតលេខ ៧៦១ ស ជណ.ខ ចុះថ្ងៃទី ២៣ ខែ ធ្នូ ឆ្នាំ ២០២១ និងទទួលបានអាជ្ញាប័ណ្ណធ្វើអាជីវកម្មខ្សាច់តាមលិខិតលេខ ០០១២ រថ.អធរ.អប និងលេខ០០៣ រថ.អធរ.អប ដែលទាំង២ ចុះកាលបរិច្ឆេទ ថ្ងៃទី១៦ ខែមករា ឆ្នាំ ២០២៤ ពីក្រសួងរ៉ែ និងថាមពល ដើម្បីផ្គត់ផ្គង់នៅក្នុងស្រុក និងអនុញ្ញាតឱ្យធ្វើការនាំចេញទៅក្រៅប្រទេស (ដូចមានចែងនៅក្នុង **ឧបសម្ព័ន្ធ ក** នៃកិច្ចព្រមព្រៀងនេះ)។
- Party "A" is a company that obtained the Principle Approval from the Royal Government No. 761 សជណ.ខ dated 23 December 2021 and a Sand-Mining License No.0012 រថ.អធរ.អប and No.0013 រថ.អធរ.អប both issued on 16 January 2024 from the Ministry of Mines and Energy to supply river sand domestically and export (as set out in **Annex A** to this Agreement).
- ភាគី "ក" មានបំណង លក់ខ្សាច់ទន្លេមេគង្គជូន ភាគី "ខ" ហើយ ភាគី "ខ" មានបំណង ទិញខ្សាច់ទន្លេពី ភាគី "ក" ដើម្បីនាំចេញទៅក្រៅប្រទេស តាមការព្រមព្រៀងដូចមានលក្ខខណ្ឌខាងក្រោម៖
- Party "A" intends to sell the river sand to Party "B" and Party "B" intends to purchase the river sand from Party "A" for export under the following conditions:

ភាគីទាំងពីរយល់ព្រមចុះកិច្ចព្រមព្រៀងនេះដោយមានលក្ខខណ្ឌដូចតទៅ៖

ប្រការ ១៖ កម្មវត្ថុកិច្ចព្រមព្រៀង សុពលភាព បរិមាណ និងតម្លៃ

Clause 1: Subject of Agreement, Validity, Volume, and Price

១.១ ភាគី "ក" យល់ព្រមលក់ ហើយ ភាគី "ខ" យល់ព្រមទិញខ្សាច់ទន្លេ (ខ្សាច់) ក្នុងតម្លៃ $US\$5.00/m^3$ (ប្រាំដុល្លារអាមេរិកក្នុង ១ម៉ែត្រគូប) ក្នុងបរិមាណសរុបចំនួន ២,០០០,០០០ m^3 (ពីរលានម៉ែត្រគូប) មានទឹកប្រាក់សរុប $10,000,000US\$$ (ដប់លានដុល្លារអាមេរិក) ការទិញលក់នេះ មានសុពលភាពសំរាប់រយៈពេល ២ (ពីរ) ឆ្នាំ ដោយគិតចាប់ពីថ្ងៃចុះហត្ថលេខានេះតទៅ ។

1.1 Party "A" agrees to sell and Party "B" agrees to purchase the River Sand (Sand) with the price of **5,00 US\$/m³ (Five US\$ per Cubic Meter)** In the total volume of **2,000,000 m³ (Two Million cubic meters)** with a total amount of **10,000,000US\$ (Ten Million US\$)**. The purchase-sale of the River Sand is valid for **2 (Two) years** starting from this signing date written above.

១.២ ថ្លៃទិញលក់សរុប ជាតម្លៃលក់នៅក្នុងទីតាំងបូម តាមអាជ្ញាប័ណ្ណរបស់ ភាគី "ក" ដោយមិនរាប់បញ្ចូលសោហ៊ុយចំណាយបូមខ្សាច់ និងសោហ៊ុយលើការដឹកជញ្ជូនខ្សាច់ទៅដល់ចំណុច ០ (សូន្យ) នៃច្រកព្រំដែនកម្ពុជា-វៀតណាម ក្រុមសំណ (វិញស្ទង់ និងធូងកូក វៀតណាម) ដែលទទួលបានដោយ ភាគី "ខ"។ ចំណុច ០ (សូន្យ) គឺព្រំប្រទល់ ទន្លេរបស់ប្រទេសកម្ពុជា និងប្រទេសវៀតណាម ច្រកទ្វារអន្តរជាតិក្រុមសំណ ស្ថិតនៅភូមិក្រុមសំណក្រោម ឃុំក្រុមសំណ ស្រុកលើកដែក ខេត្តកណ្តាល (តទៅនេះហៅថា ចំណុច ០ "សូន្យ")។

1.2 The unit price is the selling price at the sand-dredging site of the Sand-Mining License site of Party "A", excluding the expenses on sand-dredging and transportation charges to Point 0 (Zero) at K'am Samnar, Cambodia-Vietnam (Vinh Xuong and Thuong Phuoc

Watt

Vietnam) which would be responsible by Party "B". Point 0 (Zero) is the river crossing of Cambodia and Vietnam of K'am Samnar International Check Point located at K'am Samnar Kraom Village, K'am Samnar Commune, Leuk Daek District, Kandal Province (hereinafter referred to Point 0 "Zero").

ប្រការ ២ : ការចាប់ផ្តើម និងប្រាក់អត់

Clause 2: Delivery term and Pay in advance term

២.១. ភាគី "ក" នឹងផ្គត់ផ្គង់ខ្សាច់ត្រីកាតី "ខ" ចាប់ពីថ្ងៃចុះហត្ថលេខានេះតទៅ ។

2.1. Party "A" shall supply the river sand to Party B starting from the above written date.

២.២. ភាគី "ខ" ត្រូវបង់កក់ប្រាក់ចំនួន US\$៤០០.០០០ (បួនរយពាន់) ដុល្លារអាមេរិកបន្ទាប់ពីចុះកិច្ចសន្យា នេះជាសាច់ប្រាក់ឬតាមគណនីធនាគាររបស់ភាគី "ក" ដូចខាងក្រោម៖

ធនាគារឈ្មោះ: Advanced Bank of Asia Limited,
ម្ចាស់គណនីឈ្មោះ: Global Green (Cambodia) Energy Development Co., Ltd,
លេខគណនី: 033 666 999
SWIFT Code: ABAKHPP

ក្នុងករណីដែល ភាគី "ខ" មិនបានផ្តល់ទឹកប្រាក់គ្រប់ចំនួន និងតាមកាលកំណត់នោះទេ ភាគី "ខ" នឹងពុំ ត្រូវបានអនុញ្ញាតឱ្យចាប់ផ្តើមប្រតិបត្តិការ ហើយកិច្ចសន្យានេះនឹងអស់ សុពលភាពដោយស្វ័យប្រវត្តិ។

2.2. Party "B" shall pay a contract warranty in an amount of US\$ 400,000 (Four Hundred Thousand) US Dollars immediately after signing this agreement in cash or directly to Party "A"'s Bank Account in Cambodia:

Bank name: Advanced Bank of Asia Limited,
Account Name: Global Green (Cambodia) Energy Development Co., Ltd,
Account No: 033 666 999
SWIFT Code: ABAKHPP

In case Party "B" does not pay in advance the above-mentioned amount within this period, Party "B" shall not be allowed to excavate and this Agreement shall be nulls and void automatically.

២.៣. បរិមាណខ្សាច់ត្រីកាតីត្រូវធ្វើឡើងតាមការវាស់វែងជាក់ស្តែង និង ទទួលស្គាល់ដោយក្រុមការងារអន្តរក្រសួង គ្រប់គ្រងការនាំចេញខ្សាច់ទៅក្រៅប្រទេសរបស់ក្រសួងរ៉ែ និងថាមពល។

2.3. The quantity of sand shall be measured according to the actual measurement and acknowledged by the inter-ministerial working group controlling the export of sand of the Ministry of Mines and Energy.

២.៤. ការប្រគល់-ទទួលខ្សាច់ទន្លេដែលបានបូមចេញពីទីតាំងដែនអាជ្ញាប័ណ្ណរបស់ ភាគី "ក" នឹងធ្វើឡើងនៅ ត្រង់ចំណុច ០ (សូន្យ) ដោយមានលិខិតប្រគល់-ទទួលជាលាយលក្ខណ៍អក្សរចុះហត្ថលេខាពីអ្នក តំណាងរបស់ភាគី ដោយត្រូវភ្ជាប់នូវឯកសារដែលបញ្ជាក់ថាការបង់ពន្ធតមត្រូវបានធ្វើរួចរាល់។

2.4. The handover-receipt of the river sand dredged from Sand-Mining License site of Party "A" shall be made at Point 0 (Zero) with a written handover-receipt letter signed by the representatives of both Parties with attached documents evidencing that customs duties have been duly paid.

២.៥ ចំណុះសាឡង់នីមួយៗដែលបានវាស់វែងរួច គឺជាចំណុះក្រោយពីបានដកកំរិតសខ្យាប់ ២០សង្កីមែត្រ ដែលនៅសល់បាតសាឡង់ចេញ ដោយក្នុងការអនុវត្តជាក់ស្តែង គេមិនអាចប្រើក្របាច់ ចាប់យកខ្យាប់ ចេញឲ្យអស់ពីសាឡង់បានទេ ដោយសារក្របាច់ខ្យាប់មានធ្មេញវែង។

2.5 The volume of each ferry measured is the volume after deduction the remaining 20 cm of sand from the bottom of the ferry, because in practice, it is impossible to use a grab dredger to completely remove the sand from the ferry due to its long tooth.

២.៦. ការប្រគល់-ទទួលខ្យាប់ទន្លេដែលបានបូមចេញពីទីតាំងដែនអាជ្ញាបណ្ណរបស់ ភាគី "ក" នឹងធ្វើឡើងនៅ ត្រង់ចំណុច ០ (សូន្យ) ដោយមានលិខិតប្រគល់-ទទួលជាលាយលក្ខណ៍អក្សរចុះហត្ថលេខាពីអ្នក តំណាងរបស់ភាគីទាំងពីរ ដោយត្រូវភ្ជាប់ជាមួយនឹងឯកសារដែលបញ្ជាក់ថាការបង់ពន្ធគយរួចរាល់។

2.6. The handover-receipt of the river sand dredged from Sand-Mining License site of Party "A" shall be made at Point 0 (Zero) with a written handover-receipt letter signed by the representatives of both Parties with attached documents evidencing that customs duties have been duly paid.

ប្រការ ៣ ៖ ការទូទាត់ថ្លៃខ្យាប់

Clause 3: Payment for the River Sand

៣.១. ចំនួនទឹកប្រាក់ធានានៃកិច្ចសន្យា ៤០០,០០០ ដុល្លារអាមេរិក (បួនរយពាន់ដុល្លារអាមេរិក) នឹងទូទាត់ សម្រាប់ការដឹកជញ្ជូនរហូតដល់ចំនួនប្រាក់ធានាកិច្ចសន្យានេះផុតកំណត់។

3.1 The contract guarantee amount is US\$ 400,000 USD (Four Hundred Thousand US Dollars) which will pay for shipments until this contract guarantee amount is exhausted.

៣.១. ការទូទាត់ថ្លៃលក់ខ្យាប់ទន្លេដោយភាគី "ខ" ត្រូវធ្វើឡើងជាទៀងទាត់ និងទាន់ពេលវេលាដល់ភាគី "ក" ទៅក្នុងគណនីធនាគាររបស់ភាគី "ក" ដែលតម្លៃលក់មិនត្រូវលើសពី ៥០,០០០ ដុល្លារអាមេរិក (ហាសិបពាន់) ដុល្លារអាមេរិក។

3.2. Payment of the Sale Price of the River Sand by Party "B" shall be made regularly and timely to Party "A" into a Party A's Bank Account which the sale price shall not more than US\$ 50,000 (Fifty Thousand) US Dollars.

ប្រការ ៤ ៖ កាតព្វកិច្ច និងការទទួលខុសត្រូវ

Clause 4: Duties and Responsibilities:

៤.១. ភាគី "ក" មានកាតព្វកិច្ចបង់សួយសារជូនក្រសួងរ៉ែ និងថាមពល ពន្ធគយនាំចេញ និងចំណាយ សេវា ឯកសារផ្សេងៗ ដើម្បីរៀបចំស្នើសុំលិខិតអនុញ្ញាតិពីក្រសួងពាក់ព័ន្ធក្នុងការអនុញ្ញាតអោយ ភាគី "ខ" អាចធ្វើការនាំខ្យាប់ចេញបានដូចចែងក្នុងប្រការ ១ ខាងលើ លើកលែងប្រការ១.៣។

4.1. Party "A" shall be obliged to pay royalty to the Ministry of Mines and Energy, export customs duties, and other document services to obtain the license from the relevant ministries to allow Party "B" to export the sand as stipulated in Clause 1 above.

៤.២ ភាគី "ខ" មានកាតព្វកិច្ចបូមខ្យាប់ជាក់ក្នុងសាឡង់ ឬ កប៉ាល់ ឬ នាវាដោយខ្លួនឯង និងរកជួលសាឡង់ ឬកប៉ាល់ ឬនាវាដើម្បីធ្វើការដឹកជញ្ជូនខ្យាប់ទន្លេដោយខ្លួនឯងតាមផ្លូវទឹករហូតដល់ចំណុច ០ (សូន្យ) ដោយ រាល់ការចំណាយជាបន្តររបស់ ភាគី "ខ"។

- 4.2. Party "B" shall be obliged to dredge the sand into barges and arrange for transportation of the sand to Point 0 (Zero). All costs related to this operation shall be borne by Party "B".
- ៤.៣. ភាគី "B" ត្រូវចាត់អ្នកតំណាងរបស់ខ្លួនក្នុងការចុះវាស់វែងខ្យល់ក្នុងសាឡង់ ឬ កប៉ាល់ ឬ នាវា និងចុះហត្ថលេខាលើលិខិតស្នាមប្រគល់-ទទួលខ្យល់ក្នុងសាឡង់ ឬ កប៉ាល់ ឬ នាវានីមួយៗ ឲ្យបានទាន់ពេលវេលាជាមួយសមត្ថកិច្ចពាក់ព័ន្ធនៅចំណុច ០ (សូន្យ) នៃច្រកព្រំដែនកម្ពុជា-វៀតណាម ក្នុងសំណុំ។
- 4.3. Parties shall appoint the representatives to measure the sand in the barges and sign the Delivery Order of each barge on time with the relevant authorities at Point Zero (0) of the K'am Samnar Cambodia-Vietnam Border Crossing.
- ៤.៤. ភាគី "ក" ត្រូវទទួលខុសត្រូវលើការបំពេញបែបបទ និងនីតិវិធីសម្រាប់ការចេញ-ចូលសាឡង់ ឬ កប៉ាល់ ឬ នាវាដឹកជញ្ជូនខ្យល់របស់ ភាគី "ខ" នៅច្រកព្រំដែនអន្តរជាតិកម្ពុជា-វៀតណាម ឲ្យមានការរង់ចាំយូរ។
- 4.4. Party "A" shall be responsible for the completion of requirements, procedures and paperwork for entry-exit of the Party B's barges at the K'am Samnar International Check Point to avoid to wait or delay.
- ៤.៥. ភាគី "ខ" មិនអាចប្រគល់ការងារ ឬ ម៉ៅការបន្ត ឬផ្ទេរកិច្ចសន្យាទិញ លក់ខ្យល់នេះទៅឲ្យក្រុមហ៊ុន ឬ គតិយជនផ្សេងទៀតបានឡើយ បើគ្មានការឯកភាពយល់ព្រមជាលាយលក្ខណ៍អក្សរជាមុនពី ភាគី "ក" ជាដាច់ខាត ។ ទោះជាយ៉ាងណាក៏ដោយ ភាគី "ខ" មានសិទ្ធិក្នុងការស្វែងរក និងសហការជាមួយដៃគូរបស់ខ្លួនដែលមានគុណវុឌ្ឍិ និងជំនាញបច្ចេកទេសច្បាស់លាស់លើការដឹកជញ្ជូន និងនាំចេញ ដើម្បីឲ្យដំណើរការនេះមានភាពល្អនៃដោយ ភាគី "ខ" ត្រូវជូនដំណឹងជាលាយលក្ខណ៍អក្សរជាមុនអំពីដំណើរការ ឬ សកម្មភាពនេះឲ្យមក ភាគី "ក" ។ ភាគី "ខ" ត្រូវទទួលខុសត្រូវចំពោះមុខ ភាគី "ក" រាល់សកម្មភាពរបស់ខ្លួនជាមួយដៃគូសហការដទៃទៀត ។
- 4.5. Party "B" shall not assign, sub-contract, or transfer this Agreement to another company or a third party without prior written approval from Party "A". However, Party "B" has the right to seek and cooperate with its partners who are qualified and have technical expertise in transportation and export, and thus Party "B" shall inform Party "A" in writing in advance of this activity in order to ensure smooth operations. Party "B" shall be liable to Party "A" for all activities of Party "B" with its partners.
- ៤.៦. ក្នុងអំឡុងពេលកំពុងដំណើរការលក់ទិញនេះ បើមានវិវាទ បណ្តឹង ការទាមទារ ឬការតវ៉ាពីគតិយជនណាមួយ ភាគី "ខ" ត្រូវចូលរួមសហការដោះស្រាយដើម្បីឲ្យដំណើរការមានភាពល្អនៃ ។
- 4.6. During the operation of this sale-purchase, if have any dispute or complain from any third -party arises, Parties shall cooperate to resolve the issues to ensure not effect to the sand-dredging operations.

ប្រការ ៥៖ អំពីការកែប្រែ និងបន្តកិច្ចព្រមព្រៀង

Clause 5: Amendment and Renewal of Agreement

- ៥.១. ប្រការណាមួយនៃកិច្ចព្រមព្រៀងនេះអាចធ្វើការកែប្រែទៅបាន លុះត្រាតែមានការឯកភាពជាលាយលក្ខណ៍អក្សរ និងចុះហត្ថលេខាដោយភាគីទាំងពីរជាមុន ។
- 5.1 Any provision of this Agreement may be amended only with the prior written consent and signature of both parties.

Handwritten signature

៥.២. នៅពេលកិច្ចព្រមព្រៀងនេះដល់កាលកំណត់បញ្ចប់ដូចមានចែងក្នុងប្រការ ១ ខាងលើ ភាគី "ក" ត្រូវផ្តល់អាទិភាពដល់ ភាគី "ខ" ក្នុងការបន្តកិច្ចព្រមព្រៀងនេះទៀតដោយផ្អែកលើការពិភាក្សាគ្នាជាថ្មី។ ភាគី "ខ" ត្រូវជូនដំណឹងទៅ ភាគី "ក" អំពីការបន្ត ឬ មិនបន្តកិច្ចព្រមព្រៀងឲ្យបានយ៉ាងតិច ០៣ (បី) ខែ ម៉ែលុំដូច្នោះទេកិច្ចព្រមព្រៀងនេះនឹងត្រូវបញ្ចប់តាមកាលបរិច្ឆេទកំណត់ខាងលើដោយស្វ័យប្រវត្តិ ។

5.2. When this Agreement expires as stipulated in Clause 1 above, Party "A" shall provide priority to Party "B" in renewing the Agreement based on new discussion. Party "B" shall inform Party "A" 3 (Three) months in advance; otherwise, this Agreement will automatically expire on the specified date.

៥.៣. ក្នុងករណីដែលរដ្ឋកំណត់ឱ្យផ្អាក ឬ បញ្ឈប់ការបូម ឬ នាំចេញ ខ្យល់ចេញទៅក្រៅប្រទេស ដែលបង្កការអាក់ខានដល់ដំណើរការបូម និងនាំចេញខ្យល់ នោះនឹងចាត់ទុកជាប្រធានសក្តិដូចមានចែងក្នុងប្រការ ៦។

5.3. In case where the State suspends or stops dredging or export of the river sand to overseas, which affects the dredging and export of the river sand, this incident shall be considered to be force majeure as stipulated in Clause 6.

ប្រការ ៦: អំពីប្រធានសក្តិ

Clause 6: Force Majeure

ក្នុងព្រឹត្តិការណ៍ដែលភាគីទាំងពីរ មិនអាចបំពេញកាតព្វកិច្ចរបស់ខ្លួនជាផ្នែក ឬទាំងស្រុងបានដោយសារករណីប្រធានសក្តិ នោះភាគីដែលយល់ថា មានករណីប្រធានសក្តិត្រូវធ្វើការជូនដំណឹងទៅភាគីម្ខាងទៀតតាមគ្រប់មធ្យោបាយ និងឲ្យបានឆាប់រហ័ស បន្ទាប់ពីព្រឹត្តិការណ៍នេះបានកើតឡើង ដោយបញ្ជាក់ពីមូលហេតុឲ្យបានច្បាស់លាស់ ។

In the event that both Parties cannot fulfill their obligations in whole or in part due to force majeure, the party experiencing the force majeure shall inform the other party by all means and as soon as possible after the force majeure has taken place.

ប្រការ ៧ : រាយការណ៍ អ្នកស្នងបេតក និងអ្នកទទួលសិទ្ធិដោយស្របច្បាប់

Clause 7: Successor, Heir and Assignee

ករណី ភាគី "ក" និង/ឬ ភាគី "ខ" មិនអាចអនុវត្តសិទ្ធិ និងកាតព្វកិច្ចរបស់ខ្លួនបានដោយមូលហេតុបណ្តាលមកពីមរណភាព ពិការភាព ឬ អវត្តមាននៅក្នុងប្រទេស នោះរាល់សិទ្ធិ និងកាតព្វកិច្ចទាំងអស់របស់ភាគីនោះត្រូវប្រគល់ជូនសន្តតិជន ទាយាទ ឬ អ្នកស្នងបេតក ឬ តំណាងស្របច្បាប់ ឬសមាជិកហ៊ុនណាមួយរបស់ខ្លួនដោយស្វ័យប្រវត្តិ ។

In case Party "A" and/or Party "B" cannot exercise their rights and fulfill their obligations due to death, disability, or absence from the country, all the rights and obligations of the Parties shall be automatically granted to their successors, heirs, or legal representatives or shareholders.

ប្រការ ៨: ច្បាប់គ្រប់គ្រង និងការដោះស្រាយ

Clause 8: Governing Law and Dispute Settlement

កិច្ចព្រមព្រៀងនេះ ត្រូវគ្រប់គ្រងដោយច្បាប់នៃព្រះរាជាណាចក្រកម្ពុជា ហើយរាល់វិវាទដែលកើតមានទាក់ទងនឹងកិច្ចព្រមព្រៀងនេះ ត្រូវធ្វើការពិភាក្សារកដំណោះស្រាយជាដំបូងដោយសន្តិវិធី មិត្តភាព និង

ការយោគយល់គ្នាខ្ពស់បំផុត មុននឹងត្រូវដោះស្រាយ តាមច្បាប់ជាធរមានរបស់កម្ពុជា និងដោយគុណការ
នៃព្រះរាជាណាចក្រកម្ពុជា ។

This Agreement shall be governed by Cambodian laws and any disputes related to this Agreement shall be firstly resolved through peaceful friendly discussion with highest respect before it will be resolved in accordance with the applicable laws and by the court of Cambodia.

ប្រការ ៩៖ ការរក្សាការសម្ងាត់

Clause 9: Confidentiality

គូភាគីបានព្រមព្រៀងគ្នា ថានឹងរក្សាការសម្ងាត់ឲ្យមានប្រសិទ្ធិភាពខ្ពស់ ដោយប្តេជ្ញាមិនបញ្ចេញផ្នែកណា
មួយ ឬ ខ្លឹមសារនៃកិច្ចព្រមព្រៀងនេះ ឯកសារ ឬព័ត៌មានដទៃទៀតទៅឲ្យភាគីទីបីដោយមិនមានការ
អនុញ្ញាតពីភាគីម្ខាងទៀតឡើយ ។

Both Parties agree to hold confidentiality to the highest possible level with the determination that they will not release in whole or in part the contents of this Agreement, related documents, or any other information to a third party without the consent from the other party.

ប្រការ ១០៖ ការជូនដំណឹង

Clause 10: Notice

ការជូនដំណឹងណាមួយ រួមទាំងវិក្កយបត្រ សំណើ ឬ ឯកសារផ្សេងៗ និងការទំនាក់ទំនងផ្សេងទៀតរវាង
គូភាគីដែលស្ថិតក្រោមលក្ខខណ្ឌ នៃកិច្ចព្រមព្រៀងនេះ ត្រូវតែធ្វើឡើងជាលាយ លក្ខណ៍អក្សរជាភាសា
ខ្មែរ ឬ ភាសាអង់គ្លេស តាមរយៈការប្រគល់ជូនដោយផ្ទាល់ដៃ តាមប៉ុស្តិ៍ប្រៃណីយ៍ ឬតាមរយៈសេវាកម្មដឹក
ជញ្ជូនធាប័រហ័ស ឬ តាមសារអេឡិចត្រូនិចទៅភាគីម្ខាងទៀតតាមអាសយដ្ឋាន និងលេខទំនាក់ទំនងដូច
មានចែងខាងលើ ។

Any notice including invoices, requests or any other documents and communication between the Parties under the conditions of this Agreement shall be in writing in Khmer or English, and shall be delivered in person, by post or currier, or in electronic form to the other party in accordance with the address and contact information above.

ប្រការ ១១ ៖ ភាសា និងការអម្បាលឯកសារ

Clause 11: Archived Documents

កិច្ចព្រមព្រៀងនេះធ្វើឡើងផ្លូវការជាភាសាខ្មែរ និង អង់គ្លេស ចំនួន ០៤ (បួន) ច្បាប់ ហើយត្រូវបានរក្សា
ទុក ០១ (មួយ) ច្បាប់ សម្រាប់ ភាគី "ក", ០២ (ពីរ) ច្បាប់ សម្រាប់ភាគី "ខ", និង ០១ (មួយ) ច្បាប់
សម្រាប់ទុកនៅការិយាល័យមេធាវី។ ករណីមានវិវាទត្រូវយកភាសាខ្មែរជាគោល ។

This Agreement is officially made in both Khmer and English in 4 (Four) copies. 1 (One) copy by Party "A", 2 (Two) copy by Party "B", and 1 (One) copy by lawyer. In case of dispute, Khmer language shall prevail.

ប្រការ ១២៖ អនុវត្តបានអនុវត្ត

Clause 12: Enforceability

១២.១. កិច្ចព្រមព្រៀង ឬ បទបញ្ញត្តិផ្សេងទៀត ដែលមានចែងក្រៅពីកិច្ចព្រមព្រៀងនេះ ត្រូវចាត់ទុកជាមោឃៈ ដោយមិនអាចអនុវត្តបានឡើយ ។

12.1. Agreement or any other provision that is not consistent with this Agreement shall be null and void.

១២.២. កិច្ចព្រមព្រៀងនេះ មានអានុភាពអនុវត្តចាប់ពីកាលបរិច្ឆេទខាងលើ ជាពេលភាគីទាំងពីរបានចុះហត្ថលេខាលើកិច្ចព្រមព្រៀងនេះ។ គូភាគីពិតជាបានអាន បានពិនិត្យ និងបានយល់ព្រមគ្រប់ប្រការទាំងអស់ នៅចំពោះមុខមេធាវី ។

12.2. This Agreement shall come into force on the above written date when the Parties have executed this Agreement. Both Parties have read, checked, and understood all the provisions in the presence of the attorney.

ហត្ថលេខា/SIGNATURE

តំណាងភាគី "B"

តំណាងភាគី "A"



Representative of Party "B"

Handwritten signature of Mr. LE PHUONG BAC

លោក LE PHUONG BAC
Mr. LE PHUONG BAC



Representative of Party "A"

Handwritten signature of Mr. HANN SINATH

លោក ហាន់ ស៊ីណាត
Mr. HANN SINATH

មេធាវី/Attorney-at-Law



Handwritten signature of the Attorney-at-Law

មេធាវី. អង្គ សុខុម័រ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập-Tự Do-Hạnh Phúc

Vĩnh Xương, ngày 04 tháng 02 năm 2025



HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC

VỀ MUA BÁN CÁT XÂY DỰNG

GIỮA

CÔNG TY TNHH TM DV XD PHƯƠNG ANH



VÀ



CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI LÊ HOÀNG VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập-Tự Do-Hạnh Phúc

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC

(Số 0402/HĐNT-PA-LHV-2025)

- Căn cứ bộ luật Dân sự được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015 có hiệu lực từ ngày 01/01/2017
- Căn cứ Luật Thương Mại được quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam Thông qua ngày 14/06/2005 có hiệu lực từ ngày 01/01/2006
- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng hai bên:
Hôm nay, ngày 04 Tháng 02 Năm 2025

BÊN BÁN (GỌI TẮT LÀ BÊN A): CÔNG TY TNHH TM DV XD PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: Số 181, Tổ 14, Tuyến dân cư Ấp 1, Xã Vĩnh Xương, Tx.Tân Châu, T.An Giang, Việt Nam

Mã số thuế: 1602180947

Điện thoại:

Đại diện: Ông LÊ PHƯƠNG BẮC

Chức Vụ:

Giám Đốc

Tài khoản số: 19906868 Tại Ngân hàng EXIMBANK . PGD Tân Châu

BÊN MUA (GỌI TẮT LÀ BÊN B): CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI LÊ HOÀNG VINH

Địa chỉ: Tổ 9A, Ấp 4, Xã Thạnh Phú, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Mã số thuế: 3603949900

Điện thoại:

0383599468

Đại diện: HOÀNG THỊ HƯƠNG

Chức Vụ:

Giám Đốc

Tài khoản số:

Sau khi thỏa thuận, bản bạc hai bên thống nhất ký kết và thực hiện hợp đồng mua bán vật liệu xây dựng gồm các điều khoản xây dựng gồm các điều khoản như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Theo hợp đồng nguyên tắc này, khi Bên B đồng ý mua, Bên A sẽ đồng ý bán cho bên B cát, chi tiết nội dung cụ thể như sau:

- 1.1. Tên mặt hàng cung cấp: cát sông tự nhiên.
- 1.2. Nguồn gốc, qui cách chủng loại mặt hàng: Cát sông khai thác tự nhiên được nhập khẩu từ Campuchia.
- 1.3. Địa điểm giao hàng: tại Xã Vĩnh Xương, Thị xã Tân Châu, Tỉnh An Giang.
- 1.4. Khối lượng và giới hạn cung cấp: Tùy vào khả năng cung cấp của Bên A.

ĐIỀU 2: GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG

- Chi tiết chủng loại: Theo đơn đặt hàng của Bên B được báo trước cho Bên A bằng điện thoại hoặc văn bản gửi qua email.

- Chi tiết giá cả: Tổng giá thanh toán được xác định căn cứ vào thông báo giá của Bên A theo từng thời điểm. Tổng giá thanh toán ghi trên hóa đơn gồm đơn giá, thuế GTGT 10%.

- Trong thời gian thực hiện hợp đồng nếu có thay đổi về giá, Bên A sẽ thông báo Bên B được biết, nếu Bên B đồng ý hai bên sẽ tiếp tục thực hiện bằng Phụ Lục Hợp Đồng. Giá trị thanh toán sẽ căn cứ vào giá của từng đợt giao nhận trên cơ sở ghi nhận thời điểm giá đã điều chỉnh. Nếu Bên B không đồng ý thì hai bên sẽ tiến hành thanh lý hợp đồng trước thời hạn.

ĐIỀU 3: PHƯƠNG THỨC MUA BÁN, GIAO NHẬN VÀ THANH TOÁN:

3.1- Phương thức giao nhận:

- Bên A sang mạn giao hàng qua phương tiện vận chuyển của Bên B tại địa điểm tập kết hàng của Bên A, khối lượng do hai bên kiểm tra đo đạc thực tế và kết hợp với hồ sơ kiểm định phương tiện theo từng phương tiện nhận cát.

- Trước khi nhận hàng, Bên B phải thông báo để Bên A sắp xếp cung cấp, đồng thời Bên A sẽ thông tin cho Bên B được biết về địa điểm cung cấp để thuận tiện cho Bên B trong điều động phương tiện nhận hàng.

49:
NG
VHH
NG
OÀ
NH
T. P

7-C
TY
I
XD
ANH
ANG

- Khi đến nơi nhận hàng, Bên B phải tuân thủ theo thứ tự sắp xếp phương tiện nhận hàng của Bên A.

3.2-Phương thức mua bán và thanh toán:

- Hai bên mua bán trực tiếp tại nơi tập kết hàng của Bên A.
- Thống nhất không để phát sinh công nợ, Bên B thanh toán cho Bên A trước khi nhận hàng.
- Sau khi nhận tiền và giao xong từng chuyến hàng cho Bên B, Bên A sẽ lập hóa đơn GTGT 10% (Hóa đơn điện tử gửi đến Email của Bên B).

ĐIỀU 4 : TRÁCH NHIỆM HAI BÊN

4.1 Trách nhiệm của Bên A

- Bên A cung cấp hồ sơ pháp lý hợp chuẩn, hợp quy, kết quả kiểm định, ...còn hiệu lực có liên quan đến nguồn gốc, chất lượng của loại cát mà Bên B mua.
- Cung cấp cát đạt tiến độ, chất lượng, khối lượng theo qui định của hợp đồng và đúng lịch trình đã thông báo cho Bên B; báo cho bên B biết trước khi sà lan đến ít nhất 24h.
- Cử cán bộ trực suốt 24/24h để cùng Bên B kiểm tra, nghiệm thu, giao hàng .
- Chịu trách nhiệm về nguồn gốc phải hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam
- Chịu trách nhiệm cạp cát sang mạn qua phương tiện nhận cát của Bên B.
- Tự chịu trách nhiệm về ATLĐ phần thiết bị cũng như con người trong quá trình tổ chức thi công của đơn vị bên B.

4.2 Trách Nhiệm Của Bên B

- Phối hợp thường xuyên với Bên A để kịp thời giải quyết những khó khăn vướng mắc trong quá trình giao nhận.
- Thông báo thời gian nhận hàng để Bên A sắp xếp cung ứng.
- Nhận hàng đúng tiến độ, lịch trình Bên A đã thông báo.
- Thanh toán tiền cho bên B đúng theo qui định hợp đồng.

ĐIỀU 5: ĐIỀU KIỆN BẤT KHẢ KHÁNG

- Trong trường hợp tàu hút hoặc xáng cạp Bên A bị hỏng và không thể khắc phục ngay để tiến hành khai thác cát được thì phải báo cho bên B, có tin nhắn, gọi điện trực tiếp hoặc biên bản xác nhận. Thời gian đó không tính vào thời gian giao tàu hàng.
- Trường hợp do bất ổn chính trị từ bên nước bạn Campuchia cũng không được tính vào thời gian giao hàng
- Ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của Việt Nam và Campuchia, mưa bão, gió quá to không thể sang mạn sẽ không tính vào thời gian giải phóng tàu cho Bên B.

ĐIỀU 6. ĐIỀU KHOẢN CHUNG.

- Hai bên cam kết thực hiện những điều khoản trong hợp đồng trên tinh thần hợp tác cùng có lợi và không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của hai bên.

- Trong quá trình thực hiện, nếu có gì trở ngại phải thông báo cho nhau bằng văn bản để cùng thảo luận giải quyết trên tinh thần hợp tác, trường hợp giải quyết không được, tranh chấp sẽ được chuyển cho Tòa án nhân dân tỉnh An Giang giải quyết. Quyết định của Tòa án là phán quyết cuối cùng và ràng buộc của hai bên. Các phí liên quan đến tranh chấp do bên thua kiện chịu.

- Hợp đồng này có giá trị kể từ ngày ký và được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 02 bản, Bên B giữ 02 bản. Sau khi các bên hoàn thành các điều khoản ghi trên hợp đồng này thì hợp đồng mặc nhiên được thanh lý.

ĐẠI DIỆN BÊN A



LÊ PHƯƠNG BÁC

ĐẠI DIỆN BÊN B



HOÀNG THỊ HƯƠNG

BẢN SAO

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH AN GIANG
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 1602180947

Đăng ký lần đầu: ngày 10 tháng 04 năm 2024

Đăng ký thay đổi lần thứ: 3, ngày 23 tháng 09 năm 2024

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TM DV XD PHƯƠNG ANH.

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 181, Tổ 14, Tuyến dân cư Ấp 1, Xã Vĩnh Xương, Thị xã Tân Châu, Tỉnh An Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0927542222

Fax:

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ : 20.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Hai mươi tỷ đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Họ và tên: LÊ PHƯƠNG BẮC

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 18/10/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 087090008981

Ngày cấp: 19/12/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh Sát Quản Lý Hành Chính về
Trật Tự Xã Hội

Địa chỉ thường trú: *Khóm Long Thị D, Phường Long Thạnh, Thị xã Tân Châu, Tỉnh An Giang, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Khóm Long Thị D, Phường Long Thạnh, Thị xã Tân Châu, Tỉnh An Giang, Việt Nam*

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: LÊ PHƯƠNG BẮC

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 18/10/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 087090008981

Ngày cấp: 19/12/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh Sát Quản Lý Hành Chính về
Trật Tự Xã Hội

Địa chỉ thường trú: Khóm Long Thị D, Phường Long Thạnh, Thị xã Tân Châu, Tỉnh An Giang, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Khóm Long Thị D, Phường Long Thạnh, Thị xã Tân Châu, Tỉnh An Giang, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Minh Trí

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 1503 Quyền số: 01-SCT/BS

Ngày: 11 tháng 9 năm 2025



CHỦ TỊCH

Nguyễn Minh Cai

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 3603949900

Đăng ký lần đầu: ngày 26 tháng 02 năm 2024

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI LÊ HOÀNG VINH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Tổ 9A, Ấp 4, Xã Thạnh Phú, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: 0383599468

Fax:

Email: hoangvinh.catxd2024@gmail.com

Website:

3. Vốn điều lệ : 4.700.000.000 đồng.

Bằng chữ: Bốn tỷ bảy trăm triệu đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Họ và tên: HOÀNG THỊ HƯƠNG

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 27/07/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 038184033525

Ngày cấp: 16/09/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh Sát Quản Lý Hành Chính về
Trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Ấp 4, Xã Thạnh Phú, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Ấp 4, Xã Thạnh Phú, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: HOÀNG THỊ HƯƠNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 27/07/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 038184033525

Ngày cấp: 16/09/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh Sát Quản Lý Hành Chính về
Trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Ấp 4, Xã Thạnh Phú, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Ấp 4, Xã Thạnh Phú, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Ngày 09-01-2025

ĐÃ THỰC HIỆN

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 1.1.11....., quyền số: 01.....SC/T/BS

CHỦ TỊCH UBND P. TÂN PHONG



Trần Thị Thanh Thủy

TRƯỞNG PHÒNG



Trần Thị Thanh Thủy

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC

Căn cứ vào Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 24/11/2015, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017.

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 14/6/2005, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2006.

Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày 02 tháng 01 năm 2026. Chúng tôi gồm có:

BÊN A: DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN QUANG HUY PHÁT LỘC

Địa chỉ : Số 515A Ấp Cầu Tre, Phường Khánh Hậu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Tài khoản : 6121976 Ngân hàng ACB – CN Bến Lức, Tỉnh Tây Ninh

Điện thoại : 0964638009 Fax:

Mã số thuế : 1101924426

Đại diện : NGUYỄN NHƯ HIỀN

Chức vụ: Giám đốc

BÊN B: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VIỆT THÁI AN

Địa chỉ : Lô C1 đường số 8, Khu công nghiệp Hòa Bình, Xã Thủ Thừa, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Điện thoại : 0979790783 Fax:

Mã số thuế : 1101889877

Số tài khoản :

Đại diện : NGUYỄN HẢI THANH

Chức vụ: Giám đốc

Sau khi bàn bạc, hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng nguyên tắc mua bán các loại cát, đá xây dựng theo các điều khoản sau:

ĐIỀU 1 : Đối tượng hợp đồng

1.1 Bên A đồng ý bán và bên B đồng ý mua hàng cát, đá xây dựng các loại.

Bên B có nhu cầu sẽ thông báo cho bên A biết chi tiết về số lượng, chủng loại, thời gian và địa điểm giao và nhận hàng hóa, để bên A cung cấp.

1.2 Tất cả điều khoản thỏa thuận trong Hợp đồng này về chất lượng, chủng loại, thỏa thuận về giá cả, phương thức thanh toán, giao nhận, trách nhiệm của các bên sẽ là cơ sở để các bên thực hiện phương thức mua bán mặt hàng cát, đá xây dựng các loại cho đến khi hợp đồng hết hiệu lực được hai bên thống nhất đồng ý.

ĐIỀU 2 : Đơn giá, Chất lượng, Số lượng

2.1 Đơn giá

Đơn giá cụ thể sẽ được hai bên thống nhất qua bảng báo giá theo từng thời điểm. Nếu bên A không thông báo kịp thời đơn giá mới thì mọi đơn hàng sẽ được áp dụng giá gần nhất đã được hai bên thống nhất áp dụng.

2.2 Cách thức đặt hàng



Phương thức mua bán được thỏa thuận như sau: Bên B tùy theo nhu cầu kinh doanh sẽ sử dụng Đơn đặt hàng để Bên A cung cấp hàng hóa. **Đơn đặt hàng (bảng báo giá)** sẽ được xem là một bộ phận không thể tách rời hợp đồng này.

Khi có nhu cầu sử dụng, bên B thông báo đặt hàng, thời gian nhận hàng cụ thể và thông báo cho bên A trước 5 ngày kể từ ngày dự kiến nhận hàng.

Căn cứ nhu cầu của bên B, bên A sẽ thông báo xác nhận khả năng cung ứng, tiến độ giao hàng cho bên B.

2.3 Chất lượng – Số lượng

Chất lượng: Theo mẫu đã được thỏa thuận thống nhất giữa hai bên theo từng bảng báo giá đã được hai bên ký xác nhận

Bên B sẽ tiến hành kiểm tra xác nhận số lượng, chất lượng của hàng hóa khi bên A giao hàng.

Số lượng cung cấp: Theo thỏa thuận cụ thể từng đợt giữa hai bên.

Hàng hóa chỉ được xem là đúng chất lượng và đủ số lượng khi có xác nhận của bên B. Trường hợp do tính chất đặc trưng của hàng hóa không thể xác định được ngay chất lượng thì khi phát sinh vấn đề chất lượng thì bên B thông báo ngay cho bên A kiểm tra và có biện pháp giải quyết.

ĐIỀU 3: Phương thức giao nhận

3.1 Phương thức giao nhận

Bên A sẽ giao hàng cho bên B theo hình thức được thỏa thuận giữa 2 bên;

Thời gian giao nhận hàng sẽ do các bên thỏa thuận.

3.2 Chứng kiến giao nhận

Khi tiến hành giao nhận hàng hóa, bên B sẽ kiểm tra về chủng loại, chất lượng, số lượng hàng hóa và chỉ được xem là đảm bảo chất lượng và đúng chủng loại, số lượng khi có xác nhận của bên B.

Bên A và bên B xác nhận khối lượng và chất lượng của hàng hóa làm cơ sở để bên B thanh toán giá trị số lượng hàng hóa cho bên A.

ĐIỀU 4: Phương thức thanh toán

4.1 Phương thức thanh toán: Căn cứ theo hóa đơn chứng từ, Bên B thanh toán bằng chuyển khoản cho bên A.

4.2 Thời hạn thanh toán: Theo từng bảng thỏa thuận khi đặt hàng.

Đồng tiền thanh toán : Việt Nam đồng.

ĐIỀU 5 : Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng

5.1 Vi phạm thời hạn giao nhận hàng hóa

Nếu bên A giao hàng không đúng thời gian đã thỏa thuận của mỗi đợt thì với mỗi ngày trễ hạn bên A phải chịu phạt 0.1% trên tổng giá trị hàng hóa đã trễ hạn, nhưng thời gian trễ hạn không quá 7 ngày kể từ ngày phải giao hàng mà bên A vẫn không thực hiện thì bên B có quyền không nhận đợt hàng đó.

5.2 Vi phạm chất lượng, số lượng hàng hóa

Nếu bên A cung cấp hàng hóa không đúng chủng loại, số lượng, chất lượng như đã thỏa thuận của mỗi đợt thì bên B có quyền từ chối nhận và yêu cầu của bên A cung cấp lại cho đủ và đúng chủng loại, chất lượng đã được hai bên đồng ý. Mọi chi phí phát sinh trong việc cung cấp đổi và trả hàng lại do bên A chịu.

ĐIỀU 6: Trách nhiệm của hai bên

6.1 Trách nhiệm của Bên A

324426

4 NGHĨE

NHÂN

NG HƯ

ÁT LỘ

AU - T. T

389877-C

ÔNG TY

H ĐẦU

THÁI

THÁI

THÁI

THÁI

THÁI

THÁI

THÁI

THÁI

THÁI

THÁI

THÁI

THÁI

THÁI

THÁI

THÁI

THÁI

THÁI

THÁI

THÁI

THÁI

THÁI

THÁI

THÁI

THÁI

THÁI

THÁI

- Đảm bảo chất lượng vật tư được bên B chấp thuận theo thỏa thuận.
- Đảm bảo giao hàng theo tiến độ yêu cầu của bên B.
- Thông báo kịp thời cho bên B mọi trở ngại để cùng nhau bàn bạc giải quyết.
- Bên A có quyền ngưng cung cấp vật tư nếu như bên B không thanh toán đúng theo thỏa thuận.

- Cung cấp đầy đủ chứng từ, hoá đơn GTGT cho bên B.

6.2 Trách nhiệm của Bên B:

- Tạo điều kiện thuận lợi cho bên A giao hàng.
- Cho người hướng dẫn bên A bến bãi nhận vật tư, ký nhận hàng giao mỗi đợt.
- Đảm bảo nhận hàng theo 24/24 kể cả ngày thứ 7 và chủ nhật.
- Cùng bên A kịp thời giải quyết các vướng mắc trong quá trình thực hiện hợp đồng.
- Bên B có quyền không nhận hàng khi kiểm tra thấy chất lượng sản phẩm không đạt và quy cách không đúng yêu cầu như thỏa thuận ban đầu.
- Thanh toán cho bên A đúng theo thỏa thuận.

ĐIỀU 7: Điều khoản chung

7.1 Hai bên cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản thống nhất trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện, nếu gặp trở ngại thì hai bên cùng tiến hành trao đổi để tìm cách giải quyết trên tinh thần hợp tác lẫn nhau, không bên nào tự ý sửa chữa hoặc hủy bỏ hợp đồng. Trong trường hợp có xảy ra tranh chấp mà sau khi hai bên không giải quyết được thì sẽ đưa ra Tòa án giải quyết. Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng mà hai bên phải thi hành. Bên vi phạm sẽ chịu mọi chi phí về án phí.

7.2 Mọi thay đổi của hợp đồng này hai bên thỏa thuận bằng văn bản hoặc phụ lục hợp đồng mới có hiệu lực.

7.3 Hợp đồng này tự thanh lý khi bên B thanh toán đủ cho bên A.

7.4 Hợp đồng này có giá trị kể từ ngày ký và có giá trị đến hết ngày 31/12/2026. Hợp đồng được lập thành 02(hai) bản, mỗi bên giữ 01(một) bản có giá trị pháp lý như nhau./.

ĐẠI DIỆN BÊN A



Nguyễn Như Hiến

ĐẠI DIỆN BÊN B



Nguyễn Hải Thanh

CÔNG TY CP GIÁM ĐỊNH NAM VIỆT
NAVICONROL
 Số: 25NK3325AG/QĐ-NVC/2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc


BẢN SAO

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22/09/2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chứng nhận sản phẩm Cát tự nhiên dùng cho bê tông và vữa phù hợp với QCVN 16:2023/BXD

GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁM ĐỊNH NAM VIỆT (Navicontrol)

- Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy Chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;
- Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp;
- Căn cứ theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 16:2023/BXD;
- Theo báo cáo thẩm xét và hồ sơ đánh giá của Navicontrol ngày 22 tháng 09 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH

- Điều 1:** Ban hành kèm theo Quyết định này là giấy chứng nhận số 25NK3325AG/HQPT1 ngày 22/09/2024 về việc chứng nhận sản phẩm Cát tự nhiên dùng cho bê tông và vữa phù hợp với **QCVN 16:2023/BXD** với kiểu loại ghi trong phụ lục đính kèm theo giấy chứng nhận cho Công Ty TNHH TM DV XD Phương Anh.
- Điều 2:** Hiệu lực chứng nhận từ ngày 22 tháng 09 năm 2025 đến ngày 21 tháng 09 năm 2026 trên cơ sở được đánh giá định kỳ theo từng lô hàng nhập khẩu.
- Điều 3:** Công Ty TNHH TM DV XD Phương Anh có trách nhiệm sử dụng tài liệu chứng nhận theo quy định của pháp luật và theo quy định sử dụng dấu chứng nhận sản phẩm được Navicontrol chứng nhận.
- Điều 4:** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Hồ sơ đánh giá.
- Lưu văn thư.



TỔNG GIÁM ĐỐC,

NGUYỄN THẾ LONG

UBND TỈNH AN GIANG
SỞ XÂY DỰNG

Số: 4269/SXD-KT&QLXD

Vấn miễn kiểm tra nhà nước về
chất lượng sản phẩm, hàng hóa
nhập khẩu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN SAO

An Giang, ngày 10 tháng 10 năm 2024

Kính gửi: Công Ty TNHH TM DV XD Phương Anh

Sở Xây dựng nhận được Công văn số 01/ĐKSAG/2024 ngày 09/10/2024 của Công Ty TNHH TM DV XD Phương Anh về việc xin miễn kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu đối với mặt hàng Cát tự nhiên dùng cho bê tông và vữa (cát oxit silic), sau khi xem xét Hồ sơ xin miễn kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu của Công ty, Sở Xây dựng có ý kiến sau:

1. Căn cứ xét đề nghị miễn giảm:

Căn cứ Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Thông tư số 04/2023/TT-BXD ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 16:2023/BXD về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng;

Căn cứ Thông báo Kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu số 4114/TB-SXD của Sở Xây dựng An Giang ngày 02/10/2024.

Căn cứ Thông báo Kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu số 4115/TB-SXD của Sở Xây dựng An Giang ngày 02/10/2024.

Căn cứ Thông báo Kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu số 4218/TB-SXD của Sở Xây dựng An Giang ngày 08/10/2024.

Xét đề nghị của phòng Kinh tế, Vật liệu xây dựng và quản lý xây dựng về việc miễn giảm kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu của Công Ty TNHH TM DV XD Phương Anh.

2. Kết quả xét đề nghị miễn giảm:

- Tên Công ty: Công Ty TNHH TM DV XD Phương Anh.
- Mã số thuế: 1602180947.
- Địa chỉ: Số 181, Tổ 14, Tuyến dân cư ấp 1, Xã Vĩnh Xương, Thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.
- Với sản phẩm: Cát tự nhiên dùng cho bê tông và vữa (cát oxit silic); địa điểm sản xuất: Global Green (Cambodia) Energy Development Co.,ltd, Campuchia; Khối lượng theo đơn đăng ký: 1.150.500 m³; Mã số hàng hóa: 25051000.

Căn cứ Hồ sơ xin miễn giảm của Công Ty TNHH TM DV XD Phương Anh sau 03 lần nhập khẩu liên tiếp, có kết quả đánh giá phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN 16:2023/BXD; mã HS 2505.10.00), sản phẩm nêu trên của Công Ty TNHH TM DV XD Phương Anh được miễn kiểm tra nhà nước về chất lượng trong thời hạn 02 năm kể từ ngày ký theo quy định.

3. Công Ty TNHH TM DV XD Phương Anh có trách nhiệm:

3.1. Định kỳ 03 tháng, báo cáo tình hình nhập khẩu sản phẩm hàng hóa được miễn giảm kiểm tra kèm theo kết quả đánh giá sự phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn công bố áp dụng cho Sở Xây dựng An Giang để theo dõi và thực hiện công tác hậu kiểm. Nội dung báo cáo theo Khoản 1 Điều 7 tại Thông tư 06/2020/TT-BKHCN ngày 10/12/2020 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

3.2. Trong thời hạn được miễn giảm kiểm tra, định kỳ 03 tháng, người nhập khẩu không báo cáo tình hình nhập khẩu kèm theo kết quả đánh giá sự phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn công bố áp dụng cho cơ quan kiểm tra để theo dõi và thực hiện công tác hậu kiểm hoặc trong thời hạn được miễn giảm kiểm tra quy định tại điểm c khoản 8 Điều 7 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP, cơ quan kiểm tra có văn bản thông báo dừng áp dụng chế độ miễn giảm kiểm tra.

Trên đây là ý kiến của Sở Xây dựng, thông tin đến Công Ty TNHH TM DV XD Phương Anh biết thực hiện. /

Nơi nhận :

- Như trên;
- UBND tỉnh (để b/c);
- Cục Hải quan tỉnh An Giang;
- Ban GD sở;
- CVP sở;
- Website sở;
- Lưu: VT, KT&QLXD, Long (3).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Phan Duy Quang

Phan Duy Quang

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 1209.....Quyển số: 01.....-SCT/BS

Ngày 19 tháng 07 năm 2025

CHỦ TỊCH



Nguyễn Minh Tài

Số: 82 /GP-UBND

Phan Rang-Tháp Chàm, ngày 15 tháng 11 năm 2010

GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 20 tháng 3 năm 1996 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 và Nghị định số 07/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 309/2008/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản để làm vật liệu xây dựng thông thường thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh giai đoạn đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Quyết định số 314/QĐ-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê chuẩn “Báo cáo kết quả thăm dò đá xây dựng mỏ đá Cô Lô, xã Công Hải, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận”; Quyết định số 1746/QĐ-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án khai thác, chế biến đá xây dựng mỏ đá Cô Lô, xã Công Hải, huyện Thuận Bắc;

Xét đơn và hồ sơ xin khai thác khoáng sản số 36/KTKS-DNĐB ngày 27 tháng 10 năm 2010 của Doanh nghiệp Thương mại và Dịch vụ vận chuyển Đức Bảo;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2153/TTr-STNMT ngày 11 tháng 11 năm 2010,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Doanh nghiệp Thương mại và Dịch vụ vận chuyển Đức Bảo (địa chỉ trụ sở: số 92- đường Nguyễn Văn Cừ, phường Thanh Sơn, thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận) được khai thác, chế biến khoáng sản đá xây dựng tại mỏ đá Cô Lô, thuộc xã Công Hải, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận.

Diện tích khu vực khai thác là 16,8ha; giới hạn bởi các điểm khép góc 1, 2, 3, 4, 5, 6 có tọa độ xác định trên Bản đồ khu vực khai thác khoáng sản do Doanh

ngành Thương mại và Dịch vụ vận chuyển Đức Bảo lập và được Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, xác nhận kèm theo, cụ thể tọa độ như sau:

Điểm	Tọa độ VN-2000		Điểm	Tọa độ VN-2000	
	X (m)	Y (m)		X (m)	Y (m)
1	1305.284	590.748	4	1304.753	590.923
2	1305.224	590.932	5	1304.776	590.793
3	1305.006	591.116	6	1304.859	590.598

- Trữ lượng khai thác: 7.076.560 m³; thân khoáng: Đá xây dựng;
- Công suất khai thác: 250.000 m³/năm (nguyên khai);
- Thời hạn khai thác: 30 năm, kể từ ngày cấp giấy phép.

Điều 2. Doanh nghiệp Thương mại và Dịch vụ vận chuyển Đức Bảo có trách nhiệm:

1. Thực hiện khai thác, chế biến theo Dự án đầu tư và thiết kế khai thác mỏ đã lập, được thẩm định, phê duyệt, các quy định của pháp luật về khoáng sản và pháp luật khác có liên quan.

2. Liên hệ Sở Tài nguyên và Môi trường để được hướng dẫn lập hồ sơ thuê đất theo quy định.

3. Thực hiện đúng chế độ báo cáo định kỳ theo quy định hiện hành; nộp đầy đủ thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường và các nghĩa vụ tài chính khác trong hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện đóng cửa mỏ, phục hồi môi trường và đất đai sau khai thác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Hoạt động khai thác, chế biến đá xây dựng theo Giấy phép này chỉ được tiến hành sau khi Doanh nghiệp Thương mại và Dịch vụ vận chuyển Đức Bảo ký hợp đồng thuê đất và thông báo về Giám đốc điều hành mỏ, kế hoạch khai thác mỏ bằng văn bản với Sở Tài nguyên và Môi trường; đăng ký, kê khai thuế và phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác, chế biến đá xây dựng tại Chi cục thuế huyện Thuận Bắc.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Thuận Bắc, Chi cục trưởng Chi cục thuế huyện Thuận Bắc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Công Hải, Chủ Doanh nghiệp Thương mại và Dịch vụ vận chuyển Đức Bảo và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan căn cứ Giấy phép thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 (Sở TN & MT: 02 bản);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Xây dựng;
- Lưu: VT, KTN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Xuân Hòa

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 444 /QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày 22 tháng 9 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh tên đơn vị trên Giấy phép khai thác khoáng sản

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Xét đề nghị của Công ty TNHH Cô Lô Ninh Thuận tại văn bản số 07/VP-CT ngày 01 tháng 8 năm 2011 về việc điều chỉnh tên trên Giấy phép khai thác khoáng sản;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1832/TTr-STNMT ngày 17 tháng 8 năm 2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh tên Doanh nghiệp thương mại và dịch vụ vận chuyển Đức Bảo (địa chỉ trụ sở: số 92- đường Nguyễn Văn Cừ, phường Thanh Sơn, thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận) trên Giấy phép khai thác khoáng sản số 82/GP-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh cấp tại mỏ đá Cô Lô thuộc xã Công Hải, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận thành Công ty TNHH Cô Lô Ninh Thuận (địa chỉ trụ sở: số 11- đường Lê Duẩn, phường phủ Hà, thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận). Các nội dung khác trong Giấy phép khai thác khoáng sản số 82/GP-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2010 vẫn giữ nguyên.

Điều 2. Công ty TNHH Cô Lô Ninh Thuận có trách nhiệm liên hệ với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan, đơn vị liên quan để được hướng dẫn thủ tục điều chỉnh tên đơn vị trên các hồ sơ pháp lý có liên quan cho phù hợp theo quy định tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Công ty TNHH Cô Lô Ninh Thuận và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở: TN&MT, Công Thương, Xây dựng;
- UBND huyện Thuận Bắc;
- UBND xã Công Hải;
- Chi cục thuế huyện Thuận Bắc;
- Công ty TNHH Cô Lô Ninh Thuận;
- Lưu: VT, KTN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Xuân Hòa

ĐĂNG KÝ NHÀ NƯỚC KHU VỰC KHAI THÁC MỎ

- Tên chủ giấy phép khai thác: Doanh nghiệp Thương mại và Dịch vụ vận chuyển Đức Bảo.
- Trụ sở tại: Số 92, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Thanh Sơn, thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.
- Số điện thoại: 068.3836638 Fax: 068.3836645
- Giấy phép khai thác khoáng sản số: 82/GP-UBND cấp ngày 16/11/2010.
- Cơ quan cấp giấy phép: Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận.
- Chủ giấy phép đã đăng ký hoạt động khai thác theo Giấy phép này tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Thuận.
- Số đăng ký: 55/2010 ĐKKT.
- Giấy đăng ký này cùng với Giấy phép khai thác là căn cứ pháp lý để Chủ giấy phép thực hiện thủ tục hành chính tại Ủy ban nhân dân xã Công Hải và các thủ tục liên quan khác tại các cơ quan có chức năng./.

Phan Rang – Tháp Chàm, ngày 19 tháng 11 năm 2010

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

KT.GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Huyền

GIẤY CHỨNG NHẬN



Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng của

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HUỲNH NGHIÊM

Địa chỉ: Số 16A Thống Nhất, phường Đài Sơn, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam.

Địa điểm sản xuất: Mỏ đá Cô Lô, xã Công Hải, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam.

Được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc tế:

ISO 9001:2015

Cho lĩnh vực:

Sản xuất, phân phối đá và cát xây dựng.

Số Giấy chứng nhận : TQC.01.1888.1

Hiệu lực của chứng nhận : Từ 30/11/2023 đến 29/11/2026

Từ ngày 30/11/2024, Giấy chứng nhận này có hiệu lực nếu có Thông báo kết quả đánh giá giám sát duy trì hiệu lực của TQC CGLOBAL đi kèm theo (trong 03 năm thực hiện giám sát duy trì hiệu lực 02 lần).

Ngày ký : 30/11/2023

Quét mã truy xuất chứng chỉ



TQC.01.1888.1

Dấu chứng nhận



TQC CERTIFICATE No. TQC.1888

GIÁM ĐỐC



Lê Mạnh Cường

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM - TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ CHỨNG NHẬN TQC CGLOBAL

Tra cứu hiệu lực chứng chỉ tại: <https://tqc.vn/khach-hang-hieu-luc.htm> - Văn phòng cấp chứng chỉ: Tòa nhà số 51, ngõ 140/1 đường Nguyễn Xiển, Phường Hạ Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Hotline Hà Nội: 0969416668 - Đà Nẵng: 0968799816 - Hồ Chí Minh: 0988397156; Email: certify@tqc.vn; Website: <http://tqc.vn>

GIẤY CHỨNG NHẬN



Chứng nhận sản phẩm **ĐÁ DẪM DỪNG CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA, CÁT NGHIÊM DỪNG CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA**

Của: **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HUỲNH NGHIÊM**

Địa chỉ: Số 16A Thống Nhất, phường Đài Sơn, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam.

Địa điểm sản xuất: Mỏ đá Cô Lô, xã Công Hải, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam.

Được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia:

QCVN 16:2019/BXD

Phương thức chứng nhận: Phương thức 5 theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHCHN ngày 12/12/2012 và Thông tư số 02/2017/TT-BKHCHN ngày 31/03/2017

Số Giấy chứng nhận : TQC.5.1888.1

Hiệu lực của chứng nhận : 30/11/2023 đến 29/11/2026

Từ ngày 30/11/2024, Giấy chứng nhận này có hiệu lực nếu có Thông báo kết quả đánh giá giám sát duy trì hiệu lực của TQC CGLOBAL đi kèm theo (trong 03 năm thực hiện giám sát duy trì hiệu lực 02 lần).

Chi tiết tại Quyết định số : 1888.2/2023/QĐ-TQC Ngày ký: 30/11/2023

Quét mã truy xuất chứng chỉ



TQC.5.1888.1

Dấu chứng nhận



Lã Mạnh Cường

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM - TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ CHỨNG NHẬN TQC CGLOBAL

Tra cứu hiệu lực chứng chỉ tại: <https://tqc.vn/khach-hang-hieu-luc.htm> - Văn phòng cấp chứng chỉ: Tòa nhà số 51, ngõ 140/1 đường Nguyễn Xiển, Phường Hạ Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Hotline Hà Nội: 0969416668 - Đà Nẵng: 0968799816 - Hồ Chí Minh: 0988397156; Email: certify@tqc.vn; Website: <http://tqc.vn>

Số: 1888.1/2023/QĐ-TQC

Hà Nội, ngày 30 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn ISO 9001:2015

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ CHỨNG NHẬN TQC CGLOBAL

- Căn cứ Quyết định số 1804/QĐ-LHHVN ngày 19/12/2017 của Liên hiệp các Hội khoa học và Kỹ thuật Việt Nam về việc thành lập Trung tâm Kiểm nghiệm và chứng nhận chất lượng TQC;
- Căn cứ Quyết định số 107/QĐ-LHHVN ngày 08/03/2023 của Liên hiệp các Hội khoa học và Kỹ thuật Việt Nam về việc đổi tên Trung tâm Kiểm nghiệm và Chứng nhận Chất lượng TQC thành Trung tâm Kiểm nghiệm và Chứng nhận TQC CGLOBAL;
- Căn cứ Quyết định số 110/QĐ-LHHVN ngày 08/03/2023 của Liên hiệp các Hội khoa học và Kỹ thuật Việt Nam về việc bổ nhiệm Giám đốc Trung tâm Kiểm nghiệm và Chứng nhận TQC CGLOBAL;
- Căn cứ Giấy đăng ký hoạt động Khoa học và Công nghệ số A-1861 ngày 28/03/2023 của Trung tâm Kiểm nghiệm và chứng nhận TQC CGLOBAL do Bộ Khoa học và Công nghệ cấp;
- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký lĩnh vực hoạt động chứng nhận số 926/TĐC-HCHQ ngày 05/04/2023 của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Căn cứ Báo cáo thẩm xét hồ sơ đánh giá chứng nhận ngày 29/11/2023;
- Xét đề nghị của Trưởng phòng Chứng nhận.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Cấp Giấy chứng nhận số **TQC.01.1888.1** ngày 30 tháng 11 năm 2023, chứng nhận **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HUỖNH NGHIÊM:**

Địa chỉ: Số 16A Thống Nhất, phường Đài Sơn, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam.

Địa điểm sản xuất: Mỏ đá Cô Lô, xã Công Hải, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam.

Có hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn **ISO 9001:2015**, với phạm vi chứng nhận: **Sản xuất, phân phối đá và cát xây dựng.**

Điều 2. **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HUỖNH NGHIÊM** được phép sử dụng Giấy chứng nhận và dấu phù hợp tiêu chuẩn theo quy định của Trung tâm Kiểm nghiệm và Chứng nhận TQC CGLOBAL.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực **03 năm** kể từ ngày kí. Hệ thống quản lý chất lượng của **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HUỖNH NGHIÊM** được nêu trong Điều 1 chịu sự đánh giá giám sát định kỳ không quá 12 tháng/lần, tương ứng tối thiểu 02 lần đánh giá giám sát trong 03 năm giấy chứng nhận có hiệu lực.

Nơi nhận:

- Như điều 1;
- Lưu VT.

TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM
VÀ CHỨNG NHẬN TQC CGLOBAL



GIÁM ĐỐC
Lã Mạnh Cường

Số: 1888.2/2023/QĐ-TQC

Hà Nội, ngày 30 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 16:2019/BXD

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ CHỨNG NHẬN TQC CGLOBAL

- Căn cứ Quyết định số 1804/QĐ-LHHVN ngày 19/12/2017 của Liên hiệp các Hội khoa học và Kỹ thuật Việt Nam về việc thành lập Trung tâm Kiểm nghiệm và Chứng nhận Chất lượng TQC;
- Căn cứ Quyết định số 107/QĐ-LHHVN ngày 08/03/2023 của Liên hiệp các Hội khoa học và Kỹ thuật Việt Nam về việc đổi tên Trung tâm Kiểm nghiệm và Chứng nhận Chất lượng TQC thành Trung tâm Kiểm nghiệm và Chứng nhận TQC CGLOBAL;
- Căn cứ Quyết định số 110/QĐ-LHHVN ngày 08/03/2023 của Liên hiệp các Hội khoa học và Kỹ thuật Việt Nam về việc bổ nhiệm Giám đốc Trung tâm Kiểm nghiệm và Chứng nhận TQC CGLOBAL;
- Căn cứ Giấy đăng ký hoạt động Khoa học và Công nghệ số A-1861 ngày 28/03/2023 của Trung tâm Kiểm nghiệm và Chứng nhận TQC CGLOBAL do Bộ Khoa học và Công nghệ cấp;
- Căn cứ Quyết định số 1126/QĐ-BXD ngày 24/08/2020 về việc chỉ định tổ chức chứng nhận hợp quy sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng và Quyết định số 1438/BXD-KHCN ngày 13/04/2023 về việc điều chỉnh thông tin trên quyết định chỉ định tổ chức chứng nhận/ thử nghiệm, Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Bộ Xây dựng;
- Căn cứ Báo cáo thẩm xét hồ sơ đánh giá chứng nhận hợp quy ngày 29/11/2023;
- Xét đề nghị của Trưởng phòng Chứng nhận.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Cấp Giấy chứng nhận số TQC.5.1888.1 đối với:

Sản phẩm: **ĐÁ DẪM DÙNG CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA, CÁT NGHIỀN DÙNG CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA**

Của: **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HUỖNH NGHIỆM**

Địa chỉ: Số 16A Thống Nhất, phường Đài Sơn, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam.

Địa điểm sản xuất: Mỏ đá Cô Lô, xã Công Hải, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam.

Phù hợp với: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số **QCVN 16:2019/BXD**

Phương thức đánh giá: Phương thức 5 theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 và Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/03/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

(Chi tiết xem tại Phụ lục kèm theo Quyết định này)



Điều 2. CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HUỲNH NGHIÊM được phép sử dụng Giấy chứng nhận và dấu phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số QCVN 16:2019/BXD theo quy định của Trung tâm Kiểm nghiệm và Chứng nhận TQC CGLOBAL.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực **03 năm** kể từ ngày ký. Các sản phẩm của **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HUỲNH NGHIÊM** được nêu trong Điều 1 chịu sự đánh giá giám sát định kỳ 12 tháng/lần, tương ứng 02 lần đánh giá giám sát trong 03 năm Giấy chứng nhận có hiệu lực.

Nơi nhận:

- Như điều 1;
- Lưu VT.

**TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM
VÀ CHỨNG NHẬN TQC CGLOBAL**



GIÁM ĐỐC
Lã Mạnh Cường





PHỤ LỤC I: PHẠM VI CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1888.2/2023/QĐ-TQC ngày 30 tháng 11 năm 2023 của Trung tâm Kiểm nghiệm và Chứng nhận TQC CGLOBAL)

TT	Tên sản phẩm	Kiểu loại	Số TCCS
1.	Đá dăm dùng cho bê tông và vữa	Cốt liệu lớn (đá dăm) dùng cho bê tông và vữa	TCCS 01:2020/HN
2.	Cát nghiền dùng cho bê tông và vữa	Cát thô	TCCS 02:2023/HN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ HỢP CHUẨN/HỢP QUY

Số: 4500401790/HN/0108143074

Tên tổ chức: **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HUỲNH NGHIÊM**

Địa chỉ: Số 16A Thống Nhất, Phường Đài Sơn, Thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam

Địa chỉ khai thác: Mỏ đá Cô Lô, Xã Công Hải, Huyện Thuận Bắc, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam

Điện thoại: 0259 3834 109

E-mail:

CÔNG BỐ:

Sản phẩm, hàng hóa, quá trình, dịch vụ, môi trường (*tên gọi, kiểu, loại, nhãn hiệu, đặc trưng kỹ thuật,...*)

STT	Tên sản phẩm	Kiểu loại	Số tiêu chuẩn cơ sở
1	Cốt liệu dùng cho bê tông và vữa (Đá dăm)	Cốt liệu lớn (đá dăm) dùng cho bê tông và vữa	TCCS 01:2020/HN
2	Cát nghiền dùng cho bê tông và vữa	Cát thô	TCCS 02:2023/HN

Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia số QCVN 16:2019/BXD

Thông tin bổ sung (*căn cứ công bố hợp chuẩn/hợp quy, phương thức đánh giá sự phù hợp...*):

- Căn cứ công bố hợp quy: Căn cứ Giấy chứng nhận Hợp quy số **TQC.01.1888.1** ngày 30/11/2023 của Trung tâm Kiểm nghiệm và chứng nhận TQC CGLOBAL.
- Phương thức đánh giá sự phù hợp: Phương thức 5 theo (Thông tư 28/2012/TT-BKHHCN ngày 12/12/2012 và Thông tư số 02/2017/TT-BKHHCN ngày 31/03/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ.)



CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HUỲNH
NGHIÊM cam kết và chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm do mình sản xuất,
kinh doanh, bảo quản, vận chuyển.

Ninh Thuận, ngày 30 tháng 12 năm 2023

Đại diện Tổ chức, cá nhân

(Ký tên, chức vụ, đóng dấu)



Chau
NGHIÊM XUÂN QUANG THAI
GIÁM ĐỐC



UBND TỈNH NINH THUẬN
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 380/TB-SXD

Ninh Thuận, ngày 30 tháng 01 năm 2024

**THÔNG BÁO
TIẾP NHẬN HỒ SƠ CÔNG BỐ HỢP QUY**

Sở Xây dựng Ninh Thuận xác nhận đã tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy số 4500401790/HN/0108143074 ngày 30 tháng 12 năm 2023 của: Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Huỳnh Nghiêm.

Địa chỉ: Số 16A đường Thống Nhất, phường Đài Sơn, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

Điện thoại: 02593 834 109

- Cho sản phẩm: Cốt liệu lớn (Đá dăm) dùng cho bê tông và vữa; Kích thước hạt: (10x20)mm, (20x40)mm, (40x60)mm.

- Cho sản phẩm: Cát nghiền dùng cho bê tông và vữa; Loại: Cát hạt thô.

Địa chỉ sản xuất: Xã Công Hải, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận.

Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật: QCVN 16:2023/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng.

Có giá trị đến: Ngày 29 tháng 11 năm 2026.

Thông báo này ghi nhận sự cam kết của tổ chức, cá nhân. Thông báo này không có giá trị chứng nhận cho sản phẩm, hàng hóa, quá trình, dịch vụ, môi trường phù hợp với tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Huỳnh Nghiêm phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm, hàng hóa, quá trình, dịch vụ, môi trường do mình sản xuất, kinh doanh, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, khai thác./.

Nơi nhận: *lh*

- UBND tỉnh (báo cáo);
- GD, PGD Sở (N.V.Vinh);
- Cty TNHH TM&DV Huỳnh Nghiêm;
- Lưu: VT, QLHXD&HTKT.



HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC MUA BÁN
Số: 260102/HĐNT/CL-HN

Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017;

Căn cứ vào luật thương mại số: 36/2005/QH 11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2006;

Căn cứ vào nhu cầu và năng lực của hai bên.

Hôm nay ngày 02 tháng 01 năm 2026, tại văn phòng Công ty TNHH Cô Lô Ninh Thuận chúng tôi gồm có:

I. BÊN MUA: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HUỲNH NGHIÊM (BÊN A)

Địa chỉ: Thôn Suối Vang, xã Công Hải, tỉnh Khánh Hoà, Việt Nam

Mã số thuế: 4500401790

Tài khoản: 8621123456 mở tại Ngân hàng Quân đội MB - CN Ninh Thuận

Đại diện: Bà Hà Thị Hương Giang Chức vụ: Giám đốc

Điện thoại: 0943911468

Email: tnhhuynhnghiem123@gmail.com

II. BÊN BÁN: CÔNG TY TNHH CÔ LÔ NINH THUẬN (BÊN B)

Địa chỉ: Thôn Suối Vang, xã Công Hải, tỉnh Khánh Hoà, Việt Nam

Mã số thuế: 4500218837

Tài khoản số: 8623123456 mở tại Ngân hàng Quân đội MB - CN Ninh Thuận

Đại diện: Ông Nguyễn Quyết Tiên Chức vụ: Giám đốc

Điện thoại: 0913914686

Sau khi bàn bạc bên A đồng ý mua, bên B đồng ý bán hàng hóa với số lượng, chất lượng và giá cả như sau:

Điều 1: Hàng hóa, số lượng, chất lượng, giá cả:

1. Tên hàng, giá cả, số lượng:

Bên B bán cho bên A đá xây dựng các loại bao gồm: Đá xô bờ (đá sau nổ mìn), đá 1x2, đá 2x4...

Giá cả theo giá cả thị trường theo từng thời điểm sẽ thông báo qua điện thoại, được thể hiện cụ thể ở từng hóa đơn GTGT bên B xuất cho bên A

Nếu có sự biến động về giá cả thị trường, nguyên nhiên vật liệu phục vụ sản xuất thì hai bên sẽ thông báo cho nhau để bàn bạc và thống nhất làm phụ lục hợp đồng.

2. Chất lượng: Đại diện bên A kiểm tra chất lượng trước khi nhận hàng.

Hình thái của đá nguyên liệu: không lẫn tạp chất hữu cơ (than, rễ cây...).

Điều 2: Thời gian, tiến độ, địa điểm, phương thức giao nhận hàng.

1. Thời gian giao hàng: 24/24h.

2. Tiến độ giao hàng: vào tất cả các ngày trong tháng.

3. Địa điểm giao hàng: Tại bãi chứa vật liệu của Công ty TNHH TM và DV Huỳnh Nghiêm

4. Phương thức giao nhận hàng:

- Khối lượng đá giao nhận được đại diện hai bên tiến hành cân, đo kiểm tra thực tế.

- Căn cứ vào chứng từ nghiệm thu, giao nhận hai bên sẽ tiến hành tổng hợp, đối chiếu khối lượng để bên B phát hành hóa đơn VAT cho bên A.

Điều 3: Phương thức thanh toán .

1: *Chứng từ:* - Biên bản đối chiếu khối lượng.

- Hóa đơn tài chính hợp lệ (HĐ GTGT) do bên B phát hành

2: *Phương thức, thời gian thanh toán:*

- Phương thức thanh toán: Bên A thanh toán trực tiếp vào tài khoản của bên B bằng hình thức chuyển khoản hoặc tiền mặt. (Đồng tiền thanh toán là đồng tiền Việt Nam đồng).

- Thời hạn thanh toán: Sau khi thủ tục hoàn tất, Bên A có trách nhiệm thanh toán tiền hàng cho bên B.

Điều 4: Trách nhiệm của các bên:

1. Trách nhiệm của bên B:

- Cung cấp đủ khối lượng hàng theo kế hoạch của bên A.

- Cử cán bộ thường xuyên cùng cán bộ của bên A giải quyết kịp thời những phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện hợp đồng.

- Trong quá trình vận chuyển và bốc xúc các bên phải đảm bảo an toàn về người và tài sản chung cho cả hai bên, nếu bên nào để xảy ra mất an toàn thì bên đó hoàn toàn chịu trách nhiệm.

2. Trách nhiệm của bên A.

- Thông báo thời gian, tiến độ khối lượng cần lấy cho bên B trước 48 giờ để bên B bố trí lịch sản xuất.

4017
ÔNG T
NHIỆM
MẠI VÀ
NHNG

1/ - T. K

1883

NG T

NHH

Ô L C

I THU

1/ - T. K

- Cử người nhận hàng, xác nhận và nghiệm thu khối lượng, chất lượng theo đúng khối lượng thỏa thuận như ghi trong phần trên của hợp đồng này.
- Thanh toán tiền hàng cho bên B theo khoản 3.2 Điều 3 của hợp đồng này.

Điều 5: Trường hợp bất khả kháng

Là trường hợp khách quan ngoài tầm kiểm soát của cả hai bên, như trường hợp mất điện, trời mưa to đường vận chuyển bị phá hỏng, thiết bị vận chuyển và xay nghiền không thể hoạt động được, khai thác gặp khó khăn. Nếu bên nào bị ảnh hưởng bởi bất khả kháng trước thì phải thông báo ngay cho bên kia biết trong vòng 02 giờ kể từ khi xảy ra bất khả kháng.

Điều 6: Điều khoản chung.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản đã ghi trong hợp đồng. Nếu có vướng mắc gì xảy ra, hai bên sẽ cố gắng giải quyết bằng thương lượng hòa giải. Trong trường hợp thương lượng hòa giải không thành công thì hai bên đồng ý đưa ra Tòa án Dân sự có thẩm quyền tại Khánh Hòa để giải quyết. Mọi chi phí do bên thua kiện phải chịu.

Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2026. Sau khi hai bên thực hiện xong nghĩa vụ với nhau thì hợp đồng tự thanh lý.

Hợp đồng được lập thành 04 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.



GIÁM ĐỐC
Hà Thị Hương Giang



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Quyết Tiến



**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Mã số doanh nghiệp: 4500218837

Đăng ký lần đầu: ngày 04 tháng 01 năm 2002

Đăng ký thay đổi lần thứ: 19, ngày 25 tháng 07 năm 2025

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH CÔ LÔ NINH THUẬN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CO LO NINH THUAN COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: CO LO NINH THUAN CO.,LTD

2. Địa chỉ trụ sở chính

Thôn Suối Vàng, Xã Công Hải, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Điện thoại: 0913.914686

Thư điện tử: coloninhthuan@gmail.com

SốFax:

Website:

3. Vốn điều lệ : 45.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Bốn mươi lăm tỷ đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn



STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên là cá nhân; Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Quyết định thành lập/giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương đối với tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN QUYẾT TIẾN	Việt Nam	LK 16-9 Nguyễn Chí Thanh, khu phố 8, Phường Phan Rang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam	39.375.000.000	87,500	035087014 104	
2	ĐINH THỊ THU DỊU	Việt Nam	LK 16-9 Nguyễn Chí Thanh, khu phố 8, Phường Phan Rang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam	5.625.000.000	12,500	035189000 956	

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ, chữ đệm và tên: NGUYỄN QUYẾT TIẾN

Giới tính: *Nam*

Ngày, tháng, năm sinh: *07/01/1987*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Số định danh cá nhân: *035087014104*

Địa chỉ liên lạc: *LK 16-9 Nguyễn Chí Thanh, khu phố 8, Phường Phan Rang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam*

TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Thị Như Thy

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Mã số doanh nghiệp: 4500401790

Đăng ký lần đầu: ngày 09 tháng 10 năm 2009

Đăng ký thay đổi lần thứ: 14, ngày 25 tháng 07 năm 2025

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG
MAI VÀ DỊCH VỤ HUYNH NGHIÊM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HUYNH NGHIEM COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: HUYNH NGHIEM CO.,LTD

2. Địa chỉ trụ sở chính

Thôn Suối Vang, Xã Công Hải, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Điện thoại: 0943.911468

Số Fax:

Thư điện tử: *huynhnghiem1@gmail.com*

Website:

3. Vốn điều lệ : 75.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Bảy mươi lăm tỷ đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn



STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VNĐ) và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên là cá nhân; Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Quyết định thành lập/giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương đối với tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN VĂN THẮNG	Việt Nam	Tổ Dân phố Trần Phú, Phường Châu Sơn, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam	65.625.000.000	87,500	035201002193	
2	CHU VĂN THÔNG	Việt Nam	Tổ 3D, Phường Phú Lý, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam	9.375.000.000	12,500	035097003128	

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ, chữ đệm và tên: **HÀ THỊ HƯƠNG GIANG**

Giới tính: **Nữ**

Ngày, tháng, năm sinh: **14/11/1991**

Quốc tịch: **Việt Nam**

Số định danh cá nhân: **035191011486**

Địa chỉ liên lạc: **Tổ 3D, Phường Phú Lý, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam**

TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Thị Như Thy

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
-----o0o-----

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC
Số: 251020/HĐNT/HN-TKC

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005 của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên,

Hôm nay, ngày 20 tháng 10 năm 2025 tại văn phòng Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Huỳnh Nghiêm chúng tôi gồm có:

BÊN BÁN : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HUỲNH NGHIÊM

Địa chỉ : Thôn Suối Vang, Xã Công Hải, Tỉnh Khánh Hoà, Việt Nam

Điện thoại : 0931.118.428

Mã số thuế : 4500401790

Số tài khoản : 8621123456 - Ngân hàng MB - CN Ninh Thuận

Đại diện : Bà Hà Thị Hương Giang Chức vụ: Giám đốc

BÊN MUA : CÔNG TY TNHH TK COMMERCE

Địa chỉ : 126/8 Ấp Tân Thới, Xã Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số thuế : 0317417755

Số tài khoản : 1030265144 - Ngân hàng Vietcombank - CN Bắc Sài Gòn

Đại diện : Ông Lê Trung Tín Chức vụ: Giám đốc

Sau khi thỏa thuận, hai bên thống nhất ký kết Hợp đồng nguyên tắc số 251020/HĐNT/HN-TKC (Sau đây gọi là “Hợp đồng”) với các điều khoản và điều kiện như sau:

ĐIỀU 1: HÀNG HOÁ, ĐƠN GIÁ, CHẤT LƯỢNG

1.1. Hàng hoá và Đơn giá:

- Tên hàng hoá: Đá xây dựng các loại.

- Đơn giá được hai bên thống nhất và được thể hiện trên hoá đơn GTGT hợp lệ do Bên Bán xuất cho Bên Mua.

- Đơn giá đã bao gồm thuế GTGT và các loại thuế phí khác có liên quan.

- Đơn giá có thể thay đổi theo từng thời điểm tùy thuộc giá cả thị trường. Khi có sự thay đổi về giá bán, Bên Bán có trách nhiệm thông báo ngay cho Bên Mua và cùng nhau thống nhất lại đơn giá mới.

1.2. Chất lượng: Bên Mua có quyền cử đại diện hoặc đơn vị giám định độc lập bằng chi phí của Bên Mua để kiểm tra chất lượng sản phẩm trước khi giao hàng. Căn cứ vào kết quả giám định, phân tích này, nếu hàng hoá không đạt chất lượng, Bên Mua có quyền từ chối nhận hàng và yêu cầu Bên Bán thay thế bằng một lô hàng khác đạt chất lượng Hợp đồng. Bên Bán không chịu trách nhiệm về mọi vấn đề liên quan đến chất lượng sau khi hàng hoá đã xuất bán (đã qua cân điện tử của Bên Bán).

1.3. Phạm vi tiêu thụ: Bên Mua cam kết tiêu thụ Hàng hóa trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam.

ĐIỀU 2: PHƯƠNG THỨC GIAO HÀNG

2.1. Thời gian, khối lượng và tiến độ giao hàng: Theo từng đơn hàng được hai bên xác nhận bằng email/tin nhắn/văn bản/điện thoại.

2.2. Địa điểm giao hàng: Giao xuống lòng tàu do Bên Mua chỉ định tại khu vực Cảng Cam Ranh, Phường Cam Linh, Tỉnh Khánh Hoà.

2.3. Tính khối lượng: Khối lượng Hàng hóa được xác định bằng khối lượng qua cân điện tử tại địa điểm giao hàng. Căn cứ vào chứng từ giao nhận, hai bên sẽ tiến hành tổng hợp, đối chiếu khối lượng làm căn cứ để Bên Bán phát hành hóa đơn GTGT cho Bên Mua.

ĐIỀU 3: THANH TOÁN

3.1. Chứng từ thanh toán: Biên bản đối chiếu khối lượng giữa hai bên, hóa đơn GTGT do Bên Bán phát hành.

3.2. Hình thức thanh toán: Thanh toán bằng chuyển khoản.

3.3. Thời hạn thanh toán: Bên Mua tạm ứng cho Bên Bán 50% giá trị tiền hàng theo Đơn đặt hàng để Bên Bán có cơ sở tiến hành sản xuất đơn hàng.

Sau khi hoàn tất việc nhận hàng và chốt khối lượng giao nhận, hai bên tiến hành thanh quyết toán toàn bộ công nợ trước khi Bên Bán xuất hoá đơn GTGT.

ĐIỀU 4: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN

4.1. Quyền và nghĩa vụ của Bên Bán

- Bên Bán đảm bảo cung cấp hàng hoá theo đúng quy cách, khối lượng, chất lượng và tiến độ cam kết trong Hợp đồng; Phối hợp cùng Bên Mua kịp thời giải quyết những phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng.

- Bên Bán có quyền tạm dừng cấp hàng cho Bên Mua khi Bên Mua không thực hiện đúng cam kết về thanh toán quy định tại Điều 3 của Hợp đồng.

- Trong quá trình giao hàng, các bên phải đảm bảo an toàn về người và tài sản chung cho cả hai bên, nếu bên nào để xảy ra mất an toàn thì bên đó hoàn toàn chịu trách nhiệm.

4.2. Quyền và nghĩa vụ của Bên Mua

- Bên Mua thông báo thời gian, tiến độ khối lượng cần lấy cho Bên Bán theo đúng quy định của Hợp đồng này để Bên Bán bố trí lịch sản xuất và giao hàng.

- Bên Mua có quyền cử đại diện nhận hàng theo đúng quy cách, khối lượng và chất lượng đã thoả thuận trong Hợp đồng;

- Trường hợp Bên Mua muốn kiểm tra hàng hoá trước khi giao hàng, Bên Mua tự chịu trách nhiệm lấy mẫu và phân tích. Việc lấy mẫu không được gây ảnh hưởng đến quá trình sản xuất và giao hàng của Bên Bán. Nếu có vấn đề phát sinh, hai bên phải phối hợp giải quyết kịp thời. Trường hợp Bên Mua không cử đại diện kiểm tra chất lượng, thì kết quả chất lượng do Bên Bán cung cấp mặc nhiên được coi là kết quả cuối cùng ràng buộc các bên.

- Bên Mua đảm bảo phương tiện vận chuyển/tàu nhận hàng có đầy đủ giấy tờ pháp lí theo quy định của Pháp luật và có đủ điều kiện để nhận hàng.

- Bên Mua thanh toán đúng thời hạn cho Bên Bán theo Điều 3 của Hợp đồng này.

ĐIỀU 5: BẤT KHẢ KHÁNG

Bất khả kháng là các sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được, bao gồm nhưng không giới hạn các sự kiện như thiên tai, hoả hoạn, chiến tranh, dịch bệnh, can thiệp của Cơ quan Chính phủ, Nhà nước về việc thay đổi các chính sách, pháp luật, quy định v.v.

Trường hợp xảy ra bất khả kháng, bên gặp bất khả kháng phải thông báo ngay bằng văn bản cho bên kia. Khi trường hợp bất khả kháng kết thúc, hai bên sẽ thoả thuận về việc tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ trong Hợp đồng.



4.2. Kết quả thử nghiệm cốt liệu nhỏ



LAS - XD 265

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG HOÀ BÌNH
PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG**

Văn phòng GD: 964/1 Lò Gốm - Phường Bình Tiên - Tp. Hồ Chí Minh
Văn phòng GD và TN: 161B/81/2A Lạc Long Quân - Phường Bình Thới - Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại/Hotline: 0933137166
Email: Hoabinhlas265@gmail.com

Số: 05/01/26-1a/KQTN

Phiếu YCTN số: 020126-1a

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Trang: 1/2

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CÁT

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VIỆT THÁI AN

Loại mẫu : Hỗn hợp cát sông 68% + cát nghiền 32%

Nguồn gốc : Cát sông Campuchia, cát nghiền Ninh Thuận

Hạng mục : Kiểm tra vật liệu đầu vào cọc bê tông ly tâm dự ứng lực

Ngày nhận mẫu : 02/01/2026

Ngày thí nghiệm : 02/01/2026 → 05/01/2026

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	So sánh với TCVN 7570- 2006
1	Thành phần hạt và mô đun độ lớn	-	TCVN 7572-2 : 06	2,46	-
2	Khối lượng riêng	g/cm ³	TCVN 7572-4 : 06	2,666	-
3	Khối lượng thể tích xốp	Kg/ m ³	TCVN 7572-6 : 06	1374	-
4	Độ hút nước	%	TCVN 7572-4 : 06	1,54	-
5	Độ ẩm	%	TCVN 7572-7 : 06	7,20	-
6	Hàm lượng bụi, bùn, sét	%	TCVN 7572-8 : 06	0,36	≤ 1.5%
7	Hàm lượng sét cục	%	TCVN 7572-8 : 06	0,00	≤ 0.25%

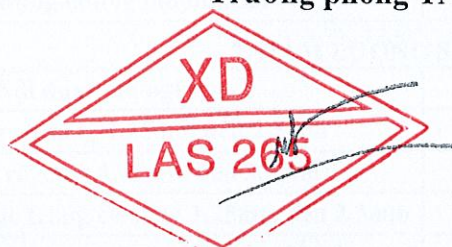
TP.Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 01 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG HOÀ BÌNH

Thí nghiệm viên

Trưởng phòng TN

Tổng Giám Đốc



Nguyễn Trọng Thái

K.S Bùi Minh Tân

Nguyễn Việt Chánh

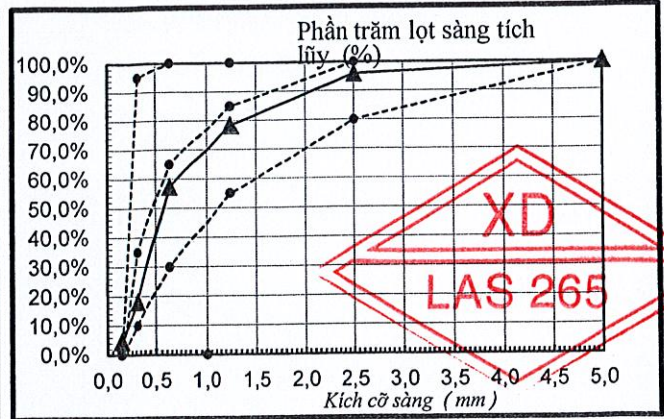
Ghi chú : Mẫu do khách hàng cung cấp

Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử, PTN không lưu mẫu

1. BẢNG PHÂN TÍCH THÀNH HẠT

Mắt sàng	Lượng sót trên từng sàng		% cộng dồn thành phần hạt	
(mm)	(g)	(%)	Tích lũy (%)	Lọt qua (%)
5.0	0,0	0,00	0,00	100
2.5	42,7	4,01	4,01	95,99
1.25	187,3	17,57	21,58	78,42
0.63	225,1	21,12	42,70	57,30
0.315	416,3	39,06	81,75	18,25
0.14	146,4	13,73	95,49	4,51
Đáy sàng	48,1	4,51	100,00	0,00
Tổng KL mẫu thí nghiệm (g):				1065,9

BIỂU ĐỒ THÀNH PHẦN HẠT



2. KHỐI LƯỢNG RIÊNG

TT	Nội dung thí nghiệm	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm		T.Bình
1	KL Bình + Nước + Tấm kính + Mẫu (m ₂)	(g)	2041,2	2039,4	-
2	KL Bình + Nước + Tấm kính (m ₃)	(g)	1645,6	1634,7	-
3	KL mẫu ở trạng thái khô hoàn toàn (m ₄)	(g)	633,2	647,5	-
4	KL riêng của vật liệu	(g/cm ³)	2,665	2,667	2,666

3. KHỐI LƯỢNG THỂ TÍCH XÓP

TT	Nội dung thí nghiệm	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm		T.Bình
1	KL mẫu thử + bình đong	(g)	2983,0	2985,0	-
2	KL bình đong	(g)	1610,0	1610,0	-
3	Thể tích bình đong	(lít)	1		-
4	Khối lượng thể tích xóp	(g/cm ³)	1,373	1,375	1,374

4. ĐỘ HÚT NƯỚC

TT	Nội dung thí nghiệm	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm		T.Bình
1	Khối lượng mẫu ướt (m ₁)	(g)	668,1	650,3	-
2	KL mẫu ở trạng thái khô hoàn toàn (m ₄)	(g)	658,1	640,3	-
3	Độ hút nước	(%)	1,52	1,56	1,54

5. ĐỘ ẨM

TT	Nội dung thí nghiệm	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm		T.Bình
1	LK mẫu trước khi sấy khô	(g)	655,7	646,2	-
2	LK mẫu sau khi sấy khô	(g)	611,9	602,6	-
3	Độ ẩm	(%)	7,16	7,23	7,20

6. HÀM LƯỢNG CHUNG BÙN, BỤI, SÉT

TT	Nội dung thí nghiệm	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm		T.Bình
1	KL mẫu trước khi thử nghiệm	(g)	1085,3	1048,4	-
2	KL mẫu sau khi thử nghiệm	(g)	1081,5	1044,5	-
3	Phần trăm hàm lượng chung bùn, bụi, sét	(%)	0,35	0,37	0,36

7. HÀM LƯỢNG SÉT CỤC

TT	Nội dung thí nghiệm	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm		T.Bình
1	KL vật liệu trong cỡ sàng 1.25mm đến 2.5mm	(g)	1,7	2,2	
	KL sét cục trong cỡ sàng 1.25mm đến 2.5mm	(g)	0,0	0,0	
	Hàm lượng sét cục trong cỡ sàng 1.25mm đến 2.5mm	(%)	0,0	0,0	0,00
2	Khối lượng vật liệu trong cỡ sàng 2.5mm đến 5mm	(g)	5,3	7,1	
	KL sét cục trong cỡ sàng 2.5mm đến 5mm	(g)	0,0	0,0	
	Hàm lượng sét cục trong cỡ sàng 2.5mm đến 5mm	(%)	0,0	0,0	0,00
3	Hàm lượng sét cục	(%)	0,0	0,0	0



5. Cốt liệu lớn

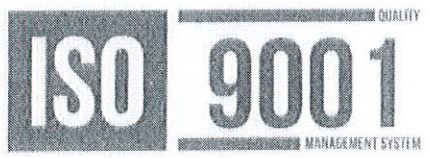


5.1. Giấy chứng nhận, hợp đồng

INTERNATIONAL CERTIFICATION



GIẤY CHỨNG NHẬN CERTIFICATE



CHỨNG NHẬN HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CỦA/
THIS IS TO CERTIFY THE QUALITY MANAGEMENT SYSTEM OF

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN LÊ CHÍNH LE CHINH COMPANY LIMITED

ĐỊA CHỈ/ ADDRESS:

Trụ sở chính/ Head office: Tổ 6, Khu phố Hải Dinh, Phường Kim Dinh, Thành phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam/ Group 6, Hai Dinh Quarter, Kim Dinh Ward, Ba Ria City, Ba Ria - Vung Tau Province, Vietnam.

Sản xuất/ Production: Tổ 65, Ấp Nhân Thành, Xã Quảng Thành, Huyện Châu Đức, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam/ Group 65, Nhan Thanh Hamlet, Quang Thanh Commune, Chau Duc District, Ba Ria - Vung Tau Province, Vietnam.

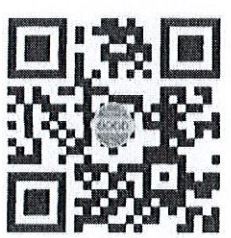
ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ PHÙ HỢP VỚI CÁC YÊU CẦU CỦA TIÊU CHUẨN/
HAS BEEN ASSESSED AND FOUND TO COMPLY WITH THE REQUIREMENTS OF:

ISO 9001:2015

CHO PHẠM VI/ FOR SCOPE:

Sản xuất cốt liệu, cát nghiền cho bê tông và vữa/
Production of aggregates and crushed sand for concrete and mortar./

Số chứng chỉ/ Certification No.: **GOODVN23223.QMS**
Ngày cấp/ Issued date: **16/06/2023**
Giá trị đến/ Expired date: **15/06/2026**



Truy xuất chứng nhận/
Trace the certificate



Dấu chứng nhận/
Certification mark

GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR *Nguyễn Đỗ Sơn*
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN QUỐC GIA GOOD VIỆT NAM
CHAI BÀ TRUNG - TP. HỒ CHÍ MINH
NGUYỄN ĐỖ SƠN



GOOD VIET NAM NATIONAL CERTIFICATION JOINT STOCK COMPANY

Add: 50B Mai Hạc De Street, Nguyen Du Ward, Hai Ba Trung District, Hanoi Website: chungnhanquocgia.com Tel: 0945.001.005

Giấy chứng nhận này sẽ hết hiệu lực nếu tổ chức không tuân thủ việc đánh giá giám sát hàng năm/
The certificate is no longer valid, if your organization does not conduct the annual surveillance audits

Số: 23223.QMS&HC5CV2/GOODVN-CN
V/v Thông báo duy trì chứng nhận

Hà Nội, ngày 14 tháng 06 năm 2025

Kính gửi: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN LÊ CHÍNH

Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Lê Chính đã được Công ty Cổ phần Chứng nhận Quốc gia GOOD Việt Nam cấp giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn ISO 9001:2015 số GOODVN23223.QMS và giấy chứng nhận sản phẩm Cốt liệu cho bê tông và vữa, Cát nghiền cho bê tông và vữa phù hợp tiêu chuẩn TCVN 7570:2006 & TCVN 9205:2012 số GOODVN232A23.HC5 & GOODVN232B23.HC5 ngày 16 tháng 6 năm 2023.

Thực hiện Quy định chứng nhận, ngày 30/5/2025 Công ty Cổ phần Chứng nhận Quốc gia GOOD Việt Nam đã tiến hành đánh giá giám sát lần 2 Hệ thống quản lý chất lượng & hợp chuẩn sản phẩm Cốt liệu cho bê tông và vữa, Cát nghiền cho bê tông và vữa tại Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Lê Chính. Kết quả đánh giá giám sát cho thấy Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Lê Chính đang triển khai thực hiện và duy trì hệ thống nêu trên. Trên cơ sở kết quả đánh giá giám sát, Công ty Cổ phần Chứng nhận Quốc gia GOOD Việt Nam thông báo đến Quý Công ty như sau:

Giấy chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn ISO 9001:2015 mang mã số GOODVN23223.QMS và Giấy chứng nhận hợp chuẩn sản phẩm Cốt liệu cho bê tông và vữa, Cát nghiền cho bê tông và vữa phù hợp tiêu chuẩn TCVN 7570:2006 & TCVN 9205:2012 số GOODVN232A23.HC5 & GOODVN232B23.HC5 có hiệu lực từ ngày 16 tháng 6 năm 2023 đến ngày 15 tháng 6 năm 2026 được duy trì. Trong thời gian hiệu lực của Giấy chứng nhận, Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Lê Chính tiếp tục được phép sử dụng dấu chứng nhận số GOODVN23223.QMS & GOODVN232A23.HC5 & GOODVN232B23.HC5 theo hình mẫu dưới đây:

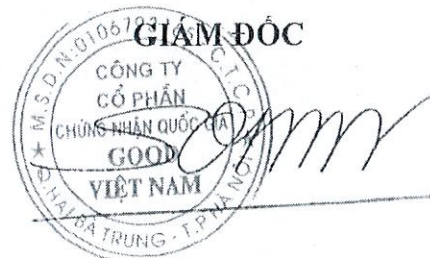


Công ty Cổ phần Chứng nhận Quốc gia GOOD Việt Nam thông báo để Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Lê Chính được biết. Đề nghị Quý Công ty tiếp tục duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và đảm bảo chất lượng sản phẩm Cốt liệu cho bê tông và vữa, Cát nghiền cho bê tông và vữa phù hợp tiêu chuẩn TCVN 7570:2006 & TCVN 9205:2012 và được Công ty Cổ phần Chứng nhận Quốc gia GOOD Việt Nam đánh giá trong lần đánh giá giám sát tiếp theo.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Phòng CN&KT;
- Tổ chức được chứng nhận;
- Lưu: Hồ sơ chứng nhận.



NGUYỄN ĐỖ SƠN

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN
VÀ KIỂM NGHIỆM CHẤT LƯỢNG
AQCERT**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 16 tháng 06 năm 2025

Số: 011606-2025/TB-AQC

Vv: Thông báo kết quả đánh giá giám
sát lần thứ 02 sau chứng nhận

Kính gửi: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN LÊ CHÍNH

Thực hiện Quy định về nội dung và thủ tục chứng nhận hợp quy của Công ty Cổ phần Chứng nhận và Kiểm nghiệm Chất lượng AQCERT, vào ngày 03/06/2025, Công ty AQCERT đã tiến hành đánh giá giám sát lần thứ hai đối với sản phẩm: Cát nghiền cho bê tông và vữa; Cốt liệu lớn (đá dăm) cho bê tông và vữa hợp quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD của Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Lê Chính (Địa chỉ trụ sở: Tổ 6, Khu Phố Hải Đình, Phường Kim Đình, Thành Phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam; Địa chỉ sản xuất: Mỏ đất đỏ, Xã Quảng Thành, Huyện Châu Đức, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam). Cụ thể:

Tên sản phẩm	Kiểu loại	Kích thước
Cát nghiền cho bê tông và vữa	Cát thô	-
Cốt liệu lớn (đá dăm) cho bê tông và vữa	Đá 1x1	5-20 mm
Cốt liệu lớn (đá dăm) cho bê tông và vữa	Đá 1x2	5-20 mm

AQCERT xin thông báo đến Quý Công ty kết quả đánh giá giám sát như sau:

- Không có sự không phù hợp loại 1, loại 2 được phát hiện.
- Có 02 điểm khuyến nghị cải tiến.

Căn cứ kết quả trên, Công ty Cổ phần Chứng nhận và Kiểm nghiệm Chất lượng AQCERT thông báo tiếp tục duy trì Giấy chứng nhận số 1389.HQ5.AQC.01 (theo quyết định số 051606-23/QĐ-AQC ngày 16/06/2023) và 1389.HQ5.AQC.02 (theo quyết định số 061606-23/QĐ-AQC ngày 16/06/2023) đối với các sản phẩm Cát nghiền cho bê tông và vữa; Cốt liệu lớn (đá dăm) cho bê tông và vữa của Công ty sản xuất.

Trân trọng thông báo.

Nơi nhận:

- Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Lê Chính;
- Lưu HCTC.



GIÁM ĐỐC

TRẦN THỊ MỸ VI



INTERNATIONAL CERTIFICATION



GIẤY CHỨNG NHẬN CERTIFICATE



CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM/
THIS IS TO CERTIFY PRODUCT

CỐT LIỆU CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA AGGREGATES FOR CONCRETE AND MORTAR

ĐƯỢC SẢN XUẤT TẠI/ PRODUCED IN:

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN LÊ CHÍNH LE CHINH COMPANY LIMITED

ĐỊA CHỈ/ ADDRESS:

Trụ sở chính/ Head office: Tổ 6, Khu phố Hải Đình, Phường Kim Đình, Thành phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam/ Group 6, Hai Dinh Quarter, Kim Dinh Ward, Ba Ria City, Ba Ria - Vung Tau Province, Vietnam.

Sản xuất/ Production: Tổ 65, Ấp Nhân Thành, Xã Quảng Thành, Huyện Châu Đức, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam/ Group 65, Nhan Thanh Hamlet, Quang Thanh Commune, Chau Duc District, Ba Ria - Vung Tau Province, Vietnam.

PHÙ HỢP VỚI CÁC YÊU CẦU CỦA/ COMPLY WITH REQUIREMENTS OF:

TCVN 7570:2006

PHƯƠNG THỨC CHỨNG NHẬN/ CERTIFICATION METHOD:

Phương thức 5 - Thông tư 28/2012/TT-BKHCHN/

Method 5 - Circular No. 28/2012/TT-BKHCHN.

Số chứng chỉ/ Certification No.: GOODVN232A23.HC5
Ngày cấp lần 1/ Issued date 1st: 16/06/2023
Ngày cấp lần 2/ Issued date 2nd: 14/06/2024
Giá trị đến/ Expired date: 15/06/2026



Truy xuất chứng nhận/
Trace the certificate



Dấu chứng nhận/
Certification mark

GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN QUỐC GIA
GOOD
VIỆT NAM
NGUYỄN ĐỖ SƠN

GOOD VIET NAM NATIONAL CERTIFICATION JOINT STOCK COMPANY

Add: 50B Mai Hac De Street, Nguyen Du Ward, Hai Ba Trung District, Hanoi Website: chungnhanquocgia.com Tel: 0945.001.005

Giấy chứng nhận này sẽ hết hiệu lực nếu tổ chức không tuân thủ việc đánh giá giám sát hàng năm/
The certificate is no longer valid, if your organization does not conduct the annual surveillance audits





CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ KIỂM NGHIỆM CHẤT LƯỢNG AQCERT
(SỐ ĐĂNG KÝ: 20/TN/BXD)

Địa chỉ trụ sở: 96 Tuy Lý Vương, Phường Khuê Mỹ, Quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng

Hotline: 0905.952.099

Website: www.aqcervn

Email: aqcercb@gmail.com

Số: 55/16/6/25/AQC.KQTN

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày kết quả: 16/06/2025

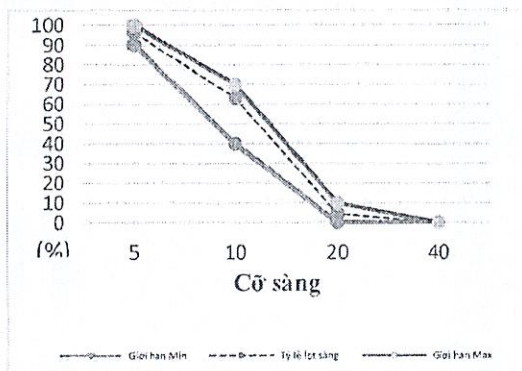
- Thông tin khách hàng: Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Lê Chính
Địa chỉ trụ sở: Tổ 6, Khu Phố Hải Đình, Phường Kim Đình, Thành Phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam
Địa chỉ sản xuất: Mỏ đồi đất đỏ, Xã Quảng Thành, Huyện Châu Đức, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam
- Loại mẫu: Cốt liệu lớn (đá dăm) cho bê tông và vữa; kiểu loại: Đá 1x1; kích thước: 5-20 mm
- Kí hiệu mẫu: 1389GS02 Số lượng: 10 kg
- Số Biên nhận: 4/05/6/2025/AQC Ngày nhận mẫu: 05/06/2025
- Nguồn gốc mẫu: Mẫu do chuyên gia đánh giá AQCERT lấy và gửi đến
- Kết quả thử nghiệm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Mức tham chiếu	Kết quả
1	Thành phần hạt	%	TCVN 7572-2:2006	(Xem bảng 1 và bảng 2)	(Xem bảng 1 và bảng 2)
2	Hàm lượng bụi, bùn, sét	%	TCVN 7572-8:2006	-	0,4
3	Hàm lượng ion Cl- (tan trong axit) trong cốt liệu lớn	%	TCVN 7572-15:2006	≤ 0,01	0,006
4	Mác của đá dăm	Mpa	TCVN 7572-10:2006	-	120
5	Khả năng phản ứng kiềm - silic	-	TCVN 7572-14:2006	Trong vùng cốt liệu vô hại	Trong vùng cốt liệu vô hại

Thành phần hạt (Bảng 1)

Biểu đồ thành phần hạt (Bảng 2)

Cỡ sàng	Lượng sót trên sàng	Lượng sót trên sàng	Lượng sót tích lũy trên sàng	Yêu cầu lượng sót tích lũy trên sàng
mm	gam	%	%	%
40	0	0	0	0
20	229	4,6	4,6	0-10
10	2925,0	58,5	63,1	40-70
5	1666,4	33,3	96,4	90-100
< 5	180,1	3,6	100,0	100
Tổng	5000g			



THỬ NGHIỆM VIÊN

Ngoc

NGUYỄN PHƯỚC THẢO NGỌC



GIÁM ĐỐC

TRẦN THỊ MỸ VI

- Các kết quả ghi trong phiếu này có giá trị trên mẫu thử.
- Không tự ý trích sao một phần kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Công ty AQCERT.



CÔNG TY TNHH TM - XD SÀI GÒN TEST
SAIGON TEST BUILDING TRADING COMPANY LIMITED
TRUNG TÂM TNVL & KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG
CENTER FOR TESTING MATERIALS AND BUILDING INSPECTION

Địa chỉ: 19/3C Ấp Mỹ Huệ - Xã Trung Chánh - Huyện Hóc Môn - Tp.HCM.
Tel: 028 66759684 ; Fax: 028.62534577
Email: saigontest.co@gmail.com

Số (No): 00506/119 /KQTN

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM/ TEST REPORT

Ngày (Date): 05 - 06 - 2025

CỐT LIỆU LỚN

- Các thông tin liên quan :

- Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN QUỐC GIA GOOD VIỆT NAM
- Địa chỉ : SỐ 50 MAI HẮC ĐẾ, PHƯỜNG NGUYỄN DU, QUẬN HAI BÀ TRUNG, TP.HÀ NỘI
- Đơn vị cung cấp : CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN LÊ CHÍNH
- Trụ sở : TỔ 6, KHU PHỐ HẢI DINH, PHƯỜNG KIM DINH, THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU, VIỆT NAM
- Địa điểm lấy mẫu : TỔ 65, ẤP NHÂN THÀNH, XÃ QUẢNG THÀNH, HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU, VIỆT NAM
- Tên mẫu thử : Đá dăm 5-20mm cốt liệu lớn cho bê tông (Đá 1x1)
- Mục đích : Chứng nhận hợp chuẩn - Ký hiệu mẫu : GS2-GOODVN23223-1.HC5
- Số yêu cầu : 300525/06-GOOD/YC-TEST - Số lượng mẫu : 01 mẫu/ 100(kg)
- Vị trí nhận mẫu : Tại phòng thí nghiệm - Ngày nhận mẫu : 30/05/2025
- Yêu cầu TN : Một số chỉ tiêu cơ lý theo TCVN 7570:2006 - Ngày thí nghiệm : 31/05/2025 -:- 05/06/2025
- Nguồn gốc mẫu : Lấy mẫu, tên mẫu và thông tin do đơn vị yêu cầu cung cấp
- Thiết bị TN : Bộ sàng tiêu chuẩn, cân kỹ thuật, thùng đong, phễu, tủ sấy, lò nung, máy Los Angeles, bình tỷ trọng; máy nén thủy lực, xi lanh, thuốc kẹp cải tiến, hoá chất, ...

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả thử	Yêu cầu kỹ thuật TCVN 7570:2006	Chi tiết
1	Thành phần hạt	(-)	TCVN7572-2:06	Xem chi tiết	Miễn quy định	Phụ lục I
2	Hàm lượng bụi, bùn, sét	(%)	TCVN7572-8:06	0.70	≤ 1% đối với BT>B30 ≤ 2% đối với BT B15-B30 ≤ 3% đối với BT<B15	Phụ lục I
3	Hàm lượng tạp chất hữu cơ	(số màu)	TCVN7572-9:06	Sáng hơn màu dung dịch chuẩn	Không thắm hơn màu chuẩn	Phụ lục I
4	Khối lượng thể tích xốp	(kg/m ³)	TCVN7572-6:06	1525	-	Phụ lục I
	Độ hở giữa các hạt của cốt liệu	(%)		43.15	-	-
5	Khối lượng riêng	(g/cm ³)	TCVN7572-4:06	2.731	-	Phụ lục I
	Khối lượng thể tích	(g/cm ³)		2.683	-	Phụ lục I
	Độ hút nước	(%)		0.65	-	Phụ lục I
6	Hàm lượng hạt thô dẹt	(%)	TCVN7572-13:06	11.66	≤ 15% đối với BT>B30 ≤ 35% đối với BT≤ 30	Phụ lục I
7	Hàm lượng Sunfat và Sunfit tính ra SO ₃	(%)	TCVN7572-16:06	0.208	≤ 0.5	Phụ lục II
8	Hàm lượng hạt mềm yếu và phong hóa	(%)	TCVN7572-17:06	0.00	-	Phụ lục II
9	Độ hao mòn khi va đập	(%)	TCVN7572-12:06	25.52	≤ 50%	Phụ lục II
10	Độ nén đập trong xi lanh	Ở trạng thái khô	(%)	9.06	-	Phụ lục II
		Ở trạng thái bão hòa	(%)	9.46	-	Phụ lục II
		Hệ số hóa mềm	(-)	0.96	-	-
11	Hàm lượng clorua Cl	(%)	TCVN7572-15:06	0.0065	≤ 0.01	Phụ lục III
12	Khả năng phản ứng kiềm silic	(-)	TCVN7572-14:06	Trong vùng cốt liệu vô hại	Trong vùng cốt liệu vô hại	Phụ lục III

TRUNG TÂM TNVL & KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG

Đại diện thí nghiệm

Hoàng Xuân Thái

Trưởng phòng-TN

Phạm Hồng Quân

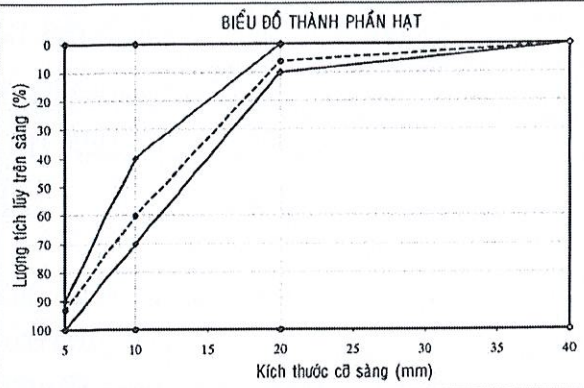
LAS 1427



PHỤ LỤC I

I. KẾT QUẢ THÀNH PHẦN HẠT (TCVN7572-2:06)

Kích thước cỡ sàng	Khối lượng tích lũy trên sàng	% Khối lượng tích lũy lọt sàng	% Khối lượng tích lũy trên sàng	Miền quy định TCVN 7570:2006	
				(mm)	(g)
40	0	100.00	0.00	0	0
20	320	93.90	6.10	0	10
10	3156	39.83	60.17	40	70
5	4883	6.90	93.10	90	100
<5	5245	0.00	100.00		



II. KẾT QUẢ HÀM LƯỢNG BỤI, BÙN, SÉT (TCVN7572-8:06)

Lần TN	Khối lượng mẫu khô trước khi rửa	Khối lượng mẫu khô sau khi rửa	Hàm lượng chung bụi, bùn, sét chứa trong cốt liệu	Trung bình
	(g)	(g)	(%)	(%)
1	5103.7	5068.0	0.70	0.70
2	5072.6	5036.6	0.71	

III. KẾT QUẢ HÀM LƯỢNG TẠP CHẤT HỮU CƠ (TCVN 7572-9:06)

Lần TN	Kết quả	Lần TN	Kết quả
(-)	(So sánh)	(-)	(So sánh)
1	Sáng hơn màu dung dịch chuẩn	2	Sáng hơn màu dung dịch chuẩn

IV. KẾT QUẢ KHỐI LƯỢNG THỂ TÍCH XỐP (TCVN 7572-6:06)

Lần TN	Khối lượng thùng đong có chứa cốt liệu	Khối lượng thùng đong	Thể tích thùng đong	Khối lượng thể tích xốp	Trung bình
	(g)	(g)	(m ³)	(kg/m ³)	(kg/m ³)
1	11101.0	3475	0.005	1525	1525
2	11100.4	3475		1525	

V. KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM KHỐI LƯỢNG RIÊNG, KHỐI LƯỢNG THỂ TÍCH VÀ ĐỘ HÚT NƯỚC (TCVN 7572-4:06)

Lần TN	Khối lượng mẫu ướt	Khối lượng bình+nước+ tấm kính+mẫu	Khối lượng bình+nước+tấm kính	Khối lượng mẫu ở trạng thái khô hoàn toàn	Khối lượng riêng của cốt liệu	Khối lượng thể tích của cốt liệu		Độ hút nước của cốt liệu
						ở trạng thái bão hòa nước	ở trạng thái khô	
	(g)	(g)	(g)	(g)	(g/cm ³)	(g/cm ³)	(g/cm ³)	(%)
1	1130.8	2273.6	1561.5	1123.5	2.731	2.701	2.683	0.65
2	1117.9	2265.4	1561.5	1110.6	2.731	2.700	2.683	0.66
Trung bình :					2.731	2.700	2.683	0.65

VI. KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM HÀM LƯỢNG HẠT THOI DỆT (TCVN 7572-13:06)

Kích thước cỡ sàng	% Khối lượng mẫu gốc ban đầu	Khối lượng mẫu thử	Khối lượng các hạt dẹt	% Khối lượng các hạt dẹt	% Thoi dẹt trên mẫu gốc
(mm)	(%)	(g)	(g)	(%)	(%)
20 -:- 40	6.10	5010.8	425.9	8.50	0.56
10 -:- 20	54.07	1058.5	120.2	11.36	6.60
5 -:- 10	32.93	251.7	32.1	12.75	4.51
Còn lại	6.90	Hàm lượng hạt thoi dẹt chung của hỗn hợp:			11.66

0317
 CÔNG TRÁCH THƯỜNG SÀI GÒN

PHỤ LỤC II

VII. KẾT QUẢ HÀM LƯỢNG SUNFAT VÀ SUNFIT TÍNH RA SO₃ (TCVN 7572-16:06)

Lần TN	Khối lượng mẫu thử	Khối lượng chén không chứa cặn	Khối lượng chén chứa cặn	Hệ số chuyển đổi BaSO ₄ thành SO ₃	Hàm lượng sunfat và Sunfit	Trung bình
(-)	(g)	(g)	(g)	(-)	(%)	(%)
1	101.0154	46.1511	46.2736	0.343	0.208	0.208
2	101.6403	45.0016	45.1249	0.343	0.208	

VIII. KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM HÀM LƯỢNG HẠT MỀM YẾU, PHONG HÓA (TCVN 7572-17:06)

Kích thước cỡ sàng	% Khối lượng mẫu gốc ban đầu	Khối lượng mẫu khô	Khối lượng hạt mềm yếu và phong hóa	% Khối lượng hạt mềm yếu và phong hóa	% hạt mềm yếu và phong hóa trên mẫu gốc
(mm)	(%)	(g)	(g)	(%)	(%)
20 -:- 40	6.10	5326	0	0.00	0.00
10 -:- 20	54.07	1040	0	0.00	0.00
5 -:- 10	32.93	252	0	0.00	0.00
Còn lại	6.90	Hàm lượng hạt mềm yếu và phong hóa của hỗn hợp :			0.00

IX. KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐỘ HAO MÒN KHI VA ĐẬP TRONG MÁY LOS ANGELES (TCVN 7572-12:06)

- Cấp phối: B Số vòng quay: 500 vòng Số lượng bi thép: 11 viên

Kích thước mắt sàng	Khối lượng cỡ hạt	Khối lượng mẫu ban đầu	Khối lượng mẫu sau khi thử	Độ hao mòn khi va đập
(mm)	(g)	(g)	(g)	(%)
12.5-:-19	2497.1	4995.7	3720.9	25.52
9.5-:-12.5	2498.6			

IX-1. KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐỘ NÉN DẬP XI LẠNH Ở TRẠNG THÁI KHÔ HOÀN TOÀN (TCVN7572-11:06)

Kích thước cỡ sàng	Đường kính xi lanh	Lực nén	Phần trăm khối lượng mẫu gốc ban đầu	Cỡ sàng	Khối lượng mẫu trước thí nghiệm	Khối lượng mẫu sau thí nghiệm	Hàm lượng riêng	Hàm lượng tổng
(mm)	(mm)	(kN)	(%)	(mm)	(g)	(g)	(%)	(%)
20-:-40	150	200	6.10	5	3003.5	2704.4	9.96	0.65
10-:-20	75	50	54.07	2.5	401.4	365.1	9.04	5.25
5-:-10	75	50	32.93	1.25	405.0	368.9	8.91	3.15
Độ nén đập trong xi lanh ở trạng thái khô hoàn toàn của hỗn hợp:								9.06

IX-2. KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐỘ NÉN DẬP XI LẠNH Ở TRẠNG THÁI BÃO HÒA NƯỚC (TCVN7572-11:06)

Kích thước cỡ sàng	Đường kính xi lanh	Lực nén	Phần trăm khối lượng mẫu gốc ban đầu	Cỡ sàng	Khối lượng mẫu trước thí nghiệm	Khối lượng mẫu sau thí nghiệm	Hàm lượng riêng	Hàm lượng tổng
(mm)	(mm)	(kN)	(%)	(mm)	(g)	(g)	(%)	(%)
20-:-40	150	200	6.10	5	3001.7	2690.7	10.36	0.68
10-:-20	75	50	54.07	2.5	404.2	366.0	9.45	5.49
5-:-10	75	50	32.93	1.25	403.5	365.9	9.32	3.30
Độ nén đập trong xi lanh ở trạng thái bão nước của hỗn hợp:								9.46

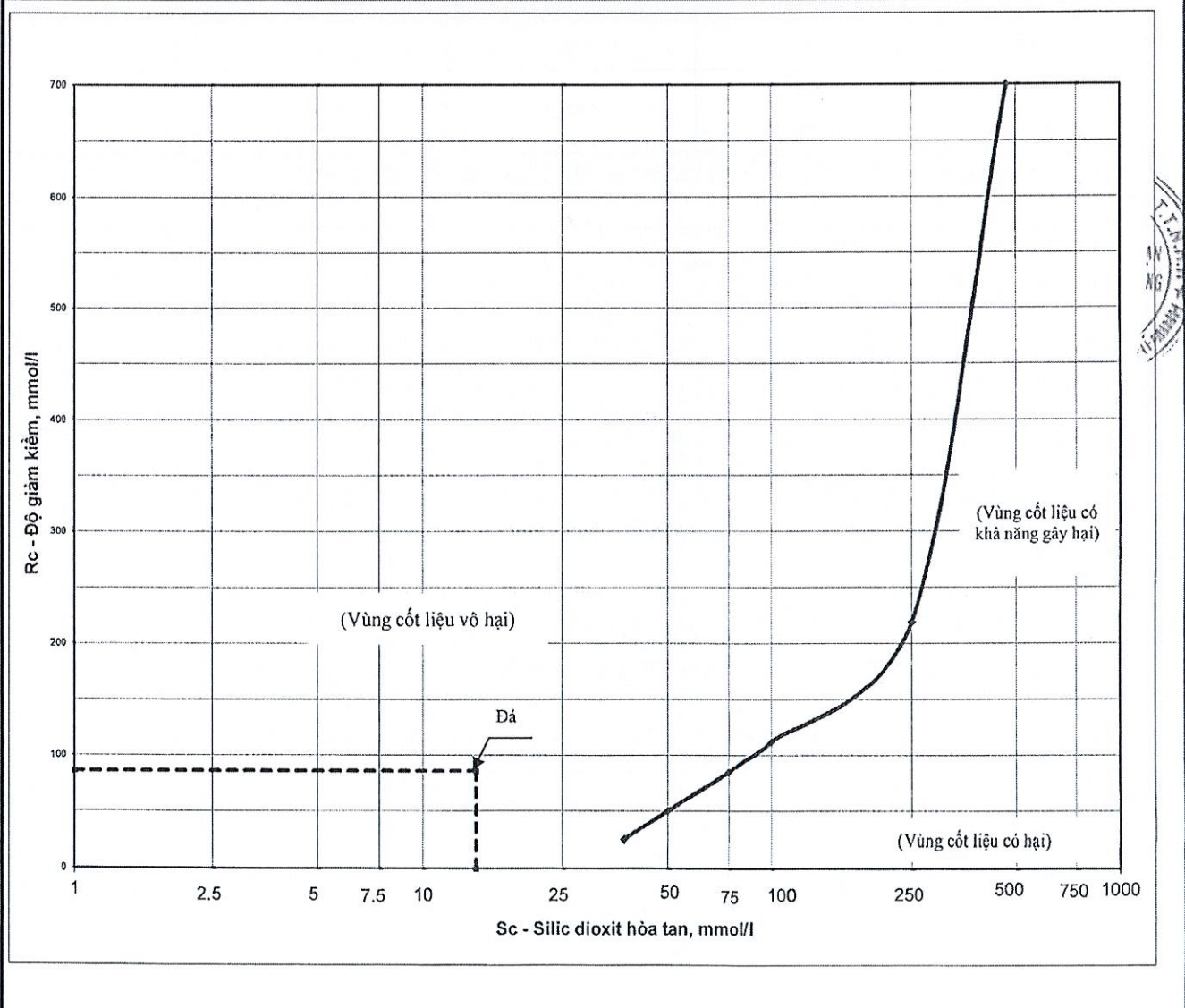
PHỤ LỤC III

X. KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM HÀM LƯỢNG CLORUA [Cl⁻] (TCVN 7572-15:06)

Lần TN	Khối lượng mẫu lấy để phân tích (g)	Thể tích bạc nitrat đã cho vào (ml)	Nồng độ dung dịch bạc nitrat (N)	Thể tích Amoni Sunfoxyanua (ml)	Nồng độ dung dịch Amoni Sunfoxyanua (N)	Số gam clo tương ứng với một mili đương lượng clo	Hàm lượng clorua (%)
1	5.4449	4.8	0.1	4.7	0.1	0.0355	0.0065
2	5.4945	5.0	0.1	4.9	0.1	0.0355	0.0065
Trung bình:							0.0065

XI. KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG KIỂM SILIC BẰNG PHƯƠNG PHÁP HÓA HỌC (TCVN 7572-14:06)

Lần TN	Khối lượng mẫu (g)	Hàm lượng SiO ₂ hòa tan S _C (mmol/l)	Độ giảm kiềm R _C (mmol/l)	Nhận xét
1	25	14.2	86.00	Nằm trong vùng cốt liệu vô hại nên không có khả năng phản ứng kiểm silic
2	25	14.2	86.00	
3	25	14.2	86.00	
Trung bình		14.2	86.00	





CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ KIỂM NGHIỆM CHẤT LƯỢNG AQCERT
(SỐ ĐĂNG KÝ: 20/TN/BXD)

Địa chỉ trụ sở: 96 Tuy Lý Vương, Phường Khuê Mỹ, Quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng
Hotline: 0905.952.099 Website: www.aqcet.vn Email: aqcetcb@gmail.com

Số: 56/16/6/25/AQC.KQTN

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày kết quả: 16/06/2025

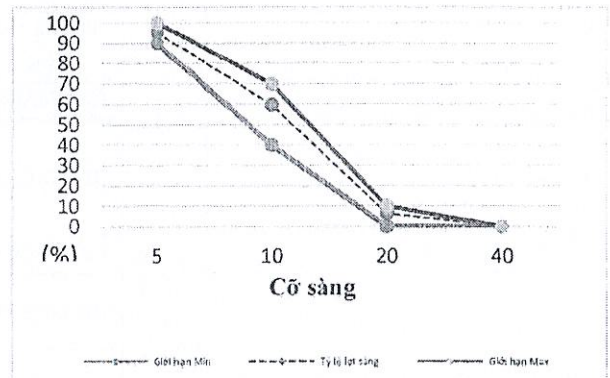
- Thông tin khách hàng: Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Lê Chính
Địa chỉ trụ sở: Tổ 6, Khu Phố Hải Đình, Phường Kim Đình, Thành Phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam
Địa chỉ sản xuất: Mỏ đồi đất đỏ, Xã Quảng Thành, Huyện Châu Đức, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam
- Loại mẫu: Cốt liệu lớn (dã dăm) cho bê tông và vữa; kiểu loại: Đá 1x2; kích thước: 5-20 mm
- Kí hiệu mẫu: 1389GS03 Số lượng: 10 kg
- Số Biên nhận: 4/05/6/2025/AQC Ngày nhận mẫu: 05/06/2025
- Nguồn gốc mẫu: Mẫu do chuyên gia đánh giá AQCERT lấy và gửi đến
- Kết quả thử nghiệm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Mức tham chiếu	Kết quả
1	Thành phần hạt	%	TCVN 7572-2:2006	(Xem bảng 1 và bảng 2)	(Xem bảng 1 và bảng 2)
2	Hàm lượng bụi, bùn, sét	%	TCVN 7572-8:2006	-	0,4
3	Hàm lượng ion Cl ⁻ (tan trong axit) trong cốt liệu lớn	%	TCVN 7572-15:2006	≤ 0,01	0,004
4	Mác của đá dăm	Mpa	TCVN 7572-10:2006	-	120
5	Khả năng phản ứng kiềm - silic	-	TCVN 7572-14:2006	Trong vùng cốt liệu vô hại	Trong vùng cốt liệu vô hại

Thành phần hạt (Bảng 1)

Biểu đồ thành phần hạt (Bảng 2)

Cỡ sàng	Lượng sót trên sàng	Lượng sót trên sàng	Lượng sót tích lũy trên sàng	Yêu cầu lượng sót tích lũy trên sàng
mm	gam	%	%	%
40	0	0	0	0
20	379	7,6	7,6	0-10
10	2823,1	56,5	64,0	40-70
5	1513,3	30,3	94,3	90-100
< 5	285,0	5,7	100,0	100
Tổng	5000g			



THỬ NGHIỆM VIÊN

Ngoc

NGUYỄN PHƯỚC THẢO NGỌC



GIÁM ĐỐC

Tran Thi My Vi
TRẦN THỊ MỸ VI

- Các kết quả ghi trong phiếu này có giá trị trên mẫu thử.
- Không tự ý trích sao một phần kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Công ty AQCERT.



CÔNG TY TNHH TM - XD SÀI GÒN TEST
 SAIGON TEST BUILDING TRADING COMPANY LIMITED
TRUNG TÂM TNVL & KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG
 CENTER FOR TESTING MATERIALS AND BUILDING INSPECTION

Địa chỉ: 19/3C Ấp Mỹ Huệ - Xã Trung Chánh - Huyện Hóc Môn - Tp.HCM.
 Tel: 028 66759684 ; Fax: 028.62534577
 Email: saigontest.co@gmail.com

Số (No): 00506/ 140 /KQTN

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM/ TEST REPORT

Ngày (Date): 05 - 06 - 2025

CỐT LIỆU LỚN

- Các thông tin liên quan :

- Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN QUỐC GIA GOOD VIỆT NAM
- Địa chỉ : SỐ 50 MAI HẮC ĐẾ, PHƯỜNG NGUYỄN DU, QUẬN HAI BÀ TRUNG, TP.HÀ NỘI
- Đơn vị cung cấp : CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN LÊ CHÍNH
- Trụ sở : TỔ 6, KHU PHỐ HẢI DINH, PHƯỜNG KIM DINH, THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU, VIỆT NAM
- Địa điểm lấy mẫu : TỔ 65, ẤP NHÂN THÀNH, XÃ QUẢNG THÀNH, HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU, VIỆT NAM
- Tên mẫu thử : Đá dăm 5-20mm cốt liệu lớn cho bê tông (Đá 1x2)
- Mục đích : Chứng nhận hợp chuẩn - Ký hiệu mẫu : GS2-GOODVN23223-2.HC5
- Số yêu cầu : 300525/06-GOOD/YC-TEST - Số lượng mẫu : 01 mẫu/ 100(kg)
- Vị trí nhận mẫu : Tại phòng thí nghiệm - Ngày nhận mẫu : 30/05/2025
- Yêu cầu TN : Một số chỉ tiêu cơ lý theo TCVN 7570:2006 - Ngày thí nghiệm : 31/05/2025 -:- 05/06/2025
- Nguồn gốc mẫu : Lấy mẫu, tên mẫu và thông tin do đơn vị yêu cầu cung cấp
- Thiết bị TN : Bộ sàng tiêu chuẩn, cân kỹ thuật, thùng đóng, phễu, tủ sấy, lò nung, máy Los Angeles, bình tỷ trọng; máy nén thủy lực, xi lanh, thuốc kẹp cải tiến, hoá chất, ...

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả thử	Yêu cầu kỹ thuật TCVN 7570:2006	Chi tiết
1	Thành phần hạt	(-)	TCVN7572-2:06	Xem chi tiết	Miễn quy định	Phụ lục I
2	Hàm lượng bụi, bùn, sét	(%)	TCVN7572-8:06	0.82	≤ 1% đối với BT>B30 ≤ 2% đối với BT B15-B30 ≤ 3% đối với BT<B15	Phụ lục I
3	Hàm lượng tạp chất hữu cơ	(so màu)	TCVN7572-9:06	Sáng hơn màu dung dịch chuẩn	Không thắm hơn màu chuẩn	Phụ lục I
4	Khối lượng thể tích xốp	(kg/m ³)	TCVN7572-6:06	1532	-	Phụ lục I
	Độ hở giữa các hạt của cốt liệu	(%)		42.88	-	-
	Khối lượng riêng	(g/cm ³)		2.730	-	Phụ lục I
5	Khối lượng thể tích	(g/cm ³)	TCVN7572-4:06	2.682	-	Phụ lục I
	Độ hút nước	(%)		0.65	-	Phụ lục I
6	Hàm lượng hạt thoi dẹt	(%)	TCVN7572-13:06	11.03	≤ 15% đối với BT>B30 ≤ 35% đối với BT ≤ 30	Phụ lục I
7	Hàm lượng Sunfat và Sunfit tính ra SO ₃	(%)	TCVN7572-16:06	0.246	≤ 0.5	Phụ lục II
8	Hàm lượng hạt mềm yếu và phong hóa	(%)	TCVN7572-17:06	0.00	-	Phụ lục II
9	Độ hao mòn khi va đập	(%)	TCVN7572-12:06	24.54	≤ 50%	Phụ lục II
10	Độ nén đập trong xi lanh	Ở trạng thái khô	(%)	9.24	-	Phụ lục II
		Ở trạng thái bão hòa	(%)	9.64	-	Phụ lục II
		Hệ số hóa mềm	(-)	0.96	-	-
11	Hàm lượng clorua Cl ⁻	(%)	TCVN7572-15:06	0.0067	≤ 0.01	Phụ lục III
12	Khả năng phản ứng kiềm silic	(-)	TCVN7572-14:06	Trong vùng cốt liệu vô hại	Trong vùng cốt liệu vô hại	Phụ lục III

TRUNG TÂM TNVL & KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG

Đại diện thí nghiệm

Hoàng Xuân Thái

Trưởng phòng TN

Phạm Hồng Quân

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
 THƯƠNG MẠI - XÂY DỰNG
 SÀI GÒN TEST
 NGUYỄN THÀNH HIẾN

PHỤ LỤC II

VII. KẾT QUẢ HÀM LƯỢNG SUNFAT VÀ SUNFIT TÍNH RA SO₃ (TCVN 7572-16:06)

Lần TN	Khối lượng mẫu thử	Khối lượng chén không chứa cặn	Khối lượng chén chứa cặn	Hệ số chuyển đổi BaSO ₄ thành SO ₃	Hàm lượng sunfat và Sunfit	Trung bình
(-)	(g)	(g)	(g)	(-)	(%)	(%)
1	102.0407	45.8252	45.9716	0.343	0.246	0.246
2	103.6938	46.1683	46.3170	0.343	0.246	

VIII. KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM HÀM LƯỢNG HẠT MỀM YẾU, PHONG HÓA (TCVN 7572-17:06)

Kích thước cỡ sàng	% Khối lượng mẫu gốc ban đầu	Khối lượng mẫu khô	Khối lượng hạt mềm yếu và phong hóa	% Khối lượng hạt mềm yếu và phong hóa	% hạt mềm yếu và phong hóa trên mẫu gốc
(mm)	(%)	(g)	(g)	(%)	(%)
20 :- 40	5.37	5033	0	0.00	0.00
10 :- 20	56.06	1045	0	0.00	0.00
5 :- 10	33.93	260	0	0.00	0.00
Còn lại	4.63	Hàm lượng hạt mềm yếu và phong hóa của hỗn hợp :			0.00

IX. KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐỘ HAO MÒN KHÍ VÀ ĐẬP TRONG MÁY LOS ANGELES (TCVN 7572-12:06)

Kích thước mắt sàng		Khối lượng cỡ hạt	Khối lượng mẫu ban đầu	Khối lượng mẫu sau khi thử	Độ hao mòn khí và đập
(mm)		(g)	(g)	(g)	(%)
12.5 :- 19		2497.5	5000.6	3773.3	24.54
9.5 :- 12.5		2503.1			

- Cấp phối: B Số vòng quay: 500 vòng Số lượng bi thép: 11 viên

IX-1. KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐỘ NÉN ĐẬP XI LẠNH Ở TRẠNG THÁI KHÔ HOÀN TOÀN (TCVN7572-11:06)

Kích thước cỡ sàng	Đường kính xi lanh	Lực nén	Phần trăm khối lượng mẫu gốc ban đầu	Cỡ sàng	Khối lượng mẫu trước thí nghiệm	Khối lượng mẫu sau thí nghiệm	Hàm lượng riêng	Hàm lượng tổng
(mm)	(mm)	(kN)	(%)	(mm)	(g)	(g)	(%)	(%)
20 :- 40	150	200	5.37	5	3001.0	2698.8	10.07	0.57
10 :- 20	75	50	56.06	2.5	404.8	366.5	9.46	5.56
5 :- 10	75	50	33.93	1.25	404.6	369.2	8.75	3.11
Độ nén đập trong xi lanh ở trạng thái khô hoàn toàn của hỗn hợp:								9.24

IX-2. KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐỘ NÉN ĐẬP XI LẠNH Ở TRẠNG THÁI BẢO HÒA NƯỚC (TCVN7572-11:06)

Kích thước cỡ sàng	Đường kính xi lanh	Lực nén	Phần trăm khối lượng mẫu gốc ban đầu	Cỡ sàng	Khối lượng mẫu trước thí nghiệm	Khối lượng mẫu sau thí nghiệm	Hàm lượng riêng	Hàm lượng tổng
(mm)	(mm)	(kN)	(%)	(mm)	(g)	(g)	(%)	(%)
20 :- 40	150	200	5.37	5	3002.0	2687.7	10.47	0.59
10 :- 20	75	50	56.06	2.5	403.5	363.7	9.86	5.80
5 :- 10	75	50	33.93	1.25	403.0	366.2	9.13	3.25
Độ nén đập trong xi lanh ở trạng thái bão nước của hỗn hợp:								9.64

906-C
 CÔNG TY
 TƯ NHÂN
 HỮU HẠN
 XÂY DỰNG
 VÀ
 THỬ NGHIỆM
 TÀI CHÍNH

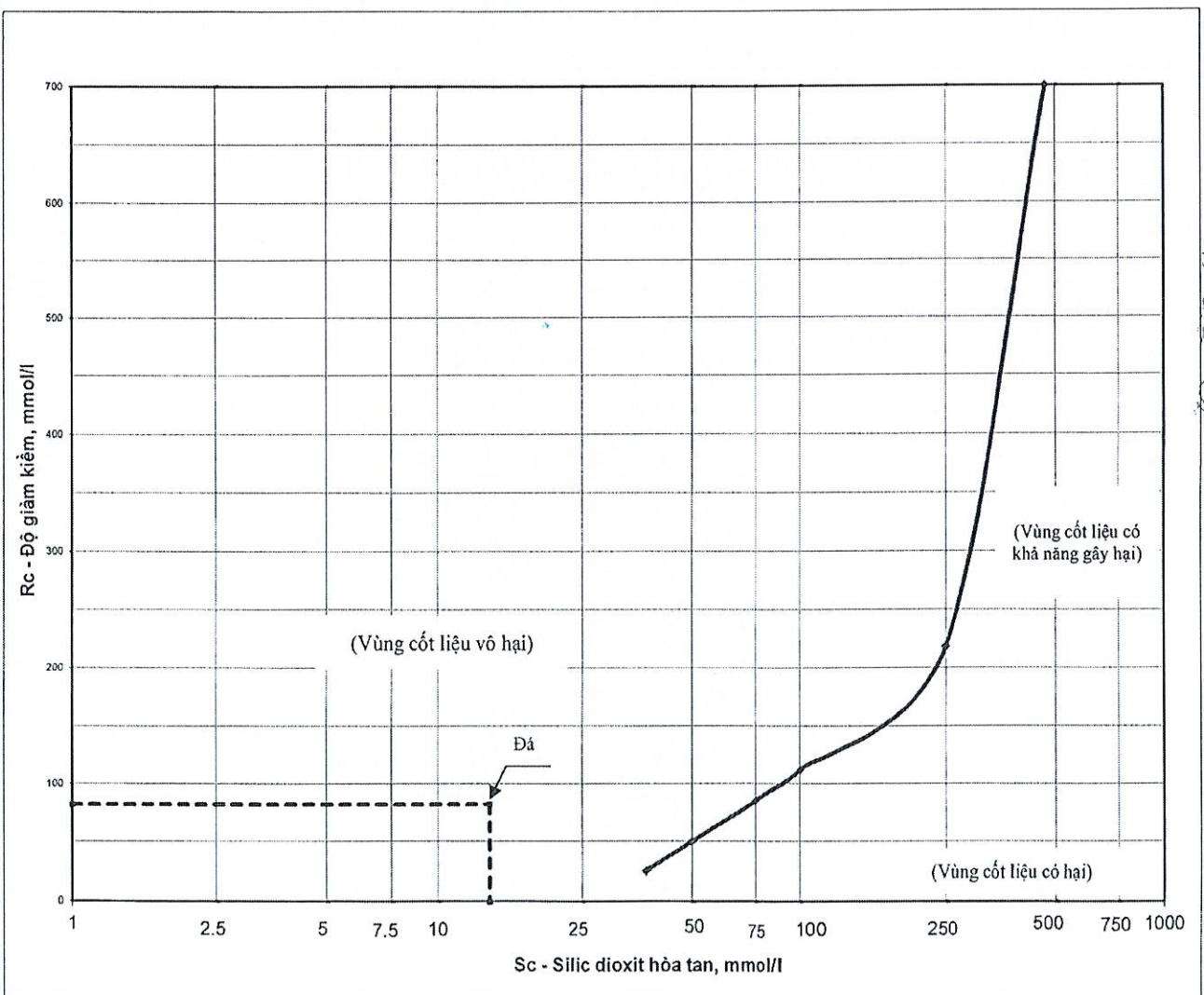
PHỤ LỤC III

X. KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM HÀM LƯỢNG CLORUA [Cl⁻] (TCVN 7572-15:06)

Lần TN	Khối lượng mẫu lấy để phân tích (g)	Thể tích bạc nitrat đã cho vào (ml)	Nồng độ dung dịch bạc nitrat (N)	Thể tích Amoni Sunfoxyanua (ml)	Nồng độ dung dịch Amoni Sunfoxyanua (N)	Số gam clo tương ứng với một mili đương lượng clo	Hàm lượng clorua (%)
1	5.3312	4.4	0.1	4.3	0.1	0.0355	0.0067
2	5.2671	4.3	0.1	4.2	0.1	0.0355	0.0067
Trung bình:							0.0067

XI. KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG KIỂM SILIC BẰNG PHƯƠNG PHÁP HÓA HỌC (TCVN 7572-14:06)

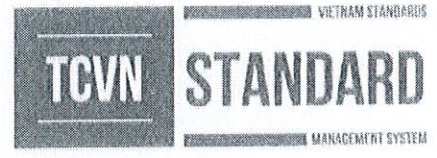
Lần TN	Khối lượng mẫu (g)	Hàm lượng SiO ₂ hòa tan S _c (mmol/l)	Độ giảm kiềm R _c (mmol/l)	Nhận xét
1	25	13.9	82.00	Nằm trong vùng cốt liệu vô hại nên không có khả năng phản ứng kiểm silic
2	25	13.9	82.00	
3	25	13.9	82.00	
Trung bình		13.9	82.00	



INTERNATIONAL CERTIFICATION



GIẤY CHỨNG NHẬN CERTIFICATE



CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM/
THIS IS TO CERTIFY PRODUCT

CÁT NGHIÊN CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA CRUSHED SAND FOR CONCRETE AND MORTAR

ĐƯỢC SẢN XUẤT TẠI/ PRODUCED IN:

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN LÊ CHÍNH LE CHINH COMPANY LIMITED

ĐỊA CHỈ/ ADDRESS:

Trụ sở chính/ Head office: Tổ 6, Khu phố Hải Đình, Phường Kim Đình, Thành phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam/ Group 6, Hai Đình Quarter, Kim Đình Ward, Ba Ria City, Ba Ria - Vung Tau Province, Vietnam.

Sản xuất/ Production: Tổ 65, Ấp Nhân Thành, Xã Quảng Thành, Huyện Châu Đức, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam/ Group 65, Nhan Thanh Hamlet, Quang Thanh Commune, Chau Duc District, Ba Ria - Vung Tau Province, Vietnam.

PHÙ HỢP VỚI CÁC YÊU CẦU CỦA/ COMPLY WITH REQUIREMENTS OF:

TCVN 9205:2012

PHƯƠNG THỨC CHỨNG NHẬN/ CERTIFICATION METHOD:

Phương thức 5 - Thông tư 28/2012/TT-BKHCHN/
Method 5 - Circular No. 28/2012/TT-BKHCHN.

Số chứng chỉ/ Certification No.:	GOODVN232B23.HC5
Ngày cấp lần 1/ Issued date 1 st :	16/06/2023
Ngày cấp lần 2/ Issued date 2 nd :	14/06/2024
Giá trị đến/ Expired date:	15/06/2026



Truy xuất chứng nhận/
Trace the certificate



Dấu chứng nhận/
Certification mark

GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR



GOOD VIET NAM NATIONAL CERTIFICATION JOINT STOCK COMPANY

Add: 50B Mai Hac De Street, Nguyen Du Ward, Hai Ba Trung District, Hanoi Website: chungnhanquocgia.com Tel: 0945.001.005

Giấy chứng nhận này sẽ hết hiệu lực nếu tổ chức không tuân thủ việc đánh giá giám sát hàng năm/
The certificate is no longer valid, if your organization does not conduct the annual surveillance audits



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ KIỂM NGHIỆM CHẤT LƯỢNG AQCERT**

(SỐ ĐĂNG KÝ: 20/TN/BXD)

Địa chỉ trụ sở: 96 Tuy Lý Vương, Phường Khuê Mỹ, Quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng

Hotline: 0905.952.099

Website: www.aqcet.vn

Email: aqcetcb@gmail.com

Số: 54/16/6/25/AQC.KQTN

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày kết quả: 16/06/2025

1. Thông tin khách hàng: Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Lê Chính

Địa chỉ trụ sở: Tổ 6, Khu Phố Hải Đình, Phường Kim Đình, Thành Phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Địa chỉ sản xuất: Mỏ đồi đất đỏ, Xã Quảng Thành, Huyện Châu Đức, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

2. Loại mẫu: Cát nghiền cho bê tông và vữa; Kiểu loại: Cát thô

3. Kí hiệu mẫu: 1389GS01

Số lượng mẫu: 20 kg

4. Số Biên nhận: 4/05/6/2025/AQC

Ngày nhận mẫu: 05/06/2025

5. Nguồn gốc mẫu: Mẫu do chuyên gia đánh giá AQCERT lấy và gửi đến

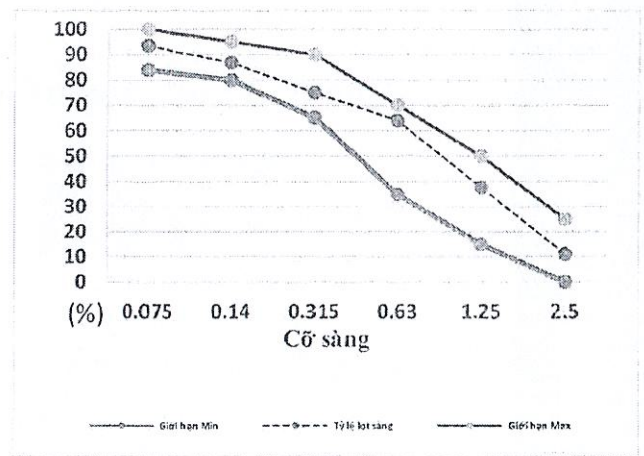
6. Kết quả thí nghiệm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Mức tham chiếu	Kết quả
1	Thành phần hạt	%	TCVN 7572-2:2006	(Xem bảng 1 và bảng 2)	(Xem bảng 1 và bảng 2)
2	Hàm lượng hạt lọt qua sàng có kích thước lỗ sàng 75 µm	%	TCVN 9205:2012	≤ 16	6,6
3	Hàm lượng hạt sét	%	TCVN 7572-8:2006	≤ 2	0,6
4	Hàm lượng ion Cl ⁻ (tan trong axit)	%	TCVN 7572-15:2006	-	0,007
5	Khả năng phản ứng kiềm - silic	-	TCVN 7572-14:2006	Trong vùng cốt liệu vô hại	Trong vùng cốt liệu vô hại

Thành phần hạt (Bảng 1)

Biểu đồ thành phần hạt (Bảng 2)

Cỡ sàng	Lượng sót trên sàng	Lượng sót trên sàng	Lượng sót tích lũy trên sàng	Yêu cầu lượng sót tích lũy trên sàng
mm	gam	%	%	%
2,5	110,0	11,0	11,0	0-25
1,25	267,0	26,7	37,7	15-50
0,63	261,0	26,1	63,8	35-70
0,315	112,0	11,2	75,0	65-90
0,14	118,0	11,8	86,8	80-95
0,075	66,0	6,6	93,4	84-100
<0,075	66,0	6,6	100,0	100
Tổng	1000g			



THỬ NGHIỆM VIÊN

NGUYỄN PHƯỚC THẢO NGỌC

GIÁM ĐỐC



TRẦN THỊ MỸ VI

1. Các kết quả ghi trong phiếu này có giá trị trên mẫu thử.

2. Không tự ý trích sao một phần kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Công ty AQCERT.



CÔNG TY TNHH TM - XD SÀI GÒN TEST
SAIGON TEST BUILDING TRADING COMPANY LIMITED
TRUNG TÂM TNVL & KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG
CENTER FOR TESTING MATERIALS AND BUILDING INSPECTION

Địa chỉ: 19/3C Ấp Mỹ Huệ - Xã Trung Chánh - Huyện Hóc Môn - Tp.HCM.
 Tel: 028 66759684 ; Fax: 028.62534577
 Email: saigontest.co@gmail.com

Số (No): 00506/120 /KQTN

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM/ TEST REPORT

Ngày (Date): 05 - 06 - 2025

CỐT LIỆU NHỎ

- Các thông tin liên quan :

- Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN QUỐC GIA GOOD VIỆT NAM
- Địa chỉ : SỐ 50 MAI HẮC ĐẾ, PHƯỜNG NGUYỄN DU, QUẬN HAI BÀ TRÚNG, TP.HÀ NỘI
- Đơn vị cung cấp : CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN LÊ CHÍNH
- Trụ sở : TỔ 6, KHU PHỐ HẢI DINH, PHƯỜNG KIM DINH, THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU, VIỆT NAM
- Địa điểm lấy mẫu : TỔ 65, ẤP NHÂN THÀNH, XÃ QUẢNG THÀNH, HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU, VIỆT NAM
- Tên mẫu thử : Cát nghiền cốt liệu nhỏ cho bê tông và vữa (cát thô)
- Mục đích : Chứng nhận hợp chuẩn - Ký hiệu mẫu : GS2-GOODVN23223-3.HC5
- Số yêu cầu : 300525/06-GOOD/YC-TEST - Số lượng mẫu : 01 mẫu/ 50(kg)
- Vị trí nhận mẫu : Tại phòng thí nghiệm - Ngày nhận mẫu : 30/05/2025
- Yêu cầu TN : Một số chỉ tiêu cơ lý theo TCVN 9205:2012 - Ngày thí nghiệm : 31/05/2025 -:- 05/06/2025
- Nguồn gốc mẫu : Lấy mẫu, tên mẫu và thông tin do đơn vị yêu cầu cung cấp Bộ sàng tiêu chuẩn, cân kỹ thuật, thùng đóng, phễu, tủ sấy, lò nung, bình tỷ trọng; bình phản ứng, hoá
- Thiết bị TN : chất, chén sứ, ...

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả thử	Yêu cầu kỹ thuật TCVN 9205:2012	Chi tiết
1	Thành phần hạt	(-)	TCVN 7572-2:06	Xem chi tiết	Miễn quy định	Phụ lục I
	Hàm lượng hạt trên sàng 5mm	(%)		0.00	-	
	Hàm lượng hạt lọt qua sàng 0.14mm	(%)		5.33	≤ 15% bê tông chịu mài mòn, va đập	
	Môđun độ lớn	(-)		3.16	-	
2	Hàm lượng hạt lọt qua sàng 75µm	(%)	TCVN 9205:2012	2.52	≤16% đối với cát thô	Phụ lục I
					≤25% đối với cát mịn	
					≤ 9% bê tông chịu mài mòn, va đập	
3	Hàm lượng bụi, bùn, sét	(%)	TCVN 7572-8:06	1.08	≤ 1.5% đối với BT>B30	Phụ lục I
	Hàm lượng sét cục cốt liệu	(%)			≤ 3% đối với BT≤B30	
4	Hàm lượng tạp chất hữu cơ	(-)	TCVN 7572-9:06	Sáng hơn màu chuẩn	Không thấm hơn màu chuẩn	Phụ lục I
5	Khối lượng thể tích xốp	(kg/m ³)	TCVN 7572-6:06	1502	-	Phụ lục I
	Độ hở giữa các hạt của cốt liệu	(%)		42.91	-	
6	Khối lượng riêng	(g/cm ³)	TCVN 7572-4:06	2.690	-	Phụ lục I
	Khối lượng thể tích	(g/cm ³)		2.632	-	
	Độ hút nước	(%)		0.83	-	
7	Hàm lượng Sunfat và Sunfit tính ra SO ₃	(%)	TCVN 7572-16:06	0.224	-	Phụ lục II
8	Hàm lượng clorua Cl-	(%)	TCVN 7572-15:06	0.0062	≤ 0.01 BT cốt thép ứng lực trước ≤ 0.05 BT và vữa thông thường	Phụ lục II
9	Khả năng phản ứng kiềm silic	(-)	TCVN 7572-14:06	Trong vùng cốt liệu vô hại	Trong vùng cốt liệu vô hại	Phụ lục II

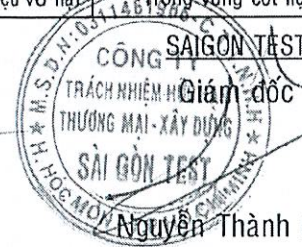
TRUNG TÂM TNVL & KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG

Đại diện thí nghiệm

Hoàng Xuân Thái

Trưởng phòng TN

Phạm Hồng Quân



SAIGON TEST

Giám đốc

Nguyễn Thành Hiển

157110
 CÔNG TY
 TRÁCH NHIỆM HỮU
 HẠN LÊ CHÍNH

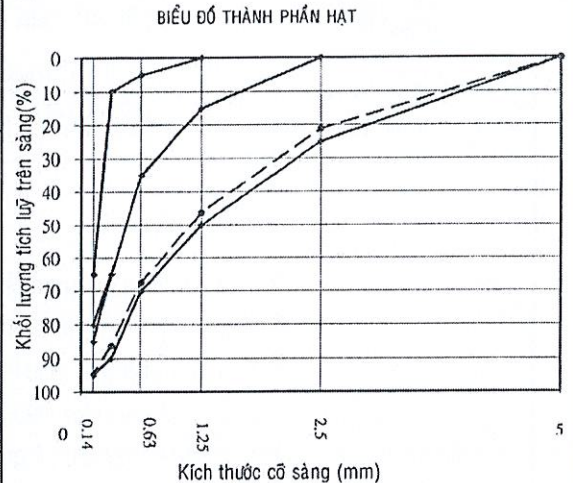
BÀ RỊA - VŨNG TÀU

TRUNG TÂM
 TNVL & KIỂM ĐỊNH
 XÂY DỰNG

PHỤ LỤC I

I. KẾT QUẢ THÀNH PHẦN HẠT (TCVN 7572-2:06)

Kích thước cỡ sàng	KL tích lũy trên sàng	% Khối lượng lọt sàng	% KL tích lũy trên sàng	Miền quy định TCVN 9205:2012	
				Cát thô	Cát mịn
(mm)	(g)	(%)	(%)		
5.0	0.0	100.00	0.00	0 ÷ 0	0 ÷ 0
2.5	540.5	78.89	21.11	0 ÷ 25	0 ÷ 0
1.25	1184.0	53.76	46.24	15 ÷ 50	0 ÷ 15
0.63	1725.8	32.60	67.40	35 ÷ 70	5 ÷ 35
0.315	2207.2	13.80	86.20	65 ÷ 90	10 ÷ 65
0.14	2424.1	5.33	94.67	80 ÷ 95	65 ÷ 85
<0.14	2560.6	0.00	100.00	-	-
Môđun độ lớn			3.16	-	-



II. KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM HÀM LƯỢNG HẠT NHỎ HƠN 75µm (TCVN 9205:2012)

Lần TN	Khối lượng mẫu sấy khô trước khi rửa	Khối lượng mẫu sấy khô sau khi rửa	Hàm lượng hạt nhỏ hơn 75µm	Trung bình
(-)	(g)	(g)	(%)	(%)
1	325.6	317.4	2.52	2.52
2	332.2	323.8	2.53	

III. KẾT QUẢ HÀM LƯỢNG BỤI, BÙN, SÉT VÀ HÀM LƯỢNG SÉT CỤC TRONG CỐT LIỆU (TCVN 7572-8:06)

Khối lượng mẫu khô trước khi rửa	Khối lượng mẫu khô sau khi rửa	HL chung bụi, bùn, sét chứa trong cốt liệu	Trung bình	Kích thước mắt sàng	Khối lượng cốt liệu	Khối lượng sét cục	Hàm lượng sét cục cốt liệu
(g)	(g)	(%)	(%)	(mm)	(g)	(g)	(%)
1160.6	1148.1	1.08	1.08	2.5 ÷ 5	5.4	0.0	0.00
1014.1	1003.1	1.08		1.25 ÷ 2.5	1.8	0.0	

IV. KẾT QUẢ HÀM LƯỢNG TẠP CHẤT HỮU CƠ (TCVN 7572-9:06)

Lần TN	Kết quả (So sánh)	Lần TN	Kết quả (So sánh)
1	Sáng hơn màu chuẩn	2	Sáng hơn màu chuẩn

V. KẾT QUẢ KHỐI LƯỢNG THỂ TÍCH XỐP (TCVN 7572-6:06)

Lần TN	Khối lượng thùng đong có chứa cốt liệu	Khối lượng thùng đong	Thể tích thùng đong	Khối lượng thể tích xốp	Trung bình
(-)	(g)	(g)	(m ³)	(kg/m ³)	(kg/m ³)
1	3080.0	1578.2	0.001	1502	1502
2	3081.0	1578.2		1503	

VI. KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM KHỐI LƯỢNG RIÊNG, KHỐI LƯỢNG THỂ TÍCH VÀ ĐỘ HÚT NƯỚC (TCVN 7572-4:06)

Lần TN	Khối lượng mẫu ướt	Khối lượng của binh+nước+ tấm kính+mẫu	KL của binh+nước+tấ m kính	Khối lượng mẫu ở trạng thái khô hoàn toàn	Khối lượng riêng của cốt liệu	Khối lượng thể tích của cốt liệu		Độ hút nước của cốt liệu
						ở trạng thái bão hòa nước	ở trạng thái khô	
(-)	(g)	(g)	(g)	(g)	(g/cm ³)	(g/cm ³)	(g/cm ³)	(%)
1	518.1	1646.6	1323.7	513.9	2.691	2.654	2.633	0.82
2	520.4	1647.9	1323.7	516.1	2.689	2.652	2.630	0.83
Trung bình:					2.690	2.653	2.632	0.83

PHỤ LỤC II

VII. KẾT QUẢ HÀM LƯỢNG SUNFAT VÀ SUNFIT TÍNH RA SO₃ (TCVN 7572-16:06)

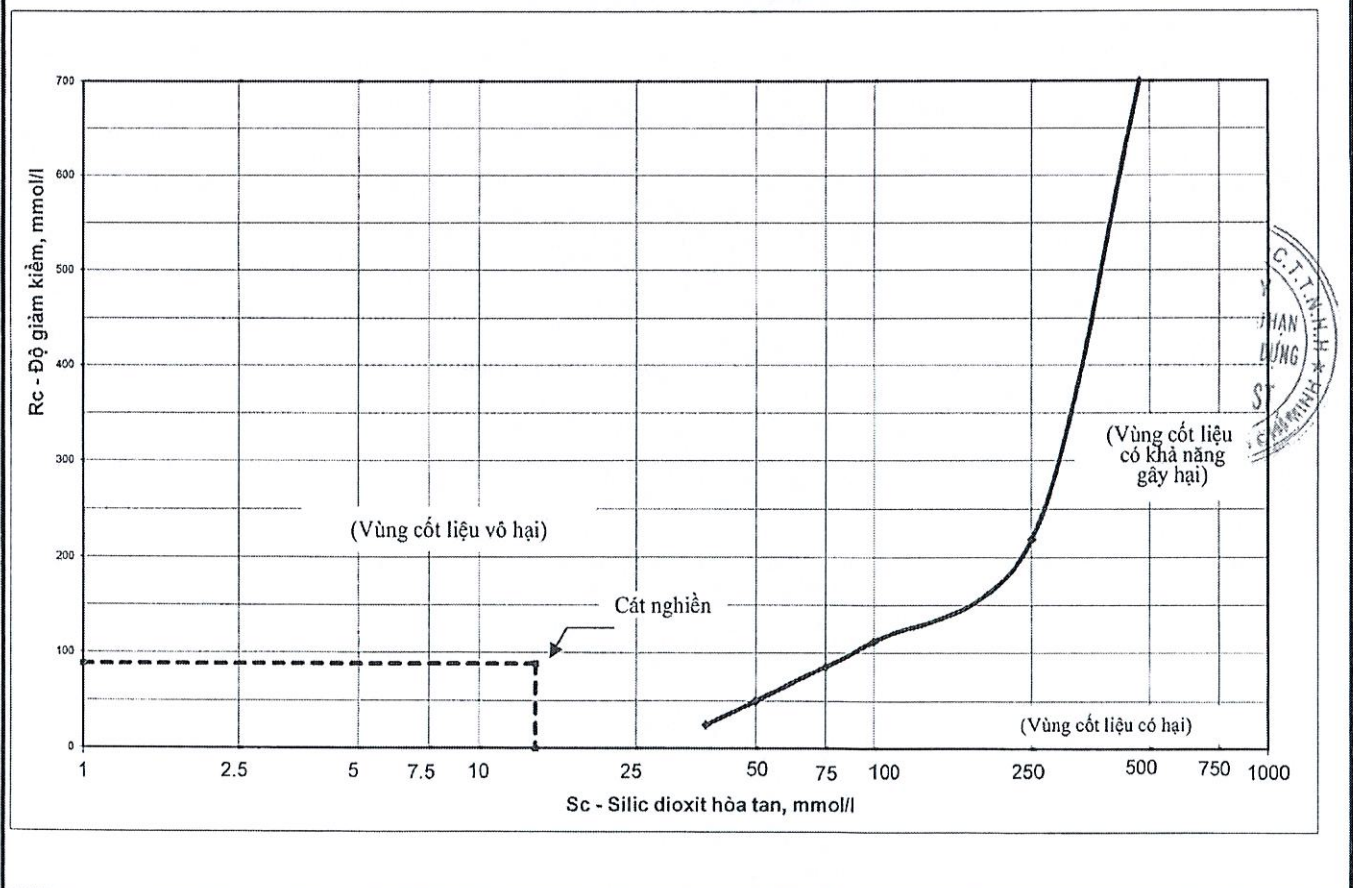
Lần TN	Khối lượng mẫu thử	Khối lượng chén không chứa cặn	Khối lượng chén chứa cặn	Hệ số chuyển đổi BaSO ₄ thành SO ₃	Hàm lượng sunfat và Sunfit	Trung bình
(-)	(g)	(g)	(g)	(-)	(%)	(%)
1	103.0622	45.0238	45.1590	0.343	0.225	0.224
2	100.7500	45.2816	45.4126	0.343	0.223	

VIII. KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM HÀM LƯỢNG CLORUA [Cl⁻] (TCVN 7572-15:06)

Lần TN	Khối lượng mẫu lấy để phân tích	Thể tích bạc nitrat đã cho vào	Nồng độ dung dịch bạc nitrat	Thể tích Amoni Sunfoxyanua	Nồng độ dung dịch Amoni Sunfoxyanua	Số gam clo tương ứng với một mili đương lượng clo	Hàm lượng clorua
(-)	(g)	(ml)	(N)	(ml)	(N)		(%)
1	5.6491	4.2	0.1	4.1	0.1	0.0355	0.0063
2	5.7483	4.1	0.1	4.0	0.1	0.0355	0.0062
Trung bình:							0.0062

IX. KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG KIỂM SILIC BẰNG PHƯƠNG PHÁP HÓA HỌC (TCVN 7572-14:06)

Lần TN	Khối lượng mẫu	Hàm lượng SiO ₂ hòa tan	Độ giảm kiềm	Nhận xét
(-)	(g)	S _C (mmol/l)	R _C (mmol/l)	
1	25	13.9	88.00	Nằm trong vùng cốt liệu vô hại nên không có khả năng phản ứng kiểm silic
2	25	13.9	88.00	
3	25	13.9	88.00	
Trung bình		13.9	88.00	



CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN LÊ CHÍNH

HỒ SƠ

CÔNG BỐ HỢP QUY
CÁT NGHIÊN CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA
CÓT LIỆU CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA

Bà Rịa- Vũng Tàu, ngày 14 tháng 7 năm 2023

MỤC LỤC HỒ SƠ

Hồ sơ công bố hợp quy Cát nghiền cho bê tông và vữa, Cốt liệu cho bê tông và vữa	
1. VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ TIẾP NHẬN HỒ SƠ CÔNG BỐ HỢP QUY	X
2. GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP	X
3. GIẤY PHÉP KHAI THÁC MỎ	X
4. CHỨNG CHỈ CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM PHÙ HỢP QCVN 16:2019/BXD (DO BÊN THỨ 3 CẤP)	X

CÔNG TY TNHH LÊ CHÍNH

Số 01/CV-LC

V/v đề nghị tiếp nhận công bố
hợp quy

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

0o0

Bà Rịa, ngày 14 tháng 7 năm 2023

Kính gửi: Sở Xây Dựng Bà Rịa- Vũng Tàu

Căn cứ Thông tư số 28/2012/TT – BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

Công ty TNHH Lê Chính đề nghị Sở Xây Dựng Bà Rịa- Vũng Tàu tiếp nhận bản công bố hợp quy đối với sản phẩm Cát nghiền cho bê tông và vữa do Công ty TNHH Lê Chính khai thác.

Các hồ sơ liên quan đính kèm theo quy định gồm:

- Bản công bố hợp quy;
- Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp (bản sao);
- Giấy phép khai thác mỏ (bản sao);
- Quyết định và Giấy chứng nhận phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 16:2019/BXD, kèm theo mẫu dấu hợp quy (bản sao).

Công ty chúng tôi kính đề nghị Sở Xây dựng xem xét tạo điều kiện cấp giấy tiếp nhận công bố hợp quy theo QCVN 16:2019/BXD với sản phẩm nói trên để Công ty được phép lưu hành sản phẩm đúng theo quy định pháp luật hiện hành.

Công ty chúng tôi cam kết bảo đảm tính phù hợp của sản phẩm như đã công bố.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: DN.



Lê Văn Chính

145
C
H
H
17

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ HỢP QUY

Số: 02/CB-LC

Tên tổ chức: CÔNG TY TNHH LÊ CHÍNH

Địa chỉ: Tổ 6, khu phố Hải Dinh, phường Kim Dinh, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Địa chỉ mỏ đá: Mỏ đồi đất đỏ, Xã Quảng Thành, Huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Điện thoại: 0973 179225

CÔNG BỐ:

Tên sản phẩm: Cốt liệu cho bê tông và vữa

Kiểu loại: Cốt liệu lớn (đá dăm) dùng cho bê tông và vữa - Đá 1x1

Kích thước: Kích thước 5x20 mm

Đặc trưng kỹ thuật:

Chỉ tiêu kỹ thuật	ĐVT	Chất lượng công bố
1. Thành phần hạt		
Kích thước lỗ sàng 40 mm	%	0
Kích thước lỗ sàng 20 mm		0-10
Kích thước lỗ sàng 10 mm		40-70
Kích thước lỗ sàng 5 mm		90-100
2. Mac đá dăm	MPa	114,5
3. Hàm lượng bụi, bùn, sét trong cốt liệu	%	≤ 1,0
4. Hàm lượng ion clo (Cl-) trong axit	%	≤ 0,01
5. Khả năng phản ứng kiềm - silic		Trong vùng cốt liệu vô hại

Phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật: QCVN 16:2019/BXD- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng và được phép sử dụng dấu hợp quy (QR).

Căn cứ công bố hợp quy: Giấy chứng nhận hợp quy số 1389.HQ5.AQC.02 có giá trị sử dụng từ ngày 16/06/2023 đến ngày 15/06/2026 của Công ty cổ phần chứng nhận và kiểm nghiệm chất lượng AQCERT.

Phương thức đánh giá sự phù hợp: Phương thức 5 (Thông tư 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ) (Sửa đổi: Thông tư 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/03/2017).

Loại hình đánh giá: Do tổ chức chứng nhận đánh giá (bên thứ ba): Công ty cổ phần chứng nhận và kiểm nghiệm chất lượng AQCERT theo quyết định số 778/QĐ-BXD ngày 21 tháng 6 năm 2021.

Công ty TNHH Lê Chính cam kết và chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm do mình sản xuất, kinh doanh, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, khai thác.

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 14 tháng 7 năm 2023



GIÁM ĐỐC

LÊ CHÍNH

Le Van Chinh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ HỢP QUY
Số: 03/CB-LC

Tên tổ chức: CÔNG TY TNHH LÊ CHÍNH

Địa chỉ: Tổ 6, khu phố Hải Đình, phường Kim Đình, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Địa chỉ mỏ đá: Mỏ đồi đất đỏ, Xã Quảng Thành, Huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Điện thoại: 0973 179225

CÔNG BỐ:

Tên sản phẩm: Cốt liệu cho bê tông và vữa

Kiểu loại: Cốt liệu lớn (đá dăm) dùng cho bê tông và vữa - Đá 1x2

Kích thước: Kích thước 5x20 mm

Đặc trưng kỹ thuật:

Chỉ tiêu kỹ thuật	ĐVT	Chất lượng công bố
1. Thành phần hạt		
Kích thước lỗ sàng 40 mm	%	0
Kích thước lỗ sàng 20 mm		0-10
Kích thước lỗ sàng 10 mm		40-70
Kích thước lỗ sàng 5 mm		90-100
2. Mac đá dăm	MPa	114,5
3. Hàm lượng bụi, bùn, sét trong cốt liệu	%	≤ 1,0
4. Hàm lượng ion clo (Cl-) trong axit	%	≤ 0,01
5. Khả năng phản ứng kiềm – silic		Trong vùng cốt liệu vô hại

Phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật: QCVN 16:2019/BXD- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng và được phép sử dụng dấu hợp quy (QR).

Căn cứ công bố hợp quy: Giấy chứng nhận hợp quy số 1389.HQ5.AQC.02 có giá trị sử dụng từ ngày 16/06/2023 đến ngày 15/06/2026 của Công ty cổ phần chứng nhận và kiểm nghiệm chất lượng AQCERT.

Phương thức đánh giá sự phù hợp: Phương thức 5 (Thông tư 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ) (Sửa đổi: Thông tư 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/03/2017).

Loại hình đánh giá: Do tổ chức chứng nhận đánh giá (bên thứ ba): Công ty cổ phần chứng nhận và kiểm nghiệm chất lượng AQCERT theo quyết định số 778/QĐ-BXD ngày 21 tháng 6 năm 2021.

Công ty TNHH Lê Chính cam kết và chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm do mình sản xuất, kinh doanh, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, khai thác.

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 14 tháng 7 năm 2023



**CÔNG CHỨNG VIÊN
TRẦN VĂN TIẾN**

GIÁM ĐỐC

TRÁCH NHIỆM RIÊU HẠN
LÊ CHÍNH

Lê Văn Chính

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số giấy chứng nhận: 1389.HQ5.AQC.02

Chứng nhận sản phẩm

CÓT LIỆU LỚN (ĐÁ DẪM) CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA

Tên sản phẩm	Kiểu loại	Kích thước
Cốt liệu lớn (đá dăm) cho bê tông và vữa	Đá 1x1	5-20 mm
	Đá 1x2	5-20 mm

Được sản xuất tại

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN LÊ CHÍNH

Địa chỉ trụ sở

Tổ 6, Khu Phố Hải Dinh, Phường Kim Dinh,
Thành Phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Địa chỉ sản xuất

Mỏ đồi đất đỏ, Xã Quảng Thành, Huyện Châu Đức,
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Đã được đánh giá và xác nhận phù hợp với

QCVN 16:2019/BXD

Và được phép sử dụng dấu hợp quy

Phương thức chứng nhận

Số chứng thực 013261 Quyền số 01/2023-SCT/BS

Ngày 11/07/2023

(Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 và Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/03/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Ngày cấp : 16/06/2023

Ngày hiệu lực : 16/06/2023

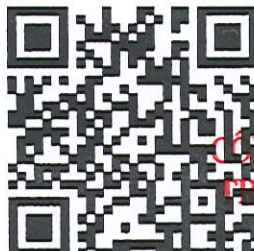
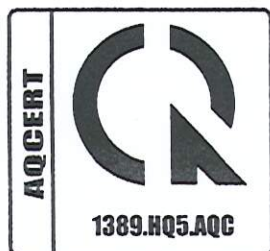
Giá trị đến : 15/06/2026

Số quyết định : 061606-23/QĐ-AQC

Dấu hợp quy

Mã QR Code

GIÁM ĐỐC



Trần Thị Mỹ Vi

Đà Nẵng, Ngày 16 tháng 06 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
V/v cấp giấy chứng nhận phù hợp quy chuẩn

GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ KIỂM NGHIỆM CHẤT LƯỢNG AQCERT

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020;
- Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật năm 29/6/2006;
- Căn cứ Giấy phép kinh doanh do Sở Kế Hoạch Đầu Tư TP Đà Nẵng cấp ngày 18/01/2021 v/v thành lập Công ty Cổ phần Chứng nhận và Kiểm nghiệm Chất lượng Aqcert;
- Căn cứ giấy chỉ định năng lực chứng nhận hợp quy xây dựng số 778/QĐ-BXD ngày 21/6/2021 và quyết định đổi tên tổ chức đánh giá sự phù hợp số 913/QĐ-BXD ngày 02/8/2021 của Bộ xây dựng;
- Căn cứ QĐ.01 do Công ty CP Chứng nhận và Kiểm nghiệm Chất lượng Aqcert ban hành;
- Căn cứ báo cáo kết quả của đoàn đánh giá và kết quả thẩm tra hồ sơ chứng nhận.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Cấp giấy chứng nhận và dấu hợp quy số 1389.HQ5.AQC.02 cho sản phẩm Cốt liệu lớn (đá dăm) cho bê tông và vữa do Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Lê Chính, địa chỉ trụ sở: Tổ 6, Khu Phố Hải Đình, Phường Kim Đình, Thành Phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam; Địa chỉ sản xuất: Mỏ đồi đất đỏ, Xã Quảng Thành, Huyện Châu Đức, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam sản xuất phù hợp quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD. Cụ thể:

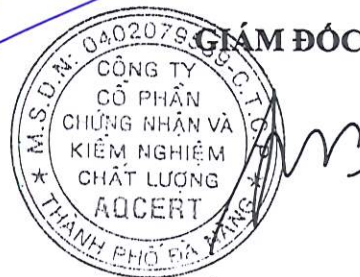
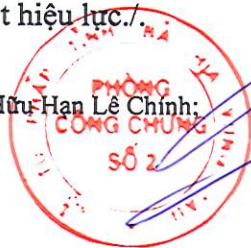
Tên sản phẩm	Tên gọi	Kích thước hạt	Kiểu loại theo QCVN 16:2019/BXD
Cốt liệu lớn (đá dăm) cho bê tông và vữa	Đá 1x1	10 mm	5-20 mm
	Đá 1x2	10-20 mm	5-20 mm

Điều 2. Khi phân phối sản phẩm ra thị trường, Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Lê Chính phải thực hiện đúng các quy định về quyền và trách nhiệm theo quy định của Công ty CP Chứng nhận và Kiểm nghiệm Chất lượng AQCERT và các quy định liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày cấp đến ngày 15/06/2026 và đơn vị sẽ chịu giám sát định kỳ không quá 12 tháng 01 lần để duy trì hiệu lực của quyết định. Nếu không có văn bản thông báo tiếp tục duy trì hiệu lực giấy chứng nhận định kỳ hằng năm từ AQCert, quyết định này mặc nhiên hết hiệu lực.

Nơi nhận:

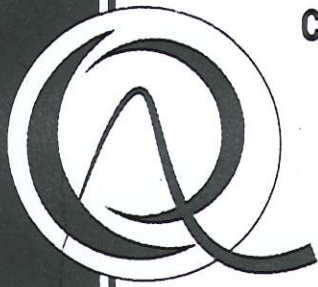
- Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Lê Chính;
- Lưu VT, PKT.



CÔNG CHỨNG VIÊN
TRẦN VĂN TIẾN

Trần Thị Mỹ Vi

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ KIỂM NGHIỆM CHẤT LƯỢNG AQCERT
ĐỒNG HÀNH CÙNG CHẤT LƯỢNG VIỆT



GIẤY CHỨNG NHẬN

Số giấy chứng nhận: 1389.HQ5.AQC.01

Chứng nhận sản phẩm

CÁT NGHIÊN CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA

Kiểu loại: Cát thô

Được sản xuất tại

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN LÊ CHÍNH

Địa chỉ trụ sở

**Tổ 6, Khu Phố Hải Dinh, Phường Kim Dinh, Thành Phố Bà Rịa,
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**

Địa chỉ sản xuất

**Mỏ đồi đất đỏ, Xã Quảng Thành, Huyện Châu Đức,
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**

Đã được đánh giá và xác nhận phù hợp với

QCVN 16:2019/BXD

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Và được phép sử dụng dấu hợp quy
Số chứng thực 013261 Quyển số 01/2023-SCT/BS

Phương thức chứng nhận

Ngày 14-07-2023
Phương thức 5

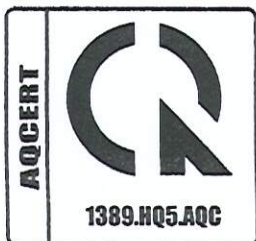
(Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 và Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/03/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Ngày cấp : 16/06/2023
Ngày hiệu lực : 16/06/2023
Giá trị đến : 15/06/2026
Số quyết định : 051606-23/QĐ-AQC

Dấu hợp quy

Mã QR Code

GIÁM ĐỐC



Trần Thị Mỹ Vi

Tra cứu hiệu lực chứng chỉ bằng cách quét mã QR Code
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ KIỂM NGHIỆM CHẤT LƯỢNG AQCERT
96 Tuy Lý Vương, Phường Khuê Mỹ, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng

Đà Nẵng, Ngày 16 tháng 06 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
V/v cấp giấy chứng nhận phù hợp quy chuẩn

GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ KIỂM NGHIỆM CHẤT LƯỢNG AQCERT

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020;
- Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật năm 29/6/2006;
- Căn cứ Giấy phép kinh doanh do Sở Kế Hoạch Đầu Tư TP Đà Nẵng cấp ngày 18/01/2021 v/v thành lập Công ty Cổ phần Chứng nhận và Kiểm nghiệm Chất lượng Aqcert;
- Căn cứ giấy chỉ định năng lực chứng nhận hợp quy xây dựng số 778/QĐ-BXD ngày 21/6/2021 và quyết định đổi tên tổ chức đánh giá sự phù hợp số 913/QĐ-BXD ngày 02/8/2021 của Bộ xây dựng;
- Căn cứ QĐ.01 do Công ty CP Chứng nhận và Kiểm nghiệm Chất lượng Aqcert ban hành;
- Căn cứ báo cáo kết quả của đoàn đánh giá và kết quả thẩm tra hồ sơ chứng nhận.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Cấp giấy chứng nhận và dấu hợp quy số 1389.HQ5.AQC.01 cho sản phẩm Cát nghiền cho bê tông và vữa, kiểu loại: Cát thô do Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Lê Chính, địa chỉ trụ sở: Tổ 6, Khu Phố Hải Dinh, Phường Kim Dinh, Thành Phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam; Địa chỉ sản xuất: Mỏ đồi đất đỏ, Xã Quảng Thành, Huyện Châu Đức, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam sản xuất phù hợp quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD.

Điều 2. Khi phân phối sản phẩm ra thị trường, Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Lê Chính phải thực hiện đúng các quy định về quyền và trách nhiệm theo quy định của Công ty CP Chứng nhận và Kiểm nghiệm Chất lượng AQCERT và các quy định liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày cấp đến ngày 15/06/2026 và đơn vị sẽ chịu giám sát định kỳ không quá 12 tháng 01 lần để duy trì hiệu lực của quyết định. Nếu không có văn bản thông báo tiếp tục duy trì hiệu lực giấy chứng nhận định kỳ hàng năm từ AQCert, quyết định này mặc nhiên hết hiệu lực.

CHỨNG THỰC BAN SAO DƯNG VỚI BAN CHỈNH
Số chứng thực 01/2023-SCT/BS
Quyển số 01/2023-SCT/BS
Ngày 14-07-2023

Nơi nhận:

- Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Lê Chính;
- Lưu VT, PKT.



Trần Thị Mỹ Vi

**CÔNG CHỨNG VIÊN
TRẦN VĂN TIẾN**

Số: 119 /TB-SXD

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 20 tháng 7 năm 2023

THÔNG BÁO
Tiếp nhận bản công bố sản phẩm, hàng hóa
 vật liệu xây dựng phù hợp quy chuẩn kỹ thuật

Sở Xây dựng tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xác nhận đã tiếp nhận bản công bố hợp quy của: **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN LÊ CHÍNH**

Địa chỉ: Tổ 6, khu phố Hải Dinh, phường Kim Dinh, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Điện thoại: 0973179225.

STT	Tên sản phẩm	Kiểu loại	Đặc trưng kỹ thuật
1	Cát nghiền cho bê tông và vữa	Cát thô	Kích thước 0-5 (mm)
2	Cốt liệu cho bê tông và vữa	Cốt liệu lớn (đá dăm) dùng cho bê tông và vữa (đá 1x1)	Kích thước 5-20 (mm)
3	Cốt liệu cho bê tông và vữa	Cốt liệu lớn (đá dăm) dùng cho bê tông và vữa (đá 1x2)	Kích thước 5-20 (mm)

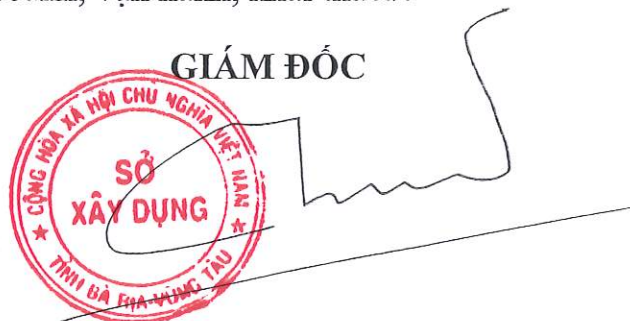
Nơi sản xuất: Tại mỏ puzolan đồi Đất Đỏ, xã Quảng Thành, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số QCVN 16:2019/BXD (phương thức 5) và được phép sử dụng dấu hợp quy CR số 1389.HQ5.AQC.01 và 1389.HQ5.AQC.02 do AQCERT cấp ngày 16/6/2023, có hiệu lực đến ngày 15/6/2026.

Bản thông báo này chỉ ghi nhận sự cam kết của doanh nghiệp, không có giá trị chứng nhận cho sản phẩm, hàng hóa phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng. Doanh nghiệp phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm, hàng hóa do doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, vận hành, khai thác.!

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Lê Chính;
- Lưu: VT, QLXD_{DXL}.

GIÁM ĐỐC


Tạ Quốc Trung

Số: 1508 /GP-BTNMT

Hà Nội, ngày 18 tháng 6 năm 2015

GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 15/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 105/2008/QĐ-TTg ngày 21 tháng 7 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm xi măng ở Việt Nam đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1065/QĐ-TTg ngày 09 tháng 7 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm xi măng ở Việt Nam đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 21/CD-HĐTL ngày 07 tháng 2 năm 2007 của Hội đồng Đánh giá trữ lượng khoáng sản (nay là Hội đồng Đánh giá trữ lượng khoáng sản Quốc gia) về việc công nhận kết quả chuyển đổi cấp trữ lượng và cấp tài nguyên mỏ puzolan Gia Quy, xã Phước Thạnh, huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số 926/GP-BTNMT ngày 13 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Công văn số 02/HĐTLQG ngày 27 tháng 2 năm 2014 của Hội đồng Đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia công nhận kết quả chuyển đổi tài nguyên cấp 211, 221 và 222 thành trữ lượng cấp 111, 121 và 122 mỏ puzolan Gia Quy, thị trấn Đất Đỏ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Căn cứ Quyết định số 2260/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài Nguyên và Môi Trường về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Đề án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án đầu tư nâng công suất khai thác puzolan mỏ Gia Quy, thị trấn Đất Đỏ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;



Căn cứ ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tại Công văn số 987/UBND.VP ngày 09 tháng 2 năm 2015 đối với khu vực mỏ puzolan Gia Quy, thị trấn Đất Đỏ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Giấy chứng nhận đầu tư số 49121000424, chứng nhận lần đầu ngày 23 tháng 8 năm 2013, chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 24 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp cho Dự án đầu tư nâng công suất khai thác puzolan mỏ Gia Quy, thị trấn Đất Đỏ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu của Công ty TNHH Lê Chính;

Xét Đơn và hồ sơ kèm theo của Công ty TNHH Lê Chính đề nghị cấp phép khai thác puzolan mỏ Gia Quy, thị trấn Đất Đỏ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nộp tại Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam ngày 05 tháng 12 năm 2014; bổ sung đến ngày 19 tháng 5 năm 2015.

Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép **Công ty TNHH Lê Chính** khai thác bằng phương pháp lộ thiên puzolan tại mỏ Gia Quy, thị trấn Đất Đỏ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

1. Diện tích khu vực khai thác: 49,93 ha (*Bốn mươi chín phẩy chín mươi ba hecta*); thuộc tờ bản đồ tỷ lệ 1/50.000 số hiệu C-48-47-B và C-48-35-D (hệ toạ độ VN-2000, kinh tuyến trục 105⁰, múi chiếu 6⁰) được giới hạn bởi các điểm khép góc có toạ độ xác định theo Phụ lục 1 và Phụ lục 2 Giấy phép này.

2. Độ sâu khai thác: đến mức +0 m;

3. Khối trữ lượng khai thác: tại các khối trữ lượng cấp 111, 121 và 122 trong khu vực đã được Hội đồng Đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia phê duyệt chuyển đổi;

4. Trữ lượng địa chất: 23.650.442 tấn;

5. Trữ lượng khai thác: 22.610.000 tấn;

6. Công suất khai thác:

– Năm thứ 1 (XDCB mỏ): 570.000 tấn/năm;

– Năm thứ 2-30: 760.000 tấn/năm;

7. Thời hạn Giấy phép khai thác: 30 năm, trong đó thời gian xây dựng cơ bản mỏ 01 năm.

Điều 2. **Công ty TNHH Lê Chính** có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản, các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành.

2. Thực hiện nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với trữ lượng khoáng sản trong diện tích khu vực được cấp giấy phép khai thác chậm nhất

trong thời hạn 90 ngày kể từ khi có thông báo bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và theo quy định tại Phụ lục 3 Giấy phép này.

3. Tiến hành hoạt động khai thác puzolan theo đúng tọa độ, diện tích, độ sâu, trữ lượng, công suất quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

4. Trước khi tiến hành khai thác, phải nộp thiết kế mỏ được lập, thẩm định, phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu để chỉ đạo các cơ quan chức năng của tỉnh kiểm tra tại thực địa, xác định tọa độ, mặt bằng khai thác và cắm mốc giới phạm vi khu vực được phép khai thác; phải thực hiện thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện đầy đủ nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Đề án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án nâng công suất khai thác puzolan tại mỏ Gia Quy, thị trấn Đất Đỏ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thực hiện việc ký quỹ phục hồi môi trường theo quy định.

6. Việc khai thác phải thực hiện đúng và đầy đủ các phương pháp, quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn kỹ thuật, an toàn công trình mỏ, an toàn vật liệu nổ công nghiệp; phải có các biện pháp phòng, chống các sự cố, bảo đảm an toàn lao động và các quy định khác có liên quan về an toàn trong khai thác mỏ; phải thu hồi tối đa sản phẩm khai thác từ mỏ; báo cáo đúng sản lượng khai thác, chế biến, sử dụng puzolan cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

7. Việc quản lý, sử dụng các sản phẩm khai thác, chế biến từ puzolan phải thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và theo quy định tại Phụ lục 4 Giấy phép này.

8. Thường xuyên thực hiện việc kiểm soát các khu vực khai thác, chế biến, các công trình phụ trợ và các khu vực khác có liên quan; bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo đảm an toàn, trật tự mỏ theo quy định của pháp luật;

Trường hợp có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, phải dừng ngay hoạt động khai thác, chế biến, đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

9. Thực hiện các quy định về đóng cửa mỏ; phục hồi môi trường, đất đai sau khai thác; báo cáo định kỳ trong hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản và các quy định khác có liên quan.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký; chấm dứt hiệu lực của Giấy phép khai thác khoáng sản số 926/GP-BTNMT ngày 13 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp.

Công ty TNHH Lê Chính chỉ được phép tiến hành hoạt động khai thác puzolan sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và

các quy định tại Giấy phép này; nộp cho Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Sở Công Thương tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu hồ sơ thiết kế mỏ; đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày hoạt động sản xuất kinh doanh, thông báo về giám đốc điều hành mỏ, kế hoạch khai thác, chế biến tại cơ quan chức năng của Nhà nước theo quy định./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng Nguyễn Minh Quang (để báo cáo);
- Bộ Công Thương;
- UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam;
- Cục Kiểm soát HĐKS miền Nam;
- Sở TN và MT tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Công ty TNHH Lê Chính (02);
- Lưu: HS, VP, ĐCKS(MT.14).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trần Hồng Hà

Giấy phép khai thác khoáng sản được đăng ký nhà nước
tại Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam

Số đăng ký: 29 - 2015 / ĐK-KT.

Hà Nội, ngày tháng năm 2015

TỔNG CỤC TRƯỞNG



CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG NỘI DUNG

Số chứng thực..... Quyển số.....

03 -11- 2022

Phó Chủ tịch UBND P. Phước Hiệp



Võ Văn Dân

**TỌA ĐỘ KHU VỰC KHAI THÁC PUZOLAN MỎ GIA QUY,
THỊ TRẤN ĐẤT ĐỎ, HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

(Kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 1508/GP-BTNMT
ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Số thứ tự	Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trục 105°, múi chiếu 6°)	
		X (m)	Y (m)
1	1	1162 789	748 271
2	2	1162 907	748 566
3	3	1162 878	748 859
4	4	1162 739	749 017
5	5	1162 190	749 061
6	6	1162 097	749 022
7	7	1162 074	748 700
8	8	1162 289	748 685
9	9	1162 266	748 348
10	10	1162 326	748 303
Diện tích: 49,93 ha			



TIỀN CẤP QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

(Kèm theo Giấy phép khai thác số 1508 /GP-BTNMT
ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Tổng số tiền phải nộp: 38.585.743.000 đồng

(Viết bằng chữ: Ba mươi tám tỷ, năm trăm tám mươi lăm triệu, bảy trăm bốn mươi ba nghìn đồng chẵn)

Lần nộp	Năm	Mức thu (đồng)	Ghi chú
1	2015	1.484.067.000	
2	2016	1.484.067.000	
3	2017	1.484.067.000	
4	2018	1.484.067.000	
5	2019	1.484.067.000	
6	2020	1.484.067.000	
7	2021	1.484.067.000	
8	2022	1.484.067.000	
9	2023	1.484.067.000	
10	2024	1.484.067.000	
11	2025	1.484.067.000	
12	2026	1.484.067.000	
13	2027	1.484.067.000	
14	2028	1.484.067.000	
15	2029	1.484.067.000	
16	2030	1.484.067.000	
17	2031	1.484.067.000	
18	2032	1.484.067.000	
19	2033	1.484.067.000	
20	2034	1.484.067.000	
21	2035	1.484.067.000	
22	2036	1.484.067.000	
23	2037	1.484.067.000	
24	2038	1.484.067.000	
25	2039	1.484.067.000	
26	2040	1.484.068.000	

**CÔNG SUẤT KHAI THÁC HÀNG NĂM VÀ ĐỊA CHỈ CHẾ BIẾN,
TIÊU THỤ KHOÁNG SẢN ĐƯỢC PHÉP KHAI THÁC**

(Kèm theo Giấy phép khai thác số 1508/GP-BTNMT
ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

TT	Năm khai thác	Công suất khai thác	Sản phẩm sau chế biến	Địa chỉ chế biến, tiêu thụ sản phẩm
1	Năm thứ 1 (XDCB mỏ)	570.000 tấn/năm	Phụ gia xi măng	Theo hợp đồng đã ký với các nhà máy xi măng.
2	Năm thứ 2-30	760.000 tấn/năm	Phụ gia xi măng	

(Handwritten mark)



**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Mã số doanh nghiệp: 3501495711

Đăng ký lần đầu: ngày 11 tháng 11 năm 2009

Đăng ký thay đổi lần thứ: 11, ngày 05 tháng 10 năm 2020

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN LÊ CHÍNH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Tổ 6, Khu phố Hải Đình, Phường Kim Đình, Thành phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Điện thoại: 0254.3820042

Fax:

Email: *ctytnhhlechinh@gmail.com*

Website:

3. Vốn điều lệ 99.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Chín mươi chín tỷ đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; MSDN đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	LÊ VĂN CHÍNH	289A Quốc lộ 51, Tổ 5, Khu phố Hải Đình, Phường Kim Đình, Thành phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	91.080.000.000	92,000	035067001726	
2	LÊ NGUYỄN PHƯỚC LỘC	14A – Điện Biên Phủ, Tổ 6, Khu phố 6, Phường Phước Hiệp, Thành phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	7.920.000.000	8,000	077091000409	

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: **LÊ VĂN CHÍNH**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *01/05/1967*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *035067001726*

Ngày cấp: *08/11/2018*

Nơi cấp: *Cục Cảnh Sát Quản Lý Hành Chính Về
Trật Tự Xã Hội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *289A Quốc lộ 51, Tổ 5, Khu phố Hải Dinh, Phường
Kim Dinh, Thành phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *289A Quốc lộ 51, Tổ 5, Khu phố Hải Dinh, Phường Kim Dinh, Thành
phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam*

TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Văn Cường

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực.....*453*.....Quyển số.....*0*.....SCT/BS

02-11-2022

Phó Chủ tịch UBND P. Phước Hiệp



Võ Văn Dân

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC

SỐ: *01.09*/2016/HĐNT/LC-SL
(V/v Mua bán đá xây dựng)

- Căn cứ vào Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/06/2005 của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
- Căn cứ vào luật thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội khóa 11 kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14/06/2005, có hiệu lực từ ngày 01/01/2006.
- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên;

Hôm nay, ngày 01 tháng 09 năm 2016 tại văn phòng Công ty TNHH Lê Chính chúng tôi gồm có:

A/ Đại diện bên A: CTY TNHH LÊ CHÍNH

- Đại diện : **Lê Văn Chính** Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ : Tổ 16, KP Núi Dinh, P. Kim Dinh, TP. Bà Rịa, tỉnh BRVT
- Điện thoại : 0643. 820 042 Fax: 0643. 820 425
- Tài khoản : 161319749 tại ngân hàng ACB PGD Bà Rịa, Tỉnh BR – VT
- MST : 3501 495 711

B/ Đại diện bên B: CTY TNHH ĐẦU TƯ SÔNG LA

- Đại diện : **Nguyễn Thế Hiền** Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ : 452 Thống Nhất, P.8, TP. Vũng Tàu, tỉnh BRVT
- Điện thoại : 0643 502 026 Fax : 0643 856 168
- Tài khoản : 167 704 077 056 868 tại HDBank Lê Hồng Phong, Tỉnh BR – VT.
- MST : 3502 244 171

Hai bên cùng nhau bàn bạc thống nhất ký kết hợp đồng nguyên tắc mua bán đá vật liệu xây dựng với những điều khoản và nội dung như sau:

Điều 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG:

Bên A đồng ý bán cho bên B các loại đá vật liệu xây dựng cụ thể như sau:

1.1 Chứng loại như sau:

STT	Tên Sản Phẩm	Ghi Chú
1	Đá 1x1	Đơn vị tính: m ³ hoặc tấn
2	Đá mi rữa	
3	Đá mi sàng	
4	Đá hộc	

1.2 Số lượng:

- Cụ thể theo từng đơn đặt hàng, khi có nhu cầu đặt hàng bên B fax đơn hàng cho bên A trước 3 ngày cho từng đơn đặt hàng.
- Hai bên không có ràng buộc về khối lượng mua bán hàng.
- Nếu bên B có nhu cầu khác về khối lượng và quy cách các loại đá khác thì phải có thông báo bằng văn bản cho bên A trước 10 ngày.

1.3 Quy cách:

- Quy cách sản phẩm các loại đá bên A có sẵn tại mỏ đá Gia Quy.

Điều II: HÌNH THỨC VÀ PHƯƠNG THỨC THANH QUYẾT TOÁN:

2.1 Hình thức thanh toán: Bên B thanh toán cho bên A bằng chuyển khoản.

2.2 Phương thức thanh toán:

- Bên B thanh toán cho bên A bằng hình thức chuyển khoản trước khi nhận hàng.
- Khi bên B lấy đá gần hết số tiền chuyển cho bên A, thì bên A sẽ báo trước cho bên B để tiếp tục chuyển tiền và nhận hàng tiếp.
- Bên A có quyền từ chối cung cấp hàng nếu bên B chưa chuyển tiền cho bên A.
- Cuối tháng hai bên đối chiếu khối lượng để làm căn cứ xác nhận công nợ và bên A xuất hóa đơn GTGT cho bên B.

Điều III: PHƯƠNG THỨC VÀ THỜI GIAN GIAO NHẬN HÀNG:

3.1 Phương thức giao nhận:

- Trước khi giao nhận hàng bên B phải đăng ký biển số các xe nhận hàng.
- Cân xe trực tiếp tại trạm cân của bên A và xác nhận khối lượng thực tế từng xe sau khi nhận hàng.
- Bên A không chịu bất cứ trách nhiệm nào đối với hàng hóa đã xuất cho bên B đã ra khỏi cổng của mỏ đá bên A.

3.2 Địa điểm giao hàng: Tại mỏ đá Gia Quy – TT Đất Đỏ- tỉnh BRVT

Điều IV: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN:

4.1 Trách nhiệm bên A:

- Giao hàng theo đúng số lượng, chất lượng và tiến độ mà bên B đã thông báo cho bên A.


- Cung cấp đầy đủ hàng hóa theo đơn đặt hàng của bên B.
- Bên A xuất hóa đơn GTGT cho bên B;

4.2 Trách nhiệm bên B:

- Thanh toán tiền ngay khi đặt hàng cho bên A.
- Để đảm bảo an toàn trong thực hiện công việc, xe bên B vào nhận hàng tại mỏ bên A phải chịu sự điều hành, hướng dẫn của bên A. Nếu xe nào của bên B không chấp hành sẽ bị từ chối cho ra vào mỏ của bên A.
- Bên B cử người giao nhận hàng tại mỏ của bên A.

Điều V: ĐIỀU KHOẢN CHUNG:

- Hai bên cam kết thực hiện những điều khoản trong hợp đồng trên tinh thần hợp tác cùng có lợi và không làm ảnh hưởng quyền lợi của bên kia. Trong quá trình thực hiện, có gì trở ngại hai bên phải thông báo cho nhau bằng văn bản để cùng thảo luận giải quyết, không đơn phương thay đổi hoặc hủy bỏ hợp đồng. Nếu những bất đồng không tự giải quyết được thì chuyển qua Tòa án kinh tế tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giải quyết theo pháp luật Việt Nam. Phán quyết của tòa án là phán quyết cuối cùng và ràng buộc cả hai bên. Phí tòa án do bên thua kiện chịu.
- Hợp đồng được lập thành 04(bốn) bản, mỗi bên giữ 02(hai bản) có giá trị pháp lý ngang nhau và có hiệu lực kể từ ngày ký và hai bên không còn vướng mắc gì về công nợ gì với nhau thì đương nhiên xem như hợp đồng được thanh lý.

ĐẠI DIỆN BÊN B

Nguyễn Thế Thuận

ĐẠI DIỆN BÊN A

Lê Văn Chính

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG MUA BÁN

Số: 02/2025/HĐMB/VTA-SL

Hôm nay, ngày 02 tháng 01 năm 2025 chúng tôi gồm có:

BÊN A (Bên mua): CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VIỆT THÁI AN

- Địa chỉ: Lô C1 đường số 8, KCN Hoà Bình, Xã Nhị Thành, Huyện Thủ Thừa, Long An
- Mã số thuế: 1101889877
- Số tài khoản: 7070 82018 tại ACB Đồng Nai
- Điện thoại: 0272 3614018 Email nhận hoá đơn: huongdtk@vietthaian.com
- Người đại diện: Ông Nguyễn Hải Thanh Chức vụ: Giám đốc công ty làm đại diện

Bên B (Bên bán): CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ SÔNG LA

- Địa chỉ: 452 Thống Nhất, P.8, Tp Vũng Tàu, Tỉnh BR-VT
- Mã số thuế: 3502244171
- Số tài khoản: 167 70407 7056868 tại HDBank CN Vũng Tàu, Tỉnh BR-VT
- Điện thoại: 02543.502026 - 0937 056868 Email: songla.invest@gmail.com
- Người đại diện: Ông Nguyễn Thế Hiền Chức vụ: Giám đốc công ty làm đại diện

Hai bên thống nhất ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa với các điều khoản như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG

- Bên A đồng ý mua và Bên B đồng ý bán các loại đá xây dựng, chi như sau:

Stt	Mặt hàng	Đơn giá (vnd/tấn)	Ghi chú
01	Đá 1x1 (đá: 5x20)		Nguồn gốc: Đá BR-VT
02	Đá mi cát (Mi cát rửa)		

- Đơn giá trên chưa bao gồm thuế GTGT theo quy định.
- Đơn giá được xác định theo từng thời điểm giao nhận hàng và được ghi nhận vào “Biên bản bàn giao kèm đối chiếu công nợ” được ký nhận giữa Bên A và Bên B làm cơ sở xuất hóa đơn GTGT.
- Giao hàng: Bên B giao hàng bằng xà lan cập mạn Cảng của Bên B tại KCN Hoà Bình, xã Nhị Thành, Huyện Thủ Thừa, Long An.
- Khối lượng: Khối lượng thanh toán căn cứ vào khối lượng giao, nhận thực tế được ký nhận giữa Bên A và Bên B.
- Tỷ trọng quy đổi: đá 1x1: 1m³=1,5 tấn; đá mi cát: 1m³=1,6 tấn

- Khi có biến động, thay đổi về giá hoặc các thay đổi về chính sách thuế tài nguyên môi trường, hai bên sẽ tiến hành đàm phán, thương lượng lại và được lập thành phụ lục hợp đồng hoặc được ghi nhận vào “Biên bản bàn giao kèm đối chiếu công nợ” được ký xác nhận giữa đại diện hai bên.

ĐIỀU 2: CHẤT LƯỢNG

- 2.1 Đá giao theo đúng mẫu thỏa thuận (*theo thực tế kiểm tra tại mỏ đá hoặc gửi mẫu*).
- 2.2 Khi hàng được giao đến địa điểm nhận hàng tại Cảng của bên B, đại diện Bên B phải kiểm tra quy cách, chất lượng hàng theo đúng mẫu và nếu đạt yêu cầu thì tiến hành bốc xếp hàng hóa lên phương tiện vận chuyển, nếu không đạt thì không nhận hoặc yêu cầu bên A xử lý cho đạt yêu cầu trước khi nhận hàng.

ĐIỀU 3: GIAO NHẬN, VẬN CHUYỂN VÀ XẾP DỠ

3.1 Thời gian bắt đầu giao hàng:

Bên A phải có kế hoạch và đặt hàng cho bên B bằng đơn đặt hàng, fax, email hoặc điện thoại trước 04 ngày làm việc.

3.2 Địa điểm giao, nhận hàng:

Bên B giao hàng cập mạn tại Cảng của bên A tại KCN Hoà Bình, xã Nhị Thành, Huyện Thủ Thừa, Long An.

3.3 Phương thức giao, đối chiếu:

Hai bên chốt khối lượng thực tế từng xà lan vận chuyển. Ký biên bản giao nhận khối lượng theo từng xà lan vận chuyển. Biên bản giao nhận là cơ sở để Bên A và bên B chốt khối lượng hàng hóa để Bên B xuất hóa đơn GTGT cho Bên A.

ĐIỀU 4: THANH TOÁN

- 4.1 Đối chiếu công nợ: Khối lượng được hai bên chốt theo từng xà lan vận chuyển (*hoặc cuối mỗi tháng*) và Bên B xuất hóa đơn GTGT theo từng đợt giao hàng (*hoặc cuối mỗi tháng*).
- 4.2 Phương thức thanh toán: Chuyển khoản. Bên A thanh toán dứt điểm tiền hàng cho Bên B trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Bên B xuất hóa đơn GTGT cho Bên A.

ĐIỀU 5: TRÁCH NHIỆM MỖI BÊN

5.1 Trách nhiệm bên A.

- Bên A cử người nhận hàng, kiểm tra số lượng, chất lượng hàng hóa và ký biên bản giao nhận hàng giữa hai bên khi nhận hàng.
- Bên A chịu trách nhiệm và sắp xếp cảng bốc dỡ hàng hoá, thời gian bốc dỡ, vận chuyển hàng khi phương tiện giao hàng của Bên B cập mạn cảng Bên A.
- Thanh toán đúng như Điều 4 nêu trên.

5.2 Trách nhiệm bên B.

- Giao hàng đúng thời hạn, số lượng, quy cách, chất lượng như Điều 1, Điều 2.

- Cung cấp các chứng từ liên quan (*biên bản giao nhận, chứng nhận nguồn gốc đá...*) cho bên A khi giao nhận hàng xong của từng đợt giao hàng.
- Bên B chịu trách nhiệm về kỹ thuật cho phương tiện vận chuyển để bảo đảm vận tải hàng hóa an toàn đến địa điểm nhận hàng của Bên A trong thời gian thực hiện hợp đồng.
- Bên B chịu trách nhiệm tuân thủ và đảm bảo an toàn giao thông cũng như sự sắp xếp, bố trí của Cảng Bên A khi phương tiện vào Cảng giao hàng.
- Bên B có trách nhiệm cung cấp đầy đủ chứng từ; hoá đơn GTGT hàng hóa theo đúng quy định của pháp luật.

ĐIỀU 6: THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2025 cho đến khi hai bên hoàn tất các nghĩa vụ tài chính liên quan đến hợp đồng này.

ĐIỀU 7: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 7.1 Mọi thay đổi, bổ sung (*nếu có*) của hợp đồng sẽ được lập thành văn bản dưới dạng phụ lục hợp đồng. Phụ lục hợp đồng và các văn bản liên quan đến hợp đồng này là phần không thể tách rời của hợp đồng này đều có giá trị pháp lý như nhau hoặc được ghi nhận vào “Biên bản bàn giao kèm đối chiếu công nợ” được ký xác nhận giữa đại diện hai bên.
- 7.2 Hai bên cam kết thực hiện đúng theo các điều khoản đã ghi trong hợp đồng. Nếu có gì trở ngại hai bên sẽ gặp nhau bàn bạc giải quyết. Không bên nào được tự ý trì hoãn hợp đồng khi chưa được thống nhất của hai bên. Bên nào vi phạm hợp đồng này thì phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo luật định.
- 7.3 Hợp đồng này được loại trừ các yếu tố bất khả kháng như thiên tai, dịch họa, chiến tranh .v.v... các yếu tố khác phát sinh sẽ được phân định nguyên nhân và lỗi thuộc bên nào thì bên đó chịu trách nhiệm trên cơ sở phối hợp cùng giải quyết.
- 7.4 Khi xảy ra tranh chấp thì hai bên phải gặp nhau bàn bạc giải quyết, nếu không thương lượng được thì đưa ra giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền, quyết định của tòa án là chung thẩm, án phí do bên thua kiện chịu.
- 7.5 Hợp đồng này được lập thành 04 bản, mỗi bản gồm 03 trang, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

CTY TNHH ĐẦU TƯ VIỆT THÁI AN



NGUYỄN HẢI THANH

CTY TNHH ĐẦU TƯ SÔNG LA



NGUYỄN THẾ HIỀN



GIẤY CHỨNG NHẬN CERTIFICATE

Chứng nhận sản phẩm/ *This is to certify that:*

CÓT LIỆU CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA
AGGREGATE FOR CONCRETE AND MORTAR

Kiểu loại/ *Type: chi tiết tại Quyết định số: 163.VT.HQPT05.0123-CC/*
detail in Decision No: 163.VT.HQPT05.0123-CC

Được sản xuất bởi/ *Produced by:*

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ LIÊN HIỆP
LIEN HIEP MANUFACTURING - TRADING - SERVICE CO., LTD

Địa chỉ trụ sở/ *Office address:*

343 Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh/
343 Pham Ngu Lao, Pham Ngu Lao Ward, District 1, Ho Chi Minh City

Địa chỉ sản xuất/ *Manufacturing address:*

Mỏ đá xây dựng Thường Tân _ 191 Ấp 2, Xã Thường Tân, Huyện Bắc Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương/
Thuong Tan Construction Quarry _ 191 Hamlet 2, Thuong Tan Commune, Bac Tan Uyen District, Binh Duong Province

Phù hợp với Quy chuẩn/ *Conforms to regulations:*

QCVN 16:2019/BXD

Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng
National Technical Regulations on Products, Goods of Building Materials

Phương thức chứng nhận/ *Certification method:*

Phương thức 5/ *Method 5*

(Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 và Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ) ;

(Circular No. 28/2012/TT-BKHCN dated December 12th, 2012 and Circular No. 02/2017/TT-BKHCN dated March 31th, 2017 Ministry of Science and Technology)

Số Giấy chứng nhận/ *Certificate No:* **163.VT.HQPT05.0123**

Ngày cấp/ *Signed date:* **03/06/2023**

Ngày hết hạn/ *Expiry date:* **02/06/2026**

Truy xuất
Traceability



Được sử dụng dấu hợp quy
Approved to bear regulation mark



Lê Thị Thu

BM.18.VT.09
01/10/2021

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VITEST

📍: 171 Phùng Hưng / 24 Phú Xuân 2, Phường Hòa Minh, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng

☎ : 0236.628.4455

✉ : info@vitest.com.vn

🌐 : vitest.com.vn

SỞ XÂY DỰNG

Số: **12079** /TB-SXD-VLXD

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **09** tháng 8 năm 2023

THÔNG BÁO
Tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy

Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận đã tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy số 02/2023/CBHQ-LH ngày 25/7/2023 của Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại – Dịch vụ Liên Hiệp;

Địa chỉ: Số 343 Phạm Ngũ Lão, phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh;

Điện thoại: 0989213559;

Email: lienhieppnl@yahoo.com.vn;

Tên sản phẩm: Cốt liệu cho bê tông và vữa;

Kiểu, loại: Cốt liệu lớn (đá dăm) cho bê tông và vữa - Đá trầm tích - Đá 1x2, kích thước hạt (5÷20) mm;

Nơi sản xuất: Mỏ đá xây dựng Thường Tân – 191 Ấp 2, xã Thường Tân, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (theo Giấy phép khai thác khoáng sản (đá xây dựng) số 02/GP-UBND ngày 09/02/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương);

Phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật: QCVN 16:2019/BXD và có giá trị đến ngày 01/6/2026 (theo Giấy chứng nhận hợp quy số 163.VT.HQPT05.0123 cấp ngày 03/6/2023, có giá trị đến ngày 01/6/2026 của Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định Chất lượng ViTEST).

Thông báo này ghi nhận sự cam kết của đơn vị, không có giá trị chứng nhận cho sản phẩm phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại – Dịch vụ Liên Hiệp phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm do đơn vị sản xuất, kinh doanh, bảo quản, vận chuyển, sử dụng và thực hiện các công việc của tổ chức công bố hợp quy theo quy định tại Điều 16 của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại – Dịch vụ Liên Hiệp;
 - Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương;
 - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương;
 - Bộ phận CNTT (đăng tải website Sở);
 - Lưu: VT, VLXD/TTTV, S.
- (BN số: H29.18-230726-0017)

TUỔI GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG VẬT LIỆU XÂY DỰNG



Nguyễn Ngọc Thanh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ HỢP QUY
Số: 02/2023/CBHQ-LH

Tên tổ chức: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ LIÊN HIỆP

Địa chỉ: 343 Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Tp.HCM.

Điện thoại: 0989213559

Email: lienhieppnl@yahoo.com.vn

CÔNG BỐ:

Sản phẩm: Cốt liệu cho bê tông và vữa

Kiểu, loại: Cốt liệu lớn (đá dăm) dùng cho bê tông và vữa

STT	Sản phẩm	Kích thước hạt	Nguồn gốc	Cấp bê tông
1	Đá 1x2	5-20mm	Đá trầm tích	Cấp BT >B30

Nơi sản xuất: Mỏ đá xây dựng Thường Tân _ 191 Ấp 2, xã Thường Tân, huyện Bắc Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương (theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 02/GP-UBND ngày 09/02/2023)

Đặc trưng kỹ thuật:

STT	Chỉ tiêu kỹ thuật	Chất lượng công bố
1	Hàm lượng bụi, bùn, sét trong cốt liệu lớn, %, không lớn hơn	Cấp BT >B30
		1,0
2	Hàm lượng ion Cl ⁻ (tan trong axit) trong cốt liệu lớn ^b , %, không lớn hơn	0,01
3	Mác của đá dăm (MPa)	100
4	Khả năng phản ứng kiềm - silic	Trong vùng cốt liệu vô hại

Thành phần hạt

STT	Kích thước lỗ sàng (mm)	Chất lượng công bố
		Lượng sót tích lũy trên sàng (%)
1	20	0-10
2	10	40-70
3	5	90-100
4	<5	100.0

Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật: QCVN 16:2019/BXD





KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

SHĐ:150323-TNVLXD-VITEST/TTP
STN DADAM 5-20: 000026 TTP

I. THÔNG TIN ĐƠN VỊ YÊU CẦU CUNG CẤP:

- Khách hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VITEST
- Địa chỉ: K257/47 Nguyễn Văn Linh, P. Thạc Gián, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng
- Tên mẫu: Cốt liệu lớn (đá dăm) dùng cho bê tông và vữa
- Kích thước: Đá 1x2 (5-20 mm)
- Nguồn gốc mẫu: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ LIÊN HIỆP
- Địa chỉ lấy mẫu: Mỏ đá xây dựng Thường Tân _ 191 Ấp 2, xã Thường Tân, huyện Bắc Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

II. THÔNG TIN PHÒNG THÍ NGHIỆM CUNG CẤP:

- Dụng cụ TN: Máy nén, khuôn nén dập, sàng tiêu chuẩn, bộ rửa và dụng cụ chuyên dụng khác.
- Tiêu chuẩn TN: TCVN 7572-8,9,15,10,14,2: 2006
- Ngày nhận mẫu: 12/05/2023
- Ngày thí nghiệm: 12/05/2023
- Ngày báo cáo: 30/05/2023

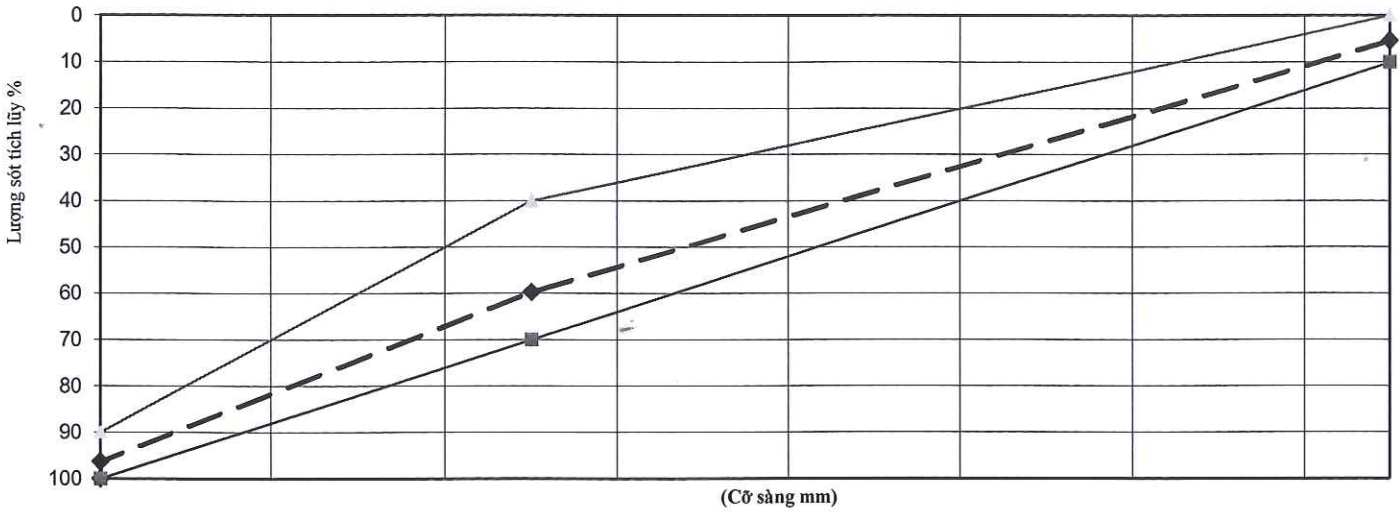
III. NỘI DUNG KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

STT	CÁC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	TIÊU CHUẨN THÍ NGHIỆM	KẾT QUẢ	MỨC YÊU CẦU		
					Cấp BT >B30	Cấp BT B15-B30	<B15
1	Hàm lượng bụi, bùn, sét	%	TCVN 7572-8: 06	0.42	1.0	2.0	3.0
2	Tạp chất hữu cơ	%	TCVN 7572-9:06	Nhạt hơn màu chuẩn	Nhạt hơn màu chuẩn		
3	Hàm lượng ion Cl ⁻ " Tan trong axit"		TCVN 7572-15:06				
3.1	Bê tông dùng trong các kết cấu BTCT và ứng suất trước	%		0.003	≤ 0,01		
3.2	BT dùng trong các kết cấu Bê tông, Bê tông cốt thép vữa thông thường.	%			≤ 0,05		
4	Mác của đá dăm.	Mpa	TCVN 7572-10:06	100	Bảng C2-2 QC16:2019		
5	Khả năng phản ứng kiềm	-	TCVN 7572-14:06	Trong vùng CL vô hại	Trong vùng CL vô hại		

6 Thành phần cấp phối hạt:

Stt	CỠ SÀNG (mm)	LƯỢNG SỐT TRÊN SÀNG (g)	LƯỢNG SỐT TS (%)	LƯỢNG SỐT TÍCH LŨY TS (%)	MỨC YÊU CẦU (%)
1	20	625.20	5.43	5.43	0-10
2	10	6253.25	54.31	59.74	40-70
3	5	4215.20	36.61	96.34	90-100
4	<5	421.20	3.66	100.00	100.0
Tổng (g)		11514.9			

BIỂU ĐỒ CẤP PHỐI HẠT



IV. GHI CHÚ: Các chỉ tiêu phù hợp với yêu cầu QCVN16:2019/BXD

V. NGƯỜI THỰC HIỆN:

Hà Nội, Ngày 30 Tháng 05 Năm 2023

PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU
XÂY DỰNG LASXD 1794

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN
VÀ GIÁM ĐỊNH TTP



Ks. NGUYỄN TRUNG VĂN



PGĐ: TRẦN QUỐC ĐÔNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm.
2. Không được trích dẫn một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của phòng thí nghiệm.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
4. Không nhận khiếu nại về kết quả thí nghiệm trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định.

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Mã số doanh nghiệp: 0300950771

Đăng ký lần đầu: ngày 07 tháng 09 năm 1996

Đăng ký thay đổi lần thứ: 18, ngày 26 tháng 08 năm 2024

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ LIÊN HIỆP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LIEN HIEP MANUFACTURE TRADE SERVICE COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: LIEN HIEP LIMITED

2. Địa chỉ trụ sở chính

343 Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 08.6291.7481

Fax:

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ : 100.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Một trăm tỷ đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	TRẦN VĨNH HỒNG	Việt Nam	343 Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	99.900.000.000	99,900	079063018650	

2	ĐINH THỊ MAI HƯƠNG	Việt Nam	Thôn 5, Xã Đa Ploa, Huyện Đạ Huoai, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	100.000.000	0,100	068196006 335	
---	-----------------------	----------	--	-------------	-------	------------------	--

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: TRẦN VĂN HỒNG

Giới tính: *Nam*

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 04/08/1963

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 079063018650

Ngày cấp: 14/11/2022

Nơi cấp: *cục trưởng cục cảnh sát QLHC về TTXH*

Địa chỉ thường trú: 67/2 Lý Long Tường, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 343 Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG



PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Lê Thị Hồng Nga

Số:



533836/24

GIẤY XÁC NHẬN

Về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

Phòng Đăng ký kinh doanh: Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ trụ sở: 90G đường Trần Quốc Toản, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 028.38.293.179 Fax:

Email: Website:

Xác nhận:

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ
LIÊN HIỆP

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: 0300950771

Đã thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.

Thông tin của doanh nghiệp đã được cập nhật vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp như sau:



STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (Thực hiện theo Điều 11 Luật Kinh doanh bất động sản).	6810
2	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh. (CPC 632)	4752
3	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật).	6619
4	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá (không hoạt động tại trụ sở).	2396
5	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn xe tải, xe chuyên dùng, xe du lịch. (CPC 6111)	4511
6	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn lương thực thực phẩm, nông sản (trừ gạo, đường). (CPC 622)	4632

STT	Tên ngành	Mã ngành
7	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt, thép, nhôm, hợp kim các loại (trừ mua bán vàng miếng và kim loại quý). (CPC 622)	4662
8	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép Chi tiết: Bán buôn hàng may mặc. (CPC 622)	4641
9	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét Chi tiết: khai thác, chế biến đá vật liệu xây dựng. Khai thác, chế biến đá vôi trắng CaCO ₃ (đá xẻ, đá khối, bột đá siêu mịn)	0810
10	Bán mô tô, xe máy Chi tiết: Bán buôn xe gắn máy. (CPC 61111)	4541
11	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn hàng kim khí điện máy, điện lạnh, mỹ phẩm (trừ dược phẩm). (CPC 622)	4649
12	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: vận tải hàng hóa bằng ô tô (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)	4933
13	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông Chi tiết: Bán buôn hàng điện tử. (CPC 622)	4652
14	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa	5022
15	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, phụ tùng máy xây dựng. (CPC 622)	4659
16	Xây dựng nhà để ở Chi tiết: Xây dựng hoàn chỉnh các khu nhà để ở hoặc không phải để ở, sửa chữa nhà.	4101
17	Xây dựng công trình đường sắt Chi tiết: Xây dựng cầu đường	4211
18	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn xi măng. Bán buôn nguyên liệu, vật tư, vật liệu xây dựng. (CPC 622)	4663
19	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: xây dựng công nghiệp	4299
20	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn hóa chất xây dựng. Bán buôn đá vôi trắng CaCO ₃ (đá xẻ, đá khối, bột đá siêu mịn). (CPC 622)	4669
21	Bán buôn tổng hợp Chi tiết: Bán buôn bách hóa. (CPC 622)	4690(Chính)
22	Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: San lấp mặt bằng	4312
23	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: thiết kế nội thất	7410
24	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: Việc tổ chức, xúc tiến và/hoặc quản lý các sự kiện, như kinh doanh hoặc triển lãm, giới thiệu, hội nghị, có hoặc không có quản lý và cung cấp nhân viên đảm nhận những vấn đề tổ chức.	8230

- Đối với các hoạt động đầu tư kinh doanh phát sinh sau thời điểm nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp thuộc trường hợp phải đăng ký cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư, Tổ chức kinh tế nhận góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài có trách nhiệm liên hệ cơ quan đăng ký đầu tư để thực hiện thủ tục theo quy định.

- Đối với các ngành, nghề hoạt động có mã CPC, Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện đúng ngành nghề ghi nhận tại Thông báo về việc đáp ứng điều kiện góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp và trong phạm vi các hoạt động của mã CPC được quy định tại Biểu cam kết dịch vụ của Việt Nam khi gia nhập WTO (Kèm theo phụ lục Bản giải thích về các dịch vụ liệt kê trong hệ thống phân loại sản phẩm chủ yếu của Liên Hợp Quốc).

- Các ngành nghề hoạt động của Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài phải được áp dụng điều kiện đầu tư theo Biểu cam kết dịch vụ của Việt Nam trong WTO. Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có trách nhiệm thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Biểu cam kết dịch vụ của Việt Nam trong WTO.

- Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối bán buôn các hàng hóa không được xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối bán buôn theo quy định của pháp luật Việt Nam và/hoặc các điều ước quốc tế về đầu tư mà nhà đầu tư thuộc đối tượng áp dụng.

- Việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối bán buôn, phân phối bán lẻ hàng hóa phải tuân thủ đúng quy định tại Điều 7 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ về việc quy định chi tiết Luật Thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

- Đối với các trường hợp phải cấp Giấy phép kinh doanh để thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa theo quy định tại Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ về việc quy định chi tiết Luật Thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư có trách nhiệm liên hệ Sở Công Thương để thực hiện thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh, Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (nếu có) theo đúng quy định (trừ trường hợp không phải cấp Giấy phép kinh doanh theo quy định tại Điều 6, Điều 50 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP).

- Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài phải tuân thủ và đáp ứng điều kiện theo quy định tại Luật Thương mại, Nghị định số

Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam



09/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ về việc quy định chi tiết Luật Thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và các văn bản pháp luật khác có liên quan./.

Nơi nhận:

-CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT -
THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ LIÊN HIỆP.
Địa chỉ:343 Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm
Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí
Minh, Việt Nam

-.....;
- Lưu: Nguyễn Ngọc Mỹ Tuyết.....

TRƯỞNG PHÒNG

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Lê Thị Hồng Nga

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG



**GIẤY PHÉP KHAI THÁC
KHOÁNG SẢN**

Số...02/GP-UBND.....

Ngày cấp...09/02/2023.....

GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
(Đá xây dựng)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, trình tự thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 2497/QĐ-UBND ngày 26/9/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Bình Dương giai đoạn 2016 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030, Quyết định số 1718/QĐ-UBND ngày 27/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Điều chỉnh, bổ sung "Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Bình Dương giai đoạn 2016 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030" và Quyết định số 2823/QĐ-UBND ngày 02/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc cho phép tiếp tục thực hiện Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Bình Dương giai đoạn 2016 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030 cho đến khi Quy hoạch tỉnh được phê duyệt;

Căn cứ Quyết định số 1278/QĐ-UBND ngày 16/05/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong báo cáo kết quả thăm dò xuống sâu đến cote -70m mỏ đá xây dựng Thường Tân, xã Thường Tân, huyện Bắc Tân Uyên cho Công ty TNHH Sản xuất-Thương mại-Dịch vụ Liên Hiệp;

Căn cứ Quyết định số 581/QĐ-STNMT ngày 11/6/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án khai thác đá từ cote -50m xuống cote -70m của mỏ đá xây dựng Thường Tân, công suất 772.500 m³ nguyên khai/năm tại xã Thường Tân, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương của Công ty TNHH Sản xuất-Thương mại-Dịch vụ Liên Hiệp;



Xét Đơn và hồ sơ đề nghị cấp phép khai thác khoáng sản của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Liên Hiệp nộp tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 20/TTr- STNMT ngày 18 tháng 01 năm 2023,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty TNHH Sản xuất-Thương mại-Dịch vụ Liên Hiệp khai thác đá xây dựng bằng phương pháp lộ thiên tại mỏ đá xây dựng Thường Tân thuộc xã Thường Tân, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Các thông số giấy phép như sau:

1. Diện tích khu vực khai thác: 24,64ha được giới hạn bởi 14 điểm mốc từ 1 đến 14 có tọa độ xác định tại Phụ lục số 1 và Phụ lục số 2 của Giấy phép này.

2. Mức sâu khai thác đến: Cote -70m.

3. Trữ lượng:

a. Khoáng sản chính: Đá xây dựng

- Trữ lượng khoáng sản được đưa vào thiết kế khai thác: 13.643.990m³ nguyên khối (được xác định từ trữ lượng địa chất khoáng sản đá xây dựng toàn mỏ 19.223.417m³ nguyên khối trừ đi trữ lượng cấp 111 đã khai thác đến tháng 07/2021 là 5.583.427m³ nguyên khối).

- Trữ lượng tồn thất trong thiết kế: 5.411.656m³ nguyên khối (chứa trụ bảo vệ, hào vận chuyển).

- Trữ lượng khai thác (trữ lượng huy động vào thiết kế khai thác) cấp 121, cấp 122 là: 8.232.334m³ (bao gồm 4.000m³ đá khai thác tận thu từ hồ bơm nước ở đáy moong).

b. Khoáng sản phụ: Vật liệu san lấp (đất đầu + đá phong hóa)

- Trữ lượng vật liệu san lấp được đưa vào thiết kế khai thác toàn mỏ: 1.095.530m³ nguyên khối;

- Trữ lượng tồn thất trong thiết kế: 118.195 m³ nguyên khối (chứa trụ bảo vệ, đai an toàn);

- Trữ lượng vật liệu san lấp được phép khai thác: 977.335 m³ nguyên khối.

4. Phương pháp khai thác: Lộ Thiên

5. Công suất khai thác: Đá xây dựng 450.000m³ nguyên khối/năm, vật liệu san lấp theo tiến độ bóc phủ.

6. Thời hạn khai thác: 18,5 năm, kể từ ngày ký.

Điều 2. Công ty TNHH Sản xuất-Thương mại-Dịch vụ Liên Hiệp có trách nhiệm:

1. Tiến hành hoạt động khai thác đá xây dựng theo đúng tọa độ, diện tích, mức sâu, trữ lượng, công suất quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

2. Trước khi tiến hành khai thác, phải nộp thiết kế mỏ được lập, thẩm định,

phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định; cấm mốc giới phạm vi khu vực được phép khai thác; phải thực hiện thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện đầy đủ nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thực hiện việc ký quỹ phục hồi môi trường theo quy định.

4. Phải thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước như: Nộp lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản, nộp phí bảo vệ môi trường, thuế tài nguyên, đóng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được cấp phép và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

5. Trong quá trình khai thác, phải thực hiện đúng và đầy đủ các phương pháp, quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn công trình mỏ; phải có các biện pháp phòng, chống các sự cố, bảo đảm an toàn lao động và các quy định khác có liên quan về an toàn trong khai thác mỏ; Trường hợp có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, phải dừng ngay hoạt động khai thác, chế biến, đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo ngay bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

6. Thường xuyên thực hiện việc kiểm soát các khu vực khai thác, chế biến, các công trình phụ trợ và các khu vực khác có liên quan; bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo đảm an ninh, trật tự mỏ theo quy định của pháp luật;

7. Thực hiện việc đóng cửa mỏ; phục hồi môi trường, đất đai sau khai thác; báo cáo định kỳ trong hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản và các quy định khác có liên quan.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trước khi tiến hành khai thác Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Liên Hiệp phải thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Giấy phép này; nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công Thương tỉnh Bình Dương hồ sơ thiết kế mỏ được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; thông báo về giám đốc điều hành mỏ, kế hoạch khai thác, chế biến tại cơ quan chức năng của Nhà nước theo quy định. /.

Nơi nhận:

- CT, PCT UBND Tỉnh;
- Tổng Cục ĐC&KS;
- Cục KSHĐKS Miền Nam;
- Sở TN&MT;
- UBND huyện Bắc Tân Uyên;
- UBND xã Thường Tân;
- Cty TNHH SX-TM-DV Liên Hiệp;
- LĐVP(Dg, Th), Ch, TH;
- Lưu: VT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC



Mai Hùng Dũng

**RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC KHAI THÁC TẠI MỎ ĐÁ XÂY DỰNG
THƯỜNG TÂN, XÃ THƯỜNG TÂN, HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH
BÌNH DƯƠNG**

(Kèm theo Giấy phép khai thác số 02 /GP-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trục $105^{\circ}45'$ múi chiếu 3°)	
	X (m)	Y (m)
1	12 20-953	6 23-853
2	12 20-885	6 23-788
3	12 20-781	6 23-747
4	12 20-490	6 23-604
5	12 20-494	6 23-570
6	12 20-573	6 23-472
7	12 20-709	6 23-485
8	12 20-721	6 23-477
9	12 20-696	6 23-325
10	12 20-754	6 23-228
11	12 20-860	6 23-279
12	12 21-226	6 23-455
13	12 21-105	6 23-767
14	12 21-029	6 23-788
Diện tích: 24,64ha		

Giấy phép khai thác số 02/GP-UBND ngày 09/02/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp cho Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Liên Hiệp đã được đăng ký Nhà nước tại Sở Tài nguyên và Môi trường.

Số đăng ký 530 /ĐK-STNMT ngày 16 tháng 02 năm 2023

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Ngọc Thúy

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC

Số: 10.2024/HĐNT/AG-LH

(V/v: Cung cấp và vận chuyển vật liệu xây dựng)

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015 có hiệu lực ngày 01/01/2017
- Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH-11 được Quốc Hội nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/06/2005 có hiệu lực ngày 01/01/2006.
- Căn cứ nhu cầu và khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày 01 tháng 10 năm 2024, tại văn phòng Công ty TNHH TM và XD AN GIA Sài Gòn, chúng tôi gồm có:

BÊN MUA : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG AN GIA SÀI GÒN

Địa chỉ : 1.05 Tầng 1, Tòa Nhà Chung cư S1.03 Khu A, KDC và CV Phước Thiện tại số 512 Đ. Nguyễn Xiển, KP. Long Hòa, P. Long Thành Mỹ, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Mã số thuế : 0316734991

Điện thoại : 028 7309 1979

Fax: 028 3512 9664

Số tài khoản : 19036945919014 tại Ngân Hàng Techcombank-CN Đỗ Xuân Hợp

Đại diện : Ông Nguyễn Chơn Lộc

Chức vụ: Giám Đốc

(Sau đây gọi tắt là Bên A)

BÊN BÁN : CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ LIÊN HIỆP

Địa chỉ : 343 Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số thuế : 0313513095

Điện thoại : 028 6291 7481

Fax:

Số tài khoản :

Đại diện : Ông Trần Vĩnh Hồng

Chức vụ: Giám Đốc

(Sau đây gọi tắt là Bên B)

“Bên A” và “Bên B” dưới đây được gọi chung là “hai Bên”, “các Bên” và gọi riêng là “Bên”.

Sau khi bàn bạc, thỏa thuận hai bên thống nhất ký kết hợp đồng nguyên tắc với các điều kiện và điều khoản như sau:

ĐIỀU 1: TÊN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ - ĐƠN GIÁ - SỐ LƯỢNG - QUI CÁCH - CHẤT LƯỢNG

1.1. Tên hàng – đơn giá sản phẩm:

Bên B cung cấp cho bên A các dịch vụ hàng hóa : Đá 1x2, Đá 0x4, Đá 4x6, Đá mi cát, Đá mi bụi.... Các sản phẩm từ đá khác tại nhà máy sản xuất đá – Mỏ đá Ấp 2, Xã Thường Tân, Bắc Tân Uyên, Bình Dương

- Giá thay đổi theo từng thời điểm.

1.2. Số lượng:

- Theo nhu cầu tiêu thụ thực tế của Bên A.

- Hàng hóa, các sản phẩm bên A đặt hàng trước lưu trữ tại kho bãi tại công ty thuộc mỏ đá Thường Tân, Xã Thường Tân, Bắc Tân Uyên, Bình Dương.

1.3. Qui cách – chất lượng hàng hóa:

- Hàng hóa đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật nguyên vật liệu đầu vào của Bên A.

ĐIỀU 2: PHƯƠNG THỨC VÀ TIẾN ĐỘ GIAO NHẬN HÀNG

2.1. Địa điểm nhận hàng:

Giao nhận hàng hóa tại vị trí bên A chỉ định hoặc lấy trực tiếp tại kho bãi bên B.

2.2. Phương thức giao nhận:

Bên B lo phương tiện vận chuyển và chịu mọi rủi ro về hàng hóa trong suốt quá trình vận chuyển đến địa điểm nhận hàng của Bên A.

2.3. Phương thức xác nhận khối lượng:

Khối lượng được xác nhận căn cứ vào khối lượng thực tế cân hoặc đo thể tích tại mỏ bên B.

ĐIỀU 3: ĐỐI CHIẾU VÀ THANH TOÁN

3.1. Đối chiếu khối lượng:

Bên B căn cứ khối lượng giao nhận hàng hóa để phát hành hóa đơn tài chính cho Bên A.

3.2. Phương thức thanh toán:

Thanh toán chuyển khoản ngân hàng.
Đồng tiền thanh toán: đồng Việt Nam.

3.3. Thời gian thanh toán:

- Bên A thanh toán cho Bên B 100% giá trị đơn hàng.

3.4. Hồ sơ thanh toán:

- Hóa đơn điện tử giá trị gia tăng.

ĐIỀU 4: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ MỖI BÊN

4.1. Quyền và nghĩa vụ Bên A:

- Bên A có quyền từ chối nhận hàng của Bên B nếu phát hiện hàng hóa không đạt yêu cầu về chất lượng.
- Bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng nếu Bên B không đảm bảo nguồn hàng ổn định theo yêu cầu của Bên A.
- Bên A có quyền từ chối các phương tiện vận chuyển giao hàng hóa của Bên không che bạt đúng cách khi vào Nhà máy của Bên A.
- Bên A phải cử đại diện kiểm tra hàng hóa theo đúng số lượng, chất lượng sản phẩm trong quá trình giao nhận hàng hóa.
- Bên A phải thanh toán theo đúng Điều 3 của Hợp đồng này.
- Bên A phải thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản đã cam kết trong Hợp đồng.

4.2. Quyền và nghĩa vụ Bên B:

- Bên B có quyền từ chối cấp hàng nếu Bên A không thanh toán theo đúng Điều 3 của Hợp đồng.
- Bên B phải đảm bảo cung cấp hàng hóa theo đúng tiến độ, số lượng, chất lượng, quy cách và chủng loại theo yêu cầu của Bên A.
- Bên B phải cung cấp đầy đủ các chứng từ thanh toán đúng, hợp lệ cho Bên A.
- Bên B đảm bảo an toàn và chịu mọi rủi ro đối với hàng hóa cho đến khi hàng hóa được giao cho Bên A.

- Bên B chịu trách nhiệm đối với cơ quan có thẩm quyền về phương tiện, hàng hóa của mình khi tham gia lưu thông, đồng thời cam kết tham gia đầy đủ bảo hiểm TNDS, bảo hiểm vật chất cho các phương tiện vận chuyển khi lưu thông vào Nhà máy/(kho) của Bên A.
- Trong thời gian mua bán, cung cấp hàng hóa cho nhau, Bên B xuất hóa đơn cung cấp cho Bên A là hóa đơn giá trị gia tăng theo đúng mẫu theo quy định của Bộ tài chính, có giá trị pháp lý rõ ràng, hợp pháp, hợp lệ, bảo đảm đã phát hành, đã báo cáo trên hệ thống của cơ quan Thuế. Bên B cam kết sẽ không tự ý hủy hóa đơn, không chỉnh sửa hóa đơn, không điều chỉnh hóa đơn khi chưa có sự đồng ý của Bên A. Trường hợp vì lý do bắt buộc phải hủy, chỉnh sửa, điều chỉnh hóa đơn đã xuất cho Bên A do sai sót thì Bên B phải thông báo cho Bên A bằng văn bản để Bên A để làm việc với các bên có liên quan khác. Bên B chỉ được phép hủy, chỉnh sửa, điều chỉnh hóa đơn đã xuất khi được sự đồng ý bằng văn bản của Bên A. Trường hợp chưa có sự đồng ý của Bên A mà Bên B tự ý hủy, chỉnh sửa, điều chỉnh hóa đơn thì Bên B phải hoàn trả phần thuế đã vi phạm, đền bù những thiệt hại phát sinh nếu có cho Bên A, và Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.
- Bên B phải thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản đã cam kết trong Hợp đồng.

ĐIỀU 5: ĐIỀU KHOẢN BẤT KHẢ KHÁNG

- Sự kiện bất khả kháng được hiểu là các sự kiện xảy ra ngoài tầm nhận biết và kiểm soát của bên bị tác động, bao gồm nhưng không giới hạn các sự kiện như thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh hoặc có nguy cơ xảy ra chiến tranh (có tuyên bố hay không), đình công, nổi loạn, phá hoại, sự thay đổi trong chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước.
- Tình trạng khó khăn về tài chính, phá sản, giải thể hay tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi) không được xem là sự kiện bất khả kháng.
- Bên gặp bất khả kháng phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trong vòng 24 giờ, nếu quá thời gian trên mà không có thông báo thì sẽ không được chấp nhận là bất khả kháng và vẫn coi là vi phạm Hợp đồng.

ĐIỀU 6: ĐIỀU KHOẢN CHUNG:

- Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã thỏa thuận trong Hợp đồng. Nếu có bất kỳ nội dung hay điều khoản của Hợp đồng cần thay đổi, bổ sung thì hai bên cùng bàn bạc và ký kết Phụ lục Hợp đồng và các Phụ lục này là một phần không thể tách rời của Hợp đồng.
- Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu có vấn đề gì phát sinh, tranh chấp thì hai Bên cùng thương lượng và giải quyết trên tinh thần hợp tác và tôn trọng lẫn nhau. Trong trường hợp phát sinh, tranh chấp hai Bên không tự giải quyết được thì sẽ đưa ra Tòa án có thẩm quyền để giải quyết. Quyết định của Tòa là quyết định cuối cùng mà hai Bên phải thực hiện. Các chi phí và lệ phí tòa án do bên thua kiện phải chịu.
- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày 01/05/2024 đến khi có biên bản thanh lý hợp đồng
- Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản có nội dung và giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 (hai) bản làm cơ sở thực hiện



NGUYỄN CHƠN LỘC



TRẦN VINH HỒNG



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG MUA BÁN

Số: 07/HĐMB/AGSG-VTA/2026

(V/v: *Cung cấp và vận chuyển vật liệu xây dựng*)

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015 có hiệu lực ngày 01/01/2017
- Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH-11 được Quốc Hội nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/06/2005 có hiệu lực ngày 01/01/2006.
- Căn cứ nhu cầu và khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày 25 tháng 12 năm 2025, tại văn phòng Công ty TNHH TM & XD An Gia Sài Gòn, chúng tôi gồm có:

BÊN MUA : CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VIỆT THÁI AN

Địa chỉ : Lô C1 đường số 8, Khu công nghiệp Hòa Bình, , Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

Mã số thuế : 1101889877

Điện thoại : Fax:

Số tài khoản :

Đại diện : Ông *Nguyễn Hải Thanh* Chức vụ: **Giám Đốc**

(Sau đây gọi tắt là Bên A)

BÊN BÁN : CÔNG TY TNHH TM VÀ XD AN GIA SÀI GÒN

Địa chỉ : 1.05 Tầng 1, Tòa Nhà Chung Cư S1.03 Khu A, KDC và CV Phước Thiện tại số 512 đường Nguyễn Xiển, KP. Long Hòa, P.Long Bình TP.Hồ Chí Minh

Mã số thuế : 0316 734 991

Điện thoại : 0328 111 120 Fax:

Tài khoản số : 19036945919014 tại Ngân Hàng Techcombank-CN Đỗ Xuân Hợp

Đại diện : Ông **Nguyễn Chơn Lộc** Chức vụ: **Giám Đốc**

(Sau đây gọi tắt là Bên B)

“Bên A” và “Bên B” dưới đây được gọi chung là “hai Bên”, “các Bên” và gọi riêng là “Bên”.

Sau khi bàn bạc, thỏa thuận hai bên thống nhất ký kết hợp đồng nguyên tắc với các điều kiện và điều khoản như sau:

ĐIỀU 1: TÊN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ - ĐƠN GIÁ - SỐ LƯỢNG - QUI CÁCH - CHẤT LƯỢNG

1.1.Tên hàng – đơn giá sản phẩm:

STT	Sản phẩm	Đơn giá / đơn vị tính	Ghi chú
1	Đá 1x2	Đồng / tấn	
2	Đá mi cát	Đồng / tấn	Cát nghiền

Báo giá sản phẩm chi tiết đính kèm, đơn giá sẽ thay đổi theo từng thời điểm

1.2. Số lượng:

- Theo nhu cầu tiêu thụ thực tế của Bên A và thỏa thuận hai bên.

1.3. Qui cách – chất lượng hàng hóa:

- Hàng hóa đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật nguyên vật liệu đầu vào của Bên A theo các Phụ Lục kèm theo Hợp Đồng này.

ĐIỀU 2: PHƯƠNG THỨC VÀ TIẾN ĐỘ GIAO NHẬN HÀNG

2.1. Thời gian:

- Mỗi đợt đặt hàng Bên A phải thông báo cho Bên B trước ít nhất là 48h (giờ) làm việc để Bên B chuẩn bị kế hoạch giao hàng.
- Bên B đảm bảo về số lượng hàng hóa và tiến độ cấp hàng theo thỏa thuận trước khi lên đơn hàng.

2.2. Địa điểm nhận hàng:

Theo yêu cầu giao nhận hàng tại bên A chỉ định.

2.3. Phương thức giao nhận:

Bên B lo phương tiện vận chuyển và chịu mọi rủi ro về hàng hóa trong suốt quá trình vận chuyển đến địa điểm nhận hàng của Bên A.

2.4. Kiểm tra chất lượng khi giao nhận:

- Bên A có trách nhiệm kiểm tra chất lượng sản phẩm, qui cách hàng hóa ngay khi hàng hóa đến cảng. Nếu phát hiện hàng hóa của Bên B không đúng tiêu chuẩn, chất lượng thì các bên thỏa thuận phương án để xử lý.

2.5. Phương thức xác nhận khối lượng:

- Theo khối lượng phiếu cân tại nhà máy.

ĐIỀU 3: ĐỐI CHIẾU VÀ THANH TOÁN

3.1. Đối chiếu khối lượng:

Bên B căn cứ Bảng đối chiếu, nghiệm thu khối lượng giao nhận hàng hóa để phát hành hóa đơn tài chính cho Bên A.

3.2. Phương thức thanh toán:

Thanh toán chuyển khoản ngân hàng.
Đồng tiền thanh toán: đồng Việt Nam.

3.3. Thời gian thanh toán:

- Bên A có trách nhiệm thanh toán toàn bộ đơn hàng đã đặt trước khi xuống hàng.

ĐIỀU 4: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ MỖI BÊN

4.1. Quyền và nghĩa vụ Bên A:

- Bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng nếu Bên B không đảm bảo nguồn hàng ổn định theo yêu cầu của Bên A.
- Bên A phải cử đại diện kiểm tra hàng hóa theo đúng số lượng, chất lượng sản phẩm trong quá trình giao nhận hàng hóa.
- Bên A phải thanh toán theo đúng Điều 3 của Hợp đồng này.
- Bên A phải phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi cho Bên B giao hàng đúng tiến độ và giải quyết các sự cố trong quá trình thực hiện Hợp đồng.
- Bên A phải thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản đã cam kết trong Hợp đồng.

4.2. Quyền và nghĩa vụ Bên B:

- Bên B có quyền từ chối cấp hàng nếu Bên A không thanh toán theo đúng Điều 3 của Hợp đồng.
- Bên B phải đảm bảo cung cấp hàng hóa theo đúng tiến độ, số lượng, chất lượng, quy cách và chủng loại theo yêu cầu của Bên A.
- Bên B phải cung cấp đầy đủ các chứng từ thanh toán đúng, hợp lệ cho Bên A.
- Bên B phải phối hợp với Bên A để giải quyết các sự cố trong quá trình thực hiện Hợp đồng.
- Bên B đảm bảo an toàn và chịu mọi rủi ro đối với hàng hóa cho đến khi hàng hóa được giao cho Bên A.
- Bên B chịu trách nhiệm đối với cơ quan có thẩm quyền về phương tiện, hàng hóa của mình khi tham gia lưu thông.
- Bên B phải thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản đã cam kết trong Hợp đồng.

ĐIỀU 5: ĐIỀU KHOẢN BẤT KHẢ KHÁNG

- Sự kiện bất khả kháng được hiểu là các sự kiện xảy ra ngoài tầm nhận biết và kiểm soát của bên bị tác động, bao gồm nhưng không giới hạn các sự kiện như thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh hoặc có nguy cơ xảy ra chiến tranh (có tuyên bố hay không), đình công, nổi loạn, phá hoại, sự thay đổi trong chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước.
- Tình trạng khó khăn về tài chính, phá sản, giải thể hay tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi) không được xem là sự kiện bất khả kháng.
- Bên gặp bất khả kháng phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trong vòng 24 giờ, nếu quá thời gian trên mà không có thông báo thì sẽ không được chấp nhận là bất khả kháng và vẫn coi là vi phạm Hợp đồng.

ĐIỀU 6: ĐIỀU KHOẢN BẢO MẬT

Hai Bên cùng cam kết sẽ giữ bí mật và sẽ không cung cấp (nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên kia), sao chép hay tiết lộ cho bất kỳ bên thứ ba nào biết về nội dung của Hợp đồng này, cũng như thông tin của các tài liệu, thông tin liên quan đến Hợp đồng này – mà mỗi Bên có được hoặc nhận được từ Bên kia trong quá trình thương lượng và thực hiện Hợp đồng. Thỏa thuận này vẫn có hiệu lực kể cả khi hai Bên đã chấm dứt hay hoàn tất Hợp đồng. Bên nào vi phạm thỏa thuận này thì phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật, bồi thường toàn bộ thiệt hại (nếu có) cho Bên kia do hành vi vi phạm của mình gây ra.

ĐIỀU 7: ĐIỀU KHOẢN CHUNG:

- Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã thỏa thuận trong Hợp đồng. Nếu có bất kỳ nội dung hay điều khoản của Hợp đồng cần thay đổi, bổ sung thì hai bên cùng bàn bạc và ký kết Phụ lục Hợp đồng và các Phụ lục này là một phần không thể tách rời của Hợp đồng này.

- Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu có vấn đề gì phát sinh, tranh chấp thì hai Bên cùng thương lượng và giải quyết trên tinh thần hợp tác và tôn trọng lẫn nhau. Trong trường hợp phát sinh, tranh chấp hai Bên không tự giải quyết được thì sẽ đưa ra Tòa án có thẩm quyền để giải quyết. Quyết định của Tòa là quyết định cuối cùng mà hai Bên phải thực hiện. Các chi phí và lệ phí tòa án do bên thua kiện phải chịu.
- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký kết đến khi có thông báo ngưng hợp đồng hoặc biên bản thanh lý hợp đồng.
- Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản có nội dung và giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 (hai) bản làm cơ sở thực hiện



ĐẠI DIỆN BÊN A

[Handwritten signature]

Nguyễn Hải Thành



ĐẠI DIỆN BÊN B

Nguyễn Chơn Lộc



5.2. Kết quả thử nghiệm cốt liệu lớn



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG HÒA BÌNH
PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG
 Văn phòng GD: 964/1 Lò Gốm - Phường Bình Tiên - Tp. Hồ Chí Minh
 Văn phòng GD và TN: 161B/81/2A Lạc Long Quân - Phường Bình Thới - Tp. Hồ Chí Minh
 Điện thoại/Hotline: 0933137166
 Email: Hoabinhlas265@gmail.com

Số: 05/01/26-7a/KQTN

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Trang: 1/2

Phiếu YCTN số: 020126-8a

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐÁ

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VIỆT THÁI AN
Loại mẫu : Đá 5 x 20mm
Nguồn gốc : BÀ RỊA VŨNG TÀU
Hạng mục : Kiểm tra vật liệu đầu vào cọc bê tông ly tâm dự ứng lực
Ngày nhận mẫu : 02/01/2026
Ngày thí nghiệm : 02/01/2026 → 05/01/2026

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

ST T	Chỉ tiêu thí nghiệm	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử
1	Thành phần hạt	-	Xem trang 2	TCVN 7572 - 2 : 2006
2	Hàm lượng hạt thô dẹt	%	7,8	TCVN 7572 - 13 : 2006
3	Hàm lượng bụi, bùn, sét	%	0,27	TCVN 7572 - 8 : 2006
4	Khối lượng thể tích xốp	Kg/m ³	1400	TCVN 7572 - 6 : 2006
5	Khối lượng riêng	g/cm ³	2,706	TCVN 7572 - 4 : 2006
6	Nén đập xi lanh	%	6,87	TCVN 7572 - 11 : 2006
7	Kích thước cỡ hạt lớn nhất (D _{max})	mm	20	TCVN 7572 - 2 : 2006
8	Kích thước cỡ hạt nhỏ nhất (D _{min})	mm	5	TCVN 7572 - 2 : 2006

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 01 năm 2026

CTY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG HÒA BÌNH

Thí nghiệm viên

Trưởng phòng TN



Nguyễn Trọng Thái

K.S Bùi Minh Tân



Nguyễn Việt Chánh

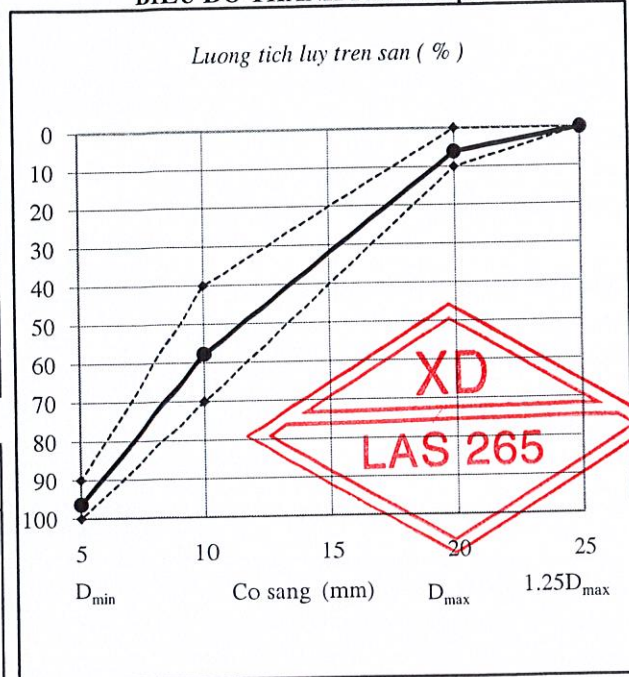
Chú ý: Mẫu do khách hàng mang đến tại phòng thí nghiệm

Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử, PTN không lưu mẫu

1. THÀNH PHẦN HẠT

Mắt sàng	Lượng sót trên từng sàng		Lượng sót tích lũy
(mm)	(g)	(%)	(%)
25,0	0	0,00	0,00
20,0	305,7	6,11	6,11
10,0	2584,3	51,62	57,73
5,0	1933,7	38,63	96,35
<5,0	182,5	3,65	100,00
Khối lượng mẫu thí nghiệm (gam)			5006,2

BIỂU ĐỒ THÀNH PHẦN HẠT



2. KẾT QUẢ THỬ HÀM LƯỢNG HẠT THOI ĐỆT

Cỡ hạt	KL hạt trên sàng	KL hạt thoi đẹt	% KL hạt thoi đẹt	Kết quả thử
40 :- 20	0	0	0	
20 :- 10	4025,1	210,4	4,67	
10 :- 5	478,3	142,7	3,17	
Cộng mẫu	4503,4	353,1	7,84	

3. KẾT QUẢ THỬ HÀM LƯỢNG BỤI BÙN SÉT

TT	Nội dung thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm			T.Bình
1	Khối lượng mẫu khô trước khi thử nghiệm	(g)	5134,2	5141,3	5110,5	-
2	KL mẫu khô sau khi thử nghiệm	(g)	5119,4	5128,7	5096,7	-
3	Phần trăm chung bụi, bùn, sét	%	0,29	0,25	0,27	0,27

4. KẾT QUẢ THỬ KHỐI LƯỢNG THỂ TÍCH XỐP

TT	Nội dung thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm			T.Bình
1	KL mẫu thử + Bình đong	(g)	9069,0	9054,0	9059,0	-
2	KL bình đong	(g)	2059	2059	2059	-
3	Thể tích bình đong	(lít)	5			-
4	Khối lượng thể tích xốp	(g/cm ³)	1,402	1,399	1,400	1,400

5. KẾT QUẢ THỬ KHỐI LƯỢNG RIÊNG

TT	Nội dung thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm			T.Bình
1	Khối lượng bình	(g)	75,91	75,91	75,91	-
2	KL bình + vật liệu	(g)	88,96	91,83	94,45	-
3	KL Bình + Vật liệu + Nước	(g)	165,82	167,63	169,28	-
4	KL bình + Nước	(g)	157,59	157,59	157,59	-
5	Nhiệt độ thử nghiệm	°C	26			-
6	Hệ số hiệu chỉnh		1,00			-
7	KL riêng vật liệu	(g/cm ³)	2,706	2,708	2,705	2,706

6. KẾT QUẢ THỬ HỆ SỐ NÉN DẬP

STT	Khối lượng mẫu trước khi thử (gam)	Khối lượng mẫu sau khi thử (gam)	Độ nén dập (%)	T/ Bình
M 1	418,2	389,7	6,81	6,87
M 2	418,5	389,5	6,93	



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG HÒA BÌNH
 PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG
 Văn phòng GD: 964/1 Lò Gốm - Phường Bình Tiên - Tp. Hồ Chí Minh
 Văn phòng GD và TN: 161B/81/2A Lạc Long Quân - Phường Bình Thới - Tp. Hồ Chí Minh
 Điện thoại/Hotline: 0933137166
 Email: Hoabinhlas265@gmail.com

Số: 05/01/26-2a/KQTN

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Trang: 1/2

Phiếu YCTN số: 020126-2a

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐÁ

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VIỆT THÁI AN
 Loại mẫu : Đá 5 x 20mm
 Nguồn gốc : BÌNH DƯƠNG
 Hạng mục : Kiểm tra vật liệu đầu vào cọc bê tông ly tâm dự ứng lực
 Ngày nhận mẫu : 02/01/2026
 Ngày thí nghiệm : 02/01/2026 → 05/01/2026

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

ST T	Chỉ tiêu thí nghiệm	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử
1	Thành phần hạt	-	Xem trang 2	TCVN 7572 - 2 : 2006
2	Hàm lượng hạt thô dẹt	%	6,9	TCVN 7572 - 13 : 2006
3	Hàm lượng bụi, bùn, sét	%	0,32	TCVN 7572 - 8 : 2006
4	Khối lượng thể tích xốp	Kg/m ³	1399	TCVN 7572 - 6 : 2006
5	Khối lượng riêng	g/cm ³	2,709	TCVN 7572 - 4 : 2006
6	Nén đập xi lanh	%	6,92	TCVN 7572 - 11 : 2006
7	Kích thước cỡ hạt lớn nhất (D _{max})	mm	20	TCVN 7572 - 2 : 2006
8	Kích thước cỡ hạt nhỏ nhất (D _{min})	mm	5	TCVN 7572 - 2 : 2006

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 01 năm 2026

CTY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG HÒA BÌNH

Thí nghiệm viên

Trưởng phòng TN



Nguyễn Trọng Thái

K.S Bùi Minh Tân

Nguyễn Việt Chánh

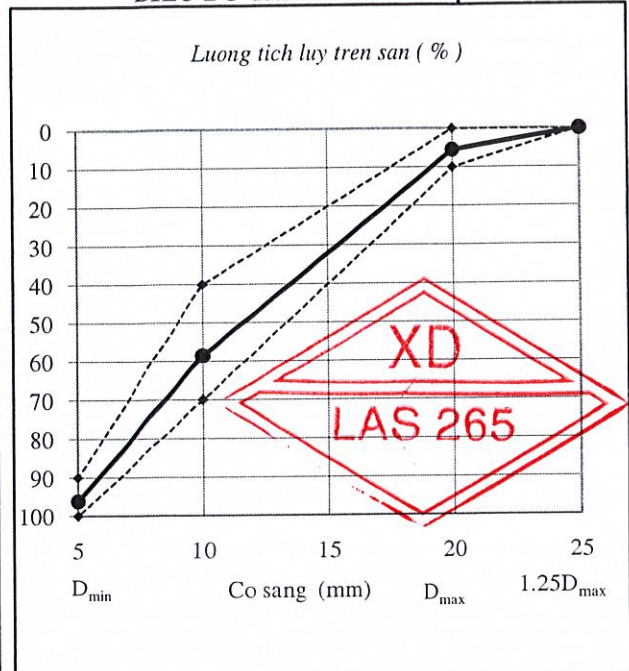
Chú ý: Mẫu do khách hàng mang đến tại phòng thí nghiệm

Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử, PTN không lưu mẫu

1. THÀNH PHẦN HẠT

Mắt sàng	Lượng sót trên từng sàng		Lượng sót tích lũy
(mm)	(g)	(%)	(%)
25,0	0	0,00	0,00
20,0	275,3	5,50	5,50
10,0	2652,1	53,03	58,54
5,0	1882,5	37,64	96,18
<5,0	191,2	3,82	100,00
Khối lượng mẫu thí nghiệm (gam)			5001,1

BIỂU ĐỒ THÀNH PHẦN HẠT



2. KẾT QUẢ THỬ HÀM LƯỢNG HẠT THOI ĐỆT

Cỡ hạt	KL hạt trên sàng	KL hạt thoi đẹt	% KL hạt thoi đẹt	Kết quả thử
40 -:- 20	0	0	0	6,90
20 -:- 10	3781,3	165,1	3,89	
10 -:- 5	465,4	127,9	3,01	
Cộng mẫu	4246,7	293	6,90	

3. KẾT QUẢ THỬ HÀM LƯỢNG BỤI BÙN SÉT

TT	Nội dung thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm			T.Bình
1	Khối lượng mẫu khô trước khi thử nghiệm	(g)	5047,9	5105,1	5100,8	-
2	KL mẫu khô sau khi thử nghiệm	(g)	5031,3	5088,1	5085,2	-
3	Phần trăm chung bụi, bùn, sét	%	0,33	0,33	0,31	0,32

4. KẾT QUẢ THỬ KHỐI LƯỢNG THỂ TÍCH XỐP

TT	Nội dung thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm			T.Bình
1	KL mẫu thử + Bình đong	(g)	9064,0	9044,0	9054,0	-
2	KL bình đong	(g)	2059	2059	2059	-
3	Thể tích bình đong	(lít)	5			-
4	Khối lượng thể tích xốp	(g/cm ³)	1,401	1,397	1,399	1,399

5. KẾT QUẢ THỬ KHỐI LƯỢNG RIÊNG

TT	Nội dung thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm			T.Bình
1	Khối lượng bình	(g)	75,91	75,91	75,91	-
2	KL bình + vật liệu	(g)	89,56	91,03	94,35	-
3	KL Bình + Vật liệu + Nước	(g)	166,20	167,13	169,22	-
4	KL bình + Nước	(g)	157,59	157,59	157,59	-
5	Nhiệt độ thử nghiệm	°C	26			-
6	Hệ số hiệu chỉnh		1,00			-
7	KL riêng vật liệu	(g/cm ³)	2,708	2,711	2,709	2,709

6. KẾT QUẢ THỬ HỆ SỐ NÉN DẬP

STT	Khối lượng mẫu trước khi thử (gam)	Khối lượng mẫu sau khi thử (gam)	Độ nén dập (%)	T/ Bình
M 1	417,3	388,2	6,97	6,92
M 2	418,1	389,4	6,86	



6. Phụ gia



6.1. Giấy chứng nhận, hợp đồng



CHỨNG NHẬN CERTIFICATE

CHỨNG NHẬN HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CỦA/
THIS IS TO CERTIFY THE MANAGEMENT SYSTEM OF:

CÔNG TY CỔ PHẦN MC-BIFI BAUCHEMIE
MC-BIFI BAUCHEMIE JOINT STOCK COMPANY

ĐỊA CHỈ/ ADDRESS:

Trụ sở/ Head Office: 814/3 Đường Láng, Phường Láng, TP. Hà Nội, Việt Nam/
No. 814/ 3 Lang Street, Lang Ward, Ha Noi City, Vietnam

Địa điểm sản xuất/ Factory: Số 4, Lô 8, Cụm công nghiệp vừa và nhỏ Bắc Từ Liêm,
Phường Xuân Phương, TP. Hà Nội, Việt Nam/ No. 4, Lot 8, Bac Tu Liem Small and
Medium Industrial Cluster, Xuan Phuong Ward, Hanoi City, Vietnam

ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ PHÙ HỢP VỚI CÁC YÊU CẦU CỦA TIÊU CHUẨN/
HAS BEEN ASSESSED AND FOUND TO COMPLY WITH THE REQUIREMENTS OF:

ISO 9001:2015

CHO PHẠM VI/ FOR SCOPE:

Nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh phụ gia bê tông, trợ nghiền xi măng, vật liệu chống thấm và hóa chất xây dựng/ Research, production and sales of concrete additives, cement grinding aids, waterproofing materials and construction chemicals./

VICAS số/ VICAS No.: 022 – QMS

Chứng chỉ số/ Certification No.: 220831.01.QMS.TCN25

Ngày cấp / Issued date : 04/09/2025

Hiệu lực đến ngày/ Expired date: 03/09/2028



NGUYỄN THANH TÙNG

GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR

Chứng chỉ sẽ mất hiệu lực nếu hệ thống quản lý của khách hàng không vượt qua cuộc đánh giá giám sát hàng năm của ICB/
This certificate will be invalid if the customer's management system does not pass the surveillance of ICB



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN QUỐC TẾ
INTERNATIONAL CERTIFICATION BODY

Địa chỉ: C9, Lô 8, Khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam
Website: chungnhanquocte.vn Email: cert@chungnhanquocte.vn



Được công nhận bởi BOA - www.boa.gov.vn
Accreditation by BOA - www.boa.gov.vn

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM
VIỆN NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG



GIẤY CHỨNG NHẬN

CÔNG TY CỔ PHẦN MC-BIFI BAUCHEMIE

814/3 đường Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Địa điểm sản xuất 1: Số 4, lô 8 Cụm công nghiệp vừa và nhỏ Bắc Từ Liêm, phường Minh Khai,
quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Địa điểm sản xuất 2: Lô H09B, đường số 01, KCN Long Hậu, xã Long Hậu,
huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, Việt Nam

đã được đánh giá phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn:

ISO 14001:2015

Hệ thống Quản lý Môi trường
cho lĩnh vực:

**Nghiên cứu, sản xuất và kinh doanh: Phụ gia bê tông, trợ nghiền xi măng,
sản phẩm chống thấm và hoá chất dùng cho vật liệu xây dựng(*)**

Số giấy chứng nhận: HM 528; Mã số: 528-24-01/00

Ngày chứng nhận lần đầu: 20 / 11 / 2024

Hiệu lực Giấy chứng nhận: Từ ngày 20 / 11 / 2024 đến ngày 19 / 11 / 2027

(Để duy trì hiệu lực 3 năm Giấy chứng nhận, đơn vị phải hoàn tất thủ tục đánh giá
giám sát Lần 1 trước ngày 20 / 11 / 2025, giám sát Lần 2 trước ngày 19 / 11 / 2026)

HỘI ĐỒNG CHỨNG NHẬN
CHỦ TỊCH

GS. TS. Nguyễn Hồng Sơn



KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Phạm Hữu Vững

VIỆN NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: Số 52/46, đường Liên Mạc, P. Liên Mạc, Q. Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: 024 2266 1111/ 0981851111; Website: issq.org.vn; Email: tcvn@issq.org.vn



Số: 27335 /QĐ-ISSQ

Hà Nội, ngày 20 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp Giấy chứng nhận phù hợp Tiêu chuẩn

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG

Căn cứ Chứng nhận số A-1100 ngày 25/4/2013 (Đăng ký lần thứ bảy, ngày 19/11/2024) của Bộ Khoa học và Công nghệ về Chứng nhận đăng ký hoạt động Khoa học và Công nghệ cho Viện Nghiên cứu Phát triển Tiêu chuẩn Chất lượng;

Căn cứ Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chứng nhận số: 1026/TĐC-HCHQ ngày 25/4/2022 của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng về đăng ký hoạt động Chứng nhận của Viện Nghiên cứu Phát triển Tiêu chuẩn Chất lượng đối với tổng hợp đa ngành trong lĩnh vực Chứng nhận Hệ thống quản lý và chứng nhận sản phẩm, hàng hóa;

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Chứng nhận Hợp chuẩn - Hợp quy,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Cấp Giấy chứng nhận phù hợp Tiêu chuẩn ISO 14001:2015 số HM 528, mã số 528-24-01/00 cho Công ty Cổ phần MC-BIFI BAUCHEMIE trong lĩnh vực: Nghiên cứu, sản xuất và kinh doanh: Phụ gia bê tông, trợ nghiền xi măng, sản phẩm chống thấm và hoá chất dùng cho vật liệu xây dựng; địa chỉ: 814/3 đường Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam; địa điểm sản xuất 1: Số 4, lô 8 Cụm công nghiệp vừa và nhỏ Bắc Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam; địa điểm sản xuất 2: Lô H09B, đường số 01, KCN Long Hậu, xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, Việt Nam.

Điều 2. Giấy chứng nhận này có hiệu lực trong thời hạn 3 năm kể từ ngày 20/11/2024 đến ngày 19/11/2027. Trong thời gian hiệu lực của Giấy chứng nhận, Công ty Cổ phần MC-BIFI BAUCHEMIE được phép sử dụng Dấu chứng nhận do Viện Nghiên cứu Phát triển Tiêu chuẩn Chất lượng cấp.

Điều 3. Công ty Cổ phần MC-BIFI BAUCHEMIE có trách nhiệm duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý môi trường phù hợp với yêu cầu Tiêu chuẩn ISO 14001:2015 và thực hiện nghĩa vụ giám sát định kỳ theo quy định của pháp luật hiện hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 1;
- Lưu: TTCN.



Số: 27336 /ISSQ - TTCN
V/v sử dụng dấu chứng nhận

Hà Nội, ngày 20 tháng 11 năm 2024

Kính gửi: Công ty Cổ phần MC-BIFI BAUCHEMIE.

Công ty Cổ phần MC-BIFI BAUCHEMIE được Viện Nghiên cứu Phát triển Tiêu chuẩn Chất lượng (Viện Chất lượng ISSQ) đánh giá và cấp Giấy chứng nhận phù hợp Tiêu chuẩn ISO 14001:2015 số HM 528. Quý Công ty được phép sử dụng dấu chứng nhận và logo của Viện để tuyên truyền, quảng bá phạm vi được chứng nhận theo mẫu và quy định dưới đây:



- Dấu chứng nhận được phép sử dụng trong các trường hợp sau:**
 - Trong các tiếp đầu thư, công văn giao dịch, tài liệu kỹ thuật, tài liệu đào tạo, tài liệu quảng cáo, name-card, các chứng từ và các tài liệu tiếp thị;
 - Trong các chương trình quảng cáo, quảng bá trên các phương tiện thông tin đại chúng như phát thanh, truyền hình, báo chí...;
 - Trên các phương tiện giao thông, vận tải, các bảng quảng cáo công cộng,...
- Dấu chứng nhận không được phép sử dụng trong các trường hợp sau:**
 - Gây hiểu nhầm là Viện Chất lượng ISSQ đã chứng nhận hay công nhận tính pháp lý cho sản phẩm của Tổ chức hay bất cứ một cách hiểu nhầm nào khác;
 - Gây hiểu nhầm rằng Viện Chất lượng ISSQ đã chứng nhận chất lượng cho sản phẩm cụ thể;
 - Hết hiệu lực chứng nhận hoặc không tuân thủ các yêu cầu về chứng nhận.
- Chú ý khi sử dụng:**
 - Dấu chứng nhận có thể được in đúng theo màu như miêu tả cụ thể, hay có thể dùng một màu để phù hợp với những giấy tờ, tài liệu, báo, tạp chí đã in sẵn;
 - Dấu chứng nhận có thể phóng to hoặc thu nhỏ một cách đồng nhất, tuy nhiên phải đủ lớn để phần chữ có thể đọc được rõ ràng;
 - Giấy chứng nhận và Dấu chứng nhận không được phép chuyển nhượng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: TTCN.



Phạm Hữu Vĩnh

THÔNG BÁO
Tiếp nhận hồ sơ công bố hợp chuẩn

Sở Xây dựng Hà Nội nhận được hồ sơ kèm theo bản công bố hợp chuẩn số: 01/CBHC-2025 và 02/CBHC-2025 ghi ngày 01/4/2025 của Công ty Cổ phần MC-BiFi Bauchemie.

1. Địa chỉ trụ sở: 814/3 đường Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

2. Địa chỉ xưởng sản xuất:

2.1. Địa chỉ xưởng sản xuất số 1: số 4, Lô 8, Cụm công nghiệp vừa và nhỏ Bắc Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

2.2. Địa chỉ xưởng sản xuất số 2: lô HO9B, đường số 1, Khu công nghiệp Long Hậu, xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, Việt Nam.

3. Sản phẩm:

3.1. Phụ gia hóa học cho bê tông

Kiểu loại, đặc trưng kỹ thuật: phụ gia hóa học cho bê tông theo Giấy chứng nhận số SP 929 ngày 26/3/2022 và các kết quả thử nghiệm kèm theo của Viện Nghiên cứu Phát triển Tiêu chuẩn Chất lượng.

3.2. Vữa xi măng khô trộn sẵn không co

Kiểu loại, đặc trưng kỹ thuật: vữa xi măng khô trộn sẵn không co theo Giấy chứng nhận số SP 930 ngày 26/3/2022 và các kết quả thử nghiệm kèm theo của Viện Nghiên cứu Phát triển Tiêu chuẩn Chất lượng.

4. Các sản phẩm trên được Viện Nghiên cứu Phát triển Tiêu chuẩn Chất lượng cấp Giấy chứng nhận hợp chuẩn số SP 929 mã số 929-25-01/00 và SP 930 mã số 930-25-01/00 ngày 26/3/2022, cụ thể như sau:

- Phù hợp tiêu chuẩn TCVN 8826 : 2024 tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia về phụ gia hóa học cho bê tông.

- Phù hợp tiêu chuẩn TCVN 9204 : 2012 tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia về vữa xi măng trộn sẵn không co.

- Phương thức đánh giá sự phù hợp: Phương thức 5 theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 và Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Thời hạn của Giấy chứng nhận hợp chuẩn từ ngày 26/3/2025 đến ngày 25/3/2028.

- Thông báo này ghi nhận sự cam kết Công ty Cổ phần MC-BiFi Bauchemie. Thông báo này không có giá trị chứng nhận cho sản phẩm, hàng hóa, quá trình, dịch vụ, môi trường phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

Công ty Cổ phần MC-BiFi Bauchemie phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm hàng hóa, quá trình, dịch vụ, môi trường do doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, khai thác./.

Nơi nhận: *Al*

- Công ty CP MC-BiFi Bauchemie;
- UBND quận: Đống Đa, Bắc Từ Liêm;
- Đ/c Giám đốc Sở (để b/c);
- Bộ phận TN&TKQ (để p/h);
- Văn phòng Sở (để đăng website của Sở XD);
- Phòng QLKT&GDCL;
- Lưu: VT, KTXD.(Mạnh)



Mạc Đình Minh



GIẤY CHỨNG NHẬN

Chứng nhận sản phẩm:

Phụ gia hóa học cho bê tông

(Danh mục chi tiết sản phẩm kèm theo Quyết định số: 2403-17/QĐ-ISSQ, ngày 24 tháng 3 năm 2025)

Được sản xuất tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN MC-BIFI BAUCHEMIE

Địa chỉ:

814/3 đường Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
Nhà máy sản xuất 1: Số 4, lô 8 Cụm công nghiệp vừa và nhỏ Bắc Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Nhà máy sản xuất 2: Lô H09B, đường số 01, KCN Long Hậu, xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, Việt Nam

Phù hợp với Tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia:

TCVN 8826:2024

Và được phép sử dụng Dấu hợp chuẩn



Phương thức chứng nhận: **Phương thức 5 (theo Thông tư số 28/2012/TT - BKHCN ngày 12/12/2012 và Thông tư số 02/2017/TT - BKHCN ngày 31/3/2017)**

Số giấy chứng nhận: **SP 929;** Mã số: **929-25-01/00**

Ngày chứng nhận lần đầu: **26 / 3 / 2022**

Hiệu lực Giấy chứng nhận: **Từ ngày 26 / 3 / 2025 đến ngày 25 / 3 / 2028**

**HỘI ĐỒNG CHỨNG NHẬN
CHỦ TỊCH**

GS. TS. Nguyễn Hồng Sơn

**KT. VIÊN TRƯỞNG
PHÓ VIÊN TRƯỞNG**



Lê Hữu Thắng

VIỆN NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: Số 52/46, đường Liên Mạc, P. Liên Mạc, Q. Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: 024 2266 1111/ 0981851111; Website: issq.org.vn; Email: tcvn@issq.org.vn



Số: 2403-17/QĐ-ISSQ

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp Giấy chứng nhận lại phù hợp Tiêu chuẩn

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG

Căn cứ Chứng nhận số A-1100 ngày 25/4/2013 (Đăng ký lần thứ bảy, ngày 19/11/2024) của Bộ Khoa học và Công nghệ về Chứng nhận đăng ký hoạt động Khoa học và Công nghệ cho Viện Nghiên cứu Phát triển Tiêu chuẩn Chất lượng;

Căn cứ Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chứng nhận số: 1026/TĐC-HCHQ ngày 25/4/2022 của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng về đăng ký hoạt động chứng nhận của Viện Nghiên cứu Phát triển Tiêu chuẩn Chất lượng đối với tổng hợp đa ngành trong lĩnh vực chứng nhận Hệ thống quản lý và chứng nhận sản phẩm, hàng hóa;

Xét theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Chứng nhận Hợp chuẩn - Hợp quy.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy chứng nhận lại phù hợp Tiêu chuẩn TCVN 8826:2024 số SP 929, mã số 929-25-01/00 cho sản phẩm: Phụ gia hóa học cho bê tông (Danh mục chi tiết sản phẩm kèm theo); được sản xuất tại: Công ty Cổ phần MC-BIFI BAUCHEMIE; địa chỉ: 814/3 đường Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam; Nhà máy sản xuất 1: Số 4, lô 8 Cụm công nghiệp vừa và nhỏ Bắc Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam; nhà máy sản xuất 2: Lô H09B, đường số 01, KCN Long Hậu, xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, Việt Nam.

Điều 2. Giấy chứng nhận lại này có hiệu lực trong thời hạn 3 năm kể từ ngày 26/3/2025 đến ngày 25/3/2028. Trong thời gian hiệu lực của Giấy chứng nhận, Công ty Cổ phần MC-BIFI BAUCHEMIE được phép sử dụng Dấu hợp chuẩn do Viện Nghiên cứu Phát triển Tiêu chuẩn Chất lượng cấp.

Điều 3. Công ty Cổ phần MC-BIFI BAUCHEMIE có trách nhiệm duy trì, cải tiến Hệ thống đảm bảo chất lượng phù hợp với yêu cầu Tiêu chuẩn TCVN 8826:2024 và thực hiện nghĩa vụ giám sát định kỳ theo quy định của pháp luật hiện hành. ✓

Nơi nhận:

- Như Điều 1;
- Lưu: TTCN.



Số: 2403-21/ISSQ – TTCN
V/v: Sử dụng dấu chứng nhận

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2025

Kính gửi: Công ty Cổ phần MC-BIFI BAUCHEMIE.

Công ty Cổ phần MC-BIFI BAUCHEMIE đã được Viện Nghiên cứu Phát triển Tiêu chuẩn Chất lượng đánh giá và cấp Giấy chứng nhận sản phẩm: Phụ gia hóa học cho bê tông phù hợp Tiêu chuẩn TCVN 8826:2024 số SP 929. Quý Công ty được phép sử dụng Dấu chứng nhận và logo của Viện chất lượng ISSQ để tuyên truyền, quảng bá và khẳng định chất lượng sản phẩm của mình theo mẫu và quy định dưới đây:



1. Dấu chứng nhận có thể được sử dụng trong các trường hợp sau:

- Trong bao bì sản phẩm, các tiếp đầu thư, công văn giao dịch, tài liệu kỹ thuật, tài liệu đào tạo, tài liệu quảng cáo, name-card, các chứng từ và các tài liệu tiếp thị;
- Trong các chương trình quảng cáo, quảng bá trên các phương tiện thông tin đại chúng như phát thanh, truyền hình, báo chí...;
- Trên các phương tiện giao thông, vận tải, các bảng quảng cáo công cộng,...

2. Dấu chứng nhận không được sử dụng trong các trường hợp sau:

- Sản phẩm không thuộc danh mục do Viện ISSQ chứng nhận;
- Giấy chứng nhận trong thời gian bị đình chỉ hoặc khi có Quyết định hủy bỏ chứng nhận của Viện ISSQ.

3. Chú ý khi sử dụng:

- Dấu chứng nhận được in đúng theo màu như miêu tả, hay có thể dùng một màu để phù hợp với những giấy tờ, tài liệu, báo, tạp chí đã in sẵn;
- Dấu chứng nhận có thể phóng to hoặc thu nhỏ một cách đồng nhất, tuy nhiên phải đủ lớn để phân chữ có thể đọc được rõ ràng;
- Giấy chứng nhận và Dấu chứng nhận không được chuyển nhượng. ✓

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: TTCN.

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG
VIỆN
NGHIÊN CỨU
PHÁT TRIỂN
TIÊU CHUẨN
CHẤT LƯỢNG
★ Lê Hữu Thắng

**DANH MỤC SẢN PHẨM PHỤ GIA HÓA HỌC CHO BÊ TÔNG
ĐƯỢC CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN TCVN 8826:2024**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2403-17 /QĐ-ISSQ, ngày 24 tháng 3 năm 2025)

TT	Loại Sản phẩm	Mã Sản phẩm	Ký hiệu loại
1.	Phụ gia hóa dẻo - chậm đông kết	MC-TechniFlow 1001	Loại D
2.		MC-TechniFlow 1102	Loại D
3.		MC-TechniFlow 1301	Loại D
4.	Phụ gia siêu dẻo - chậm đông kết	MC-TechniFlow 1003	Loại G
5.		MC-TechniFlow 1002	Loại G
6.		MC-TechniFlow 1005	Loại G
7.		MC-TechniFlow 1103	Loại G
8.		MC-TechniFlow 1118	Loại G
9.		MC-PowerFlow 2116	Loại G
10.		MC-PowerFlow 2132	Loại G
11.		MC-PowerFlow 2133	Loại G
12.		MC-PowerFlow 2135	Loại G
13.		MC-PowerFlow 2136	Loại G
14.		MC-PowerFlow 2137	Loại G
15.		MC-PowerFlow 2138	Loại G
16.		MC-PowerFlow 2139	Loại G
17.		MC-PowerFlow 2155	Loại G
18.		MC-PowerFlow 2160	Loại G
19.		MC-PowerFlow 2168	Loại G
20.		MC-PowerFlow 2177	Loại G
21.		MC-PowerFlow Perma	Loại G
22.		MC-PowerFlow 2216	Loại G
23.		MC-PowerFlow 2232	Loại G
24.		MC-PowerFlow 2233	Loại G

TT	Loại Sản phẩm	Mã Sản phẩm	Ký hiệu loại
25.		MC-PowerFlow 2235	Loại G
26.		MC-PowerFlow 2236	Loại G
27.		MC-PowerFlow 2237	Loại G
28.		MC-PowerFlow 2239	Loại G
29.		MC-PowerFlow 2247	Loại G
30.		MC-PowerFlow 2251	Loại G
31.		MC-PowerFlow 2252	Loại G
32.		MC-PowerFlow 2253	Loại G
33.		MC-PowerFlow 2255	Loại G
34.		MC-PowerFlow 2256	Loại G
35.		MC-PowerFlow 2256 S	Loại G
36.		MC-PowerFlow 2257	Loại G
37.		MC-PowerFlow 2257 A	Loại G
38.		MC-PowerFlow2257 P	Loại G
39.	Phụ gia siêu dẻo - chậm đông kết	MC-PowerFlow 2257 S	Loại G
40.		MC-PowerFlow 2257 V	Loại G
41.		MC-PowerFlow 2257 R	Loại G
42.		MC-PowerFlow 2257 W	Loại G
43.		MC-PowerFlow 2258	Loại G
44.		MC-PowerFlow 2259	Loại G
45.		MC-PowerFlow 2259 V	Loại G
46.		MC-PowerFlow 2260	Loại G
47.		MC-PowerFlow 2261	Loại G
48.		MC-PowerFlow 2263	Loại G
49.		MC-PowerFlow 2265	Loại G
50.		MC-PowerFlow 2266	Loại G

TT	Loại Sản phẩm	Mã Sản phẩm	Ký hiệu loại
51.		MC-PowerFlow 2268	Loại G
52.		MC-PowerFlow 2269	Loại G
53.		MC-PowerFlow 2271	Loại G
54.		MC-PowerFlow 2280	Loại G
55.		MC-PowerFlow 2281	Loại G
56.		MC-PowerFlow 2282	Loại G
57.		MC-PowerFlow 2283	Loại G
58.		MC-PowerFlow 2285	Loại G
59.		MC-PowerFlow 2286	Loại G
60.		MC-PowerFlow 2287	Loại G
61.		MC-PowerFlow 2288	Loại G
62.		MC-PowerFlow 2289	Loại G
63.		MC-PowerFlow 2290	Loại G
64.		MC-PowerFlow 2291	Loại G
65.		MC-PowerFlow 2293	Loại G
66.		MC-PowerFlow 2295	Loại G
67.		MC-PowerFlow 2299	Loại G
68.		MC-PowerFlow 5100	Loại G
69.		MC-PowerFlow 5250	Loại G
70.		MC-PowerFlow 5255	Loại G
71.		MC-PowerFlow 5260	Loại G
72.		MC-PowerFlow 5265	Loại G
73.		MC-PowerFlow 5268	Loại G
74.		MC-PowerFlow 5285	Loại G
75.		MC-PowerFlow 5285 I	Loại G
76.		MC-PowerFlow 5286	Loại G

SAI
V
THI
TAT
EU
TAT

TT	Loại Sản phẩm	Mã Sản phẩm	Ký hiệu loại	
77.	Phụ gia siêu dẻo - chậm đông kết	MC-PowerFlow 5288	Loại G	
78.		MC-PowerFlow 5289	Loại G	
79.		MC-PowerFlow 5296	Loại G	
80.		MC-PowerFlow 5297	Loại G	
81.		MC-PowerFlow 5298	Loại G	
82.		MC-PowerFlow 5299	Loại G	
83.		MC-PowerFlow 5300	Loại G	
84.		MC-PowerFlow 5310	Loại G	
85.		MC-PowerFlow 5313	Loại G	
86.		MC-PowerFlow 5315	Loại G	
87.		MC-PowerFlow 5325	Loại G	
88.		MC-PowerFlow 5326	Loại G	
89.		MC-PowerFlow 5338	Loại G	
90.		MC-PowerFlow 5339	Loại G	
91.		MC-PowerFlow 5353	Loại G	
92.		MC-PowerFlow 5355	Loại G	
93.		Phụ gia siêu dẻo - giảm nước mức cao	MC-PowerFlow 1007	Loại F
94.			MC-PowerFlow 1008	Loại F
95.			MC-PowerFlow 1086	Loại F
96.			MC-PowerFlow 1088	Loại F
97.	MC-PowerFlow 3700		Loại F	
98.	MC-PowerFlow 3703		Loại F	
99.	MC-PowerFlow 3733		Loại F	
100.	MC-PowerFlow 3753		Loại F	
101.	MC-PowerFlow 3766		Loại F	
102.	MC-PowerFlow 3776		Loại F	

2/2
 CỨT
 HIỆN
 JAM
 ĐNG
 AM

TT	Loại Sản phẩm	Mã Sản phẩm	Ký hiệu loại	
103.	Phụ gia siêu dẻo - giảm nước mức cao	MC-PowerFlow 3777	Loại F	
104.		MC-PowerFlow 3785	Loại F	
105.		MC-PowerFlow 3800	Loại F	
106.		MC-PowerFlow 3805	Loại F	
107.		MC-PowerFlow 3808	Loại F	
108.		MC-PowerFlow 3809	Loại F	
109.		MC-PowerFlow 3816	Loại F	
110.		MC-PowerFlow 3855	Loại F	
111.		MC-PowerFlow 3858	Loại F	
112.		MC-PowerFlow 3878	Loại F	
113.		MC-PowerFlow 3933	Loại F	
114.		MC-PowerFlow 3955	Loại F	
115.		MC-PowerFlow 3958	Loại F	
116.		MC-PowerFlow 3966	Loại F	
117.		MC-PowerFlow 3979	Loại F	
118.		Phụ gia đóng rắn nhanh	MC-Shotcrete SH 100	Loại C
119.		Phụ gia hóa dẻo giảm nước	MC-Centriment WP 100	Loại A
120.	Phụ gia chậm đông kết	MC-Centriment Retard 100	Loại B	
121.	Phụ gia đông cứng nhanh cho bê tông phun	MC- Centriment Rapid 650	Loại C	

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Lê Hữu Thắng

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG MUA BÁN

Số:01/2025/SG.HĐMB-PGMCBIFI

(V/v: Mua bán phụ gia bê tông)

- Căn cứ Luật thương mại của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 14/06/2005 và có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2006;

- Căn cứ Bộ luật Dân sự nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 91/2015/QH13 ban hành ngày 24/11/2015 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017;

- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên.

Hôm nay, ngày 01 tháng 01 năm 2025, chúng tôi gồm:

BÊN A (BÊN MUA): CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VIỆT THÁI AN

Đại diện : Ông NGUYỄN HẢI THANH

Chức vụ: Giám Đốc

Địa chỉ : Lô C1, đường số 08, KCN Hòa Bình, Xã Nhị Thành, Huyện Thủ Thừa Tỉnh Long An

Điện thoại : Fax :

Mã số thuế : 1101889877

Tài khoản số : 0371000070818 tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank)-CN Tân Định-Thành phố Hồ Chí Minh

BÊN B (NHÀ SẢN XUẤT): CÔNG TY CỔ PHẦN MC-BIFI BAUCHEMIE

Đại diện : Bà LÊ THANH HÀ

Chức vụ: Phó Tổng giám đốc

Giấy ủy quyền số: 01/UQ-2024 Hà Nội, ngày 18 tháng 12 năm 2024

Địa chỉ : Số 814/3 Đường Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại : 043.7755.312

Fax: 043.775.9607

Mã số thuế : 0101 538059

Tài khoản số :VND 8814 058 0288. Tại: Ngân hàng Standard Chartered Việt Nam - CN Lê Đại Hành, Hà Nội

Sau khi trao đổi, hai bên thống nhất ký kết cùng thực hiện các nội dung sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

1.1. Số lượng

Bên A đồng ý mua, Bên B đồng ý bán các loại phụ gia theo đúng chất lượng đã đăng ký của bên B. Số lượng cung ứng cụ thể theo từng đợt yêu cầu của Bên A bằng văn bản, email hoặc bản fax.

1.2. Phẩm chất, quy cách, nhãn hiệu

1.2.1. Chất lượng phụ gia phải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo các tiêu chuẩn do Công ty Cổ Phần MC BIFI Bauchemie công bố.



1.2.2. Thông số chính của phụ gia:

➤ Loại phân tán tổng hợp

➤ Dạng lỏng

➤ Phụ gia được đóng trong thùng khối dung tích 1000lit/thùng đối với dạng lỏng; và 20kg/bao đối với sản phẩm dạng bột. Mỗi thùng/bao đều có niêm phong và dán nhãn hàng hóa chính hãng của bên B.

* Thời gian sử dụng hàng mới sản xuất: hạn sử dụng trong vòng 08 tháng kể từ ngày sản xuất.

1.3. Sản phẩm, Giá bán:

Tên sản phẩm	Đvt	Dạng đóng gói	Đơn giá chưa VAT (VNĐ/Lít)
MC PowerFlow 3766 <i>Phụ gia siêu dẻo cao cấp cho ngành công nghiệp bê tông đúc sẵn</i> Hạn sử dụng: 08 tháng kể từ ngày sản xuất	Lít	1000 lít/ Bồn	

* Ghi chú:

- Đơn giá trên chưa bao gồm VAT.

- Giá trên bao gồm vận chuyển để trạm tại địa chỉ lô C1, đường số 8, KCN Hòa Bình, Xã Nhị Thành, Huyện Thủ Thừa, Tỉnh Long An với khối lượng tối thiểu 4000 lít/chuyến.

- Giá cả hàng hóa trên có thể thay đổi tùy theo địa điểm giao hàng, giá cả nguyên nhiên vật liệu thực tế trên thị trường. Có sự thay đổi hai bên thống nhất và bổ sung xác nhận bằng báo giá xác nhận hoặc phụ lục hợp đồng.

ĐIỀU 2: THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM VÀ PHƯƠNG THỨC GIAO NHẬN

2.1. Thời gian giao hàng

Trong vòng 02 đến 03 ngày kể từ khi Bên B nhận được đơn đặt hàng chính thức của Bên A có đầy đủ thông tin: Tên sản phẩm, số lượng, thời gian giao hàng, địa điểm nhận hàng và thông tin của người nhận hàng (trừ ngày lễ và chủ nhật – trong trường hợp có yêu cầu giao hàng vào những ngày này Bên B sẽ cố gắng giao hàng trong khả năng của mình).

2.2. Địa điểm giao hàng:

Lô C1, đường số 08, KCN Hòa Bình, Xã Nhị Thành, Huyện Thủ Thừa Tỉnh Long An

2.3. Hình thức giao hàng:

- Giao hàng bằng thùng dung tích 1000 lít/thùng bơm vào bồn chứa tại trạm.

- Trường hợp bên A có nhu cầu sử dụng bồn chứa, hệ thống định lượng của bên B thì bên A phải có trách nhiệm giữ gìn và bảo vệ tài sản mà bên B đã lắp đặt tại trạm. Trong quá trình sử dụng bồn chứa bị vỡ, nứt, do bên A gây ra... thì bên A phải chi trả chi phí cho bên B cụ thể là: 1.500.000/1 vỏ thùng 1m³; 3.600.000VNđ/1 vỏ thùng 2m³; 5.500.000VNđ/1 vỏ thùng 3m³; 7.800.000/1 vỏ thùng 4m³; 9.500.000/1 vỏ thùng 5m³. Hệ thống định lượng có bộ đếm lưu lượng và thẻ điện từ (Hệ thống Flowmeter):

25.000.000Vnd; Hệ thống không có Flowmeter: 15.000.000Vnd.

- Mỗi đợt giao hàng đại diện hai bên cùng nhau tiến hành giao nhận bằng hình thức cân, đo, đóng, đếm hàng thực tế tại trạm bê tông và lập biên bản giao nhận hàng hóa (theo mẫu của bên B phát hành) để làm cơ sở thanh toán sau này.

- Khi giao hàng: Bên bán tổ chức kết hợp cùng bên mua lấy 02 chai (0,5lít) mẫu phụ gia bất kỳ cho mỗi loại sản phẩm và niêm phong lưu tại bên mua và bên bán làm căn cứ thí nghiệm sau này. Trường hợp bê tông không đảm bảo chất lượng hai bên cùng nhau mang mẫu phụ gia có dán niêm phong đến viện khoa học chuyên ngành bê tông để thí nghiệm (IBST). Nếu nguyên nhân là do phụ gia kém chất lượng bên bán có trách nhiệm bồi thường mọi phí tổn khối lượng bê tông bị hỏng cho bên mua. Nếu nguyên nhân không phải do phụ gia gây nên thì bên mua có trách nhiệm thanh toán toàn bộ chi phí thí nghiệm trên.

ĐIỀU 3: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

3.1. Thanh toán: Thanh toán trong vòng 30 ngày tính từ ngày xuất hóa đơn giá trị gia tăng theo từng chuyến hàng.

3.2. Phương thức thanh toán: Chuyển khoản qua ngân hàng.

3.3. Đồng tiền thanh toán: Việt Nam Đồng.

ĐIỀU 4: THƯỜNG SẢN LƯỢNG VÀ HÌNH THỨC THANH TOÁN:

Thường sản lượng: Đạt sản lượng từ 10.000 lít/tháng trở lên được chiết khấu VNĐ/lít.

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản qua ngân hàng

ĐIỀU 5: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

5.1. Quyền và trách nhiệm của Bên A.

- Nhận bàn giao hàng hóa theo đúng quy định tại **Điều 1**, thời gian theo quy định tại **Điều 2**;
- Tạo điều kiện cho Bên B giao hàng khi hàng đến nơi. Không gây tổn động phương tiện của Bên B khi hàng đến;
- Thực hiện theo đúng yêu cầu kỹ thuật thi công và mọi hướng dẫn về sử dụng, bảo quản phụ gia theo sự hướng dẫn của Bên B;
- Kiểm tra quy cách, chất lượng hàng hóa theo quy định tại **Điều 1** và ký giấy Giao hàng mỗi lần nhận hàng để xác nhận đã nhận đúng. Người ký giấy vào giấy nhận hàng phải là nhân viên của Bên A
- Thanh toán cho bên B theo giá cả được ghi tại **Điều 1** và phương thức thanh toán được ghi tại **Điều 3** của hợp đồng;
- Bảo quản các trang thiết bị của Bên B đã lắp đặt trong quá trình sử dụng sản phẩm;
- Kết hợp cùng Bên B lấy 02 chai mẫu (0,5 lít) bất kỳ để niêm phong làm căn cứ thí nghiệm khi bê tông xảy ra sự cố về mặt chất lượng;

5.2. Quyền và trách nhiệm của Bên B.

- Cung cấp hàng đúng, đủ nêu như tại **Điều 1**. Và thời gian theo quy định tại **Điều 2**. của Hợp đồng.
- Chi trả chiết khấu cho Bên A khi Bên A đạt mức thường sản lượng theo **Điều 4** của Hợp Đồng.

- Cung cấp đầy đủ phiếu kiểm tra chất lượng của sản phẩm do nhà sản xuất cung cấp;
- Cung cấp, lắp đặt hệ thống định lượng và bồn chứa tại trạm trộn bê tông cho Bên A để hỗ trợ Bên A sử dụng sản phẩm trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng, bằng hình thức cho mượn sử dụng có biên bản bàn giao.
- Hỗ trợ kỹ thuật cho những sản phẩm của Bên Bán.
- Cung cấp Hóa đơn GTGT theo quy định của Bộ tài chính.

ĐIỀU 6: TRANH CHẤP VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- Trong thời gian thực hiện hợp đồng nếu nảy sinh các vướng mắc các bên sẽ nỗ lực tối đa chủ động bàn bạc để tháo gỡ và giải quyết trên tinh thần hợp tác, phương thức tự hòa giải sẽ được ưu tiên hàng đầu;
- Trong trường hợp có tranh chấp xảy ra, hai bên cùng nhau bàn bạc tìm ra biện pháp giải quyết trên tinh thần thương lượng. Nếu thương lượng không thành sẽ đưa tranh chấp ra tòa án kinh tế thành phố Hà Nội để giải quyết. Phán quyết cuối cùng của tòa án kinh tế là bắt buộc với cả hai bên, lỗi do Bên nào gây nên Bên đó phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi hoàn mọi phí tổn.

ĐIỀU 7: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Hợp đồng sẽ tự thanh lý sau khi hai bên thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ nêu trong Hợp đồng cũng như các nghĩa vụ thanh toán giữa hai bên.
- Hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau. Bên A giữ 02 bản, bên B giữ 02 bản.



ĐẠI DIỆN BÊN A

Nguyễn Hải Thanh



ĐẠI DIỆN BÊN B

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Thanh Hà



6.2. Kết quả thử nghiệm phụ gia

PHIẾU KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG
CERTIFICATE OF QUALITY

Số: 2512301 /PKTCL-QC

Loại phụ gia: MC-PowerFlow 3766 (Admixture name)	Tiêu chuẩn kỹ thuật: ASTM C494 & TCVN 8826:2024 loại F (Complied with standard)
Lô sx: 201225-3766 (Batch No.)	Ngày thí nghiệm: 22/12/2025 (Date of testing)
Ngày sản xuất: 20-22/12/2025 (Manufacturing date)	Hạn sử dụng: 08 tháng kể từ ngày sản xuất (Date of expiry)

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM - TESTING RESULTS

Chỉ tiêu thí nghiệm (Testing items)	Phương pháp thử (Testing method)	Tiêu chuẩn công bố (Registered standard)	Kết quả thử (Results)
1. Tỷ trọng tại 25C°, g/cm³ (Density at 25C°, g/cm³)	TCVN 8826:2024	1.07 ± 0.05	1.072
2. Độ pH (pH value)	TCVN 9339:2012	5±1	4.33
3. Màu sắc (Colour)		Nâu đen	Nâu đen

KẾT LUẬN - CONCLUSION

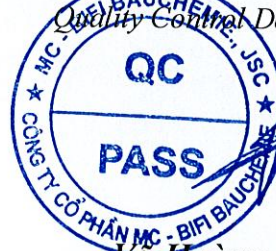
Chúng tôi chứng nhận sản phẩm MC-PowerFlow 3766 đảm bảo các tiêu chuẩn chất lượng của MC-BiFi Bauchemie JSC

We certify that the product MC-PowerFlow 3766 meets all MC-BiFi Bauchemie JSC quality control requirements.

Cần Giuộc, ngày 30 tháng 12 năm 2025.

PHÒNG KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG

Quality Control Department



Vũ Hoàng Phú



7. Kết quả thử nghiệm nước



LAS - XD 265

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG HOÀ BÌNH
PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG**

Văn phòng GD: 964/1 Lò Gốm - Phường Bình Tiên - Tp. Hồ Chí Minh
Văn phòng GD và TN: 161B/81/2A Lạc Long Quân - Phường Bình Thới - Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại/Hotline: 0933137166
Email: Hoabinhlas265@gmail.com

Số: 05/01/26-4a/KQTN

Phiếu YCTN số: 020126-5a

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Trang: 1/1

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NƯỚC TRỘN BÊ TÔNG & VỮA

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VIỆT THÁI AN
Hạng mục : Kiểm tra vật liệu đầu vào cọc bê tông ly tâm dự ứng lực
Tên mẫu : NƯỚC THỦY CỤC
Ngày nhận mẫu : 02/01/2026
Ngày thí nghiệm : 02/01/2026 → 05/01/2026

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	Hạng mục phân tích	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thí nghiệm	Yêu cầu kỹ thuật TCXDVN 4506-2012
1	Màu sắc	Mức độ	TCXDVN 302 : 2004	Không màu	Không màu
2	Váng dầu mỡ	Mức độ	TCXDVN 302 : 2004	Không vẩn	Không vẩn
3	Độ Ph	Độ/ Measure	TCVN 6492 : 2001	7,05	$4 \leq \text{pH} \leq 12.5$
4	Hàm lượng ion Cl	mg/l	TCVN 6194 : 1996	270,39	≤ 350
5	Hàm lượng ion Sunfat SO4 2-	mg/l	TCVN 6200 - 1996	430,58	≤ 600
6	Tổng hàm lượng muối hòa tan	mg/l	TCVN 4560 - 1988	1271,07	≤ 2000
7	Tổng lượng cặn không tan	mg/l	TCVN 4560 - 1988	94,76	≤ 200
8	Tạp chất hữu cơ	mg/l	TCVN 2671 - 1978	8,15	≤ 15

Nhận xét :

Nước đạt yêu cầu dùng cho nước xây dựng (Trộn, bảo dưỡng bê tông) - TCXDVN 4506: 2012

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 01 năm 2026

CÔNG TY CP TV TK KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG HOÀ BÌNH

Thí nghiệm viên

Tested by

Nguyễn Trọng Thái

Trưởng phòng TN

Laboratory



KS. Bùi Minh Tân

Tổng Giám Đốc

Director



Nguyễn Việt Chánh

Notice/ Ghi chú : Mẫu do khách hàng cung cấp

Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử, PTN không lưu mẫu



8. Thép



8.1. Giấy chứng nhận, hợp đồng



VIETCERT

CERTIFICATE

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số: 6614055250

Chứng nhận sản phẩm:

THANH THÉP DỰ ỨNG LỰC

(Chi tiết sản phẩm xem danh mục đính kèm)

Sản xuất tại:

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THÉP DỰ
ỨNG LỰC HÒA PHÁT**

Địa chỉ:

Khu công nghiệp phía đông khu kinh tế Dung Quất, xã Vạn Tường
tỉnh Quảng Ngãi

Được Trung tâm Giám định và chứng nhận Hợp chuẩn Hợp quy VietCert đánh giá
chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn JIS G 3137:2008

Và được phép sử dụng dấu hợp chuẩn:



JIS G 3137:2008

Phương thức chứng nhận: phương thức 5

(Thông tư số 28/2012/ TT-BKHCN ngày 12/12/2012 (Sửa đổi: Thông tư
02/2017/TT-BKHCN ngày 31/03/2017) của Bộ Khoa học và Công nghệ)

Theo quy định của VietCert, Chứng chỉ chỉ có giá trị hiệu lực khi thực hiện ít nhất 02 lần giám
sát trong suốt thời hạn hiệu lực của chứng chỉ này. Kể từ sau ngày 4/8/2026 và 4/8/2027 chứng
chỉ sẽ chỉ có hiệu lực nếu đi kèm thông báo kết quả đáp ứng yêu cầu giám sát định kỳ. Vui lòng
truy cập tại www.vietcert.org hoặc liên hệ email: info@vietcert.org (hotline:
0903.570.959/0905.527.089) để biết tình trạng hiệu lực của chứng chỉ này.



Ngày hiệu lực: 05/08/2025

Ngày hết hạn: 04/08/2028

GIÁM ĐỐC



PHAN THANH TUẤN



VIETCERT

CERTIFICATE

GIẤY CHỨNG NHẬN

No: 6614055250

This is to certify that:

STEEL BARS FOR PRESTRESSED CONCRETE

(For product details see attached list)

Manufactured by:

HOA PHAT PRESTRESSED CONCRETE STEEL ONE MEMBER LIMITED LIABILITY COMPANY

Address:

*Eastern industrial park Dung Quat economic zone, Van Tuong commune, Quang
Ngai province*

*Has been assessed by the VietCert Certification and Inspection Centre and found to
be in conformance with standard JIS G 3137:2008*

Approved to product certification mark:



JIS G 3137:2008

System of certification: System 5

*(Circular No. 28/2012 / TT-BKHCN dated 12/12/2012 (Amended: Circular 02/2017
/ TT-BKHCN dated March 31, 2017) of the Ministry of Science and Technology)*

*According to VietCert's regulations, the Certificate is only valid when performing at least 03
monitoring times during the validity period of this certificate. After August 4, 2026 and August
4, 2027 the certificate will only be valid if it is accompanied by a notification of the results that
meet the periodic monitoring requirements. Please visit at www.vietcert.org or email:
info@vietcert.org (hotline: 0903.570.959/905.527.089) to know the validity status of this
certificate.*



Effective date: 05/08/2025

Expiration date: 04/08/2028

GIÁM ĐỐC



PHAN THANH TUẤN

TRUNG TÂM GIÁM ĐỊNH VÀ CHỨNG
NHẬN HỢP CHUẨN HỢP QUY
VIETCERT

VIETCERT CERTIFICATION AND
INSPECTION CENTRE

Số/No: 1405521/QĐ-VC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIAL REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Đà Nẵng, ngày 05 tháng 08 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH/ DECISION

Về việc cấp giấy chứng nhận hợp chuẩn/Concerning certification of conformity

**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM GIÁM ĐỊNH VÀ CHỨNG NHẬN HỢP CHUẨN HỢP QUY
VIETCERT/DIRECTOR OF VIETCERT CERTIFICATION AND INSPECTION CENTRE**

- Căn cứ Luật khoa học công nghệ 2013;
- Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật năm 29/6/2006;
- Căn cứ Giấy đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ số 08/2023 do Sở Khoa học và công nghệ TP Đà Nẵng cấp ngày 31/05/2023
- Căn cứ Giấy đăng ký lĩnh vực hoạt động chứng nhận số 1868/TĐC-HCHQ ngày 08/07/2022 của Tổng Cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng;
- Căn cứ QĐ.01 do Trung tâm Giám định và Chứng nhận hợp chuẩn hợp quy Vietcert;
- Căn cứ báo cáo của đoàn đánh giá và kết quả thẩm tra hồ sơ chứng nhận.
- Based on the Law on Science and Technology 2013;
- Based on the Law on Standards and Technical Regulations dated June 29, 2006;
- Based on the Certificate of registration of scientific and technological activities No. 08/2023 issued by the Department of Science and Technology of Da Nang on May 31, 2023
- Pursuant to the certificate of registration of certification activities No. 1868/TC-HCHQ dated July 8, 2022 of the General Department of Standards, Metrology and Quality;
- Pursuant to Decision No.01 issued by the Center for Assessment and Certification of Standard Conformity with Vietcert;
- Based on the report of the audit team and the results of the verification of certification documents.

QUYẾT ĐỊNH/ DECISION

Điều 1. Cấp giấy chứng nhận hợp chuẩn số 6614055250 cho sản phẩm Thanh thép dự ứng lực do CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THÉP DỰ ỨNG LỰC HÒA PHÁT sản xuất phù hợp JIS G 3137:2008

Article 1. Certification and conformity certification marks No 6614055250 for products of Steel bars for prestressed concrete, due Hoa Phat Prestressed Concrete Steel One Member Limited Liability Company produced in accordance with standard JIS G 3137:2008.

(Chi tiết sản phẩm xem danh mục đính kèm)/(For product details see attached list)

Địa chỉ trụ sở: Khu công nghiệp phía Đông Khu kinh tế Dung Quất, xã Vạn Tường, tỉnh Quảng Ngãi

Địa chỉ trụ sở: Khu công nghiệp phía Đông Khu kinh tế Dung Quất, xã Vạn Tường, tỉnh Quảng Ngãi

Head office address: East Industrial Park Dung Quat Economic Zone, Van Tuong Commune, Quang Ngai Province

Production address: East Industrial Park Dung Quat Economic Zone, Van Tuong Commune, Quang Ngai Province



Điều 2. Khi thực hiện phân phối sản phẩm trên ra thị trường, CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THÉP DỰ ỨNG LỰC HÒA PHÁT phải thực hiện đúng các quy định quyền và trách nhiệm theo quy định của Trung tâm Giám định và Chứng nhận hợp chuẩn hợp quy Vietcert và các văn bản pháp luật có liên quan.

Article 2. When distributing such products to the market, Hoa Phat Prestressed Concrete Steel One Member Limited Liability Company must strictly comply with the rights and responsibilities prescribed by Vietcert Certification and Inspection Centre and related legal documents.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực đến ngày 4/8/2028 và đơn vị sẽ chịu giám sát định kỳ trước các ngày 4/8/2026 và 4/8/2027 hoặc đột xuất khi cần để duy trì hiệu lực của quyết định. Nếu không có văn bản thông báo tiếp tục duy trì hiệu lực giấy chứng nhận định kỳ hằng năm từ VietCert, quyết định này mặc nhiên sẽ hết hiệu lực./.

Article 3. This Decision is effective until August 4, 2028 and the unit will be subject to periodic monitoring before August 4, 2026 and August 4, 2027 or unexpectedly when necessary to maintain the validity of the decision. If there is no written notice of continuing to maintain the validity of the annual certificate from Vietcert Certification and Inspection Centre, this decision will automatically expire.

Nơi nhận:

- Như điều 1;
- Lưu VT, PKT.

GIÁM ĐỐC



PHAN THANH TUẤN



DANH SÁCH SẢN PHẨM THÉP CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP
JIS G 3137:2008/LIST OF CERTIFIED STEEL PRODUCTS
JIS G 3137:2008

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1405521/QĐ-VC ngày 05/08/2025 và giấy chứng nhận số 6614055250)
(Issued together with Decision No. 1405521/QĐ-VC dated August 05, 2025 and certificate No. 6614055250)

STT	Tên sản phẩm <i>Product's name</i>	Đặc tính kỹ thuật <i>Specifications</i>	QCVN/TCVN
1	Thanh thép dự ứng lực 7,1 mm. Mác thép: SBPDL 1275/1420 Steel bars for prestressed concrete 7,1 mm. Grade SBPDL 1275/1420	d = 7,1 mm	JIS G 3137:2008
2	Thanh thép dự ứng lực 9,0 mm. Mác thép: SBPDL 1275/1420 Steel bars for prestressed concrete 9,0 mm. Grade SBPDL 1275/1420	d = 9,0 mm	JIS G 3137:2008
3	Thanh thép dự ứng lực 10,7 mm. Mác thép: SBPDL 1275/1420 Steel bars for prestressed concrete 10,7 mm. Grade SBPDL 1275/1420	d = 10,7 mm	JIS G 3137:2008



4	Thanh thép dự ứng lực 12,6 mm. Mác thép: SBPDL 1275/1420 Steel bars for prestressed concrete 12,6 mm. Grade SBPDL 1275/1420	d = 12,6 mm	JIS G 3137:2008
---	--	-------------	-----------------

Ngày hiệu lực : Effective date 05/08/2025
 Ngày hết hạn: Expiration date 04/08/2028

GIÁM ĐỐC



PHAN THANH TUẤN





CERTIFICATE

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số: 6414055350

Chứng nhận sản phẩm:

THANH THÉP DỰ ỨNG LỰC

(Chi tiết sản phẩm xem danh mục đính kèm)

Sản xuất tại:

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THÉP DỰ ỨNG LỰC HÒA PHÁT

Địa chỉ:

Khu công nghiệp phía đông khu kinh tế Dung Quất, xã Vạn Tường
tỉnh Quảng Ngãi

Được Trung tâm Giám định và chứng nhận Hợp chuẩn Hợp quy VietCert đánh giá
chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn QCVN 7:2019/BKHCN (JIS G3137:2008)

Và được phép sử dụng dấu hợp quy:



QCVN 7:2019/BKHCN (JIS G3137:2008)

Phương thức chứng nhận: phương thức 5

(Thông tư số 28/2012/ TT-BKHCN ngày 12/12/2012 (Sửa đổi: Thông tư
02/2017/TT-BKHCN ngày 31/03/2017) của Bộ Khoa học và Công nghệ)

Theo quy định của VietCert, Chứng chỉ chỉ có giá trị hiệu lực khi thực hiện ít nhất 02 lần giám
sát trong suốt thời hạn hiệu lực của chứng chỉ này. Kể từ sau ngày 4/8/2026 và 4/8/2027 chứng
chỉ sẽ chỉ có hiệu lực nếu đi kèm thông báo kết quả đáp ứng yêu cầu giám sát định kỳ. Vui lòng
truy cập tại www.vietcert.org hoặc liên hệ email: info@vietcert.org (hotline:
0903.570.959/0905.527.089) để biết tình trạng hiệu lực của chứng chỉ này.



Ngày hiệu lực: 05/08/2025

Ngày hết hạn: 04/08/2028

GIÁM ĐỐC



PHAN THANH TUẤN



CERTIFICATE

GIẤY CHỨNG NHẬN

No: 6414055350

This is to certify that:

STEEL BARS FOR PRESTRESSED CONCRETE

(For product details see attached list)

Manufactured by:

HOA PHAT PRESTRESSED CONCRETE STEEL ONE MEMBER LIMITED LIABILITY COMPANY

Address:

Eastern industrial park Dung Quat economic zone, Van Tuong commune, Quang
Ngai province

Has been assessed by the VietCert Certification and Inspection Centre and found to
be in conformance with standard QCVN 07:2019/BKHCN (JIS G3137:2008)

Approved to product certification mark:



QCVN 7:2019/BKHCN (JIS G3137:2008)

System of certification: System 5

(Circular No. 28/2012 / TT-BKHCN dated 12/12/2012 (Amended: Circular 02/2017
/ TT-BKHCN dated March 31, 2017) of the Ministry of Science and Technology)

According to VietCert's regulations, the Certificate is only valid when performing at least 03
monitoring times during the validity period of this certificate. After August 4, 2026 and August
4, 2027 the certificate will only be valid if it is accompanied by a notification of the results that
meet the periodic monitoring requirements. Please visit at www.vietcert.org or email:
info@vietcert.org (hotline: 0903.570.959/905.527.089) to know the validity status of this
certificate.



Effective date: 05/08/2025

Expiration date: 04/08/2028

GIÁM ĐỐC



PHAN THANH TUẤN

**TRUNG TÂM GIÁM ĐỊNH VÀ
CHỨNG NHẬN HỢP CHUẨN HỢP
QUY VIETCERT**

**VIETCERT CERTIFICATION AND
INSPECTION CENTRE**

Số/No: 1405531/QĐ-VC

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**SOCIAL REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness**

Đà Nẵng, ngày 05 tháng 08 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH/ DECISION

Về việc cấp giấy chứng nhận hợp quy/Concerning certification of conformity

**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM GIÁM ĐỊNH VÀ CHỨNG NHẬN HỢP CHUẨN HỢP QUY
VIETCERT/DIRECTOR OF VIETCERT CERTIFICATION AND INSPECTION CENTRE**

- Căn cứ Luật khoa học công nghệ 2013;
- Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật năm 29/6/2006;
- Căn cứ Giấy đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ số 08/2023 do Sở Khoa học và công nghệ TP Đà Nẵng cấp ngày 31/05/2023
- Căn cứ Giấy đăng ký lĩnh vực hoạt động chứng nhận số 1868/TĐC-HCHQ ngày 08/07/2022 của Tổng Cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng;
- Căn cứ QĐ.01 do Trung tâm Giám định và Chứng nhận hợp chuẩn hợp quy Vietcert;
- Căn cứ báo cáo của đoàn đánh giá và kết quả thẩm tra hồ sơ chứng nhận.
- Based on the Law on Science and Technology 2013;
- Based on the Law on Standards and Technical Regulations dated June 29, 2006;
- Based on the Certificate of registration of scientific and technological activities No. 08/2023 issued by the Department of Science and Technology of Da Nang on May 31, 2023
- Pursuant to the certificate of registration of certification activities No. 1868/TC-HCHQ dated July 8, 2022 of the General Department of Standards, Metrology and Quality;
- Pursuant to Decision No.01 issued by the Center for Assessment and Certification of Standard Conformity with Vietcert;
- Based on the report of the audit team and the results of the verification of certification documents.

QUYẾT ĐỊNH/ DECISION

Điều 1. Cấp giấy chứng nhận hợp quy số 6414055350 cho sản phẩm Thanh thép dự ứng lực do CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THÉP DỰ ỨNG LỰC HÒA PHÁT sản xuất phù hợp QCVN 7:2019/BKHCN (JIS G3137:2008)

Article 1. Certification and conformity certification marks No 6414055350 for products of Steel bars for prestressed concrete, due Hoa Phat Prestressed Concrete Steel One Member Limited Liability Company produced in accordance with standard QCVN 07:2019/BKHCN (JIS G3137:2008).

(Chi tiết sản phẩm xem danh mục đính kèm)/(For product details see attached list)

Địa chỉ trụ sở: Khu công nghiệp phía Đông Khu kinh tế Dung Quất, xã Vạn Tường, tỉnh Quảng Ngãi

Địa chỉ trụ sở: Khu công nghiệp phía Đông Khu kinh tế Dung Quất, xã Vạn Tường, tỉnh Quảng Ngãi



Head office address: East Industrial Park Dung Quat Economic Zone, Van Tuong Commune, Quang Ngai Province

Production address: East Industrial Park Dung Quat Economic Zone, Van Tuong Commune, Quang Ngai Province

Điều 2. Khi thực hiện phân phối sản phẩm trên ra thị trường, CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THÉP DỰ ỨNG LỰC HÒA PHÁT phải thực hiện đúng các quy định quyền và trách nhiệm theo quy định của Trung tâm Giám định và Chứng nhận hợp chuẩn hợp quy Vietcert và các văn bản pháp luật có liên quan.

Article 2. When distributing such products to the market, Hoa Phat Prestressed Concrete Steel One Member Limited Liability Company must strictly comply with the rights and responsibilities prescribed by Vietcert Certification and Inspection Centre and related legal documents.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực đến ngày 4/8/2028 và đơn vị sẽ chịu giám sát định kỳ trước các ngày 4/8/2026 và 4/8/2027 hoặc đột xuất khi cần để duy trì hiệu lực của quyết định. Nếu không có văn bản thông báo tiếp tục duy trì hiệu lực giấy chứng nhận định kỳ hằng năm từ VietCert, quyết định này mặc nhiên sẽ hết hiệu lực./.

Article 3. This Decision is effective until August 4, 2028 and the unit will be subject to periodic monitoring before August 4, 2026 and August 4, 2027 or unexpectedly when necessary to maintain the validity of the decision. If there is no written notice of continuing to maintain the validity of the annual certificate from Vietcert Certification and Inspection Centre, this decision will automatically expire.

Nơi nhận:

- Như điều 1;
- Lưu VT, PKT.

GIÁM ĐỐC



TRUNG TÂM GIÁM ĐỊNH VÀ
CHỨNG NHẬN HỢP CHUẨN HỢP
QUY VIETCERT

VIETCERT CERTIFICATION AND
INSPECTION CENTRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIAL REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

DANH SÁCH SẢN PHẨM THÉP CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP
QCVN 7:2019/BKHCN (JIS G3137:2008)/LIST OF CERTIFIED STEEL PRODUCTS
QCVN 7:2019/BKHCN (JIS G3137:2008)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1405531/QĐ-VC ngày 05/08/2025 và giấy chứng nhận số 6414055350)
(Issued together with Decision No. 1405531/QĐ-VC dated August 05, 2025 and certificate No. 6414055350)

STT	Tên sản phẩm <i>Product's name</i>	Đặc tính kỹ thuật <i>Specifications</i>	QCVN/TCVN
1	Thanh thép dự ứng lực 7,1 mm. Mác thép: SBPDL 1275/1420 Steel bars for prestressed concrete 7,1 mm. Grade SBPDL 1275/1420	d = 7,1 mm	QCVN 7:2019/BKHCN (JIS G3137:2008)
2	Thanh thép dự ứng lực 9,0 mm. Mác thép: SBPDL 1275/1420 Steel bars for prestressed concrete 9,0 mm. Grade SBPDL 1275/1420	d = 9,0 mm	QCVN 7:2019/BKHCN (JIS G3137:2008)
3	Thanh thép dự ứng lực 10,7 mm. Mác thép: SBPDL 1275/1420 Steel bars for prestressed concrete 10,7 mm. Grade SBPDL 1275/1420	d = 10,7 mm	QCVN 7:2019/BKHCN (JIS G3137:2008)



4	Thanh thép dự ứng lực 12,6 mm. Mác thép: SBPDL 1275/1420 Steel bars for prestressed concrete 12,6 mm. Grade SBPDL 1275/1420	$d = 12,6 \text{ mm}$	QCVN 7:2019/BKHCN (JIS G3137:2008)
---	---	-----------------------	---------------------------------------

Ngày hiệu lực : Effective date 05/08/2025

Ngày hết hạn: Expiration date 04/08/2028

GIÁM ĐỐC



PHAN THANH TUÂN



Số: /TB-SKHCN

Quảng Ngãi, ngày tháng 8 năm 2025

THÔNG BÁO
Tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy

Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ngãi xác nhận đã tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy số 001-1/HP ngày 05 tháng 8 năm 2025 của:

Công ty TNHH Một thành viên Thép dự ứng lực Hòa Phát.

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Đông, Khu kinh tế Dung Quất, xã Vạn Tường, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.

Cho các sản phẩm, hàng hóa sau:

- Thanh thép dự ứng lực 7,1 mm. Mác thép SBPDL 1275/1420
- Thanh thép dự ứng lực 9,0 mm. Mác thép SBPDL 1275/1420
- Thanh thép dự ứng lực 10,7 mm. Mác thép SBPDL 1275/1420
- Thanh thép dự ứng lực 12,6 mm. Mác thép SBPDL 1275/1420

Phù hợp với: QCVN 7:2019/BKHCN - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Thép làm cốt bê tông.

Có giá trị đến: **Ngày 04 tháng 8 năm 2028.**

Thông báo này ghi nhận sự cam kết của Công ty. Thông báo này không có giá trị chứng nhận cho sản phẩm, hàng hóa phù hợp với quy chuẩn tương ứng.

Công ty TNHH Một thành viên Thép dự ứng lực Hòa Phát phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm, hàng hóa do mình sản xuất, kinh doanh, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, khai thác./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH MTV Thép dự ứng lực Hòa Phát;
- GD, PGĐ (Thoan);
- Lưu: VT, TĐC.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Mai Thoan

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ HỢP QUY

Số:001-1/HP

Tên tổ chức : CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THÉP DỰ ỨNG LỰC HÒA PHÁT
Địa chỉ : KHU CÔNG NGHIỆP PHÍA ĐÔNG, KHU KINH TẾ DUNG QUẤT, XÃ VẠN TƯỜNG, TỈNH QUẢNG NGÃI, VIỆT NAM
Điện thoại : Email :

CÔNG BỐ:

Hàng hóa : Thanh thép dự ứng lực Kiểu loại : Đường kính(mm) : 7.1
Mác thép : SBPDL 1275/1420 Đặc trưng kỹ thuật của hàng hóa:

Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu công bố
1. Khối lượng của một mét dài	g/m	310
2. Giới hạn chảy R_{eH}	MPa	1516
3. Giới hạn bền kéo R_m	MPa	1558
4. Độ giãn dài A_5	%	5.8

Hàng hóa : Thanh thép dự ứng lực Kiểu loại : Đường kính(mm) : 9.0
Mác thép : SBPDL 1275/1420 Đặc trưng kỹ thuật của hàng hóa:

Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu công bố
1. Khối lượng của một mét dài	g/m	510
2. Giới hạn chảy R_{eH}	MPa	1518
3. Giới hạn bền kéo R_m	MPa	1566
4. Độ giãn dài A_5	%	5,9

Hàng hóa : Thanh thép dự ứng lực Kiểu loại : Đường kính(mm) : 10.7
Mác thép : SBPDL 1275/1420 Đặc trưng kỹ thuật của hàng hóa:

Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu công bố
1. Khối lượng của một mét dài	g/m	700
2. Giới hạn chảy R_{eH}	MPa	1439
3. Giới hạn bền kéo R_m	MPa	1548
4. Độ giãn dài A_5	%	5,7

Hàng hóa : Thanh thép dự ứng lực Kiểu loại : Đường kính(mm) : 12.6
Mác thép : SBPDL 1275/1420 Đặc trưng kỹ thuật của hàng hóa:

Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu công bố
1. Khối lượng của một mét dài	g/m	990
2. Giới hạn chảy R_{eH}	MPa	1404
3. Giới hạn bền kéo R_m	MPa	1536
4. Độ giãn dài A_5	%	5,7



Phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật: QCVN 7:2019/BKHCN

Căn cứ công bố:

- Giấy chứng nhận hợp quy số 6414055350 ngày 05/08/2025 của Trung Tâm Giám định và Chứng nhận hợp chuẩn hợp quy Vietcert
- Phương thức chứng nhận: Phương thức 5

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THÉP DỰ ỨNG LỰC HÒA PHÁT cam kết và chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm Thanh thép dự ứng lực do công ty sản xuất, kinh doanh, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, khai thác.

Quảng Ngãi, ngày 5 tháng 08 năm 2025

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
THÉP DỰ ỨNG LỰC HÒA PHÁT



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Quang

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----oOo-----

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC

Số: 1206/HĐNT-2025/NLMN-VTA

- Căn cứ vào Bộ Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 của Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 14 tháng 06 năm 2005 có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2006.
- Căn cứ vào Bộ Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 của Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 24 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.
- Căn cứ vào quy định hiện hành có liên quan Pháp luật Việt Nam.
- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của 2 bên.

Hôm nay, ngày 12 tháng 06 năm 2025, chúng tôi gồm có:

BÊN A (Bên mua) : CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VIỆT THÁI AN

Đại diện (Ông) : **NGUYỄN HẢI THANH** Chức vụ : **Giám Đốc**

Địa chỉ : Lô C1 đường số 8, Khu công nghiệp Hòa Bình, Xã Nhị Thành, Huyện Thủ Thừa, Tỉnh Long An, Việt Nam

Điện thoại :

Tài khoản số : 0371000070818 tại Vietcombank CN Tân Định

Mã số thuế : **1101889877**

BÊN B (Bên bán) : CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NHÂN LUẬT MIỀN NAM

Đại diện (Ông) : **Nguyễn Thế Hòa** Chức vụ : **Phó Giám đốc**

(Theo giấy ủy quyền số 01/UQGD-2024 ngày 31/12/2024 của GD Công ty)

Địa chỉ : 100/3 Tô Ngọc Vân, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại : 028.3716.3308

Tài khoản số : 19038016346010 tại Ngân hàng Techcombank - Chi nhánh Đà Nẵng

Mã số thuế : **0310940356**

Sau khi bàn bạc thỏa thuận, hai bên thống nhất ký kết Hợp đồng với các điều khoản sau:

ĐIỀU 1: HÀNG HÓA

1.1. — Chủng loại hàng hóa.

- Thép xây dựng các loại từ các nhà sản xuất trong nước: Thép Việt (Pomina), Tổng Công ty Thép Việt Nam (VNS), Thép Vinakyoei, Thép Việt Mỹ, Thép Hòa Phát, thép TungHo... và các nguồn nhập khẩu.

- Thép hình: Thép V, I, H, U, C, Z, thép hộp, thép tấm, thép lá, cọc cừ, thép hợp kim, thép công cụ từ các nguồn hàng trong nước và nhập khẩu.
- Thép ống các loại của các nhà sản xuất: SeAh, Hòa Phát, Việt Đức, Thép 190, Visa, Vinaone và các nhà máy khác.
- Thép cáp dự ứng lực các loại từ Hoà Phát và nhập khẩu

1.2. Số lượng hàng hóa.

- Theo nhu cầu cụ thể của bên A và được xác định trên Đơn đặt hàng, Báo giá hoặc Phụ lục hợp đồng tại thời điểm.

1.3. Chất lượng hàng hóa.

- Hàng hóa đúng chủng loại, đạt tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm đã đăng ký của nhà sản xuất theo qui định kỹ thuật chung, kèm theo Chứng chỉ chất lượng của nhà sản xuất.
- Kiểm tra chất lượng hàng hóa: Khi nhận hàng Bên A có quyền yêu cầu kiểm tra chất lượng hàng hóa (các giới hạn về cơ lý của hàng hóa: giới hạn chảy, giới hạn đứt, độ giãn dài..) qua bên thứ ba. Nếu Bên A kiểm tra và có khiếu nại về chất lượng thì Bên A sẽ thông báo cho Bên B bằng văn bản chậm nhất trong vòng 02 ngày kể từ ngày nhận hàng và không được đưa vào sử dụng toàn bộ lô hàng. Trong vòng 03 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại về chất lượng Bên B sẽ tiến hành kiểm tra mẫu tại một bên thứ ba là một công ty kiểm định. Kết luận của bên thứ ba là kết luận cuối cùng.
 - + Nếu kết quả kiểm nghiệm của bên thứ ba không đạt yêu cầu thì Bên B phải đổi lại số lượng hàng hóa không đạt và chịu toàn bộ chi phí kiểm nghiệm.
 - + Nếu kết quả kiểm nghiệm của bên thứ ba đạt yêu cầu thì Bên A chịu chi phí kiểm nghiệm và hàng hóa không được thay thế.

ĐIỀU 2: GIÁ CẢ VÀ PHƯƠNG THỨC GIAO NHẬN

2.1. Giá cả.

- Đơn giá áp dụng theo giá tại từng thời điểm đặt hàng. Bên B gửi báo giá theo yêu cầu của bên A và được bên A xác nhận đặt hàng.

2.2. Thời gian, địa điểm giao nhận.

- Bên B sẽ cấp hàng cho Bên A trong vòng 01 đến 03 ngày kể từ ngày đặt hàng hoặc được thỏa thuận cụ thể trên từng đơn hàng. Trong thời gian không quá 1h làm việc kể từ khi phương tiện Bên B tới công trình thì Bên A sẽ tiến hành nhận hàng, và không quá 6h làm việc Bên A phải nhận xong hàng để giải phóng phương tiện vận chuyển của Bên B. Nếu quá thời gian kể trên Bên A phải chịu chi phí neo xe.
- Địa điểm giao nhận hàng: Theo thỏa thuận cụ thể trên từng đơn hàng. Nếu đường xá tại công trường không tốt thì Bên B sẽ giao hàng tại nơi gần nhất mà phương tiện vận tải của Bên B có thể vào.

2.3. Kiểm tra giao nhận hàng.

- Đại diện nhận hàng: Theo giấy giới thiệu của Bên A gửi cho Bên B được sao chụp gửi qua các phương tiện internet hoặc theo thông tin xác nhận trên đơn đặt hàng/báo giá. Trong trường hợp Bên A cần thay đổi người nhận hàng thì Bên A phải gửi giấy giới thiệu kịp thời cho Bên B ngay khi phương tiện tới công trình.
- Đối với thép cuộn giao theo phiếu cân Nhà máy hoặc Etekét gắn trên mỗi cuộn. Thép cây, thép tấm, thép hình đếm số lượng thực tế quy ra khối lượng theo Barem như báo giá/đơn đặt hàng.
- Khi nhận hàng, Bên A phải kiểm tra chất lượng, số lượng và quy cách hàng hoá. Nếu phát hiện hàng thiếu hoặc không đúng theo yêu cầu thì Bên A phải lập biên bản và thông báo ngay cho Bên B để Bên B kịp thời giải quyết.
- Bên B sẽ cấp hàng cho Bên A theo thời gian và số lượng do hai bên thỏa thuận và xác nhận trên đơn hàng. Trong trường hợp số lượng giao nhận thực tế, và thời gian giao hàng có sai lệch so với đơn đặt hàng mà được Bên A ký nhận hàng và trong vòng 01 ngày Bên A không có văn bản khiếu nại thì coi như Bên A đã đồng ý với sự thay đổi trên, và giá trị hợp đồng được căn cứ trên giá trị giao nhận thực tế.
- Mỗi lô hàng khi giao nhận phải có Biên bản giao nhận hàng để làm cơ sở xuất hoá đơn giá trị gia tăng và thanh toán.

ĐIỀU 3: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

3.1. Hình thức thanh toán.

- Đồng tiền thanh toán: Tiền Việt Nam đồng.
- Hình thức thanh toán: Bên A thanh toán cho Bên B bằng hình thức chuyển khoản thông qua tài khoản ngân hàng. Phí chuyển tiền do Bên A chịu.

3.2. Thời hạn thanh toán.

- Thanh toán theo thỏa thuận trên từng đơn hàng cụ thể.
- Nếu tới hạn thanh toán mà Bên B đồng ý cho Bên A gia hạn thời hạn thanh toán thì Bên A phải chịu lãi suất quá hạn 0.035%/ngày cho phần nợ quá hạn. Nếu lãi suất thị trường thay đổi hai bên có thể điều chỉnh lãi suất quá hạn theo thỏa thuận trên phụ lục hợp đồng.

3.3. Bảo lãnh thanh toán.

- Trường hợp hai bên đồng ý phương thức thanh toán có chứng thư bảo lãnh thì Bên A cung cấp cho Bên B một chứng thư bảo lãnh thanh toán do ngân hàng Bên A phát hành. Giá trị của chứng thư không nhỏ hơn giá trị của đơn hàng. Thời hạn hiệu lực của chứng thư sau thời điểm tới hạn thanh toán tối thiểu 10 ngày
- Nếu đến hạn thanh toán mà Bên A chưa thanh toán cho Bên B, hoặc chưa tới hạn thanh toán mà đã tới thời điểm hết hiệu lực của bảo lãnh thì Bên B có quyền yêu cầu ngân hàng

1888
CÔNG TY
CỔ PHẦN
THÉP
HÀN LƯU
MIỀN BẮC
TP. HỒ

bảo lãnh của Bên A thanh toán các khoản nợ và lãi quá hạn (nếu có) mà Bên A còn nợ Bên B. Ngân hàng phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thanh toán ngay khi nhận được văn bản đề nghị của Bên B.

- Hồ sơ yêu cầu ngân hàng thực hiện thanh toán theo bảo lãnh bao gồm: Chứng thư bảo lãnh (bản gốc), Hợp đồng (bản phô tô), Báo giá có xác nhận của hai bên (bản phô tô), Hóa đơn giá trị gia tăng (bản phô tô), biên bản giao nhận hàng hóa (bản phô tô).

3.4. Đối chiếu công nợ.

- Tùy từng thời điểm cụ thể như: Sau mỗi đơn hàng hoặc vào cuối mỗi tháng hoặc cuối mỗi quý, hai bên lập bản đối chiếu công nợ để xác nhận số dư, nợ quá hạn, lãi suất quá hạn và các khoản phí khác (nếu có). Việc xác nhận công nợ phải được thực hiện xong trong vòng 10 ngày kể từ ngày Bên B gửi đối chiếu công nợ cho Bên A. Nếu quá thời hạn trên mà Bên A không xác nhận công nợ theo như thỏa thuận thì xem như đã chấp nhận số liệu Bên B đưa ra.

ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM MỖI BÊN

4.1. Trách nhiệm của Bên A.

- Điều động người đại diện nhận hàng đến địa điểm giao nhận hàng, chuẩn bị kho bãi, phương tiện để tiếp nhận hàng hóa khi Bên B vận chuyển hàng hóa đến công trình.
- Thanh toán tiền hàng theo đúng Điều 3 của hợp đồng.
- Trường hợp Bên B vận chuyển hàng đến địa điểm giao nhận hàng theo đúng chủng loại, số lượng mà Bên A yêu cầu mà vì bất kỳ lý do gì Bên A không nhận hàng thì Bên A chịu mọi chi phí phát sinh.

4.2. Trách nhiệm của Bên B.

- Cung cấp hàng hóa theo đúng hợp đồng đã được hai bên ký kết.
- Tuân thủ các nội quy, qui định về an toàn tại công trình.
- Có quyền không giao hàng cho đến khi Bên A điều động đúng đại diện nhận hàng hoặc gửi giấy giới thiệu trong trường hợp thay đổi đại diện nhận hàng.
- Được quyền ngưng cung cấp hàng khi Bên A thanh toán không đúng với thỏa thuận.
- Xuất hóa đơn đầy đủ cho Bên A và mail đến Bên A theo địa chỉ nhận hóa đơn điện tử là: huongdtk@vietthaian.com.vn

ĐIỀU 5: CAM KẾT CHUNG

- Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã ký kết, trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc mà không giải quyết được thì phải thông báo cho nhau biết bằng văn bản để cùng tìm phương án giải quyết trên tinh thần hòa giải, thương lượng giữa hai bên.
- Trong trường hợp có phát sinh tranh chấp hai bên không tự giải quyết được, một trong các bên có quyền khởi kiện ra Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp. Phán quyết của tòa



án là quyết định cuối cùng và buộc hai bên thực hiện. Các chi phí liên quan và án phí do bên thua kiện chịu.

- Đơn đặt hàng, báo giá, giấy giới thiệu người nhận hàng được ký kết sao chụp và gửi qua các phương tiện internet hoặc bản chính đều có giá trị pháp lý như nhau.
- Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản, mỗi bên giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau và là một phần không tách rời của Hợp đồng.
- Hợp đồng có hiệu lực từ ngày ký đến thời điểm hai bên đã hoàn tất các nghĩa vụ giao hàng, thanh toán và ký biên bản thanh lý hợp đồng .

ĐẠI DIỆN BÊN A



ĐẠI DIỆN BÊN B





CÔNG TY TNHH MTV THÉP DỰ ỨNG LỰC HÒA PHÁT
Số: B01.104 HP/KCS

BM.12.17
Ngày hiệu lực: 05/05/2021

CHỨNG CHỈ CHẤT LƯỢNG

TÊN SẢN PHẨM: THANH THÉP DỰ ỨNG LỰC 7.1 MM

Tên Khách Hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH THÉP NHÂN LUẬT

I. Thành Phần Hóa Học:

Mác Thép	Thành Phần Hóa Học (%)							
	C	Si	Mn	P	S	Ni	Cr	Cu
SBPDL 1275/1420	0.28 ÷ 0.33	0.70 ÷ 1.10	0.90 ÷ 1.30	≤ 0.025	≤ 0.025	≤ 0.25	≤ 0.25	0.20

II. Thông Tin Chi Tiết:

STT	Tên Sản Phẩm	Ngày sản xuất	Lô sản xuất	Khối lượng (kg)	Cường độ kháng kéo Rm (Mpa)	Giới hạn chảy Rp (Mpa)	Độ giãn dài (%)	Hãng sản xuất
1	Thanh thép dự ứng lực 7.1 mm	22/12/2025	030221225/C2	929	1559	1467	8.0	Hòa Phát
2	Thanh thép dự ứng lực 7.1 mm	02/01/2026	110020126/C1	511	1522	1430	9.0	Hòa Phát
3	Thanh thép dự ứng lực 7.1 mm	03/01/2026	040030126/C1	705	1559	1469	8.0	Hòa Phát
4	Thanh thép dự ứng lực 7.1 mm	06/01/2026	020060126/C2	1043	1548	1462	8.5	Hòa Phát
5	Thanh thép dự ứng lực 7.1 mm	08/01/2026	020080126/C2	717	1558	1483	8.0	Hòa Phát
6	Thanh thép dự ứng lực 7.1 mm	08/01/2026	030080126/C2	730	1534	1442	8.5	Hòa Phát
7	Thanh thép dự ứng lực 7.1 mm	10/01/2026	128100126/C1	1236	1532	1426	7.5	Hòa Phát
8	Thanh thép dự ứng lực 7.1 mm	10/01/2026	130100126/C1	801	1536	1432	7.5	Hòa Phát
9	Thanh thép dự ứng lực 7.1 mm	10/01/2026	047100126/C2	1164	1545	1472	8.5	Hòa Phát
10	Thanh thép dự ứng lực 7.1 mm	10/01/2026	057100126/C2	1238	1559	1474	8.0	Hòa Phát
11	Thanh thép dự ứng lực 7.1 mm	10/01/2026	067100126/C2	1177	1552	1466	8.5	Hòa Phát
12	Thanh thép dự ứng lực 7.1 mm	10/01/2026	077100126/C2	1243	1542	1441	9.0	Hòa Phát
13	Thanh thép dự ứng lực 7.1 mm	10/01/2026	087100126/C2	1187	1526	1456	8.5	Hòa Phát



No.040504

QC13 7-2019 (JIS G3137-2005)

14	Thanh thép dự ứng lực 7.1 mm	10/01/2026	097100126/C2	1214	1531	1437	8.5	Hòa Phát
15	Thanh thép dự ứng lực 7.1 mm	10/01/2026	107100126/C2	1157	1522	1454	8.5	Hòa Phát
16	Thanh thép dự ứng lực 7.1 mm	10/01/2026	117100126/C2	1259	1530	1430	9.0	Hòa Phát
17	Thanh thép dự ứng lực 7.1 mm	10/01/2026	127100126/C2	1195	1522	1450	8.5	Hòa Phát
18	Thanh thép dự ứng lực 7.1 mm	10/01/2026	030100126/C2	1249	1554	1464	8.5	Hòa Phát
19	Thanh thép dự ứng lực 7.1 mm	10/01/2026	040100126/C2	1132	1556	1478	8.0	Hòa Phát
20	Thanh thép dự ứng lực 7.1 mm	10/01/2026	050100126/C2	1299	1536	1462	8.5	Hòa Phát
21	Thanh thép dự ứng lực 7.1 mm	10/01/2026	060100126/C2	1164	1550	1469	8.5	Hòa Phát
22	Thanh thép dự ứng lực 7.1 mm	10/01/2026	070100126/C2	1235	1559	1460	7.5	Hòa Phát
23	Thanh thép dự ứng lực 7.1 mm	10/01/2026	080100126/C2	1194	1547	1462	8.5	Hòa Phát
24	Thanh thép dự ứng lực 7.1 mm	10/01/2026	090100126/C2	1211	1543	1460	8.5	Hòa Phát
25	Thanh thép dự ứng lực 7.1 mm	10/01/2026	100100126/C2	1164	1527	1437	8.5	Hòa Phát
26	Thanh thép dự ứng lực 7.1 mm	10/01/2026	110100126/C2	1231	1551	1464	8.0	Hòa Phát
27	Thanh thép dự ứng lực 7.1 mm	10/01/2026	130100126/C2	1027	1557	1455	8.5	Hòa Phát
28	Thanh thép dự ứng lực 7.1 mm	10/01/2026	140100126/C2	955	1544	1466	9.0	Hòa Phát
29	Thanh thép dự ứng lực 7.1 mm	10/01/2026	150100126/C2	1145	1548	1465	8.5	Hòa Phát
30	Thanh thép dự ứng lực 7.1 mm	10/01/2026	160100126/C2	1240	1557	1452	8.0	Hòa Phát
31	Thanh thép dự ứng lực 7.1 mm	10/01/2026	170100126/C2	1113	1548	1464	8.5	Hòa Phát
32	Thanh thép dự ứng lực 7.1 mm	10/01/2026	028100126/C2	1162	1533	1434	8.5	Hòa Phát
33	Thanh thép dự ứng lực 7.1 mm	10/01/2026	038100126/C2	1117	1530	1430	8.5	Hòa Phát
34	Thanh thép dự ứng lực 7.1 mm	10/01/2026	048100126/C2	1308	1534	1442	8.5	Hòa Phát
35	Thanh thép dự ứng lực 7.1 mm	10/01/2026	058100126/C2	1109	1547	1451	8.5	Hòa Phát
36	Thanh thép dự ứng lực 7.1 mm	10/01/2026	068100126/C2	1194	1558	1459	8.0	Hòa Phát
37	Thanh thép dự ứng lực 7.1 mm	10/01/2026	078100126/C2	1218	1555	1462	8.5	Hòa Phát
38	Thanh thép dự ứng lực 7.1 mm	10/01/2026	088100126/C2	1211	1544	1448	9.0	Hòa Phát

39	Thanh thép dự ứng lực 7.1 mm	10/01/2026	098100126/C2	1198	1533	1441	8.5	Hòa Phát
40	Thanh thép dự ứng lực 7.1 mm	10/01/2026	108100126/C2	1206	1546	1458	8.5	Hòa Phát
41	Thanh thép dự ứng lực 7.1 mm	10/01/2026	118100126/C2	1209	1555	1467	8.0	Hòa Phát
42	Thanh thép dự ứng lực 7.1 mm	11/01/2026	018100126/C1	1082	1544	1444	7.0	Hòa Phát
43	Thanh thép dự ứng lực 7.1 mm	11/01/2026	028100126/C1	1270	1549	1450	7.0	Hòa Phát
44	Thanh thép dự ứng lực 7.1 mm	11/01/2026	038100126/C1	1190	1543	1435	8.0	Hòa Phát
45	Thanh thép dự ứng lực 7.1 mm	11/01/2026	010110126/C1	1235	1545	1436	7.0	Hòa Phát
TỔNG CỘNG				50,574				

Kết quả kiểm tra: Toàn bộ sản phẩm đã được kiểm tra trước khi xuất xưởng.

Các thông số kỹ thuật đạt JISG 3137-2020

Kết luận: Sản phẩm đủ tiêu chuẩn chất lượng xuất hàng.

Hòa Phát, ngày 11 tháng 01 năm 2026

PHÒNG QLCL



(Handwritten signature)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC

Số: MTT-TA/HĐNT/2025

- Căn cứ Bộ Luật dân sự nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
- Căn cứ Luật Thương mại của Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/06/2005, có hiệu lực từ ngày 01/01/2006.
- Căn cứ vào yêu cầu và khả năng cung cấp hàng hóa của hai bên.

Hôm nay, Ngày 01 tháng 07 năm 2025, chúng tôi gồm:

BÊN BÁN (BÊN A): CÔNG TY TNHH MTV MAI TÍNH THÀNH
Địa chỉ: Thửa đất 186, Ấp 2, Xã Mỹ Lệ, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
Điện thoại: 0903830177
Mã số thuế: 1101784634
Người đại diện: Ông: **Trần Văn Tính** Chức vụ: Giám Đốc
Tài khoản số: 113000152610 Vietinbank CN Bến Lức, PGD Phước Lợi, tỉnh Long An

BÊN MUA (BÊN B): Công ty TNHH Đầu Tư Việt Thái An
Địa chỉ: Lô C1, đường số 8, KCN Hoà Bình, xã Thủ Thừa, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
Điện thoại: 0272.3614018 Fax: 0272.3614017
Mã số thuế: 1101889877
Người đại diện: Nguyễn Hải Thanh Chức vụ: Giám Đốc

ĐIỀU 1: NỘI DUNG GIAO DỊCH

- Bên A cung cấp cho bên B dây thép các loại.
- Khi có nhu cầu bên B gửi đơn đặt hàng bằng Fax/Email cho bên A và làm căn cứ thanh toán.
Mọi yêu cầu ghi trong đơn đặt hàng và bản báo giá có giá trị như bản phụ lục kèm theo Hợp đồng này.

Hai bên không được đơn phương hủy bỏ. Bên nào đơn phương hủy bỏ sẽ phải bồi thường thiệt hại cho bên kia.

Sau khi thống nhất số lượng, chủng loại, giá cả thì bên A giao hàng cho bên B trong thời gian sớm nhất.

ĐIỀU 2: THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM VÀ PHƯƠNG THỨC GIAO NHẬN

CÔNG TY TNHH MTV MAI TÍNH THÀNH

Địa chỉ: Thửa đất 186 ấp 2, xã Mỹ Lệ, tỉnh Tây Ninh

Điện thoại: 02723 723 208

Số: 01.01.26/MTT

Long An, ngày 05 tháng 01 năm 2026

CHỨNG CHỈ XUẤT XƯƠNG

Nguyên liệu sản xuất
Tiêu chuẩn thí nghiệm
Thép thành phẩm
Phương pháp lấy mẫu
Ngày sản xuất

: Thép cuộn cán nóng (thép kéo nguội)
: TCVN 197:2014 ;TCVN 6288-1997
: Dây thép 3ly
: Lấy ngẫu nhiên 3 mẫu trong lô hàng
: 05/01/2026

STT	Đ/K mẫu thử (mm)	Kích thước mẫu (cm)	Trọng lượng mẫu (g)	Đ/K tính toán (mm)	D/T mặt cắt (mm ²)	Độ giãn dài tương đối (mm)		Ngoại quan	Lực bền (N)	Giới hạn bền (Mpa)	Ghi chú
						L0	L%				
1	3.0	53.4	29.71	3.0	7.06	20	23	trầy xước	5,200	736.0	
2	3.0	53.4	29.70	3.0	7.06	20	23	sạch không	5,200	736.0	
3	3.0	53.2	29.69	3.0	7.06	20	23	trầy xước	5,200	736.0	

Kết quả kiểm tra: Toàn bộ sản phẩm được kiểm tra trước khi xuất xưởng

Các thông số kỹ thuật đạt theo TCVN 6288-1997

Kết luận : Sản phẩm đủ tiêu chuẩn chất lượng xuất xưởng

Trưởng phòng kỹ thuật

Trần Văn Phương



Trần Văn Phương

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 02../HĐNT/2024/ATP-VTA

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC

- Căn cứ vào Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11;
- Căn cứ vào sự thỏa thuận, nhu cầu và khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày 02 tháng 01 năm 2025, tại Công ty TNHH Đầu tư Việt Thái An, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

BÊN MUA: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VIỆT THÁI AN

(sau gọi tắt là bên A)

- Địa chỉ : Lô C1, đường số 8, KCN Hòa Bình, xã Nhị Thành, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An
- Điện thoại : 0272.3614018 Fax: 0272.3614017 Hotline: 0931070818
- Mã số thuế : 1101889877
- Số tài khoản : 0371000070818 tại Ngân hàng Vietcombank – CN Tân Định
- Đại diện : Ông **NGUYỄN HẢI THANH** - Chức vụ: Giám đốc

BÊN BÁN: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ XÂY DỰNG AN THỊNH PHÁT

(sau đây gọi tắt là Bên B)

- Địa chỉ : 5/16 Lô Tư, Khu phố 2, Phường Bình Hưng Hòa A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Mã số thuế : 0316 077 344
- Điện thoại : 0934 127 627
- Số tài khoản: 54554666 tại Ngân hàng TMCP Á Châu – CN Phú Lâm – Tp. HCM
Email: vppanthinhphat@gmail.com
- Đại diện: Bà **PHẠM THỊ THÚY HẰNG** Chức vụ: Giám đốc

Hai bên thỏa thuận ký kết Hợp đồng nguyên tắc về việc mua bán sắt thép các loại, mặt bích, phi bích, măng xông, thép tấm, thép nối, với những điều khoản sau:

Điều 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

- Bên A đồng ý mua, Bên B đồng ý bán một số loại sắt thép, phôi bích, mặt bích theo yêu cầu kỹ thuật của Bên A.
- Giá cả tại từng thời điểm đặt hàng được thể hiện qua báo giá của bên B và đơn đặt hàng của bên A, được sự xác nhận của hai bên.
- Đơn giá: giá được tính theo số cân điện tử thực tế, hoặc tính barem theo cái, trong đó đã bao gồm thuế VAT theo quy định nhà nước và chi phí vận chuyển đến nhà máy bên mua (trừ các trường hợp có thỏa thuận riêng và được thể hiện bằng văn bản)

Điều 2: CHẤT LƯỢNG VÀ CÁC YÊU CẦU KỸ THUẬT

- Sắt thép, mặt bích, phôi bích, măng xông, thép tấm, tấp nổi , do Bên B cung cấp phải đảm bảo các yêu cầu cụ thể của Bên A theo từng đơn đặt hàng, được thể hiện qua bản vẽ hoặc yêu cầu cụ thể bên A gửi cho bên B.
- Sản phẩm được bên A nghiệm thu về số lượng, chất lượng, nếu hàng hóa không đạt chất lượng và các yêu cầu kỹ thuật (được quy định trong điều 2 của hợp đồng), bên A có quyền trả lại hàng cho bên B và Bên B phải có trách nhiệm giao bù lại số hàng lỗi cho bên A.
 - . **Đối với thép tấm nguyên khổ thì theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất .**
 - . **Đối với các loại sắt thép gia công theo bản vẽ thì căn cứ vào các yêu cầu kỹ thuật của bên A đưa ra .**

Điều 3: CÁCH THỨC ĐẶT HÀNG VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

Bên A gửi đơn đặt hàng cho Bên B qua **Zalo/email /điện thoại/viber** với đầy đủ các thông tin về quy cách hàng hóa và số lượng yêu cầu khi có nhu cầu được cung cấp hàng hóa. Đơn đặt hàng phải kèm bản vẽ chi tiết mặt bích kích cỡ theo yêu cầu để làm căn cứ Bên B sản xuất.

- Sau khi nhận được đơn hàng của Bên A, Bên B kiểm tra khả năng cung cấp, và gửi lại cho Bên A xác nhận đơn hàng qua fax hoặc email, điện thoại. Trong bảng báo giá/xác nhận đơn hàng thể hiện rõ giá, thời gian giao hàng, phương cách thanh toán.
- Trong trường hợp giao hàng trễ so với thời hạn quy định, Bên B phải thông báo ngay cho Bên A biết và phải chịu phạt 0.5 %/giá trị đơn hàng/ngày trễ hạn. Tuy

nhiên, thời hạn trễ hạn này không được quá 10 ngày. Quá thời hạn này, Bên A có quyền không nhận hàng, xem xét chấm dứt hợp đồng và yêu cầu Bên B bồi thường thiệt hại nếu có ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất của Bên A.

Điều 4: ĐỊA ĐIỂM, PHƯƠNG THỨC GIAO NHẬN

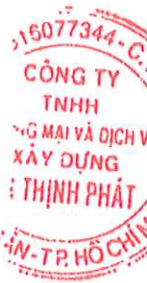
- Giao nhận hàng tại kho vật tư của Bên A hoặc bên B tùy thuộc vào từng đơn hàng cụ thể.
- Trước khi chuyển hàng đến kho của Bên A, Bên B phải thông báo trước cho Bên biết trước ít nhất 1 ngày để Bên A chuẩn bị kho bãi, sắp xếp nhân viên bốc dỡ hàng hóa.
- Khi hàng hóa đến kho của Bên A, người phụ trách Bên A có nghĩa vụ kiểm hàng, xác nhận số lượng, chất lượng, quy cách, mẫu mã hàng hóa trước khi nhập kho. Sau khi kiểm tra, đại diện Bên A phải ký vào Biên bản giao nhận hàng, trong đó xác nhận về hàng hóa theo thỏa thuận. Trường hợp Bên A kiểm tra hàng hóa giao không đúng, không đủ theo thỏa thuận thì có quyền lập biên bản, từ chối nhận hàng nếu như các bên không có thỏa thuận nào khác.
- Hàng được hai bên xác định bằng cách đếm số cái, nếu hàng được bán theo cái. Hoặc cân điện tử tại kho hàng của Bên A, nếu hàng được bán theo cân.
- Việc vận chuyển hàng hóa, vào ra kho của Bên A phải tuân thủ quy định của Bên A.

Điều 5: GIÁ CẢ HỢP ĐỒNG

- Sau khi bên A gửi bản vẽ cho bên B qua **Zalo/email /điện thoại/viber**, Bên B kiểm tra bản vẽ và gửi lại báo giá cho bên A qua zalo hoặc email, điện thoại. Bên A đồng ý mua hàng sẽ làm đơn đặt hàng ghi rõ số lượng, đơn giá và yêu cầu kỹ thuật gửi lại cho bên B qua Email, zalo, điện thoại.
- Giá cả được thể hiện đúng trên Hóa đơn bán hàng theo quy định của nhà nước.
- Hóa đơn GTGT do bên B cung cấp phải là hóa đơn hợp pháp và có hiệu lực. Bên B sẽ chịu toàn bộ trách nhiệm nếu có sai sót hoặc vi phạm pháp luật về hóa đơn mình xuất.

Điều 6: THANH TOÁN HỢP ĐỒNG

- Bên A thanh toán cho bên B 100% giá trị đơn hàng trong vòng từ 1-30 ngày kể từ ngày bên A nhận được hàng và hóa đơn hợp lệ.



- Hình thức thanh toán: Chuyển khoản hoặc tiền mặt.
- Đồng tiền thanh toán: Đồng Việt Nam (VND).

Điều 7: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

- Thông báo gửi bản vẽ, gửi đơn đặt hàng và kế hoạch nhận hàng cho Bên B bằng văn bản (Zalo).
- Cử người nhận hàng và xác nhận số lượng, tiêu chuẩn hàng hóa khi nhận hàng.
- Cử người bốc dỡ hàng hóa xuống xe chuyển vào kho.
- Thanh toán cho Bên B theo đúng Điều 5 và Điều 6 của hợp đồng này. Nếu Bên A thanh toán giá trị đơn hàng trễ (quá 15 ngày), Bên A sẽ phải trả thêm cho Bên B phần lãi trả chậm theo lãi suất quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tính trên số ngày thanh toán chậm.
- Có quyền trả lại, yêu cầu đổi những lô hàng không đúng quy cách, chất lượng, kỹ thuật được quy định trong Điều 2 của hợp đồng.
- Thanh toán đầy đủ cho bên B theo như thỏa thuận ở Điều 6 của hợp đồng.

Điều 8: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B

- Cung cấp hàng hóa cho Bên A đảm bảo số lượng và chất lượng, thời hạn theo yêu cầu.
- Trường hợp lô hàng mà Bên B giao cho Bên A không đáp ứng được các yêu cầu kỹ thuật theo TCVN hiện hành hoặc không đúng với quy cách mà Bên A đặt hàng, Bên A có quyền từ chối nhận hàng hoặc trả lại hàng đồng thời xem xét việc yêu cầu Bên B phải bồi thường thiệt hại do ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất của Bên A.
- Cử người có đủ năng lực và thẩm quyền để điều hành, giao dịch với Bên A trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng.
- Chịu trách nhiệm an toàn cho người, hàng hóa và phương tiện vận chuyển hàng hóa trong quá trình vận chuyển đến kho bên A.
- Có quyền dừng thực hiện đơn hàng và từ chối cung cấp lô hàng tiếp theo trong trường hợp bên A không thực hiện nghĩa vụ thanh toán như trong hợp đồng.
- Có quyền từ chối bảo hành và nhận lại các sản phẩm hỏng lỗi do bên A gây ra trong quá trình đưa vào gia công sản xuất.

- Nhận lại hàng hóa bị bên A gửi trả trở về theo thỏa thuận hợp đồng này. Nếu hàng lỗi do bên nào thì chi phí có liên quan do bên đó tự chịu, bao gồm cả chi phí bốc dỡ hàng hóa, vận chuyển.
- Không được chuyển nhượng hợp đồng này cho bất kỳ bên nào khác khi chưa có sự đồng ý của Bên A.
- Cung cấp hóa đơn tài chính hợp lệ cho Bên A.

Điều 9: BẢO MẬT THÔNG TIN:

- Bên B và bên A không được tiết lộ cho bên doanh nghiệp thứ 3 các thông tin mật như: giá cả, khối lượng giao dịch, bản vẽ thiết kế, thông tin điều khoản hợp đồng.
- Không liên minh, thông đồng với doanh nghiệp khác xâm hại lợi ích kinh tế các bên.

Điều 10: TRANH CHẤP VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- Nếu có vướng mắc trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên chủ động bàn bạc để tháo gỡ và thương lượng giải quyết.
- Trường hợp không đạt được thỏa thuận giữa các bên, việc giải quyết tranh chấp sẽ được tiến hành theo quy định của pháp luật thông qua Tòa án có thẩm quyền. Mọi chi phí có liên quan do bên thua kiện chịu.

Điều 11: BẤT KHẢ KHÁNG

Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như động đất, bão, lũ, sóng thần, lở đất, hỏa hoạn, chiến tranh hoặc có nguy cơ xảy ra chiến tranh... và các thảm họa khác chưa lường hết được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt hợp đồng. Khi có sự kiện bất khả kháng xảy ra, bên bị ảnh hưởng phải có nghĩa vụ thông báo ngay cho bên còn lại, đồng thời bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

- Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.



- Thông báo ngay cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 01 ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng. Sau khi sự kiện bất khả kháng chấm dứt, bên bị ảnh hưởng phải ngay lập tức tiếp tục thực hiện nghĩa vụ của mình theo nội dung mà hai bên đã thỏa thuận với nhau.

Trường hợp bất khả kháng kéo dài hơn 10 ngày, các bên có quyền thỏa thuận lại việc chấm dứt hay tiếp tục thực hiện hợp đồng để đảm bảo kế hoạch sản xuất hoạt động của các bên.

Điều 12: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng.
- Trong trường hợp có thay đổi hoặc phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, hai bên thương thảo ký kết Phụ lục Hợp đồng cho phần thay đổi hoặc phát sinh này. Mọi quyết định đơn phương đều bị xem là hành vi vi phạm hợp đồng và phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bên bị vi phạm.
- Hợp đồng này có thời hạn từ ngày ký, có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến **31/12/2026**. Sau khi hết hạn hợp đồng, nếu có nhu cầu, các bên có quyền thỏa thuận để gia hạn hợp đồng. Trường hợp không gia hạn thì trong vòng 30 ngày sau khi hết hạn hợp đồng, các bên thanh toán hết mọi nghĩa vụ liên quan và hợp đồng đương nhiên được thanh lý.
- Các bên có quyền yêu cầu chấm dứt hợp đồng trước thời hạn nhưng phải báo trước cho bên kia biết trước ít nhất 5 ngày. Việc đơn phương chấm dứt hợp đồng mà không thông báo cho bên kia biết, không có lý do chính đáng thì sẽ bị coi là vi phạm hợp đồng và chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bên kia nếu có.
- Hợp đồng được lập thành bốn (04) bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ hai (02) bản và Bên B giữ hai (02) bản.



ĐẠI DIỆN BÊN A

Nguyễn Hải Thanh



ĐẠI DIỆN BÊN B

Nhậm Thị Châu Hằng



8.2. Kết quả thử nghiệm thép



LAS - XD 265

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG HOÀ BÌNH
PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG**

Văn phòng GD: 964/1 Lò Gốm - Phường Bình Tiên - Tp. Hồ Chí Minh
Văn phòng GD và TN: 161B/81/2A Lạc Long Quân - Phường Bình Thới - Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại/Hotline: 0933137166
Email: Hoabinhlas265@gmail.com

Số: 05/01/26-5a/KQTN

Phiếu YCTN số: 020126-6a

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Trang: 1/1

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM KÉO CÁP

TEST RESULT OF MULTI-WIRE STEEL STRAND (PC STRAND)

Đơn vị yêu cầu/ Client : CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VIỆT THÁI AN
Hạng mục/ Item : Kiểm tra vật liệu đầu vào cọc bê tông ly tâm dự ứng lực
Loại mẫu/ Kind of bars : Thép dự ứng lực PC Bar 7.1 (03 thanh)
Tiêu chuẩn áp dụng/ Standards : TCVN 197:2014 & TCVN 1651:2018
Ngày nhận mẫu/ Date of received : 02/01/2026
Ngày thí nghiệm/ Date of tested : 05/01/2026

I. KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM KÉO / TENSILE TEST RESULT

Mẫu thử / Specimen			Thí nghiệm kéo / Tensile test				
Tên mẫu	Đ.Kính danh nghĩa	T. Diện thực đo	Lực Chảy	Ứng suất chảy	Lực bền	Ứng suất bền	Độ giãn dài trong đôi
Name of sample	Actual Diameter (mm)	Cross section (mm ²)	Force at yield point (KN)	Yield strength (MPa)	Maximum force (KN)	Tensile strength (MPa)	Percentage elongation (%)
PC Bar 7.1	7,1	39,59	58,25	1471,26	60,5	1528,09	14,2
	7,1	39,59	58,41	1475,30	60,7	1533,14	14,0
	7,1	39,59	58,74	1483,63	60,9	1538,19	13,9

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 01 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG HOÀ BÌNH

T. Phòng Thí Nghiệm
Laboratory

ĐD thí nghiệm
Tested by

Nguyễn Trọng Thái



KS. Bùi Minh Tân



Nguyễn Việt Chánh

Ghi chú/ Notice : 1. Mẫu do khách hàng cung cấp, kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử /

Specimens were supplied by client, test result is valid namely submitted specimens only

2. Các thông tin về mẫu, tên công trình, tên khách hàng, hạng mục do khách hàng cung cấp /

Information of specimens, project, client, item, were supplied by client



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG HOÀ BÌNH
PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG
Văn phòng GD: 964/1 Lò Gốm - Phường Bình Tiên - Tp. Hồ Chí Minh
Văn phòng GD và TN: 161B/81/2A Lạc Long Quân - Phường Bình Thới - Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại/Hotline: 0933137166
Email: Hoabinhlas265@gmail.com

Số: 05/01/26-3a/KQTN

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Trang: 1/1

Phiếu YCTN số: 020126-3a

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM KÉO VÀ UỐN THÉP
RESULT SHEET OF TENSILE TESTS AND BENT OF REBARS STEEL

Đơn vị yêu cầu/ Client : CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VIỆT THÁI AN
Hạng mục/ Item : Kiểm tra vật liệu đầu vào cọc bê tông ly tâm dự ứng lực
Loại mẫu/ Kind of bars : Thép đai Φ 3 (03 thanh)
Tiêu chuẩn áp dụng/ Standards : TCVN 197:2014
Ngày nhận mẫu/ Date of received : 02/01/2026
Ngày thí nghiệm/ Date of tested : 05/01/2026

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM KÉO / TENSILE TEST RESULT

Mẫu thử / Specimen			Thí nghiệm kéo / Tensile test				
Tên mẫu	Đ.Kính danh nghĩa	T. Diện thực đo	Lực Chảy	Ứng suất chảy	Lực bền	Ứng suất bền	Độ giãn dài tương đối
Name of sample	Actual Diameter (mm)	Cross section (mm ²)	Force at yield point (KN)	Yield strength (MPa)	Maximum force (KN)	Tensile strength (MPa)	Percentage elongation (%)
Thép đai Φ 3	3,0	7,07	4,15	587,10	5,0	707,35	16,9
	3,0	7,07	4,18	591,35	4,9	693,21	16,7
	3,0	7,07	4,12	582,86	4,8	679,06	17,1

TP.Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 01 năm 2026

CTY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG HOÀ BÌNH

ĐD thí nghiệm
Tested by

T. Phòng Thí Nghiệm
Laboratory

Tổng Giám Đốc
Director



Nguyễn Trọng Thái

KS. Bùi Minh Tân

Nguyễn Việt Chánh

Ghi chú/ Notice : 1. Mẫu do khách hàng cung cấp, kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử /

Specimens were supplied by client, test result is valid namely submitted specimens only

2. Các thông tin về mẫu, tên công trình, tên khách hàng, hạng mục do khách hàng cung cấp /

Information of specimens, project, client, item, were supplied by client



LAS - XD 265

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG HOÀ BÌNH
PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG**

Văn phòng GD: 964/1 Lò Gốm - Phường Bình Tiên - Tp. Hồ Chí Minh
Văn phòng GD và TN: 161B/81/2A Lạc Long Quân - Phường Bình Thới - Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại/Hotline: 0933137166
Email: Hoabinhlas265@gmail.com

Số: 05/01/26-6a/KQTN

Phiếu YCTN số: 020126-7a

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Trang: 1/1

**KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÉP TẮM
RESULTS OF STEEL TESTING**

Đ.vị cung cấp/Supplier : CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VIỆT THÁI AN

Hạng mục / Items : Kiểm tra vật liệu đầu vào cọc bê tông ly tâm

Loại mẫu / Kind of bars : Thép tấm 10mm, 12mm (03 thanh/loại)

Tiêu chuẩn áp dụng / Standards : TCVN 197-2014, TCVN 198-2008, JIS G3101

Ngày nhận mẫu / Date of received : 02/01/2026

Ngày thí nghiệm / Date of tested : 05/01/2026

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM KÉO THÉP TẮM / TENSILE TEST RESULT

Tên mẫu	Kích thước mẫu thử		DT mặt cắt ngang	Lực kéo chảy	Ứng suất chảy	Lực kéo đứt	Ứng suất bền	Độ giãn dài tương đối khi kéo đứt
	Đày	Rộng						
Mark of sample	Dimensions		Cross section	Force at yield point	Yield strength	Maximum force	Tensile strength	Percentage elongation
	Thick	Width						
	mm		mm ²	KN	MPa	KN	MPa	%
Thép tấm 12 mm	12,0	40,11	481,4	156,82	325,8	229,4	476,6	25,68%
	12,0	40,09	481,1	155,31	322,8	228,7	475,4	25,86%
	12,0	40,08	480,9	157,16	326,8	229,8	477,8	25,60%
Thép tấm 10 mm	10,0	40,15	401,5	131,45	327,4	186,2	463,7	24,91%
	10,0	40,35	403,5	130,27	322,8	187,8	465,4	25,64%
	10,0	40,35	403,5	133,11	329,9	190,3	471,6	25,55%

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 01 năm 2026

CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG HOÀ BÌNH

ĐD thí nghiệm
Tested by

Nguyễn Trọng Thái

T. Phòng Thí Nghiệm
Laboratory



KS. Bùi Minh Tân



Nguyễn Việt Chánh

Ghi chú/ Notice :

- Mẫu do khách hàng cung cấp, kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử /
- Các thông tin về mẫu, tên công trình, tên khách hàng, hạng mục do khách hàng cung cấp /



9. Kết quả thử nghiệm uốn cọc



LAS - XD 265

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG HÒA BÌNH
PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG**

Văn phòng GD: 964/1 Lò Gốm - Phường 8 - Quận 6 - Tp. Hồ Chí Minh
Văn phòng GD và TN: 161B/81/2A Lạc Long Quân - Phường 3 - Quận 11 - Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại : 0862712262 - Hotline: 0933137166
Email: Hoabinhlas265@gmail.com

BÁO CÁO THÍ NGHIỆM ĐỘ BỀN UỖN NỨT THÂN CỌC BÊ TÔNG LY TÂM ỨNG SUẤT TRƯỚC (PHC) D300 mm

Công trình : KIỂM TRA SẢN XUẤT
Địa điểm : Nhà máy cọc công ty TNHH đầu tư Việt Thái An
Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VIỆT THÁI AN
Đơn vị cung cấp : CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VIỆT THÁI AN
Hạng mục : Cọc bê tông ly tâm dự ứng lực PHC300A
Mác BT thiết kế: 80 Mpa R7 (Độ sụt: 4±2cm)



Mục đích TN : KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM CỌC BÊ TÔNG LY TÂM ỨNG LỰC TRƯỚC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 7888: 2014

Loại cấu kiện : Cọc PHC300A- L=10m

Loại cấp tải cọc: Loại A

Số lượng kiểm tra : 02 cọc

Đơn vị thí nghiệm : CÔNG TY CP TV TK KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG HÒA BÌNH

Địa chỉ: 964/1, Lò Gốm, P8, Q6, TP.HCM

MST: 0314265825 – ĐT: 0933137166 – Fax: 02862712262



LAS - XD 265

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG HÒA BÌNH
PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG**

Văn phòng GD: 964/1 Lò Gốm - Phường 8 - Quận 6 - Tp. Hồ Chí Minh
Văn phòng GD và TN: 161B/81/2A Lạc Long Quân - Phường 3 - Quận 11 - Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại : 0862712262 - Hotline: 0933137166

Email: Hoabinhlas265@gmail.com

BÁO CÁO THÍ NGHIỆM ĐỘ BỀN UỐN NÚT THÂN CỌC BÊ TÔNG LY TÂM ỨNG SUẤT TRƯỚC (PHC) D300 mm

Công trình : KIỂM TRA SẢN XUẤT

Địa điểm : Nhà máy cọc công ty TNHH đầu tư Việt Thái An

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VIỆT THÁI AN

Đơn vị cung cấp : CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VIỆT THÁI AN

Hạng mục : Cọc bê tông ly tâm dự ứng lực PHC300A

Mác BT thiết kế: 80 Mpa R7 (Độ sụt: 4±2cm)

Mục đích TN : KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM CỌC BÊ TÔNG LY TÂM ỨNG LỰC TRƯỚC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 7888: 2014

Loại cấu kiện : Cọc PHC300A- L=10m

Loại cấp tải cọc: Loại A

Số lượng kiểm tra : 02 cọc

Đơn vị thí nghiệm : CÔNG TY CP TV TK KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG HÒA BÌNH

Địa chỉ: 964/1, Lò Gốm, P8, Q6, TP.HCM

MST: 0314265825 – ĐT: 0933137166 – Fax: 02862712262

Tp Hồ Chí Minh, Ngày 08 tháng 11 năm 2025

Thí nghiệm viên

Trưởng phòng thí nghiệm

Tổng giám đốc



Nguyễn Trọng Thái

KS. Bùi Minh Tân

Nguyễn Việt Chánh



**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG HÒA BÌNH
PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG**

Văn phòng GD: 964/1 Lò Gốm - Phường 8 - Quận 6 - Tp. Hồ Chí Minh
Văn phòng GD và TN: 161B/81/2A Lạc Long Quân - Phường 3 - Quận 11 - Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại : 0862712262 - Hotline: 0933137166
Email: Hoabinhlas265@gmail.com

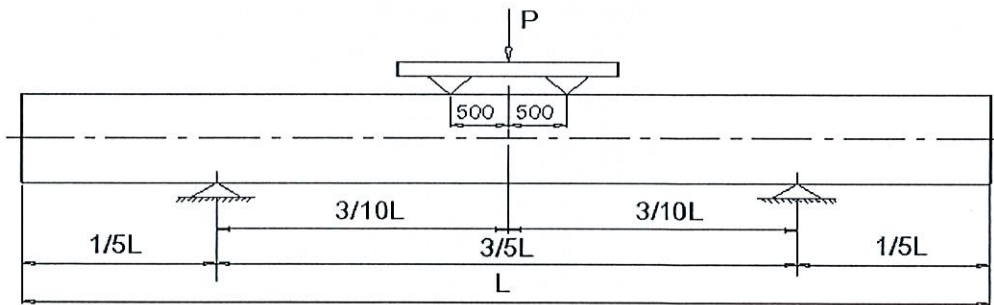
Số KQTN: 08/11/25-1a/KQTN

Số PYC : 071125-1a

**KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM MOMENT KHÁNG UỐN CỌC
BÊ TÔNG LY TÂM DỰ ỨNG LỰC**



- Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VIỆT THÁI AN
 - Hạng mục : Cọc bê tông ly tâm dự ứng lực
 - Số lượng kiểm tra : 02 cọc
 - Nội dung kiểm tra : Thí nghiệm độ bền uốn nứt thân cọc và kiểm tra ngoại quan
 - Địa điểm kiểm tra : Nhà máy sản xuất cọc
 - Ngày kiểm tra : 08/11/2025
 - Cấu kiện kiểm tra:
 - Thân cọc bê tông ly tâm ứng suất trước, ký hiệu mẫu: **PHC300A – 10 m; MSC: 01B** (Sản xuất ngày 01/11/2025).
 - Thân cọc bê tông ly tâm ứng suất trước, ký hiệu mẫu: **PHC300A – 10 m; MSC: 01N** (Sản xuất ngày 01/11/2025).
 - Điều kiện kiểm tra :
 - Mẫu thử, chỉ tiêu thử nghiệm và phương pháp thử được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng;
 - Moment uốn gây nứt thân cọc PHC300A không nhỏ hơn 24.5kN.m
 - Căn cứ kiểm tra :
 - Yêu cầu kiểm tra của CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VIỆT THÁI AN
 - TCVN 7888 – 2014 : Cọc bê tông ly tâm ứng lực trước.
 - Việc thử nghiệm được thực hiện theo sơ đồ sau :
- Sơ đồ thử nghiệm moment uốn nứt thân cọc.



Ghi chú ; L : Chiều dài cọc (mm) ; P : Tải trọng uốn (T)

- Thiết bị thử nghiệm chính:
 - Kích thủy lực 200 KN, vạch chia 0.01kN;
 - Thước thép 20 m, có vạch chia 1 mm;
 - Bộ căn lá từ 0,02 mm tới 1,00 mm;



**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG HÒA BÌNH
PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG**

Văn phòng GD: 964/1 Lò Gốm - Phường 8 - Quận 6 - Tp. Hồ Chí Minh
Văn phòng GD và TN: 161B/81/2A Lạc Long Quân - Phường 3 - Quận 11 - Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại : 0862712262 - Hotline: 0933137166
Email: Hoabinhlas265@gmail.com

- Thước cặp dài 300 mm, vạch chia 0,05 mm;
- Đồng hồ so có thang đo 50 mm, vạch chia 0,01 mm.
- **Kết quả thử nghiệm.**

1.1 Kích thước cơ bản.

a) PHC300A – 10.0m; MSC: 01B (Sản xuất ngày 01/11/2025)

Tên chỉ tiêu	Yêu cầu ⁽¹⁾	Kết quả thử nghiệm	Đánh giá
Chiều dài (mm)	10000 ⁺³⁰ / ₋₃₀	10005	Đạt
Chiều dày (mm)	60 ₋₀ ^{+ không xác định}	66	Đạt
Đường kính ngoài (mm)	300 ⁺⁵ / ₋₂	301	Đạt

b) PHC300A – 10.0m; MSC: 01N (Sản xuất ngày 01/11/2025)

Tên chỉ tiêu	Yêu cầu ⁽¹⁾	Kết quả thử nghiệm	Đánh giá
Chiều dài (mm)	10000 ⁺³⁰ / ₋₃₀	10003	Đạt
Chiều dày (mm)	60 ₋₀ ^{+ không xác định}	65	Đạt
Đường kính ngoài (mm)	300 ⁺⁵ / ₋₂	302	Đạt

Ghi chú: ⁽¹⁾ Yêu cầu này được qui định tại bảng 3 mục 6.3.2 TCVN 7888 – 2014

1.2 Thử uốn tại moment gây nứt

a) PHC300A – 10.0m; MSC: 01B (Sản xuất ngày 01/11/2025)

Mức gia tải % P	Moment thử uốn (kN.m)	Lực thử uốn (kN)	Độ võng tại điểm giữa cọc (mm)	Bề rộng vết nứt lớn nhất (mm)	Số lượng vết nứt xuất hiện
40	9.8	8.1	4.53	0	0
60	14.7	12.1	5.79	0	0
80	19.6	16.1	6.82	0	0
90	22.1	18.1	7.53	0	0
100	24.5	20.1	8.16	0	0
Xả tải	0.00	0	0.39		



**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG HÒA BÌNH
PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG**

Văn phòng GD: 964/1 Lò Gốm - Phường 8 - Quận 6 - Tp. Hồ Chí Minh
Văn phòng GD và TN: 161B/81/2A Lạc Long Quân - Phường 3 - Quận 11 - Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại : 0862712262 - Hotline: 0933137166
Email: Hoabinhlas265@gmail.com

XD
LAS 265

b) PHC300A – 10.0m; MSC: 01N (Sản xuất ngày 01/11/2025)

Mức gia tải % P	Moment thử uốn (kN.m)	Lực thử uốn (kN)	Độ võng tại điểm giữa cọc (mm)	Bề rộng vết nứt lớn nhất (mm)	Số lượng vết nứt xuất hiện
40	9.8	8.1	4.48	0	0
60	14.7	12.1	5.81	0	0
80	19.6	16.1	6.76	0	0
90	22.1	18.1	7.55	0	0
100	24.5	20.1	8.20	0	0
Xả tải	0.00	0	0.38		

1.3 Đánh giá kết quả.

Momen uốn	Kết quả thử nghiệm		Yêu cầu ⁽²⁾	Đánh giá
Moment gây nứt	PHC300A – 10.0m; MSC: 01B (Sản xuất ngày 01/11/2025)	Không nứt	Bề rộng vết nứt <0.1mm	Đạt
	PHC300A – 10.0m; MSC: 01N (Sản xuất ngày 01/11/2025)	Không nứt	Bề rộng vết nứt <0.1mm	Đạt

Ghi chú : ⁽²⁾ Yêu cầu này được qui định tại 6.6 TCVN 7888 – 2014



LAS - XD 265

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG HÒA BÌNH
PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG**

Văn phòng GD: 964/1 Lò Gốm - Phường 8 - Quận 6 - Tp. Hồ Chí Minh
Văn phòng GD và TN: 161B/81/2A Lạc Long Quân - Phường 3 - Quận 11 - Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại : 0862712262 - Hotline: 0933137166
Email: Hoabinhlas265@gmail.com

**BÁO CÁO THÍ NGHIỆM ĐỘ BỀN UỖN NỨT THÂN CỌC BÊ
TÔNG LY TÂM ỨNG SUẤT TRƯỚC (PHC) D350 mm**

Công trình : KIỂM TRA SẢN XUẤT
Địa điểm : Nhà máy cọc công ty TNHH đầu tư Việt Thái An
Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VIỆT THÁI AN
Đơn vị cung cấp : CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VIỆT THÁI AN
Hạng mục : Cọc bê tông ly tâm dự ứng lực PHC350A
Mác BT thiết kế: 80 Mpa R7 (Độ sụt: 4±2cm)



Mục đích TN : KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM CỌC BÊ TÔNG LY TÂM ỨNG LỰC TRƯỚC
Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 7888: 2014
Loại cấu kiện : Cọc PHC350A- L=10m
Loại cấp tải cọc: Loại A
Số lượng kiểm tra : 02 cọc
Đơn vị thí nghiệm : CÔNG TY CP TV TK KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG HÒA BÌNH
Địa chỉ: 964/1, Lò Gốm, P8, Q6, TP.HCM
MST: 0314265825 – ĐT: 0933137166 – Fax: 02862712262



**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG HÒA BÌNH
PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG**

Văn phòng GD: 964/1 Lò Gốm - Phường 8 - Quận 6 - Tp. Hồ Chí Minh

Văn phòng GD và TN: 161B/81/2A Lạc Long Quân - Phường 3 - Quận 11 - Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại : 0862712262 - Hotline: 0933137166

Email: Hoabinhlas265@gmail.com

BÁO CÁO THÍ NGHIỆM ĐỘ BỀN UỐN NỨT THÂN CỌC BÊ TÔNG LY TÂM ỨNG SUẤT TRƯỚC (PHC) D350 mm

Công trình : KIỂM TRA SẢN XUẤT

Địa điểm : Nhà máy cọc công ty TNHH đầu tư Việt Thái An

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VIỆT THÁI AN

Đơn vị cung cấp : CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VIỆT THÁI AN

Hạng mục : Cọc bê tông ly tâm dự ứng lực PHC350A

Mác BT thiết kế: 80 Mpa R7 (Độ sụt: 4±2cm)

Mục đích TN : KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM CỌC BÊ TÔNG LY TÂM ỨNG LỰC TRƯỚC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 7888: 2014

Loại cấu kiện : Cọc PHC350A- L=10m

Loại cấp tải cọc: Loại A

Số lượng kiểm tra : 02 cọc

Đơn vị thí nghiệm : CÔNG TY CP TV TK KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG HÒA BÌNH

Địa chỉ: 964/1, Lò Gốm, P8, Q6, TP.HCM

MST: 0314265825 – **ĐT**: 0933137166 – **Fax**: 02862712262

Tp Hồ Chí Minh, Ngày 08 tháng 11 năm 2025

Thí nghiệm viên

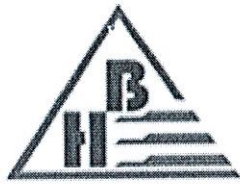
Nguyễn Trọng Thái

Trưởng phòng thí nghiệm

KS. Bùi Minh Tân



Nguyễn Việt Chánh



LAS - XD 265

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG HÒA BÌNH
PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG**

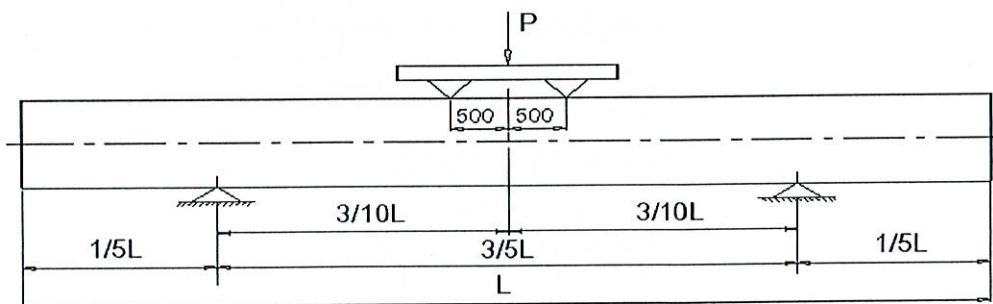
Văn phòng GD: 964/1 Lò Gốm - Phường 8 - Quận 6 - Tp. Hồ Chí Minh
Văn phòng GD và TN: 161B/81/2A Lạc Long Quân - Phường 3 - Quận 11 - Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại : 0862712262 - Hotline: 0933137166
Email: Hoabinhlas265@gmail.com

Số KQTN: 08/11/25-2a/KQTN
Số PYC : 071125-2a

**KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM MOMENT KHÁNG UỐN CỌC
BÊ TÔNG LY TÂM DỰ ỨNG LỰC**



- Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VIỆT THÁI AN
 - Hạng mục : Cọc bê tông ly tâm dự ứng lực
 - Số lượng kiểm tra : 02 cọc
 - Nội dung kiểm tra : Thí nghiệm độ bền uốn nứt thân cọc và kiểm tra ngoại quan
 - Địa điểm kiểm tra : Nhà máy sản xuất cọc
 - Ngày kiểm tra : 08/11/2025
 - Cấu kiện kiểm tra:
 - Thân cọc bê tông ly tâm ứng suất trước, ký hiệu mẫu: **PHC350A – 10 m; MSC: 01B** (Sản xuất ngày 01/11/2025).
 - Thân cọc bê tông ly tâm ứng suất trước, ký hiệu mẫu: **PHC350A – 10 m; MSC: 01N** (Sản xuất ngày 01/11/2025).
 - Điều kiện kiểm tra :
 - Mẫu thử, chỉ tiêu thử nghiệm và phương pháp thử được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng;
 - Moment uốn gây nứt thân cọc PHC350A không nhỏ hơn 34.3kN.m
 - Căn cứ kiểm tra :
 - Yêu cầu kiểm tra của CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VIỆT THÁI AN
 - TCVN 7888 – 2014 : Cọc bê tông ly tâm ứng lực trước.
 - Việc thử nghiệm được thực hiện theo sơ đồ sau :
- Sơ đồ thử nghiệm moment uốn nứt thân cọc.



Ghi chú ; L : Chiều dài cọc (mm) ; P : Tải trọng uốn (T)

- Thiết bị thử nghiệm chính:
 - Kích thủy lực 200 KN, vạch chia 0.01kN;
 - Thước thép 20 m, có vạch chia 1 mm;
 - Bộ căn lá từ 0,02 mm tới 1,00 mm;



**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG HÒA BÌNH
PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG**

Văn phòng GD: 964/1 Lò Gốm - Phường 8 - Quận 6 - Tp. Hồ Chí Minh
Văn phòng GD và TN: 161B/81/2A Lạc Long Quân - Phường 3 - Quận 11 - Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại : 0862712262 - Hotline: 0933137166
Email: Hoabinhlas265@gmail.com

- Thước cặp dài 300 mm, vạch chia 0,05 mm;
- Đồng hồ so có thang đo 50 mm, vạch chia 0,01 mm.
- **Kết quả thử nghiệm.**



1.1 Kích thước cơ bản.

a) PHC350A – 10.0m; MSC: 01B (Sản xuất ngày 01/11/2025)

Tên chỉ tiêu	Yêu cầu ⁽¹⁾	Kết quả thử nghiệm	Đánh giá
Chiều dài (mm)	10000 ⁺³⁰ / ₋₃₀	10002	Đạt
Chiều dày (mm)	65 ^{+ không xác định} / ₀	66	Đạt
Đường kính ngoài (mm)	350 ⁺⁵ / ₋₂	352	Đạt

b) PHC350A – 10.0m; MSC: 01N (Sản xuất ngày 01/11/2025)

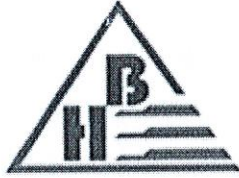
Tên chỉ tiêu	Yêu cầu ⁽¹⁾	Kết quả thử nghiệm	Đánh giá
Chiều dài (mm)	10000 ⁺³⁰ / ₋₃₀	10001	Đạt
Chiều dày (mm)	65 ^{+ không xác định} / ₀	65	Đạt
Đường kính ngoài (mm)	350 ⁺⁵ / ₋₂	350	Đạt

Ghi chú: ⁽¹⁾ Yêu cầu này được qui định tại bảng 3 mục 6.3.2 TCVN 7888 – 2014

1.2 Thử uốn tại moment gây nứt

a) PHC350A – 10.0m; MSC: 01B (Sản xuất ngày 01/11/2025)

Mức gia tải % P	Moment thử uốn (kN.m)	Lực thử uốn (kN)	Độ võng tại điểm giữa cọc (mm)	Bề rộng vết nứt lớn nhất (mm)	Số lượng vết nứt xuất hiện
40	13.7	9.8	3.86	0	0
60	20.6	14.6	4.55	0	0
80	27.4	19.2	5.62	0	0
90	30.9	22.0	6.21	0	0
100	34.3	24.4	7.03	0	0
Xả tải	0.00	0	0.35		



LAS - XD 265

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG HÒA BÌNH
PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG**

Văn phòng GD: 964/1 Lò Gốm - Phường 8 - Quận 6 - Tp. Hồ Chí Minh
Văn phòng GD và TN: 161B/81/2A Lạc Long Quân - Phường 3 - Quận 11 - Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại : 0862712262 - Hotline: 0933137166
Email: Hoabinhlas265@gmail.com

XD

LAS 265

b) PHC350A – 10.0m; MSC: 01N (Sản xuất ngày 01/11/2025)

Mức gia tải % P	Moment thử uốn (kN.m)	Lực thử uốn (kN)	Độ võng tại điểm giữa cọc (mm)	Bề rộng vết nứt lớn nhất (mm)	Số lượng vết nứt xuất hiện
40	13.7	9.8	3.91	0	0
60	20.6	14.6	4.66	0	0
80	27.4	19.2	5.73	0	0
90	30.9	22.0	6.44	0	0
100	34.3	24.4	7.15	0	0
Xả tải	0.00	0	0.37		

1.3 Đánh giá kết quả.

Momen uốn	Kết quả thử nghiệm		Yêu cầu ⁽²⁾	Đánh giá
Moment gây nứt	PHC350A – 10.0m; MSC: 01B (Sản xuất ngày 01/11/2025)	Không nứt	Bề rộng vết nứt <0.1mm	Đạt
	PHC350A – 10.0m; MSC: 01N (Sản xuất ngày 01/11/2025)	Không nứt	Bề rộng vết nứt <0.1mm	Đạt

Ghi chú : ⁽²⁾ Yêu cầu này được qui định tại 6.6 TCVN 7888 – 2014



LAS - XD 265

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG HÒA BÌNH
PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG**

Văn phòng GD: 964/1 Lò Gốm - Phường 8 - Quận 6 - Tp. Hồ Chí Minh

Văn phòng GD và TN: 161B/81/2A Lạc Long Quân - Phường 3 - Quận 11 - Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0862712262 - Hotline: 0933137166

Email: Hoabinhlas265@gmail.com

**BÁO CÁO THÍ NGHIỆM ĐỘ BỀN UỐN NÚT THÂN CỌC BÊ
TÔNG LY TÂM ỨNG SUẤT TRƯỚC (PHC) D400 mm**

Công trình : KIỂM TRA SẢN XUẤT

Địa điểm : Nhà máy cọc công ty TNHH đầu tư Việt Thái An

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VIỆT THÁI AN

Đơn vị cung cấp : CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VIỆT THÁI AN

Hạng mục : Cọc bê tông ly tâm dự ứng lực PHC400A

Mác BT thiết kế: 80 Mpa R7 (Độ sụt: 4±2cm)

Mục đích TN : KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM CỌC BÊ TÔNG LY TÂM ỨNG LỰC TRƯỚC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 7888: 2014

Loại cấu kiện : Cọc PHC400A- L=10m

Loại cấp tải cọc: Loại A

Số lượng kiểm tra : 02 cọc

Đơn vị thí nghiệm : CÔNG TY CP TV TK KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG HÒA BÌNH

Địa chỉ: 964/1, Lò Gốm, P8, Q6, TP.HCM

MST: 0314265825 – **ĐT**: 0933137166 – **Fax**: 02862712262





**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG HÒA BÌNH
PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG**

Văn phòng GD: 964/1 Lò Gốm - Phường 8 - Quận 6 - Tp. Hồ Chí Minh
Văn phòng GD và TN: 161B/81/2A Lạc Long Quân - Phường 3 - Quận 11 - Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại : 0862712262 - Hotline: 0933137166
Email: Hoabinhlas265@gmail.com

BÁO CÁO THÍ NGHIỆM ĐỘ BỀN UỐN NỨT THÂN CỌC BÊ TÔNG LY TÂM ỨNG SUẤT TRƯỚC (PHC) D400 mm

Công trình : KIỂM TRA SẢN XUẤT

Địa điểm : Nhà máy cọc công ty TNHH đầu tư Việt Thái An

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VIỆT THÁI AN

Đơn vị cung cấp : CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VIỆT THÁI AN

Hạng mục : Cọc bê tông ly tâm dự ứng lực PHC400A

Mức BT thiết kế: 80 Mpa R7 (Độ sụt: 4±2cm)

Mục đích TN : KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM CỌC BÊ TÔNG LY TÂM ỨNG LỰC TRƯỚC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 7888: 2014

Loại cấu kiện : Cọc PHC400A- L=10m

Loại cấp tải cọc: Loại A

Số lượng kiểm tra : 02 cọc

Đơn vị thí nghiệm : CÔNG TY CP TV TK KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG HÒA BÌNH

Địa chỉ: 964/1, Lò Gốm, P8, Q6, TP.HCM

MST: 0314265825 – **ĐT**: 0933137166 – **Fax**: 02862712262

Tp Hồ Chí Minh, Ngày 27 tháng 10 năm 2025

Thí nghiệm viên

Nguyễn Trọng Thái

Trưởng phòng thí nghiệm



KS. Bùi Minh Tân



Nguyễn Việt Chánh



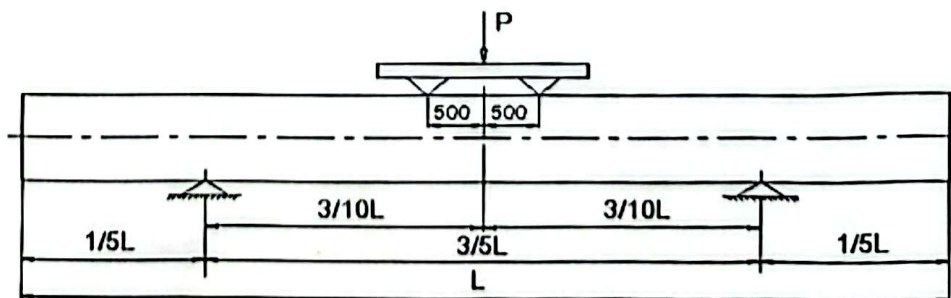
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG HÒA BÌNH
PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG
Văn phòng GD: 964/1 Lò Gốm - Phường 8 - Quận 6 - Tp. Hồ Chí Minh
Văn phòng GD và TN: 161B/81/2A Lạc Long Quân - Phường 3 - Quận 11 - Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại : 0862712262 - Hotline: 0933137166
Email: Hoabinhlas265@gmail.com

Số KQTN: 27/10/25-1a/KQTN
Số PYC : 261025-1a

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM MOMENT KHÁNG UỐN CỌC BÊ TÔNG LY TÂM DỰ ỨNG LỰC



- Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VIỆT THÁI AN
 - Hạng mục : Cọc bê tông ly tâm dự ứng lực
 - Số lượng kiểm tra : 02 cọc
 - Nội dung kiểm tra : Thí nghiệm độ bền uốn nứt thân cọc và kiểm tra ngoại quan
 - Địa điểm kiểm tra : Nhà máy sản xuất cọc
 - Ngày kiểm tra : 27/10/2025
 - Cấu kiện kiểm tra:
 - Thân cọc bê tông ly tâm ứng suất trước, ký hiệu mẫu: PHC400A – 10 m; MSC: 01B (Sản xuất ngày 20/10/2025).
 - Thân cọc bê tông ly tâm ứng suất trước, ký hiệu mẫu: PHC400A – 10 m; MSC: 01N (Sản xuất ngày 20/10/2025).
 - Điều kiện kiểm tra :
 - Mẫu thử, chỉ tiêu thử nghiệm và phương pháp thử được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng;
 - Moment uốn gây nứt thân cọc PHC400A không nhỏ hơn 54.0kN.m
 - Căn cứ kiểm tra :
 - Yêu cầu kiểm tra của CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VIỆT THÁI AN
 - TCVN 7888 – 2014 : Cọc bê tông ly tâm ứng lực trước.
 - Việc thử nghiệm được thực hiện theo sơ đồ sau :
- Sơ đồ thử nghiệm moment uốn nứt thân cọc.



Ghi chú ; L : Chiều dài cọc (mm) ; P : Tải trọng uốn (T)

- Thiết bị thử nghiệm chính:
 - Kích thủy lực 200 KN, vạch chia 0.01kN;
 - Thước thép 20 m, có vạch chia 1 mm;
 - Bộ căn lá từ 0,02 mm tới 1,00 mm;



LAS - XD 265

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG HÒA BÌNH
PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG**

Văn phòng GD: 964/1 Lò Gốm - Phường 8 - Quận 6 - Tp. Hồ Chí Minh

Văn phòng GD và TN: 161B/81/2A Lạc Long Quân - Phường 3 - Quận 11 - Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0862712262 - Hotline: 0933137166

Email: Hoabinhlas265@gmail.com

- Thước cặp dài 300 mm, vạch chia 0,05 mm;
- Đồng hồ so có thang đo 50 mm, vạch chia 0,01 mm.
- Kết quả thử nghiệm.

1.1 Kích thước cơ bản.

a) PHC400A – 10.0m; MSC: 01B (Sản xuất ngày 20/10/2025)

Tên chỉ tiêu	Yêu cầu ⁽¹⁾	Kết quả thử nghiệm	Đánh giá
Chiều dài (mm)	10000 ⁺³⁰ / ₋₃₀	10004	Đạt
Chiều dày (mm)	75 ^{+ không xác định} / ₀	77	Đạt
Đường kính ngoài (mm)	400 ⁺⁵ / ₋₂	401	Đạt

b) PHC400A – 10.0m; MSC: 01N (Sản xuất ngày 20/10/2025)

Tên chỉ tiêu	Yêu cầu ⁽¹⁾	Kết quả thử nghiệm	Đánh giá
Chiều dài (mm)	10000 ⁺³⁰ / ₋₃₀	10002	Đạt
Chiều dày (mm)	75 ^{+ không xác định} / ₀	75	Đạt
Đường kính ngoài (mm)	400 ⁺⁵ / ₋₂	402	Đạt

Ghi chú: ⁽¹⁾ Yêu cầu này được qui định tại bảng 3 mục 6.3.2 TCVN 7888 – 2014

1.2 Thử uốn tại moment gây nứt thân cọc.

a) PHC400A – 10.0m; MSC: 01B (Sản xuất ngày 20/10/2025)

Mức gia tải % P	Moment thử uốn (kN.m)	Lực thử uốn (kN)	Độ võng tại điểm giữa cọc (mm)	Bề rộng vết nứt lớn nhất (mm)	Số lượng vết nứt xuất hiện
40	21.6	15.7	5.27	0	0
60	32.4	23.6	6.51	0	0
80	43.2	31.4	7.40	0	0
90	48.6	35.4	8.35	0	0
100	54.0	39.3	9.12	0	0
Xả tải	0.00	0	0.38		



LAS - XD 265

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG HÒA BÌNH
PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Văn phòng GD: 964/1 Lò Gốm - Phường 8 - Quận 6 - Tp. Hồ Chí Minh

Văn phòng GD và TN: 161B/81/2A Lạc Long Quân - Phường 3 - Quận 11 - Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại : 0862712262 - Hotline: 0933137166

Email: Hoabinhlas265@gmail.com

XD

LAS 265

b) PHC400A – 10.0m; MSC: 01N (Sản xuất ngày 20/10/2025)

Mức gia tải % P	Moment thử uốn (kN.m)	Lực thử uốn (kN)	Độ võng tại điểm giữa cọc (mm)	Bề rộng vết nứt lớn nhất (mm)	Số lượng vết nứt xuất hiện
40	21.6	15.7	5.14	0	0
60	32.4	23.6	6.53	0	0
80	43.2	31.4	7.64	0	0
90	48.6	35.4	8.26	0	0
100	54.0	39.3	9.24	0	0
Xả tải	0.00	0	0.41		

1.3 Đánh giá kết quả.

Momen uốn	Kết quả thử nghiệm		Yêu cầu ⁽²⁾	Đánh giá
Moment gây nứt	PHC400A – 10.0m; MSC: 01B (Sản xuất ngày 20/10/2025)	Không nứt	Bề rộng vết nứt <0.1mm	Đạt
	PHC400A – 10.0m; MSC: 01N (Sản xuất ngày 20/10/2025)	Không nứt	Bề rộng vết nứt <0.1mm	Đạt

Ghi chú : ⁽²⁾ Yêu cầu này được qui định tại 6.6 TCVN 7888 – 2014